XUÂN

KỶ MÃO

1999

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

TƯỞNG NIỆM BÙI GIÁNG

SỐ 44 XUÂN KỶ MÃO • THÁNG 12/98 & 1/99



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com
Internet: http://www.kicon.com/hopluu

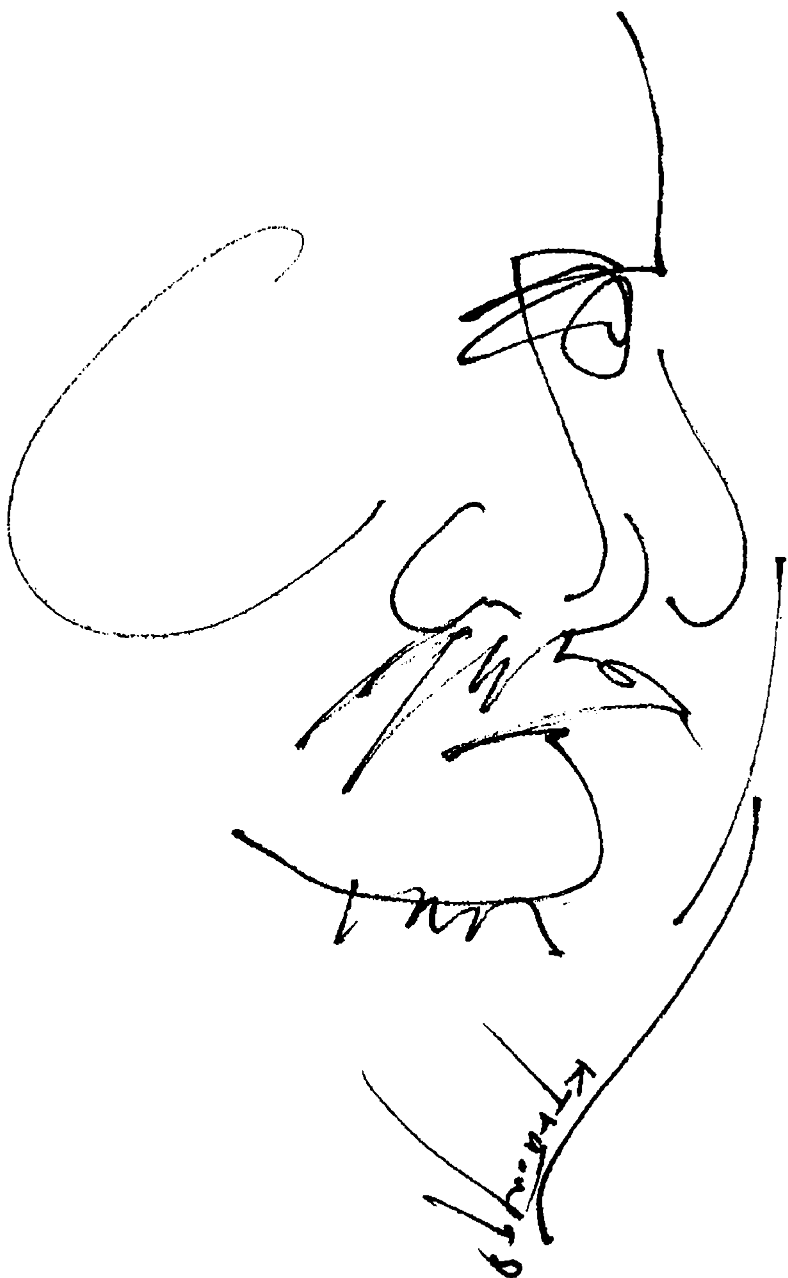
Phát hành mỗi 2 tháng • Số 44 tháng 12/98 & tháng 1/99

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Thể lệ gửi bài:

Kèn theo bài xin ghi dịa chỉ, số điện thoại. Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Gửi bài qua email xin sử dụng địa chỉ hopluu@hotmail.com

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323

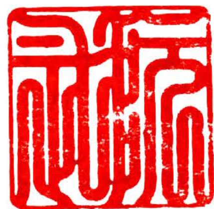


HỢP LƯU
Số 44, tháng 12 / 1998 & tháng 1 / 1999

VĨNH BIỆT BÙI GIÁNG

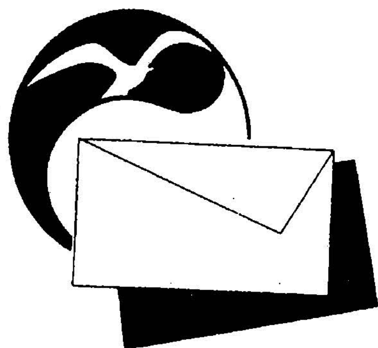


MỤC LỤC





Thư tòa soạn



Bùi Giáng là một hiện tượng nổi bật của văn học miền Nam nói riêng, cả nước nói chung gần nửa thế kỷ qua. Ông được biết đến không chỉ ở tài thơ lẫy lừng, sự quảng bác, trí năng quán thế của mình, mà còn ở chính con người, đời sống phiêu hốt đến kỳ bí có một không hai trong lịch sử văn học Việt Nam. Tên tuổi Bùi Giáng gắn liền với những giai thoại, vô số những giai thoại, chắc chắn nhiều thế hệ sau này sẽ còn nhắc đến.

Ngày 17 tháng 10 năm 1998, thiên tài thơ ca lạ lùng ấy vừa từ giã trần gian, sau cơn tai biến mạch máu não.

Bùi Giáng ra đi, thơ ca Việt Nam cận đại mất một tài thơ lớn.

Tám năm qua, tòa soạn *Hợp Lưu* nhận được không ít thư đề nghị nên thực hiện một số báo đặc biệt về Bùi Giáng. Chúng tôi ghi nhận đề nghị ấy với nhiều hứng khởi. Nhưng do vài lý do ngoài ý muốn, số báo chưa thể ra đời.

Nay, Bùi Giáng đã ra người thiên cổ, chúng tôi hiểu rằng không thể chần chờ lâu hơn. Điều bất ngờ: tuy thực hiện gấp rút, nhưng số báo lại được đáp ứng nồng nhiệt từ hầu hết những ngòi bút & nghệ sĩ Việt Nam uy tín hiện đang sống rải rác khắp năm châu: Mai Thảo, Huy Tưởng, Cung Tích Biền, Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Nguyên Nhuận, Võ Đình, Đinh Cường, Huỳnh Hữu Ủy, Huệ Thu, Thường Quán, Thụy Khuê, Kim Cương, Trần Tuấn Kiệt, Trịnh Công Sơn, Huy Cận, Bùi Chí Vinh, Nguyễn Lương Vị, Phạm Thiên Thư, Thận Nhiên, Nguyễn Hoàng Vân, Ngô Cang, Khiêm Lê Trung, Huỳnh Ngọc Chiến, Ý Nhi, Bùi Vĩnh

Phúc, Phạm Văn Hạng,... Thêm một khích lệ nữa cần ghi nhận, trước cái tang của Bùi Giáng, khoảng cách địa dư và mọi e ngoại đã bị xóa bỏ, bằng minh chứng cụ thể: những đóng góp của các bạn văn trong nước đến với Hợp Lưu nhanh và nhiệt tình vượt ngoài ước mong của tòa soạn. Nhân đây, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến một vài văn hữu và bằng hữu hiện sống tại Sài Gòn. Không có sự tiếp tay của các bạn, số báo này không thể đến với độc giả sớm và tương đối hoàn chỉnh như đã.

Lời cảm ơn cũng xin được gửi đến các ông Bùi Vịnh, Bùi Như Hải, đã cung cấp khá đầy đủ mọi tư liệu chúng tôi cần, như Sổ Tang, hình ảnh, thủ bút... của thi sĩ Bùi Giáng.

Gần một thập niên, *Hợp Lưu* được đánh giá tốt qua những số báo chủ đề đặc biệt về các nhân vật văn học: Hoàng Xuân Hãn, Văn Cao, Phan Khôi, Mai Thảo, Tạ Trọng Hiệp, Tô Thùy Yên. Chúng tôi hy vọng với số báo này, một lần nữa, *Hợp Lưu* không phụ lòng độc giả.

Cận kề cái tang lớn của văn học Việt Nam chúng tôi vừa đề cập bên trên, giới làm và thưởng ngoạn nghệ thuật cũng vừa mất đi một tài năng khác: họa sĩ Nghiêu Đề từ trần hôm thứ Hai ngày 9 tháng 11 vừa qua tại San Diego, USA, sau 5 tháng chiến đấu với căn bệnh nan y. Chúng tôi sẽ nói nhiều về họa sĩ Nghiêu Đề trong số báo sau.

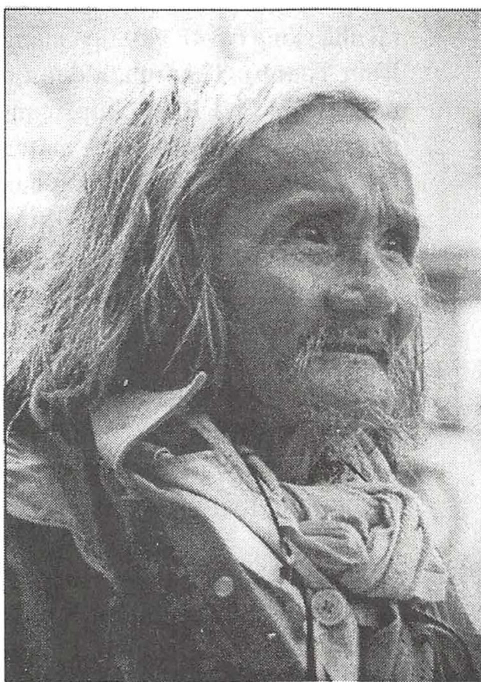
Ngoài phần đặc biệt về Bùi Giáng, *Hợp Lưu* cũng giới thiệu đến độc giả những truyện ngắn rất đặc sắc của các nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Hương, Trần Thị Ngh...., và một truyện vừa (đăng trọn) của một tác giả rất nổi tiếng tại miền Nam Việt Nam trước 1975, nhưng vì lý do ngoài ý muốn, phải tạm dấu tên. Phần thơ ca, cũng đặc sắc không kém, với những thi phẩm mới nhất của Huy Tưởng, Thường Quán, Du Tử Lê, Đỗ Trung Quân, Phan Nhiên Hạo...

Riêng với các tác phẩm lẽ ra sẽ đi trong số này nhưng phải gác lại, đồng thời vài mục thường xuyên như Phỏng Vấn, Tin Văn Học... cũng cùng chịu chung số phận, vì giới hạn của số trang. Chúng tôi thành thật xin lỗi các tác giả và độc giả.

Sau cùng, chu kỳ của *Hợp Lưu* rơi đúng vào tháng 12 của năm cũ và tháng 1, năm mới, nên, như mọi năm, số báo này được xem là số Xuân Kỷ Mão 1999, *Hợp Lưu* trân trọng chúc độc giả và văn hữu một Tân Niên an bình, hạnh phúc.

HỢP LƯU

Vĩnh biệt Bùi Giáng



Thi sĩ Bùi Giáng tạ thế vào lúc14 giờ ngày 7/10/1998 (nhằm ngày 17/8 Mậu Dần) tại Sài Gòn, hưởng thọ 73 tuổi.

Trong những năm gần đây, dù sức khỏe héo cạn, sau một thời gian dài tinh thần phân tán, điên đảo điêu linh, ông đã lấy lại phong độ phiêu bồng và hùng hậu, dành nhiều thời gian cho việc sáng tác, giảm thiểu tối đa việc "hí lộng ta bà" cùng "giảm tửu" đến mức thấp nhất, làm việc miệt mài với nhiều

hứng khởi.

Từ giữa tháng 9/1998, sức khỏe ông đột ngột suy giảm nhanh chóng. Trong đêm 23/9, ông thức khuya, có uống lại chút rượu để gây hưng phấn, trong lúc đang làm việc thì bị ngã quỵ tại nhà riêng (số 482/29 Lê Quang Định, Bình Thạnh). Thân nhân đưa ông vào bệnh viện Chợ Rẫy, chụp scanner và phát hiện ông bị đứt mạch máu não, tụ huyết hôn mê sâu. Sau cùng ban giám đốc bệnh viện quyết định giải phẫu vào lúc 21 giờ ngày 25/9 và hoàn thành vào lúc 23g30 cùng ngày. Từ ngày 26/9 đến 6/10, ông vẫn hôn mê, tuy đôi lúc có những dấu hiệu khả quan (mở mắt, co duỗi và phản xạ...) nhưng đến sáng ngày 7/10 ông đột nhiên suy yếu nhanh chóng, và đến 14 giờ thì tắt thở trong trạng thái thanh thản nhẹ nhàng.

Thi hài ông được quàng tại phòng tang lễ chùa Vĩnh Nghiêm, Sài Gòn, sau đó được an táng tại nghĩa Trang Gò Dưa, Thủ Đức, vào ngày 11/10/1998 (nhằm ngày 21/8 Mậu Dần).

Trong thời gian thi sĩ Bùi Giáng lâm trọng bịnh cũng như lúc nằm xuống, ông đã được nhiều thân hữu, nhân sĩ và người hâm mộ quan tâm, chăm sóc với hết lòng trọng vọng và thân ái đối với một đấng tài ba.

HỢP LƯU



Bùi Giáng *qua* Phạm Văn Hạng
(đất nung)

Thủ bút của Bùi Giáng

SÁNG THU KÝ ỨC

Sáng thu dậy sớm ra vườn
Nghe hơi gió lạnh vẫn vương khí trời
Chim chưa dậy hót được rồi
Một mình quanh quẩn đứng ngồi ngẩn ngơ
Hình dung chuyện cũ mịt mờ
Chuyện xa xôi quá bến bờ cheo leo
Học hành nhẩm nhớ hút heo
Về quê đồi núi leo treo chênh vênh
Về sau có dịp bộ hành
Khu năm thái thậm thập thành khu tư
Chiều hôm nghỉ trọ thân thơ
Tại buồng nghỉ Thượng bất ngờ thấy em
Nói cười tíu tít xui nên khôn ~~[illegible]~~ ngăn
Bốn bề biến động thân tiên ~~khôn ban~~ non ngàn
Sáng mai vĩnh biệt bàng hoàng chiêm bao
Đêm nằm thao thức trở vào
Ngày sau có dịp mà nào có đâu
Mong còn tái ngộ buồn rầu
Mùa thu năm ấy
Thu nay chợt thấy nguyên màu thu xưa



HUY TƯỞNG

Bùi Giáng, kẻ tận hiến

Lời đọc trước Mộ.



Bùi Giáng & Huy Tưởng

Kính thưa anh Bùi Giáng,

Việc anh dứt áo ra đi hôm nay, theo lẽ biến dịch của vạn hữu, là như nhiên và, đã được chính anh cũng như tất cả chúng tôi ở đây, cùng những ai yêu quí thơ ca Việt Nam trên cùng khắp mọi miền thế giới, đã chuẩn bị trước. Ấy vậy mà, khi nghe tin anh qua đời, chúng tôi vẫn cứ bị choáng váng, lòng đầy nhớ tiếc và đau đớn tột cùng.

Thưa anh Bùi Giáng,

Ngợi ca và tuyên xưng anh, dù với lời lẽ lộng lẫy hay hàm súc đến đâu chăng nữa, trong hạn hữu một bài viết và ngay cả những số báo đặc biệt về anh, có lẽ cũng khó lòng với tới được chốn cao vợi và quảng bác mà anh đã dày công hàm dưỡng và đắm đuối vun đắp nên. Có phải vì lẽ đó đã khiến cho tôi luôn ngần ngại để nói hay để viết về anh (?). Cho dù tôi vẫn thầm hứa trước lòng kỳ vọng anh dành cho, dù

vẫn muốn ôm được anh cho riêng mình. Tôi cứ phải thức tỉnh rằng, vốn sống, vốn chữ nghĩa và cảm thức của mình vẫn chưa thể hứng chờ nổi chiếc bóng lồng lộng, đa âm sắc và linh hoạt của anh. Có phải, càng viết nhiều thì càng bày lộ sự thiếu sót trầm trọng của mình trước thiên tài bát ngát nơi anh?

Anh Bùi Giáng,

Mấy lời biện bạch vụng về và hàm hồ như vậy, chẳng biết anh có tạm bằng lòng mà lượng thứ cho tôi?

Xin hãy để cho lòng nhân thế dịu lại sau cái mất mát lớn lao này, nén cơn xúc động, bình tâm để được gần gũi anh một cách chân thật và sâu sắc hơn, từ tốn trước một gia tài đồ sộ của thông tuệ và tài hoa ngất trời điên đảo mãi còn tỏa sáng.

Ngoài những tư tưởng và chữ nghĩa mà anh Bùi Giáng để lại, đã làm giàu có đáng kể cho kho tàng tiếng Việt, anh còn thực sự ghi đậm lên tôi một ấn tượng vô cùng mạnh mẽ, rằng anh là một sinh thể luôn bị lay động và bị cấu xé bởi ánh sáng và lửa tịch mịch, điêu linh với những ám ảnh về lẽ sinh tử không cùng, dấn mình một cách hiên ngang và khốc liệt vào cõi Thơ ca. TẬN HIẾN hết cả đời mình cho duy-nhất-Thơ-Ca - Từ buổi sơ ngộ đầu đời đến những giây phút cuối cùng về nơi chốn lâm chung - Tận hiến mà không hề nhận lại một sự bù đắp đối đãi nào của nhân thế, trút gửi hết thảy xương máu và hồn phách, lưu lại ở đời như vậy tạm một hình cốt mong manh bi thiết và mộng mị. Với riêng tôi, hình ảnh đắm chìm của tận hiến hung hiểm đó chính là một tượng đài vĩ đại đến khủng khiếp của thiên tài thơ Bùi Giáng.

Nói đến sự Tận Hiến, tôi chợt nhớ ai đó đã nói, đại khái: "Nếu người không chết trong cuộc tại thế, thì người sẽ mất tích, sau khi qua đời. Và hôm nay, chúng tôi ngậm ngùi và kính cẩn tiễn đưa anh - Kẻ Tận Hiến. Kẻ, đã chết trong cuộc tại thế này sang bên kia thế giới, cũng có nghĩa rằng, xin được thay cho người mai hậu, đón chào đấng tài hoa của thế kỷ trước ngàn sau bát ngát...

Trong khung cảnh thiêng liêng và đầy cảm động hôm nay, tôi không dám rậm lời, chỉ xin nói lên một vài cảm nghĩ tận đáy lòng liêm kính của mình để bái biệt anh, xin như góp một chiếc đinh nhỏ cùng nhau treo bức chân dung kỳ vĩ của anh lên khoảng tường lớn trong căn nhà Thơ ca Việt Nam.

Trong ngàn ngàn châu báu anh để lại, tôi có nhớ được một bài thơ anh viết đã từ lâu, tôi quên mất tựa đề, như một lời tạ từ với trần gian cố quận.

Anh Bùi Giáng,

Không có gì hơn bằng chính lời anh, xin được thay anh, tôi đọc bài thơ ấy để anh được ngỏ lời chia biệt với cõi người ta:

Rồi mai đi về xứ nào chẳng biết
Đỗ Quang ơi và có lẽ Quyên ơi
Đi lìa xa xứ sở của mặt trời
Thì chuyện cũ cũng như chưa từng biết
Tôi nào biết cội nguồn tôi ly biệt
Dấu tiên nga và ngấn tích tiên sa
Bờ dạt bèo hay bến lạnh trôi hoa
Ngày ngóng mộng hay đêm ngờ máu chảy
Xuân thơ dại hay đông tàn thu gãy
Chút tình xưa Đông Á mất đâu rồi
Rồi mai đi về xứ nào chẳng biết
Những người em hãy ở lại bên đời
Nô hay đùa xin cứ mỉm hai môi...

Xin vĩnh biệt anh Bùi Giáng yêu kính. Cầu cho hồn anh được siêu sinh tịnh độ, nương theo mây trắng mà về lại với quê nhà, tiếp tục rong ruổi vui chơi trên cõi trời đâu suất...

HUY TƯỞNG
11/10/98



BÙI GIÁNG

Ông nhớ con

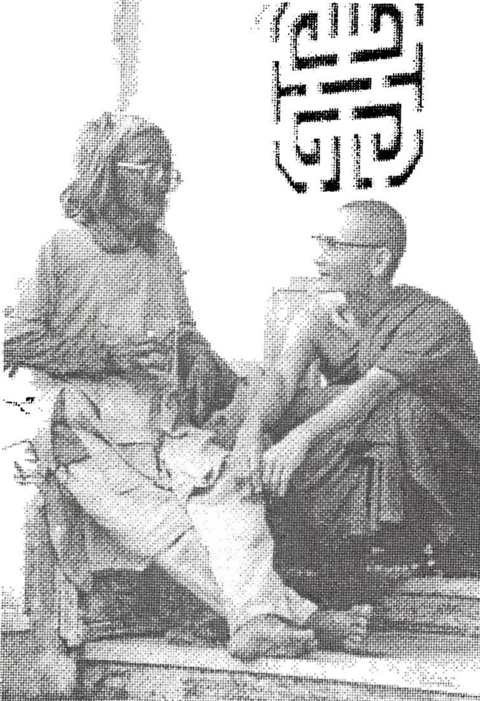
Ông nhớ con như nhớ một trăng tròn
Và trăng khuyết cũng tấm lòng từ đó
Ông tự hỏi với ngàn sao lấp ló
Ở nơi nào còn có áng mây bay

BÙI GIÁNG



MAI THẢO

Một vài kỷ niệm với Bùi Giáng



LTS: *Thuở sinh tiền, khi nói đến thơ, nhà văn Mai Thảo thường nhắc nhiều đến Vũ Hoàng Chương và Bùi Giáng. Mỗi người một phong cách, nhưng theo theo Mai Thảo, đó là những "ngôi sao Bắc Đẩu trên vòm trời thơ ca của ta".*

*Chúng tôi cho đăng lại bài viết này (*Văn, *số 26 tháng 8/ 1984, USA) như một hình thức tưởng nhớ đến một người yêu thơ rất mực: nhà văn Mai Thảo, và một người làm thơ tài hoa cũng rất mực: thi sĩ Bùi Giáng.*

Cả hai đã ra đi.

Ở bên kia thế giới, có lẽ nhà văn Mai Thảo lại có dịp mời thi sĩ Bùi Giáng một chai bia lớn, và lại sẽ được nghe ông nói, bằng chất giọng Quảng Nam đặc sệt: "Vui thôi mà", như độc giả sẽ thấy, trong bài viết dưới đây.

HỢP LƯU

Nhiều buổi chiều Sài Gòn, tôi chẳng còn có thể nhớ đích xác vào những năm nào, đâu như năm 1962, đâu như năm 1965 (nếu sai,

nhờ hai anh Cung Tiến, Phạm Công Thiện nhớ lại dùm cho), tôi thường được mời tới những họp mặt ăn nhậu trên căn lầu ngăn nắp, thoáng mát của thầy Thanh Tuệ ở đường Lý Thái Tổ. Mỗi họp mặt với Thanh Tuệ, hồi đó là giám đốc của nhà xuất bản An Tiêm và còn là nhà sư trẻ tươi tắn chưa cởi áo hồi tục, thường vì một cuốn sách. Một cuốn sách mới, vừa in xong chưa ráo mực. Và trước khi gửi sách vào nắng mưa đời, họp mặt An Tiêm với thân hữu là một tiệc rượu lạc thành cho sách.

Những họp mặt vì sách và do sách đó thường có tôi, Thanh Tâm Tuyền, Phạm Công Thiện, đôi khi Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu, Doãn Quốc Sĩ, và đương nhiên nhân vật chủ chốt là tác giả sách là Bùi Giáng. Tôi chỉ kể tới Bùi Giáng, bởi suốt thời kỳ đó, có thể nói, thầy Thanh Tuệ vì một tấm lòng liên tài đặc biệt, chỉ mê thích thơ văn Bùi Giáng, chỉ in Bùi Giáng, dành trọn phương tiện cho ưu tiên xuất bản Bùi Giáng trước mọi tác giả khác. Và giai đoạn có thể đặt tên là giai đoạn Bùi Giáng này, An Tiêm đã in đêm in ngày, in mệt nghỉ, vì những năm tháng đó chính là những năm tháng đánh dấu cho thời kỳ sáng tác kỳ diệu sung mãn nhất của Bùi Giáng, cõi văn cõi thơ Bùi Giáng bấy giờ ào ạt vỡ bờ, bát ngát trường giang, mênh mông châu thổ, Bùi Giáng bấy giờ mỗi tuần viết cả ngàn trang khiến chúng tôi bàng hoàng khiếp đảm, ngôn ngữ và tư duy Bùi Giáng bấy giờ hiển lộng tới không bến không bờ, vô cùng vô tận, và tài năng ông cũng vậy.

Bùi Giáng chất ngất một trời chữ nghĩa, Bùi Giáng trùng trùng một biển văn chương. Vậy mà mỗi lần gặp thi sĩ hồi đó, cảm tưởng bao giờ cũng giữ được là đã gặp một Bùi Giáng rất nhàn rỗi, rất rong chơi. Bước chân vào nhà Thanh Tuệ, chúng tôi đã thấy Bùi Giáng ngồi trước đó, tươi cười, ung dung, trong cái phong thái của một con người nhàn nhã nhất thế giới, chẳng có một dấu vết nào của một người viết đang gió táp mưa rơi trên ngàn ngàn trang sách. Có như Bùi Giáng trước sau vẫn đang chập chờn với đời như một cánh bướm, lững thững với đời như một áng mây. Có như Bùi Giáng, cái áo vải cũ, râu tóc để mặc, điếu thuốc trên tay, chén trà trước mặt, vẫn chỉ ngồi chơi thảnh thơi ngày ngày với An Tiêm như thế, ngoài sự mưu sinh, không bao giờ đổi thay. Bề ngoài đích thực là như thế. Sau này, sống với Bùi Giáng nhiều hơn, tôi cũng vẫn chỉ thấy Bùi Giáng như hồi đầu thấy ở An Tiêm. Trong một phiêu hốt, một ung dung chưa từng thấy. Có như, trọn một đời cái đầu của thi sĩ không một phút nào dành cho suy nghĩ, bàn tay của thi sĩ không một phút nào dành cho cây bút. Có như trang giấy trắng, mặt bàn viết là những vật thể xa lạ chẳng bao giờ ông biết tới.

Vắn tắt là Bùi Giáng chẳng làm gì hết, chẳng ai một lần nhìn thấy Bùi Giáng đang làm gì hết. Mà hoàn toàn phiêu bông, hoàn toàn rong chơi.

Vậy mà cái sức viết hồi đó đến như Bùi Giáng là tột đỉnh, là không tiền khoáng hậu. Vậy mà cái lực viết đến như Bùi Giáng và thấy Bùi Giáng là ngàn người không một, là phi phàm, là vô địch rồi.

Một lần, tôi đem cái điều khó hiểu này ra hỏi một người cũng làm thơ thật nhiều, cũng làm thơ rất đều tay là Thanh Tâm Tuyền. Tác giả *Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy* lắc đầu cười: "Chịu không giải thích được. Chỉ biết Bùi Giáng khác. Với tôi. Với hết thảy. Là cái chỉ có một. Với tôi là từng bài thơ. Nói đến từng bài thơ Bùi Giáng, bài thơ này bài thơ kia của Bùi Giáng lại là chuyện tức cười lắm lắm. Bùi Giáng là cái hiện tượng dị thường của một suối thơ ăm ắp không ngừng. Đọc thơ Bùi Giáng cũng phải đọc như thế. Đứng trên đơn vị từng bài. Bùi Giáng đặt tựa cho từng bài là ngắt thơ ra, ngắt chơi ra vậy thôi. Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận vô cùng là đúng hơn. Ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ. ta cứ tạm hiểu cái trạng thái thơ kỳ lạ khác thường ở Bùi Giáng là như vậy."

Sự ngược nghịch giữa cái rong chơi một đời của Bùi Giáng với cái lực thơ, cái số thơ, cái lượng thơ khủng khiếp làm ra, tôi đem hỏi thêm nhà xuất bản hàng ngày sống cùng Bùi Giáng, rồi đến chính thi sĩ, cũng không được sáng tỏ gì hơn ngoài suy diễn có tính chất phỏng đoán của Thanh Tâm Tuyền. Thầy Thanh Tuệ cũng chỉ lắc đầu cười. "Tôi cũng lấy làm kỳ", Thanh Tuệ nói. "Ảnh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say ngất rồi về lầu lăn ra sàn ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tối thẳm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thì ảnh ngừng. Nói có máy, có giấy, nói buổi sáng buổi chiều ảnh đã tới ném bịch xuống cả năm, bảy trăm trang. Cứ thế đem sắp chữ thôi, đâu có thì giờ đọc. Điều kỳ lạ là không riêng một thể loại mà thể loại trước tác nào anh cũng có ngay sách, dễ dàng và nhanh mau vô tả. Từ thơ đến văn. Từ một cuốn tiểu luận về Camus đến một cuốn tiểu luận về Nguyễn Du. Từ dịch thuật tiểu thuyết đến phê bình triết học. Tất cả như đùa như chơi vậy."

Nhà An Tiêm suốt mấy mùa sách, hầu như không thở được nữa trước cái viết tràn bờ của Bùi Giáng, điều này ai cũng biết.

Rồi tôi rủ Bùi Giáng tới quán. Đãi ông uống rượu. Vặn hỏi chính thi sĩ. Để cũng chỉ được Bùi Giáng cười cười thích thú trước tìm hiểu có vẻ ngớ ngẩn của tôi. Ông không chịu giải thích, chừng như ộng

không có gì giải thích, sự thành hình tác phẩm nơi Bùi Giáng cuối cùng vẫn là một bí ẩn hoàn toàn trong cái vùn vụt, cái bất tuyệt thao rthao, cái chớp mắt đã là của nó. Cười cười, ông đốt điếu thuốc, cầm lấy ly rượu: "Vui thôi mà". Ừ vui, ba chữ "vui thôi mà" là câu trả lời mơ hồ nghịch ngợm duy nhất của Bùi Giáng trước mọi tìm hiểu của lực thơ và số lượng thơ không thể tưởng tượng được ở nơi ông, cõi thơ vô bờ của ông trăm phương nghìn ngã mênh mông và chính ông là hiện thân của mênh mông nghìn ngã trăm phương ấy.

Bùi Giáng nói vui thôi mà. Quả vậy, thơ ông vui cực kỳ. Con châu chấu, con chuồn chuồn. Con chuồn chuồn, con châu chấu. Rừng Marylyn. Biển Brigitte Bardot. Ngành Novak. Đóa John Keats. Ngành Mật Niệm. Đóa U Linh. Hồng Lĩnh Hạc Lâm. Quỳnh Lai Thị Xứ. Thơ đốt pháo bông, ngôn ngữ triệu triệu, như chữ thần diệu:

Người nằm ngủ thấy gì
Thấy rất nhiều nắng lạ

Giấc ngủ đầy nắng, đầy nắng lạ. Bùi Giáng nói vui thôi mà. Thơ ông vui thật. Từ cánh tay áo rộng, thơ bay. Từ trí tuệ gió lộng, thơ phất. Nghìn thu cổ lục. Ngày Hy Nga. Đêm Bé Chị. Mọi Trên Ngàn. Sóng Hồng Hoang. Thềm Dục Vọng. Thơ ghé thăm đá, thăm bàn ghế, thăm bún bò, thăm lá.

Ghé thăm trái mận ban đầu
Bình minh bắt gặp nguyên màu ban mai

Tiếng thơ sáng rỡ, chói lọi, kỳ ảo, cánh rừng ngôn ngữ ấy suối reo, chim hót, hoa nở, cây ào ào sóng vỗ, sóng từng từng xanh cây, beo gấu rởn nghịch, con chuồn chuồn hóa thân, con châu chấu suy tưởng, những mọi nhỏ hằng hà, gì cũng là thơ, thảy đều biến dạng. Thơ Bùi Giáng vui thật. Một vĩ đại vui. Hãy đọc thơ ấy, như cùng ông đi vào một trận vui lồng lộng. Đừng cần tìm hiểu. Đừng cần giải thích. Hãy đọc lại Mưa Nguồn, Bài Ca Quần Đảo:

Xin chào nhau, giữa con đường
Mùa xuân phía trước, miên trường phía sau

Sẽ thấy cái vẫy tay chào lấp lánh của thi sĩ. Cái sự "vui thôi mà" trước sau ông chỉ nói vậy, ba chữ này tôi ao ước được thấy khắc vào mộ

chí ông khi ông mất đi, ông và giữa con đường vui, không dưới không trên, không đầu không cuối gì hết. Giữa và mùa xuân phía trước, miên trường phía sau.

Thơ là người. Ngoài đời Bùi Giáng cũng thật vui. Thời kỳ Thanh Tuệ chấm dứt, nhà xuất bản An Tiêm tạm ngừng hoạt động, Bùi Giáng gặp lại Thanh Nam, Viên Linh, Vũ Khắc Khoan và tôi ở tòa soạn tuần báo Nghệ Thuật và những kỷ niệm chúng tôi có với thi sĩ thời gian này vẫn là những kỷ niệm vui. Lúc này, thần thái ông ấy không còn được rạng rỡ như mấy năm về trước. Cuộc phiêu bồng qua đời sống của ông kỳ dị và tận cùng hơn. Mái tóc ông đổi màu. Mấy chiếc răng cửa bị gãy, nụ cười vừa trẻ thơ vừa móm mém. Cặp mắt sâu hóm xa khuất dần với mọi hình hài thực tế. Những con đường trên đó ông đi, cái túi vải thơ nào, những ngã tư ông ngừng lại, tách thoát với nhân thế, tất cả ở Bùi Giáng phơi hiện dần dần một hủy hoại khô khốc, ấy là tôi chỉ biết nhìn thấy ông một cách "hình hài" như vậy, nhưng "vui thôi mà" thì vẫn là rất vui. Ông vào tòa soạn, ngồi xuống ghế, nhìn mọi người, cười trẻ thơ, thường nói khát quá và xin một chai bia uống. Ông uống từng ngụm nhỏ, nói thích chai bia lớn vì uống được nhiều hơn, châm thuốc hút, những ngón tay vụng về lóng ngóng. Uống cạn chai bia, cái túi vải đeo lên và bỏ đi. Đó là cái đến cái đi êm ả của Bùi Giáng. Nhiều lần không thế. Ông ra tắm ở cái máy nước trước tòa soạn, thản nhiên trước người qua kẻ lại, quần áo lướt thướt đi qua đường, một đám con nít tròn mắt đi theo. Một lần khác, chúng tôi đi ra ngoài một lát trở về, thấy ông nằm ngủ ngon lành trên hai cái bàn viết kê liền lại. Giấc ngủ dài, quên đời, quên hết, mặc hết, phải đánh thức dậy. Những lần đó, ông ngồi im lặng, bất động, thầm thì "vui thôi mà, vui thôi mà" rồi lặng lẽ bỏ đi, cái bóng dáng gãy đổ, gầy guộc trong chiều xuống.

Chính là trong cái tình trạng suy nhược đã trầm trọng quá chừng và tiều tụy quá thể này của Bùi Giáng mà chúng tôi bắt đầu cảm thấy quan tâm thực sự đến thi sĩ. Đến sức khỏe ông, ngày mỗi cạn kiệt. Đến cách sống ông ngày mỗi tiều tụy. Đến tâm thức ông, ngày càng bất định. Cuộc vui của Bùi Giáng tuyệt vời nhưng chẳng thể phiêu bồng mãi mãi. Phải làm một cái gì về ông. Để ghi nhận lại. Về thế nào là cái tiếng thơ trác tuyệt của Bùi Giáng, cõi ngôn ngữ đạt tới hoang đường kỳ ảo của Bùi Giáng. Trong khi còn gần ông. Trước khi ông chẳng gần, chẳng chịu sống cùng ai nữa.

Số báo đặc biệt về thiên tài thi ca Bùi Giáng phải chờ đến hơn

một năm sau, tờ Nghệ Thuật đình bản, tôi sang trông coi tờ Văn chung với cùng Nguyễn Xuân Hoàng thực hiện được. Cũng nhờ số Văn này mà tôi mới nhìn thấy và hiểu được sự không hiểu của tôi nói ở trên là sự ngược nghịch giữa Bùi Giáng tháng ngày rong chơi với Bùi Giáng một tuần lễ cả ngàn câu thơ, cả ngàn trang sách. Số Văn ấy, phần nhận định nhờ Thanh Tâm Tuyền, Ninh Chữ, Tuệ Sỹ, Trần Tuấn Kiệt... viết. Bài phỏng vấn Nguyễn Xuân Hoàng thực hiện. Phần giới thiệu những bài thơ mới nhất là tôi. Chưa biết kiếm tìm Bùi Giáng ở đâu, thi sĩ bất ngờ ghé thăm tòa soạn. Ông ấy chỉ còn là da bọc xương trong quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải còn thêm cây gậy. Kéo ông ra trước báo quán chụp chung tấm hình làm kỷ niệm rồi tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất. Ông gật. Tưởng lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chia bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống, và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, *bắt đầu tại chỗ làm thơ.* Ông không chép lại thơ đã làm. Ông làm thơ tại chỗ. Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, xa quá, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút từ đầu ngón thôi. Làm thơ ứng khẩu, làm thơ tại chỗ, nhiều người cũng làm được. Nhưng là thơ thù tạc và chỉ năm bảy câu một bài thôi. Bùi Giáng khác. Chai bia còn sủi bọt, ông ngồi viết không ngừng, tự dạng nắm nót chỉnh đốn, chỉ một thôi đã xong hơn hai mươi bài thơ, chúng tôi cầm lên coi, thấy bài nào cũng khác lạ, cũng thật hay, cũng đích thực là từng hạt ngọc của cái thơ thượng thừa Bùi Giáng. Lần đó, tôi đã thấy, đã hiểu tại sao Bùi Giáng cứ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lãng du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi. Đúng là ngủ ra thơ, thở ra thơ, uống la-de, hút thuốc lá ra thơ. Mà thơ không ai sánh bằng, thơ không ai đuổi kịp. Ông uống cạn chai la-de, lập lại ba tiếng bất hủ "vui thôi mà" rồi đứng lên từ biệt.

Mấy tháng cuối cùng trước biến cố 1975, tôi không thấy Bùi Giáng trong đời sống tôi nữa. Chỉ thỉnh thoảng nghe thấy ông vẫn lang thang đây đó, một quán này, một bãi hoang kia, ngủ bất cứ ở đâu, dưới trời sao, ở một gầm cầu, dưới một mái hiên. Có lúc thấy nói ông đeo một xâu chuỗi toàn giầy dép và quần áo phụ nữ quanh cổ như một vòng gai quái dị, đám con nít reo hò chỉ trỏ người điên, người điên. Có khi nghe thấy, ông ẩn lánh ở ngôi chùa vùng ngoại vi thành phố, ăn chay niệm Phật cả ngày không nói.

Tới tình trạng này, anh em chúng tôi, những bạn bè một thời thân thiết với Bùi Giáng, từng đã chén thù chén tạc với Bùi Giáng bao

lần trên căn gác đường Lý Thái Tổ của nhà xuất bản An Tiêm, nhận sách tặng của Bùi Giáng, ở với ông và trời thơ trác tuyệt của ông, chúng tôi biết chúng tôi chẳng còn làm gì cho Bùi Giáng được nữa. Chẳng phải bỏ ông. Ông cũng không bỏ. Chỉ là ông đã đi khỏi, đi xa, vào một trời đất khác.

Hai câu thơ hay tuyệt hay vào tập cho tập Mưa Nguồn:

Xin chào nhau, giữa con đường
Mùa xuân phía trước, miên trường phía sau

đã mang một ý nghĩa khác. Lời chào như một xa cách vĩnh viễn. Một bỏ đi. Một vĩnh biệt. Cái kho tàng chữ nghĩa phong phú vô tận ở đó Bùi Giáng vừa tạo dựng nên cái thế giới ảo huyền của mình vừa phá hủy tan tành cái thế giới ấy, kho tàng ấy thi sĩ không thèm sử dụng nữa, và chúng tôi chẳng còn đường nào tới được với ông.

(......)

Bùi Giáng đã đem lại cho cuộc đời biết bao nhiêu châu ngọc. Bằng tài thơ trác tuyệt. Bằng cõi ngôn ngữ ảo diệu, không tiền khoáng hậu. Có ông, thi ca mới đích thực có biển có trời. Từ ấy, thi ca mới không cùng không tận. Đọc lại Mưa Nguồn, đọc lại Ngàn Thu Rớt Hột, Bài ca Quần Đảo, tôi còn muốn bật cười với thơ Bùi Giáng. Vui thôi mà. Đúng vậy, vui thôi, có gì khác đâu. Mất Bùi Giáng, thơ ta lại trở về với cái hữu hạn đời đời của thơ. Nhiều người bảo ông chỉ là một thằng điên. Tôi chỉ muốn nghĩ thầm cho tôi là nếu có thêm được ít người điên như Bùi Giáng, thơ ca ta văn học ta còn được lạ lùng được kỳ ảo biết bao nhiêu.

MAI THẢO



HUỲNH HỮU ỦY

Thử phác họa đôi nét về cõi thơ Bùi Giáng



Một ngôi văn tinh kỳ dị, lạ lùng, quái đản vừa rụng trên bầu trời văn học. Chỉ cần nói như vậy thì có lẽ bất kỳ ai cũng biết ngay là thi sĩ Bùi Giáng vừa qua đời.

Trong vòng nửa thế kỷ vừa qua, chưa có một nhà thơ nào tạo được một bóng dáng lồng lộng trên vòm trời thơ như Bùi Giáng. Ông làm thơ, viết văn, bàn luận về văn học, triết học, chuyển dịch nhiều tác phẩm văn chương của thế giới sang Việt ngữ. Tất cả đều theo một thể điệu riêng biệt của ông. Văn nghiệp của Bùi Giáng vô cùng đồ sộ. Nội chuyện làm một bảng thư mục Bùi Giáng cũng đòi hỏi chúng ta mất nhiều thì giờ và công phu lắm, chứ chưa nói đến vấn đề gì khác.

Bùi Giáng có một sức đọc và viết vô cùng kinh khủng. Viết liên tu bất tận, ngưng viết thì đọc, ngưng đọc thì viết. Đọc sách Tây, sách Tàu, Đức ngữ, Anh ngữ, Pháp ngữ. Cái lạ lùng vô cùng quí báu mà Bùi Giáng mang lại cho chúng ta chính là sự uyên bác, tài hoa, thâm trầm, bí ẩn của ông, tất cả đều nhào biến một cách vô cùng tự nhiên rồi hiện ra trong một vẻ giản dị tài tình của một tâm hồn và ngôn ngữ Việt.

Trước bế tắc tư tưởng của phương Tây cùng sự tràn lan của chủ nghĩa hư vô, ông đã trở về với ngọn nguồn phương đông nhất thể, trở lại với cái hài hòa của đạo tự nhiên, đạo vũ trụ, mộc mạc, sơ nguyên, ẩn mật nơi tư tưởng Trang, Lão, Thiền, để nối kết những phân ly nứt rạn càng lúc càng vô cùng trầm trọng. Ông gom hết mọi chuyện lại rồi đưa đẩy tuôn trào thành một chuyển động tư tưởng bát ngát, một dòng thơ yêu kiều, thâm thúy.

Tư tưởng và chất thơ cổ kim đông tây tuôn chảy qua tâm hồn Bùi Giáng, biểu hiện thành một dòng thơ độc đáo và tuyệt vời nhất mực. Tinh thể thi ca di động qua một vài đỉnh núi chon von cô độc như Nguyễn Du, Holderlin, Heidegger, Nietzsche, càng bát ngát hơn khi chuyển động qua hồn thơ mênh mông của Bùi Giáng. Mỗi chữ, mỗi lời, từng câu từng tiếng đều là thơ. Lời nói thiệt với tinh thể của ngôn ngữ là thơ, mà lời nói giỡn dưới chiếc áo dùng dằng của ngôn ngữ cũng là thơ. Đi, đứng, nằm, ngồi, cười khóc, vui đùa đều là thơ. Lúc không điên là thơ, mà lúc điên vẫn cứ là thơ. Đi cho tới cùng cái sâu thẳm nhất của ngôn ngữ, tới đỉnh cao chót vót của nó, sống với nó trong từng mỗi giây phút, trong từng mỗi sát na, xưa nay có lẽ chỉ mới có Bùi Giáng là một.

Từ Nguyễn Du đến Bùi Giáng, đường bay của thơ thực là kỳ diệu, mênh mông, vô lượng. Ông là chiếc bóng của Nguyễn Du, hay chính ông đã đẩy Nguyễn Du đến tận cùng thể tính của thi ca, làm lồng lộng, chất ngất một hồn thơ nước Việt.

Sống với thơ, giỡn chơi với ngôn ngữ để tạo nên thơ. Chữ nghĩa của Bùi Giáng lúc nào cũng có một điều gì đó rất dị thường. Ông chỉ cần sắp đặt những đề tựa từ mục lục một tập thơ của một tác giả khác thì đã mang lại cho chúng ta một bài thơ tuyệt đẹp. Nhưng sắp đặt và xô đẩy chữ nghĩa phải là theo cách của ông, chớ không thể của người nào khác được. Hay ông ngắt câu, ngắt đoạn từ một bài thơ lục bát của một người làm thơ khác, biến đổi hình thức thành một bài thơ tự do, tức thời bài thơ ấy sẽ trở nên vô cùng kỳ dị và đẹp đẽ lạ lùng. Rất nhiều người làm thơ đã biến đổi thể lục bát 6/8 thành 3/3/2/6, 4/2/6/2, hay 2/4/8, hay 6/4/4, hay còn biến đổi nhiều hơn nữa thành 1/2/3/2/2/2/2 thì có lẽ là đều bắt nguồn từ cách giỡn chơi của Bùi Giáng.

Cuộc đời Bùi Giáng và thơ của ông, ngay từ bước khởi đầu dường như đã có nhiều điều bất thường:

Lỡ từ lạc bước chân ra
Chết từ sơ ngộ màu hoa cuối cùng

Gần đây, thân nhân Bùi Giáng xuất bản tập thơ "Chớp Biển", kỷ niệm Bùi Giáng vừa đúng 70 tuổi, giúp cho chúng ta nhiều dữ kiện để hiểu biết ông hơn. Hiểu một tác giả qua cuộc đời và hoàn cảnh sống của tác giả ấy như phương pháp phê bình của Saint Beuve vẫn còn là một trong những cách thẩm thấu với văn chương rất thông tình đạt lý. Bà Bùi Giáng qua đời cách đây nửa thế kỷ, cảnh ly tan đó đã xô đẩy Bùi Giáng đến những đổ vỡ cùng cực. Bóng dáng người nữ ám ảnh ông suốt đời, để rồi từ đó ông sẽ nghiệm ra được một cách vô cùng sâu thẳm về tính nữ, về nguyên lý mẹ. Nói như Nguyễn Xuân Hoàng, ai cũng cần một bà mẹ. Bà mẹ đó cũng có thể hiện ra trong một bóng dáng khác là người chị, cô em gái nhỏ hay chính là đứa con gái của mình. Tất cả cái thiêng liêng và tục lụy của mẫu người nữ đã biến hiện chập chùng qua hình ảnh người vợ, để rồi chuyển động nhiều hơn mà trở thành bà mẹ uyên nguyên của đất trời.

Nhiều lúc ông kể lể nghiêm trang, đạo mạo, có lúc lại đùa giỡn, cười cợt với hình bóng các mẫu thân, tuy vẫn có pha đôi chút ngậm ngùi:

Mẹ về trong cõi người ta
Một hôm mẹ gọi con ra bảo rằng
Trần gian vui sướng lắm chăng?
Hay là đau khổ hỡi thằng chiêm bao.

Giữa những vần thơ điên của ông, đôi lúc chúng ta sẽ tìm thấy những câu thơ vô cùng kỳ diệu nói về bà mẹ thiêng liêng ấy, tất cả đều như rạo rực, sinh sôi, triển nở.

Một hôm nào em mở cửa đầu khe
Và bữa đó đến bây giờ cỏ rạ
Thi nhau mọc mặt trời lên lả tả
Bông lúa chín trong rừng kêu tiếng lá
Chóc chim xanh đòi đẻ trứng bây giờ.

Nhắc đến các hình ảnh mẫu thân của Bùi Giáng, tôi cũng muốn nhân đây chép thêm mấy câu thơ rất đẹp của ông về cô em gái nhỏ, mà đọc lên hẳn rằng chúng ta dễ liên tưởng ít nhiều đến người vợ cũ năm xưa đã chia lìa với ông quá sớm, khi họ vừa mới cùng nhau bước chân vào đời. Dĩ nhiên, cô em gái nhỏ ấy cũng có thể là một trong những người nữ Bùi Giáng tiếp tục gặp về sau:

Em là em anh đợi khắp nẻo đường
Em có nụ cười buồn buồn mây mọng
Em có làn mi khép lá cây rung
Em có đôi mắt như sầu xanh soi bóng
Hồ gương ơi! Sao sóng lục vô chừng!
......
Em ở lại với đời ta em nhé
Em đừng đi cho ta nắm tay em
Ta muốn nói bằng thơ bay nhẹ nhẹ
Vào trong mơ em mộng giấc êm đềm
Ta sẽ đặt mười ngón tay lên mắt
Để nhìn em qua khe hở du dương
Vòng theo máu hai vòng tay khép chặt
Ồ thưa em ta thấy mộng không thường

Cái tang bà Bùi Giáng đóng đinh suốt đời ông. Rồi cùng lúc, ông gặp nhiều điều bất ưng ý giữa một thời đại mà bạo lực là phương tiện hàng đầu của con người.

Thời kháng chiến, ông đi chăn bò giữa những đồi sim ở một vùng rừng núi nào đó giữa miền Trung đất nước, để tự thấy mình là một thứ Tô Vũ của thời đại. Ông kết những vòng hoa dại đeo vào cổ bò, cổ dê, và đùa giỡn suốt ngày với đàn thú hiền từ. Cho mình là Tô Vũ, có lẽ đó cũng là một cách Bùi Giáng nói cho chúng ta biết ông là người bị lưu đày ngay chính nơi quê nhà của mình chứ không cần biệt xứ nơi đâu. Sau này, thỉnh thoảng ông cũng nhẹ nhàng vẽ lại cho chúng ta thấy đôi chút cảnh quan rùng rợn, tang thương của những ngày ấy:

Hãi hùng bi kịch đồi tranh
Trùng quan vó ngựa tế nhanh trong mù
Thây người nát ở phía sau
Nghìn thu khép mắt khổ đau khôn hàn

Rồi hòa bình được lập lại, nhưng Bùi Giáng không còn thể nào trở lại sống cuộc đời bình thường như chúng ta nữa. Những chấn động dữ dội của thời tuổi trẻ đã góp phần dồn đẩy ông tới bờ vực chon von. Định mệnh đã chọn ông là một thiên tài điên của dân tộc, đẩy ông bước chân theo Nguyễn Du, để ông kết bạn với Gerard de Nerval, Saint Exupéry, Khuất Nguyên, Tô Đông Pha, Apollinaire, André Gide, Camus, René Char, để đôi khi nghiêm trang đàm đạo với Khổng Tử,

Heracleitus, Parmenides, để sống cuộc đời quỉ khốc thần sầu của một cuồng sĩ ngoài chợ, và tuyệt vời nhất vẫn là để viết lại cho đất nước những dòng thơ kỳ diệu độc nhất vô nhị.

Cuộc đời Bùi Giáng và thơ Bùi Giáng chỉ còn chập chùng lên nhau giữa những giấc chiêm bao, phù du, mộng mị. Ông sống ở đời lúc tỉnh lúc điên: lúc tỉnh đã là chiêm bao nhưng lúc điên thì càng là chiêm bao quá cỡ. Trước năm 75, thỉnh thoảng ông mới lên cơn điên nhưng sau năm 75 cơn điên kéo dài lâu quá. Bà Irina, một phụ nữ người Nga có nhiều liên hệ thân thiết với Việt Nam, khi gặp Bùi Giáng, đã lặng lẽ tuôn chảy những dòng lệ nóng hổi cho một thiên tài mà bà nhìn thấy như hình bóng một Diogenes thời đại, cầm cây đuốc đi giữa ban ngày để tìm chân lý. Chân lý đã bị khuất lấp cả hai mươi thế kỷ rồi, chứ phải đâu chỉ là những ngày trước mắt. Vậy nên, nơi chiếc bàn viết lữ thứ, khi cầm bút viết lại để sống đời của một nhà văn lưu vong, Mai Thảo nhắc đến Bùi Giáng, phác thảo đôi nét về Bùi Giáng rất hay, sống động và tài tình, nhưng tôi cho là Mai Thảo rất nhầm lẫn khi qui tội điên của Bùi Giáng cho những nguyên nhân thời đại:

Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng
Tối tối về chùa đêm làm thơ
Ngày ca múa khóc cười giữa chợ
Kẻ sĩ điên thế kỷ mù rồi
(Mai Thảo, Viết văn trở lại)

Hãy thử đọc lại vài câu thơ sau của Bùi Giáng tự nói về mình. Ông gần như luôn sống giữa một lớp sương mù dày đặc của những giấc mộng chồng chất. Ông sống như một ông đạo, như một trích tiên, như ma quỉ, hay như một đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ đến cùng cực:

Đi về với gió phù du
Mở trang mộng mị cho mù sa bay

Quê nhà chỉ còn là một giấc mộng đã qua, thân thế cũng chỉ là một nỗi đời hư huyễn:

Hỏi tên, rằng biển xanh dâu
Hỏi quê, rằng mộng ban đầu đã xa
Gọi tên, rằng một hai ba
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm!

Ông đã tự hỏi rồi tự đáp về tên tuổi và quê hương thực của mình:

Hỏi tên? - Cổ lục phong trần
Hỏi quê? - Mộng tưởng tiền trình bơ vơ

Ông luôn lập đi lập lại ý tưởng ấy khi có dịp:

Hỗn mang về giữa hiên nhà
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao

Cái thế giới chiêm bao mộng mị ấy, có lúc ông chợp bắt được thành những câu thơ rất đẹp:

Ta đã gọi chiêm bao về mộng mị
Chắp ân tình cho nghĩa rộng tình sương
Về tuế nguyệt bước ngao du tận my
Người có nghe tang hải réo vô thường?

Sống và mơ mộng giữa thế giới đó, ông vác cần đi câu con cá hư vô ngoài biển đông:

Tôi làm Nam hải Điếu đồ
Ngồi câu con cá hư vô giữa trời

Ông yêu mến, quí trọng từng đốm nhỏ li ti của trời đất và sự sống, từng cây cỏ dại, từng cánh bướm, cánh chuồn chuồn:

Xin yêu mãi và yêu nhau mãi mãi
Trần gian ôi! Cánh bướm cánh chuồn chuồn
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại
Con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn.

Khi tỉnh táo mà viết được *Tôi nói điệu điên rồ / Ấy là vui vậy* thì quả là ông đã thoát ra khỏi mọi phiền trược của cuộc đời, chẳng còn câu chấp gì cả, ông sống hoan hỉ như một đứa trẻ với một nguồn thơ tinh khôi, hồn nhiên, đầy hoan lạc.

Đọc thơ Bùi Giáng để cảm cái tình và ý của nó, để sống cái thâm diệu của tư tưởng đã hé mở và như luôn hứa hẹn một cõi mênh mông bát ngát dị thường sau đó. Đọc thơ ông cũng là để thưởng thức chữ

dùng cực kỳ tài tình của ông. Có những chữ rất thông tục, tầm thường, nhiều khi chúng ta không muốn sử dụng vì không được nhã, nghe hơi nặng tai. Vậy mà khi những chữ ấy rớt vào tay họ Bùi, không cần tỉa gọt, trau chuốt gì cả, chỉ xô đẩy tự nhiên như hít vào thở ra, thì nó sẽ trở thành thơ. Hãy đọc thử bốn câu thơ sau, chúng ta sẽ thấy ngay cái tài hoa lạ lùng của Bùi Giáng khi biến đổi một chữ tầm thường thành chữ của thơ như thế nào. Ông phả vào chữ cái tài hoa ẩn mật của hồn thơ để mang lại cho nó một sức mạnh vô cùng kỳ bí:

Người con gái lội qua khe
Bàn chân với nước lạnh đè lên nhau
Nỗi niềm tưởng lại xưa sau
Bàn chân với nước cùng nhau lại đè

Chữ *khe*, rồi lại chữ *đè* thực là đắc địa. Dùng chữ đến như vậy thì không còn là viết văn, làm thơ nữa, mà đã là thợ trời của chữ. Ngay khi ông lên cơn điên, nhưng chưa điên quá độ, mà mới chỉ trôi nổi giữa những cơn điên nhẹ, ông cũng mang lại cho chúng ta những câu vần vè quàng xiên rất vui vẻ. Nhớ lại những ngày đi chăn bò chăn dê giữa núi rừng, thời trai trẻ, rồi liên kết với việc làm thơ và một số hình ảnh khác, tức thời những hình ảnh và các con chữ sẽ xô đẩy nhau. Ông viết mấy dòng sau, như một bức tranh của trẻ con vẽ, không đầu không đũa, không luật tắc, thấy và thích gì thì cứ quẹt bừa, cứ bôi bác bừa những vệt màu và đường nét, vậy mà sẽ mang lại cho người xem nhiều điều lý thú.

Làm thơ như thể chăn trâu
Chăn bò, chăn ngựa, ngõ hầu chăn dê
Chăn hùm thiêng mệt chán chê,
Chăn beo, chăn gấu, nghiệp nghề chăn voi.

Đi vào cõi thơ Bùi Giáng, bên những cơn điên dài của ông, giữa những cơn chiêm bao mộng mị, đôi lúc thấy ông điên vậy mà nhìn kỹ lại thì ông chẳng điên chút nào. Vậy nên, có nhiều người cho là Bùi Giáng không điên, như Viên Linh cho rằng ông chỉ chọn một thái độ sống như vậy mà thôi. Trước thế giới Bùi Giáng, chúng ta như đứng nơi một ngả ba đường, hay giữa những lối mòn trong rừng thẳm mà cần phải chọn một hướng đi, mỗi người phải tự định hướng cho riêng mình.

Riêng tôi, lúc nào tôi cũng thấy Bùi Giáng là một thiên tài điên.

Điên nhưng rất hiền hòa, rất thơ mộng, điên như thánh. Giữa những cơn điên kéo dài lâu quá, ông như không còn phân biệt cái thực và hư. Có một bữa, ông đòi tôi chở về một căn nhà nào đó bên miệt Phú Nhuận để ông cho vịt ăn, vì nhiều ngày quá rồi ông chưa trở về chắc là vịt đói lắm. Trên căn gác tôi đưa ông về, ông rào một chuồng vịt khoảng mấy thước vuông, ông ném gạo cho vịt ăn, nói nói cười cười rất hoan hỉ, nhưng đàn vịt ấy chỉ toàn là một bầy vịt bằng nhựa. Trước năm 75, tôi gặp ông rất thường vì mỗi buổi chiều rãnh rỗi tôi thường ghé Đại học Vạn Hạnh viếng thăm thầy Tuệ sĩ rồi cũng tạt qua thăm ông. Lúc nào cũng thấy ông làm việc, nằm ở một góc nhà, chung quanh đầy sách vở, đọc đọc chép chép không ngừng nghỉ. Ngoài những cơn cuồng, Bùi Giáng rất lặng lẽ, ghét chuyện thị phi, tranh chấp ô trọc. Tôi còn nhớ khoảng năm 1971, tuần báo *Tìm Hiểu* của cô Phan Lâm Hương (con gái út cụ Phan Huy Quát) có thực hiện một cuộc nói chuyện với Bùi Giáng rất hay và nghiêm trang, có thể giúp cho người đọc chia sẻ được nhiều điều với Bùi Giáng. Nhưng sau đó thì có vấn đề, vì bài báo ấy mà một thi sĩ khác, cũng là loại cô phong đỉnh của vòm thơ Việt hiện đại, gây hấn với Bùi Giáng quá cỡ. Bùi Giáng sau đó rất sợ mấy nhà báo. Ông than phiền hoài, cho rằng mấy ông làm báo đã kéo Bùi Giáng vào việc thị phi ở đời, từ đó ông không còn muốn gặp mấy người ký giả, viết báo thường thích gây chuyện chộn rộn ở đời.

Bùi Giáng tránh né chuyện thị phi, và ông rất ghét bạo lực, bạo động, bạo quyền. Hơn 25 năm trước, tôi thấy ông nuôi một đàn chó nhỏ, đi đâu cũng dẫn theo làm chúng sủa vang các hẻm đường, có lúc ông cho luôn hết vào bao bố và vác trên vai làm chúng cũng muốn ngất ngư, ngộp thở, chỉ còn kêu hục hục trong bao. Có lần ông để quên đàn chó ở nhà bà Bé Ký cả tuần lễ làm Bé Ký phải nuôi ăn và chăm sóc rất mệt, hở tay ra là chúng sủa vang nhà không ai chịu nổi. Đàn chó này, mỗi con đều có tên, và tôi rất kinh hoàng thấy ông gọi con chó xấu xí, nhếch nhác nhất trong đám bằng tên nhân vật số 1 của lịch sử hiện đại. Và sau năm 75, chẳng lạ gì khi mà cứ những chỗ đông người, chợ búa xô bồ, cuồng sĩ họ Bùi thường đứng diễn thuyết, hùng hồn kể tội cụ HCM và dàn cầm quyền chóp đỉnh hiện nay.

Tôi cũng còn nhớ, có lần nói chuyện với ông, tôi mới chỉ lỡ lời nhắc đến các nhà nho cách mạng đất Quảng, hai cụ Phan Tây Hồ, Huỳnh Thúc Kháng, thì ông rất tức giận rồi lên cơn điên ngay, chộp lấy cổ áo tôi, gần như muốn xô tôi xuống từ lầu ba trường Vạn Hạnh.

Qua mấy câu chuyện nhỏ này, tôi cảm thấy rằng, Bùi Giáng chỉ muốn sống với mọi người trong một thế giới thái hòa, an lạc. Đua tranh

rồi bạo động chỉ là mầm mống của phân ly, mất quân bình và rối loạn. Ông yêu thích cuộc sống lặng lẽ tự nhiên, như một đôi lần tôi thấy ông len lén chào mấy người đệ tử của ông Đạo Dừa với một vẻ hỉ hoan bất tận bộc lộ ra trên khuôn mặt. Ông chào rất kính cẩn mấy ông đạo này, những người đã tự phát nguyện tịnh khẩu vài ba năm, có người quyết tịnh khẩu cho đến khi nào hòa bình được lập lại mới sẽ mở miệng, cất tiếng với đời.

Bên trên là vài giai thoại về Bùi Giáng bởi vì đề cập đến Bùi Giáng mà không nhắc qua các giai thoại dính dáng đến ông thì quả là thiếu sót. Mới đây, trên *Việt Báo Kinh Tế* số ngày 17 tháng 10 năm 1998, ông La Toàn Vinh, cựu sinh viên Trường Mỹ Thuật Gia Định nhắc lại vài hình ảnh Bùi Giáng mà ông bắt gặp ở Sài Gòn trước đây, đọc rất vui. Đọc đến chỗ khi Xuân Diệu diễn thuyết trong khuôn viên Trường Mỹ Thuật, ông đi tới đi lui ngoài cổng trường và chửi đổng: "Mẹ mày Xuân Diệu... Mẹ mày Xuân Diệu," tôi đã phải cười phì và nhớ ngay đến dáng đi, điệu nói, tiếng cười của ông.

Có thể không cần đọc Bùi Giáng, mà chỉ cần nghe những giai thoại về ông thì cũng là đủ để sống được chất thơ và đời thơ của Bùi Giáng. Những giai thoại như thế, nếu cất công đi ghi chép lại nơi bạn hữu, thân nhân của Bùi Giáng và trên khắp đường phố Sài Gòn thì có lẽ chúng ta sẽ có cả một quyển sách dày như tự điển, góp phần phong phú đời sống văn học đất nước trước mắt và cho cả mai sau.

Chúng ta vừa đi qua một vài nơi giữa khu vườn bát ngát mênh mông của cõi thơ Bùi Giáng. Khi viết bài này, tôi rất tiếc là không có trong tay tài liệu gì về Bùi Giáng, chỉ đành nhặt nhạnh mấy câu thơ nơi các bài báo gần đây, tuy nhiên cũng hy vọng là đã vẽ phác được đôi nét về ông, làm sống lại đôi chút hình ảnh một thiên tài của dân tộc.

Bùi Giáng là thiên tài nhưng là một nhà thơ điên, vì vậy ông viết quàng xiên nhiều quá. Nhưng cũng chẳng hề gì, mấy ngàn trang sách của ông chỉ cần lọc lại thành một tập thơ nhỏ, rồi với tập thơ ấy chỉ cần tinh lọc thêm một lần nữa để chỉ còn lại chừng mươi bài, thì với mươi bài thơ ấy ông cũng đã là một nhà thơ lớn bậc nhất của thời hiện đại, một vì sao lấp lánh rạng rỡ mãi hoài trên vòm trời thơ của dân tộc Việt.

HUỲNH HỮU ỦY

Viết xong ở gác nhỏ đường Hồ Tây,
Thành phố Vườn, ngày 19.10.1998

Tái bút: Bài viết trên đây đã gửi đi để kịp chuẩn bị sắp chữ và

lên khuôn trong số báo tới thì tình cờ tôi vừa tìm lại được tờ *Tạp Chí Thơ* số ra mắt vào mùa Xuân 1994 có in một bài viết rất hay của Thanh Tâm Tuyền về Bùi Giáng cùng với hai bài thơ của Bùi Giáng. Tôi chẳng thể nào không viết thêm mấy dòng tái bút này, dù biết có làm phiền hà tòa soạn trong việc sắp xếp lại trang báo trước khi đưa đi in, để trích lại ở đây một đoạn văn của Bùi Giáng mà Thanh Tâm Tuyền đã trích dẫn cùng một bài thơ của Bùi Giáng mà *Tạp Chí Thơ* đã chọn để in lại.

Đây là bài thơ *Bao Giờ* của Bùi Giáng:

Bằng bút chì đen
tôi chép bài thơ
trên tường vôi trắng

Bằng bút chì trắng
tôi chép bài thơ
trên lá lục hồng

Bằng cục than hồng
tôi đốt bài thơ
từng giờ từng phút

Tôi cười tôi khóc bâng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không.

Quả là một bài thơ tuyệt đẹp với những hình ảnh tự động xô đẩy đuổi bắt nhau. Những hình ảnh chuyển động trên một đường biên của hữu thức và vô thức. Ảnh tượng và sắc màu rất cụ thể mà rõ ràng là vô thực và đầy mộng mị. Tất cả là để dẫn đến một dấu hỏi về cuộc đời và ý nghĩa nhân sinh, đầy khúc mắt mà nhẹ nhàng, tế nhị,và vô cùng bao dung. Có thể nói đó là một bài thơ siêu thực hiện đại mà vẫn chứa chất một cái hồn cổ kính thơ mộng.

Và đây là mấy ý kiến về thơ của Bùi Giáng mà Thanh Tâm Tuyền đã dẫn:

"Thơ là một cái gì không thể bàn tới, không thể dịch, diễn thì được. Người ta có thể diễn tả một trận mưa rào bằng lời thơ. Thì có lẽ muốn diễn tả một bài thơ, người ta chỉ có thể phát động một trận mưa rào, hoặc một cơn gió thu. Mà muốn thực hiện sự đó, thì ngoài việc làm thơ ra, con người không còn phép gì khác. Thế có nghĩa là muốn



BÙI GIÁNG

Đi tu tâm niệm

Đi tu em nhớ một lời
Đừng bao giờ trở lại đời làm giai nhân
Đừng đẹp đẽ đến vô ngần
Chỉ cần chút đỉnh đẹp tần ngần tu (đi)

bàn tới thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài thơ khác.

Người xưa am hiểu sự đó, nên họ chỉ vịnh thơ, chứ không điên rồ mà bàn luận về thơ. Người đời nay trái lại, họ buộc phải luận thơ có mạch lạc luận lý, không được "bốc đồng", vịnh lăng nhăng. Cái chỗ ngu si đó là điều bất khả tư nghị vậy.

Thơ tôi làm chỉ là một cách dìu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão dông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu, chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên cánh bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm, bay về Sương Hy Lạp, ghé Calvaire viếng một vong hồn bát ngát, rồi quay về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu.

... Trong chiêm bao thơ về lãng đãng thì từ đó vẫn bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao."

Có lẽ chưa từng có ai bàn về thơ với giọng điệu dị thường như vậy. Ông mở ra một cõi mênh mông, thăm thẳm cho thơ, và mời gọi người ta bước vào. Và tôi hết sức đồng ý cũng như thích thú với mấy lời của *Thanh Tâm Tuyền:*

"Đừng có nghĩ, hãy buông mặc theo ông, như ông đã từng buông mặc trong trận đồ kẻ trước. Ông luôn luôn nhắc nhở nơi ông là những bóng vang ai khác. Và ta hãy là bóng vang của ông."

Xin cảm ơn thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, chỉ với bài viết *"Bùi Giáng, một hồn thơ bị vây khốn"* rất ngắn của ông, đã soi sáng cho tôi nhiều điều về cái sâu thẳm không cùng của nhà thơ Bùi Giáng. Vậy thì, hãy bước vào cõi thơ Bùi Giáng bằng cách trút bỏ tất cả hệ lụy, vứt bỏ cả những phân tích, phê bình, lý luận để mà hít thở và mơ mộng cùng ông, để phiêu bồng cùng ông qua những chân trời không cùng của thơ.



THƯỜNG QUÁN

Truy niệm

Lá thiên thu đẹp làm thinh bên đường
Bùi Giáng

Trận gió cuối cùng của trưa đã để người nằm im
nằm im trong, không đi đâu nữa trên vỉa hè kề cà trái đất
ngoài kia, thành phố mái tôn xơ xác cuối Hai Mươi
trận gió thương hải vân ấy là tất cả

để người nằm im
người đã mang những vòng hoa gai trên đầu
người đã hát vạn lời triều hải thiên thanh
người nằm sấp về
mà trận gió trưa

trận gió trưa mẹ bao la
đôi mắt như nhiên yên lặng
bàn tay xanh từ kêu con ngoài phố

ngoài phố những đứa trẻ bán báo
những đứa trẻ chát chát rễ cây ngoài phố
chạy lách giữa những đàn xe Dream
trong cõi chiêm bao lần cuối của người
chúng vẫn bay non lảo đảo như là chim

hay là lá? mà người tận lực không đủ xoay vòng
một vòm mái hiên

dù ngực dù hai chân dù hai lá phổi
sự cẩn trọng bắt đầu giữa tim
nhưng người không còn nói

(những gì người đã thấy thì không ai khứng nổi)

*

Bây giờ hồi còi trưa những con tàu đen rống lên ngoài đại hải
những đàn bò cuối cùng trong lũng núi
mây trắng từ Mỹ Tho tới Duy Xuyên
đội nón rách để tay lên khóe miệng.

*

Mặt đất quê hương của người vẫn tiếp tục một buổi trưa
đâm xiên vào cổ áo lập lòe và lổ đổ
ai đó nói nhỏ: Thôi em đừng
Cuộc tận hiến cũng có hồi kết của nó.

Những đứa trẻ vừa nghe tin
chúng chạy tìm những chùm bông cỏ
bốn năm người thi sĩ sót lại trong thành phố
tới bên đèn đặt những nhành lá

Rồi khoảng yên lặng thăm thẳm giữa những hồi gió
rồi một quán sách ở ngả ba

*

Một thềm hiên chùa một mái cà phê

một mặt bàn ngó ra trời
ngó lui vào là cổng ngỏ
Ngoài cổng ngỏ là bát ngát
những âm vọng của lời
và những lầu đài ngôn ngữ u tịch của người
những bài ca trưa người từng bước đi, từng hát
bụi cát, tán cây, nữ sinh, tiếng xe cộ, âm mây về, bát ngát vỡ, ho,
khao khan phổi, lá ngực, người hát

Người thấy ngược (như sấm chớp trời xanh) người hát
mây trắng từ Mỹ Tho tới Duy Xuyên
mây trắng từ Senegal về Điện Bàn
mây trời Sài Gòn mây trắng Hy Lạp
mây trắng Hà Tĩnh chiêm bao Uyên nguyên
mây trắng và một chuỗi tiếng cười nghèn nghẹn
một buổi trưa nào
Như Dzẫn Dzậy Đó

Khi tất cả đã ngủ trong suốt
người hát và người nói Răng rứa mi và
Để làm chi

Để làm chi để làm chi
Những làm thinh bên đường lá thiên thu đẹp

*

Trong giấc mộng của những mái tôn rỉ đỏ
và những con người dưới một mái hiên chùa Sài Gòn)
Mây trắng đang kéo hàng
Và màu xanh đang sửa lại khuy áo cho người
Ôi trong suốt xanh, người
người làm thinh

THƯỜNG QUÁN



THỤY KHUÊ

Hiện tượng Bùi Giáng



Sinh thời, Bùi Giáng bảo: "*Hãy để cho tôi yên, tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có ai bàn đến thơ tôi.*" Có lẽ vì tôn trọng nhà thơ, cho nên ít ai bàn đến thơ ông.

Như thơ ông, Bùi Giáng sống tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng. Thơ ông cả đời lục bát. Tại sao lục bát? Lục bát bởi vì, đối với Bùi Giáng: "Lục bát Việt Nam là cõi thi ca hoằng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển, ba bẩy sông hồ."

Về bản thân mình, Bùi Giáng tự họa: "*Nhe răng cười trong bóng tối... Không bao giờ bắt chuồn chuồn mà cứ bảo rằng mình luôn luôn bắt chuồn chuồn... Không thiết chi đọc sách mà vẫn cặm cụi đọc sách hoài... Chán chường thi ca mà cứ làm thơ hoài... Chuốc sầu vạn đại thì bảo rằng mua vui cũng được một vài trống canh.*"

Hỏi về tiểu sử, Bùi Giáng trả lời:

Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa.
Gọi tên là một hai ba,
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm

Trên báo Văn, số 26 tháng 8 năm 1984, Mai Thảo kể lại rằng khi hỏi về cái lực viết phi phàm của Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền lắc đầu

cười: "*Chịu, không giải thích được. [...] Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận, vô cùng là đúng hơn. Ngủ ra thơ. Thở ra thơ. Đi ra thơ. Đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ.*"

Vẫn theo lời Mai Thảo, ông Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm, thuật lại: "*Ảnh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say ngất rồi về lầu lăn ra sàn ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tối thẩm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thì ảnh ngừng. Nói có máy, có giấy, nói buổi sáng, buổi chiều ảnh đã tới ném bịch xuống cả năm bẩy trăm trang. Cứ thế đem sắp chữ thôi, đâu có thì giờ đọc.*"

Mai Thảo kể tiếp, khi làm số Văn, đặc biệt về Bùi Giáng: "*Tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất. Ông gật. Tưởng lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, bắt đầu tại chỗ làm thơ [...] Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, xa quá, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút, từ đầu ngón thôi [...] Lần đó, tôi đã thấy, đã hiểu tại sao Bùi Giáng, cứ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lãng du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi.*"

Về những cơn điên Bùi Giáng, Phạm Xuân Đài kể trong lời tựa tập Thơ Bùi Giáng: "*Chỉ có thơ và những cơn điên [...] Bây giờ (năm 1992) anh ít làm thơ lắm, còn các cơn điên thì vẫn viếng thăm anh gần như định kỳ. Những lúc ấy anh đi nhiều nơi, nhưng thường xuất hiện ở vùng chợ Trương Minh Giảng (chỗ Đại Học Vạn Hạnh, là nơi ngày xưa anh thường trú ngụ) đứng giữa đường vung tay, điều khiển xe cộ, cử chỉ rất linh động, đặc biệt đôi mắt sáng quắc bừng bừng [...] Có khi anh múa may trong một lớp áo lòe loẹt, động tác mạnh mẽ chính xác gần như múa võ, miệng hò hét như đang nạt nộ với một đối tượng vô hình.*"

Đó là hiện tượng Bùi Giáng, qua lời kể của những người thân trong giới văn học.

*

Bùi Giáng là ai? Bùi Văn Vịnh, em của Bùi Giáng, cho biết: Bùi Giáng sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926 tại làng Thanh Châu, huyện

Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ, học trường Bảo An tại Điện Bàn, Quảng Nam, trung học ở trường Thuận Hóa, Huế. Năm 1950, đậu Tú Tài II văn chương ở Liên Khu V. Sau đó ra Liên Khu IV học tiếp đại học. Nhưng sau khi nghe qua bài diễn văn khai giảng của ông viện trưởng, Bùi Giáng quay về Quảng Nam và bắt đầu quãng đời được gọi là "Mười lăm năm chăn dê ở núi đồi Trung Việt".

Tháng năm 1952, Bùi Giáng về Huế thi Tú Tài tương đương và vào Sàigòn ghi danh Đại Học Văn Khoa.

Lần này, sau khi nhìn danh sách giáo sư giảng dậy ở Văn Khoa, Bùi Giáng quyết định chấm dứt việc học ở trường và bắt đầu viết khảo luận, sáng tác, dịch thuật và đi dạy học tại các trường tư thục.

Từ 1957 đến 1997, Bùi Giáng có khoảng 55 tác phẩm đã in về thơ, dịch và triết. Như lời Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Thanh Tuệ, thơ có đến nghìn bài. *Và nội trong một ngày, có thể ném bịch một vài trăm trang sách.* Đúng là một kỷ lục có một không hai.

Chúng ta thử tìm hiểu bản chất của kỷ lục ấy qua một vài trang sách của Bùi Giáng trong Con Đường Ngã Ba Bước Đi Của Tư Tưởng, do An Tiêm xuất bản lần thứ nhất tại Sàigòn năm 1972, và tái bản tại hải ngoại.

Có thể nói trong cuốn sách này, cái gọi là điên của Bùi Giáng phát hiện rõ rệt dưới hình thức loạn ngôn, ngộ chữ cao độ. Về Heidegger, Bùi Giáng viết: "Tất cả con đường tư tưởng của Heidegger là mọi mọi lối nhiếp dẫn bước đi về những vùng u kín trong cổ lục uyên nguyên." (trang 13)

Về Nietzsche, ông viết: "*Nietzsche không phải là đại hải đại dương. Nietzsche đã đón vào lòng mình một dòng sông dơ bẩn. Và từ đó? Từ đó, Nietzsche biến thành một loại người mạt hậu theo mọi nghĩa thái thậm ly kỳ. Con người mạt hậu và hư vô chủ nghĩa, con người mạt hậu và sa mạc tinh hoa, con người mạt hậu và Mạt Hậu "Tử Sinh Môn" Hoạt Tinh Thể, con người mạt hậu và Siêu Hình Học Lãnh Địa, con người mạt hậu và Định Mệnh Phối Tiết Sử Lịch Tồn Lưu, Định Mệnh Phối Tiết Sử Lịch Tồn Lưu và Siêu Hình Học theo nghĩa Sử Lịch chân lý của Hiện Thể như là Hiện Thể, Sử Lịch chân lý của Hiện Thể và Định Mệnh Tồn Lưu thoái tàng ư mật, Tồn Lưu thoái tàng ư mật và Hằng Thể bước vào vòng di vong trầm một, từ di vong trầm một, còn chút hậu tình ân ốc nào sẽ "trột mầm" cho một trận Dịch Chuyển thông hành của Định Mệnh hay không? hay là Siêu Hình Học vẫn mãi*

mãi kiên trì tồn lập trong cuộc đù đỡn "trệ lưu ư ngoại" bất khả tư nghì khuyết phạp từ Hoạt Tinh Thể của Hư Vô? ..." (trang 17)

Và cứ như thế, Bùi Giáng sản xuất 499 trang Con Đường Ngã Ba, Bước Đi Của Tư Tưởng.

Điểm thích thú nhất của người đọc trong cuốn sách này là những trích đoạn thơ Bùi Giáng, phần lớn là những câu thơ hay, tỏa ra những suy tư sâu lắng về bản chất con người.

Nhưng trong 499 trang chữ ấy, người đọc tìm thấy rất ít dòng đứng đắn và tỉnh táo bàn về những vấn đề triết học như hiện sinh và bản thể, tồn tại và thời gian, mặc dù ông rất ngưỡng mộ Heidegger, người thầy hiện sinh được ông trích, dịch một cách kỳ cục. Ví dụ như câu này, dịch ra từ tiếng Pháp, tiếng Đức: "Nhưng mà lời thuyết thoại trì ngự, trong (khởi từ) Định Mệnh Phối Tiết mở phơi, sẽ ra sao nếu như cái Sở Khải Khai trong Song Trùng Tịch Hạp bị Định Mệnh Phối Tiết (ruồng rẫy) bỏ phó mặc cho cuộc thể hội vất vơ nhân tuần (dung thường nhật lệ) của con người từ diệt chúng tử chúng sinh?"

(Con Đường Ngã Ba Bước Đi Của Tư Tưởng, trang 12-13)

Dù đặc sệt những tên tuổi triết gia, nặng ký trích dẫn thiên kinh, vạn điển; dù có một số ý trội lên về vấn đề đọc sách, đọc Nguyễn Du, đọc Bùi Giáng, về sự gặp gỡ giữa những nhà tư tưởng lớn, đả kích một số nhà xuất bản không tôn trọng văn bản của tác giả, Con Đường Ngã Ba vẫn không phải là cuốn sách bàn về triết học, hoặc đưa ra một hệ thống tư tưởng mạch lạc; mà có thể nói đây chỉ là cuốn phiếm luận bí hiểm, ngôn ngữ thần trú, nhại triết học, nhạo người đọc. Cho nên khi Tạ Ty viết: "Bùi Giáng đối thoại với Nietzsche, Sophocle, Parménide, Khổng Tử, Lão Tử, Sartre, Camus..." thì e rằng Tạ Ty quá lời. Sự tìm kiếm siêu hình nơi Bùi Giáng, như chỉ dừng ở phần vỏ của ngôn từ: tồn sinh, tồn lưu, hằng thể, hư vô, logos, ... mà không đi vào nội tâm của suy tưởng. Hoặc có lẽ Bùi Giáng chỉ muốn rỡn chơi. Nếu ông có nhắc tới Như Lai, Bồ Tát, Heidegger, Parménide, Platon, Socrate cũng chỉ như ông nói đến Nam Phương Hoàng Hậu, Dương Quý Phi, Marilyn Monroe, đười ươi, chuồn chuồn, châu chấu v.v... vậy thôi, trong một trạng thái "tẩu hỏa nhập ma", một tinh thần anarchiste toàn diện. Thái độ anarchiste của Bùi Giáng, ở đây gần với nghĩa "phức loạn tri năng" của Đào Duy Anh và rất xa với nghĩa "vô chính phủ" mà người ta thường gán cho anarchiste theo nghĩa hẹp.

Phải chăng Bùi Giáng chỉ muốn "hù dọa" người đọc không chuyên môn? Hay ông muốn nhại, diễu, những hệ thống suy tưởng mà một số trí thức quen dùng như mẫu mực hoạt động tinh thần? Biến chúng thành một thứ charabia, ngôn ngữ vấn đáp chuồn chuồn, châu

chấu, nói trẹ, nói xàm, nói bá láp và ông có khả năng sản xuất mỗi ngày vài trăm trang như thế?

Thái độ anarchiste toàn diện này mở rộng trong đời sống, trở thành một bản năng phản kháng quẫy đời: Cởi quần áo giữa lớp học, tắm nơi công cộng, ngủ vỉa hè, trở thành clochard (hành khất say rượu), mặc áo rằn ri lính ngụy, để chỉ đường..., tất cả những "cơn điên" ấy của Bùi Giáng chứng minh sự sáng suốt của một Bùi Giáng không điên.

Không điên vì ông chỉ đẩy đến cùng trạng thái hiện sinh, chứng nghiệm ý thức trần trụi về bản thể. Cởi dần năm bẩy lớp quần áo chẳng qua chỉ là hình ảnh "rút gọn hiện tượng", bóc vỏ các tầng lớp bề ngoài của "hiện tượng" để tìm ra bản chất trong hiện tượng luận Husserl.

Trở thành clochard là một cách thể nghiệm tự do và tự hủy.

Trong những đệ tử của hiện sinh thời ấy, Bùi Giáng là người đi xa nhất trong hành động tự hủy và hành xác. Tự hủy để chứng minh: Cá nhân con người đã chán ngấy cuộc sống, nó có một quyết định tự do lựa chọn, và sự hủy hoại bản thân là sự lựa chọn tiến gần nhất đến tự do tuyệt đối.

Sau 75, người ta càng yêu Bùi Giáng hơn, vì trong một xã hội được bị lồng vào khuôn phép, một xã hội đã ổn định cơ chế, công chúng yêu mến những gì bất thường, yêu những kẻ ngoại đạo, bất ổn.

Bùi Giáng là người ngoại đạo duy nhất dám làm lũng đoạn môi trường ổn định bằng thái độ tự hủy. Cái điên của Bùi Giáng là cái điên sáng suốt trong một tình thế không có cứu cánh nào khác nếu không tìm về bản thể của con người.

Thơ Bùi Giáng, hiện sinh trong đoạn trường và định mệnh

Những "dạ thưa", những "tồn sinh", những "phố thị", những "cố quận", "đười ươi", đã trở thành những cốt cách, những địa chỉ rất Bùi Giáng:

Dạ thưa phố Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương
Dạ thưa Vỹ Dạ về gần

Đã từ xa lắm thiên thần nhớ em

Thơ Bùi Giáng, ngay từ thuở đầu đã rong chơi, lãng mạn, tinh nghịch, nhẹ nhàng, hóm hỉnh, luôn luôn là những lời vấn đáp lẩn thẩn về ý nghĩa cuộc đời, về lẽ tồn sinh, về những chuyện phù du, dâu bể, ẩn khuất một dục tình khép mở Xuân Hương:

Cá ở ngoài khe có ít nhiều
Cồn lau cỏ lách có hoang liêu
Em về có hỏi răng ri rứa
Nhắm mắt đưa chân có bận liều.
(Bờ trần gian)

hoặc:

Bỏ hai chân xuống một vùng
Nước truông là lá thu rừng xuống khe.
(Bỏ hai chân)

Những dòng thơ trên đây, theo như lời Mai Thảo, Bùi Giáng đã làm một mạch, tại chỗ, xuất bút thành thơ. Huyền thoại Bùi Giáng, thi sĩ bẩm sinh, poète né, trong thập niên 60-70, được xác định như một hiện tượng văn học độc đáo. Như thể ông đã biết trước đường đi nước bước của thơ. Có khả năng thiên bẩm về sự lang thang ngơ ngẩn của chữ trên đời, và chỉ cần hươ tay, bắt chúng, nhốt vào câu lục bát, như Bình Nguyên Lộc "nhốt gió", là có ngay thơ Bùi Giáng:

Một hôm đếm một ra ba
Thật là lạ lắm, ấy là cái chi

hay:

Người con gái lội qua khe
Bàn chân với nước lạnh đè lên nhau
Nỗi niềm tưởng lại xưa sau
Bàn chân với nước cùng nhau lại đè.
(Lá hoa cồn)

*

Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa
Gọi tên là một hai ba
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm

Bốn câu tự họa trên đây dường như đã gói trọn bản chất thơ ca và tư tưởng Bùi Giáng. Một bản chất đa mang nỗi hiện sinh hoang tưởng trong một "đạo khờ" gắn bó với đoạn trường tái tân thanh (chữ

của Bùi Giáng) tiếp nhận Nguyễn Du như một thông đạo, thông thư, thông mệnh văn học.

Thân phận dâu bể của con người, nỗi hoài nghi về số kiếp, ta từ đâu lại? Ta là ai? Những trầm luân, biến đổi làm sao đo, đếm, đặt tên được? Đến bản thân ta, ta còn không biết, nữa là... Nếu trường phái hiện sinh (Sartre) bác bỏ tính chất định mệnh, thì ở Bùi Giáng, định mệnh (Kiều) và hiện sinh giao hưởng với nhau thành một cấu trúc tư tưởng mới, tạo nên những vần thơ đậm dấu Đạm Tiên, hắt ra những ánh siêu thực:

Em chết bên bờ lúa
Để lại bên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con
Anh qua miền cao nguyên
Nhìn chân trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió
Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruỗng
Xương trong mình rã riêng
(Mưa nguồn)

Bùi Giáng có những câu thơ rất cao, rất tĩnh, rất sâu, thanh thản, gợi đến hư vô trong một không gian lãng mạn trữ tình, ít thấy xuất hiện trong thơ Việt.

Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh
Dòng nức nở như tia hồng đốm đỏ
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành
(Hư vô và vĩnh viễn - Mưa Nguồn)

Không gian Bùi Giáng, một cõi hư không đầy dấu hỏi, bồng bế nhau đi, năm này qua tháng khác, một cõi trùng sinh, di động luân hồi.

Những nhịp bước trên đường còn dội mãi
Vang về đâu không vọng lại hồi âm
Của réo rắt riêng một lần mãi mãi
Gió phương trời ủ mộng giữa hoa tâm
Em hỏi mãi tuy biết lời đáp lại
Chẳng bao giờ thỏa đáng giữa đời câm

Em ngó mãi những chiều về trở lại
Mang những gì về trong cõi trăm năm...
(Chiều - Mưa Nguồn)

Từ Nguyễn Du, Bùi Giáng trích tạo nên một mô-típ bạc mệnh hiện đại, mầu sắc siêu thực, tài tử và tài hoa, một chất thơ giao thoa Nguyễn Du Bùi Giáng

Lớp phiêu bồng mọc trăng ngàn
Thành xưa phố cũ muôn vàn phía sau
Đạp thanh vẽ bóng lộn mầu
Góp dâng cữ gió nghiêng đầu sương mây
Ngõ ban sơ hạnh ngân đài
Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua
Xin chào giữa bước chân ra
Chết từ sơ ngộ mầu hoa trên ngàn
(Mầu hoa trên ngàn)

Nơi Bùi Giáng còn một mô-típ bạc mệnh, cuồng khất, tổng hợp tính chất đoạn trường, tồn sinh, ngông ngôn, rất liều và rất loạn, mà cũng là vọng âm của niềm hoang mang tuyệt đối:

Hồng quần rất mực bước ra
Trường quần duệ địa phong hoa lá cồn
Phải rằng nắng quáng dập dồn?
Hay là đèn trút linh hồn oái oăm?
Phải là nguyệt giữa đêm rằm?
Nguyên tiêu lãng đãng lá nằm ngẩn ngơ?
Kể từ hằng thủy ban sơ?
Kể từ sơ thủy về tờ vẽ trang?
Kể từ thu tạ lên đàng?
Rừng phong thu đã quan san nhuộm mầu?
Phải rằng đó trước kia sau?
Hay là sau trước còn tao ngộ gì?
(Con đường ngã ba)

*

Nhưng bi kịch của Bùi Giáng là ông lập lại chính mình.

Trong gần nửa thế kỷ làm thơ, Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lập lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo, về mặt từ

ngữ cũng như tư tưởng. Những dạ thưa, tồn sinh, trùng lai, phố thị của Bùi Giáng, tà huy của Nguyễn Gia Thiều, mù sa, trăm năm của Nguyễn Du... ban đầu làm xuyến xao người đọc: *Em về rũ áo mù sa, Trút quần phong nhụy cho tà huy bay.* Nhưng vì lập lại nhiều lần chúng bị phá giá. Hiện tượng phá giá này có mặt ngay ở những tác phẩm đầu và chủ yếu của Bùi Giáng.

Từ Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn, năm 62, 63 đã thấy xuất hiện tính chất đoạn trường, tồn sinh như tinh thần chính trong tư tưởng Bùi Giáng: Nguyễn Du, Tản Đà gặp gỡ Heidegger, Breton phóng sinh một tạng chán đời mới lạ. Bài Rượu Uống trong Lá Hoa Cồn, một thứ đoạn trường ngông rất lãng mạn siêu thực, tiêu biểu cho tính chất lang thang trong cấu trúc thơ Bùi Giáng:

Thưa em rượu uống bây giờ
Là trăm năm gục hai bờ tử sinh
Động hờ hững chúa điêu linh
Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phơi
Nhà ma cửa quỷ đi đời
Chìm hơi thở đục trong lời sương xanh
Càn khôn xiêm mỏng che mành
Về trong thiên hạ em thành thiên thân.

Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên cổ lụy còn trơ bên mình
Tài hoa tiếng vọng điêu linh
Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao.
Thưa em từ bữa nghiêng chào
Chớm trang đầu chợt sóng trào trường giang
Em đi rắc lá trên đàng
Cỏ xanh rì mọc suốt càn khôn kia
Mùa xuân mưa rưới mộng lìa
Về trong nắng hạ mép bìa sai bâu

Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma
Chạy quang cồn cụm lá già
Rách như bươm suốt ruộng sa mạc đồng
Càn khôn gió đổ chất chồng
Rú như beo rống như hùm đổi hang
Trên rừng dưới lũng tan hoang
Vẫn sừng sững bóng chắn ngang quỷ sầu

Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa trăng mờ hỏi ma
Hồn mang về giữa hiên nhà
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao
Nhìn nhau trong lũy ngoài hào
Lời phôi dựng một điệu chào dị sai
Trên đầu thế kỷ chia hai
Nguồn man mác lạnh tìm ai bây giờ

Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên thu lại còn trơ hận trường
Chung cầm dâu biển khôn lường
Chân trời mộng lý con đường chia ba
Nam đình doanh trại dàn qua
Trống chầu trùng ngộ thưa là không mong
Hoạt tồn phát tiết sầu đong
Tràng giang thế kỷ xô dòng xuống lên

Thưa em rượu uống bây giờ là điệp khúc mấu chốt dẫn đến câu thơ thứ nhì: Là trăm năm gục hai bờ tử sinh. Cả hai nằm trong cấu trúc song song, tổng hợp quan niệm ngông, đoạn trường và hiện sinh của toàn bài. Câu ba, câu bốn: Động hờ hững chúa điêu linh, Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phơi, đệm thêm chất lẳng lơ dục tính, nhưng đã loãng đi vì loại hình này được Bùi Giáng dùng nhiều. Rồi Chìm hơi thở đục trong lời sương xanh, một câu rất hay bị đặt bên một câu lãng xẹt: Nhà ma cửa quỷ đi đời.

Nếu chúng ta đọc đến nhịp thơ thứ nhì:

Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên cổ lụy còn trơ bên mình

cũng vẫn thấy nguyên những nhược điểm như nhịp thơ đầu, tức là trong phần thơ đệm có những vội vàng, dễ dãi, ghép chữ, ghép ý rất sáo: Tài hoa tiếng vọng điêu linh, Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao.

Ở những nhịp sau, thì ngay chính điệp khúc mấu chốt:

Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma
Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa trăng mờ hỏi ma

Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên thu lại còn trơ hận trường

đã có sự lập lại chính mình, như thể nhà thơ tiện tay bắt được chữ nào vội bỏ ngay vào lục bát, không màng nhìn lại những câu thơ đầu nữa.

*

Tất nhiên láy là một quy ước rất thường trong thi ca. Nhưng láy chỉ làm tăng giá trị thơ khi nó đưa đến những dồn dập hoặc trong cảm xúc, hoặc trong nhịp điệu, hoặc trong sinh động... Tức là láy phải đưa tới một trạng thái căng thẳng, tới một vận tốc khác trong tiến trình âm và ý.

Ví dụ:

Này chồng, này vợ, này cha
Này là em ruột, này là em dâu

là một trong những cách láy của Nguyễn Du, vừa tăng vận tốc miêu tả, vừa gia tốc sức ép của hiện thực, rành rành, chính xác, chỉ mặt, chỉ tên.

Hoặc:

Làm cho cho mệt cho mê
Làm cho đau đớn ê chề cho coi

Láy ở đây lũy thừa mật độ ác liệt của Tú Bà.

Hoặc:

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu

Mỗi lần láy này là một lần Nguyễn Du chuyển cảnh, chuyển tình.

Sự láy lại, nơi Bùi Giáng, rất thường khi chỉ là láy dập dình tại chỗ, láy lười, thấy hợp vần, tiện thể thì láy. Láy hồ đồ ít khi mang tới trạng thái mới, cảm xúc mới, hoặc một sức ép gia tăng, mà chỉ cho ta một cảm tưởng dằng dai, lai tạp:

Hãy mang tôi tới giữa đời
Giết tôi chết giữa cõi đời mốc meo
Hãy mang tôi tới nắng chiều
Giết tôi chết giữa một chiều khe mương
Hãy mang tôi tới dặm trường
Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ
Hãy mang tôi tới bất ngờ

Giết tôi ngẫu nhĩ trong giờ ngẫu nhiên
Hãy mang tôi tới diện tiền
Giết tôi chết giữa người thuyền quyên kia
(Sa mạc trường ca, Cầu Nguyện Ca)

*

Jacques Brel, năm 1966, khi tuyên bố ngừng hát ở tột đỉnh danh vọng, trả lời câu hỏi: "Tại sao ông ngừng hát lúc này?" Brel bảo: "*Tôi ngừng vì muốn giữ lòng ngay thẳng với thính giả và với chính mình. Bởi vì khi người nghệ sĩ như tôi, đã nắm vững được tất cả những yếu tố kỹ thuật làm lay động lòng người, thì người đó sẽ có khuynh hướng ăn gian (tricher), phong tỏa người nghe bằng tất cả những kỷ sảo của mình, và khi tôi biết mình sắp đi đến chỗ bước vào kỷ sảo , tôi ngừng.*" Tất nhiên, Brel chỉ ngừng hát hai năm và năm 68, khi ông trở lại với âm nhạc, đã với một tinh thần khác, hẳn Brel biết mình đã đoạn tuyệt được với ý định dùng kỷ sảo để thu phục lòng người. Và Brel ở lại với âm nhạc thêm sáu năm nữa.

Ở Bùi Giáng hình như không có sự tự giới ấy. Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá như:

Bụi thu mờ ai phủi với hai tay

hoặc:

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không
Ta đi còn giữ đôi giòng
Lá rơi có dội ở trong sương mù

khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vội vàng, mọc lên như cỏ dại.

*

Ám ảnh đoạn trường, tư tưởng và ngôn ngữ Nguyễn Du theo đuổi Bùi Giáng suốt đời. Những tập thơ mới nhất, in ở hải ngoại những năm gần đây càng lộ rõ. Trong những cuốn Thơ Bùi Giáng (sđd), Bùi Giáng 94 (in tại California năm 95), và một phần tập Chớp Biển (sđd), Bùi Giáng tìm về người thầy Nguyễn Du như một cứu cánh. Hầu như mỗi bài thơ của ông đều có ít nhất một chữ hoặc một câu của Nguyễn Du. Và cấu trúc toàn bài thường dựa vào ý một câu Kiều:

Rằng xưa ký ức đàn bà

Tên là phụ nữ, tuổi là dấn thân.

.....

Trước đèn một tập mở ra

.....

Biển dâu lục địa cõi miền

.....

Cảo thơm lần giở gió giăng dậy thì

Ám ảnh "mù sa", ám ảnh "chỉn e", ám ảnh "vân mòng", "mai sau", "trăm năm", "ngẫu nhĩ", "phong tình", "cổ lục", "dặm về", "tử sinh"... trở thành lớp da thứ nhì của Bùi Giáng:

Rừng phong thu đã nhuốm màu
Quan san ngần ấy tư trào ngần kia

.....

Chốn nào mộng mị chiêm bao
Chốn này tỉnh táo tiêu tao vân mồng

Từ cảnh sang tình, từ mơ sang thực, ám ảnh ngôn ngữ trở thành ám ảnh tư tưởng. Bùi Giáng đã cạn dần hồn mình và sống hồn Nguyễn Du trong đoạn cuối đời:

Em đi từ tỉnh mộng đầu
Một mình anh ở mang sầu trăm năm

Em từ vô tận xa xăm
Trùng lai chất vấn: Từ trăm năm nào?

Những câu hỏi mà Bùi Giáng trải suốt đời thơ, thắc mắc, tìm kiếm, đặt nghi vấn về cõi đi, cõi ở, cõi có, cõi không, biết đâu hôm nay Bùi Giáng chẳng đã tìm được Nguyễn Du ở một cõi trùng lai nào đó, và ông đang chất vấn người thầy về nỗi đoạn trường ấy, từ trăm năm nào?

THỤY KHUÊ
Tháng 10/1998



NGUYỄN HƯNG QUỐC

Bùi Giáng, Càng điên... càng tỉnh; Càng già... càng lãng mạn



Trong bài "Chép thơ" in trong tập Bùi Giáng 1994 do thân nhân của Bùi Giáng xuất bản tại California năm 1995, có hai câu mở đầu như sau:

Chép bài thơ cũ tặng em
Những bài thơ mới
tèm nhem tâm hồn

Đó là nhận định của Bùi Giáng về chính thơ của ông: những bài thơ ông mới viết sau này "tèm nhem tâm hồn", hay nói cách khác, sướt mướt đầy những cảm xúc dễ dãi, một điều hình như ông không thể tránh được nhưng ông lại không thích mấy, nên ông không muốn chép tặng người thân.

Trong một bài thơ khác, bài "Từ bấy tới nay" in trong tập Thơ Bùi Giáng do Thế Kỷ 21 xuất bản năm 1994, Bùi Giáng, một lần nữa, lại ghi nhận sự thay đổi trong thơ của mình:

Chợt mùa thơ vội đổi giòng
Cỗi nguồn cũng bởi tự lòng mà ra

Nhớ, trong bài "Xuân xanh người Tàu" in trong tập Mùa thu trong thi ca, năm 1969, nhân nhắc đến Nam Phương Hoàng Hậu Nguyễn Thị Lan, Bùi Giáng làm hai câu thơ, trong đó, câu đầu tiên hao hao như câu trên:

Chợt mùa thơ vội đăm chiêu
Bên mình phố thị Lan đìu hiu đi

Câu thơ sáu chữ, chỉ khác nhau hai chữ sau cùng. Nhưng đó là sự khác biệt quyết định. Sự thay đổi, ngày xưa, chỉ là một sự thay đổi nhỏ nhoi: hơi thơ tự dưng chùng lắng xuống, trầm ngâm hẳn đi khi nhớ đến người phụ nữ mình ái mộ. Sự thay đổi hiện nay không những đột ngột mà còn quyết liệt, toàn diện. Là một sự "đổi giòng". Từ sông Thương sang sông Mã hay ngược lại. Biến thơ Bùi Giáng, giai đoạn trước và giai đoạn sau, có những khác biệt căn bản trong phong cách. Trong bài "Thuở chưa điên" in trong tập Thơ Bùi Giáng do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990, Bùi Giáng nói về hai giai đoạn thơ ấy:

Ấy là thơ thuở chưa điên
Ở trong dấu ngoặc quàng xiên reo cười
Bây giờ xoang điệu đười ươi
Điệu hoa lầu các ngậm ngùi dấn thân

Bài thơ cấu trúc trên trục đối lập: lúc người chưa điên thì thơ lại như điên; lúc người đã bị xem là điên thì thơ, đằng sau cái vẻ ngớ ngẩn và nhảm nhí lại rất hiền triết, chứa đựng thật nhiều tâm sự hắt hiu về cuộc đời.

Trước năm 1975, Bùi Giáng đã có một số những cơn điên ngắn. Trong lời giới thiệu Bùi Giáng in trong cuốn Thơ điên... *thứ thiệt do Thái Bình Điên Quốc xuất bản tại Sài Gòn năm 1970, các bác sĩ làm việc trong dưỡng trí viện Nguyễn Văn Hoài đồng thời cũng là những người đứng ra biên tập tập thơ, cho biết, lúc đầu Bùi Giáng bị xếp vào loại điên nhẹ, nhưng từ tháng 5 năm 1969 thì ông bị chuyển sang hạng điên nặng*. Tuy nhiên trước năm 1975, ông chỉ bị điên từng cơn. Sau 1975, bệnh tình của ông trở thành nặng hơn; những cơn điên đến với ông thường xuyên hơn và cũng kéo dài hơn. Nhưng có điều lạ là, nếu so sánh các tập thơ của Bùi Giáng xuất bản trước năm 1975, sau tập Mưa nguồn, với các tập thơ của ông xuất bản sau năm 1975, cả ở hải

ngoại lẫn ở trong nước, chúng ta sẽ thấy ngay là những tập thơ sau này tỉnh táo hơn hẳn.

Thơ Bùi Giáng trước 1975, trừ tập Mưa nguồn và phần nào, tập Ngàn thu rớt hột, là một cuộc tra vấn đầy khắc khoải về khả năng của ngôn ngữ. Đó là những bài thơ viết về ngôn ngữ của một kẻ mà số phận bắt buộc phải sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện diễn đạt và hơn nữa, như một cách thế duy nhất để tồn tại. Ông làm thơ như một kẻ say mê chơi trò chơi chữ nghĩa:

Một hôm gầu guốc gầm ghì
Hai hôm gần gũi cũng vì ba hôm
Bôm ha? đạn hả? bao gồm
Bồm gao gạo đỏ bỏ gồm gạo đen
(Ngẫu hứng) [1]

Dạo ấy có lẽ Bùi Giáng chưa đọc Jacques Derrida, triết gia hàng đầu trong trào lưu hậu cấu trúc luận (post-structuralism) và hủy cơ luận (desconstruction), người bắt đầu nổi tiếng tại châu Âu và Mỹ trong khoảng thời gian từ 1967 đến 1972, nhưng mãi đến năm 1975, tôi chưa thấy có dấu hiệu gì chứng tỏ là được biết đến nhiều tại Việt Nam. Trong lý thuyết của Derrida, có một luận điểm quan trọng: nếu ngôn ngữ, nói theo Ferdinand de Saussure là một hệ thống bao gồm một chuỗi những sự khác biệt về âm kết hợp với một chuỗi những sự khác biệt về khái niệm thì, theo Derrida, mối quan hệ giữa âm và khái niệm, hay nói theo thuật ngữ ngôn ngữ học, giữa cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified) không phải là một thứ quan hệ ổn định. Derrida đặt ra từ "différance" để chỉ bản chất bất định của các ký hiệu ngôn ngữ: động từ "différer" trong tiếng Pháp vừa có nghĩa là hoãn vừa có nghĩa là khác. "Khác" là một ý niệm về không gian: ký hiệu này được phân biệt với các ký hiệu khác. "Hoãn", ngược lại, là một ý niệm về thời gian: một cái biểu đạt ám chỉ một cái được biểu đạt nhưng đến lượt nó, cái được biểu đạt đó lại trở thành cái biểu đạt để ám chỉ một cái được biểu đạt khác, rồi đến lượt nó nữa, cái được biểu đạt ấy lại trở thành cái biểu đạt. Các mối quan hệ, cứ thế, lan rộng ra mãi. Minh chứng rõ nhất cho điều này có thể được nhìn thấy trong từ điển. Chẳng hạn, chúng ta thử tra chữ "viết". Ý nghĩa của chữ "viết", tức cái được biểu đạt của ký hiệu "viết" được ghi là: "Vạch những đường nét tạo thành chữ". Trong định nghĩa này, yếu tố quan trọng nhất là "vạch". "Vạch" là gì? Với câu hỏi ấy, cái được biểu đạt ("vạch") tức khắc biến thành cái biểu đạt. Từ điển giải thích ý nghĩa của chữ

"vạch" là: "Tạo thành đường, thành nét". Nhưng "tạo" là gì? Từ điển ghi: "Làm cho từ không có trở thành có". Nhưng "làm" là gì? v.v... Cứ thế, liên tục. Điều này một mặt làm cho mỗi từ không những chỉ có quan hệ với các từ khác trong văn cảnh của nó mà còn có những quan hệ vô tận với những từ khác ở ngoài văn cảnh, và mặt khác, quan trọng hơn, làm cho cái gọi là ý nghĩa cứ triển hạn mãi mãi.[2]

Bài thơ ở trên của Bùi Giáng là một đoạn trong chuỗi liên hệ vô tận trong ngôn ngữ: chữ "một hôm" làm ông đến tưởng đến "hai hôm" rồi "ba hôm"; rồi chữ "ba hôm" làm ông liên tưởng đến cách nói lái "bôm ha"; rồi trong "bôm ha", từ tố "bôm" khiến ông liên tưởng đến "đạn", từ âm tố "gao", ông liên tưởng đến "gạo", v.v... Thành ra, chữ "một hôm" không phải chỉ gợi ra ý nghĩa là một đơn vị thời gian, mà còn gợi ra ý nghĩa là súng đạn, là cơm gạo. Xin mở một dấu ngoặc: bài thơ này được Bùi Giáng sáng tác trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam đang hồi khốc liệt. Thời ấy, với nhiều người, với rất nhiều người, sống một ngày đồng nghĩa với sự chịu đựng những đe doạ từ chiến tranh và từ sinh kế.

Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ chỉ là một chuỗi những liên hệ bất tận như vậy thì, như các nhà hậu cấu trúc luận sau này đã chỉ rõ, ngôn ngữ không còn khả năng quy chiếu về hiện thực và do đó, cũng không còn khả năng phát hiện chân lý được nữa. Bùi Giáng hoàn toàn hiểu điều đó. Trong bài "Phố phường cỏ mọc" in trong tập Mùa thu trong thi ca, ông mỉa mai: "người ta tưởng chừng như tin rằng ngôn ngữ có thể nói ra được sự thật" [3]. Ai tưởng thì cứ tưởng, riêng ông, ông rất bi quan:

Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ
Mỹ Thọ muôn đời là Lục Tỉnh hôm nay
Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trắng
Gọi người sương phụ gái thơ ngây.
(Lẫn lộn lung tung) [4]

Hoài nghi khả năng "tái hiện hiện thực" của ngôn ngữ, có khi Bùi Giáng bỏ cuộc chơi trong lãnh vực ngữ nghĩa để đuổi bắt một trò chơi ở lãnh vực ngữ âm, với nhịp điệu trầm bổng của các thanh, các âm. Đó là những lúc Bùi Giáng làm những câu thơ toàn bằng chữ Hán hoặc những câu thơ hoàn toàn vô nghĩa, trong đó, chỉ có những tiếng động lanh canh lách cách của các âm, các vần, các thanh điệu va chạm vào nhau mà thôi.[5]

Những trò tra vấn ngôn ngữ ấy, dù sao, cũng là những trò chơi của một người trí thức. Tôi nghĩ, đó là ý nghĩa của cụm từ "ở trong dấu ngoặc" trong đoạn thơ trên của Bùi Giáng. Sau này, chủ yếu là sau năm 1975, ông thoát được những ám ảnh thuần tuý trí thức ấy. Thơ của ông, đằng sau cái vẻ ngớ ngẩn điên khùng, lại chứa đựng nhiều nhân tình hơn:

Bây giờ xoang điệu đười ươi
Điệu hoa lầu các ngậm ngùi dấn thân

Nói đến "xoang điệu đười ươi" là nói đến những yếu tố quậy phá bên ngoài. Ở đây nên chú ý là Bùi Giáng, cả trước và sau năm 1975, đều nói đến cái điên của mình; tuy nhiên, sau năm 1975, tần số xuất hiện của những bài viết về cái điên ấy tăng lên rất cao. Hơn nữa, trong những bài thơ ấy, Bùi Giáng nhắc đến cái điên của ông một cách cực kỳ tỉnh táo, như là cái điên của một ai khác:

Chớm vừa tỉnh táo hôm qua
Mà hôm nay đã hét la vội vàng
ồn ào quậy phá xóm làng
(Cho hay là giống) [6]

Đôi khi với chút hài hước:

Điên cuồng mà tưởng nên thơ
Cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần
(Tặng bạn điên)

Có khi vừa hài hước vừa nhuốm chút tự hào:

- *Ủa, phải anh Sáu Giáng đó không?*
- *Và cô có phải cô Bông năm nào?*
- *Anh còn nhớ rõ, ôi chao*
Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh
Anh điên mà dzui dzẻ thập thành
Còn chúng tôi tỉnh táo mà đành buồn hiu![7]

Điên, mà ý thức về cái điên của mình một cách sáng suốt như vậy, kể cũng rất lạ lùng. Nhưng điều đáng lạ lùng hơn nữa là, càng điên, thơ Bùi Giáng càng chất chứa nhân tình, hay nói theo ngôn ngữ của ông là "điệu hoa lầu các ngậm ngùi dấn thân". Thơ không còn là

một trò chơi chữ nghĩa nữa mà là một sự bộc bạch, một sự thố lộ tâm tình:

Lời tỉnh táo lời mê man
Điệu thê thiết rống điệu bàng hoàng ca
(Y ư mộng du ư mê)

Một tiếng đoạn trường:

Câu thơ viết ngắn viết dài
Ghép làm một mảnh miệt mài cho nhau
Ghép thật chậm ghép thật mau
Ghép lui ghép tới ghép gào rống tru
(Câu thơ viết ngắn)

Ngay cả khi may mắn, được hạnh phúc, Bùi Giáng cũng dùng thơ để gửi gắm niềm vui:

Những tờ thơ mỏng tạc ghi
Niềm vui vô tận từ khi Dì về
(Tặng dì Trang)

Chính vì đem hết tâm tình, cả vui lẫn buồn, cả hạnh phúc lẫn thống khổ, gửi gắm vào thơ như vậy, cho nên Bùi Giáng mới khắc khoải trông đợi sự cảm thông của người đọc, điều, trước năm 1975, có lẽ ông ít nghĩ tới:

Tôi cười tôi khóc bâng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không
(Bao giờ)

hay:

Xổ bầu tâm sự điêu linh
Ai người chia xẻ với mình với ta
(Một giờ)

Khát khao được thông cảm, có lúc ông năn nỉ:

Tặng nhau từ ngữ lạc lầm

Cũng xin hồng lệ hãy đầm đìa tuôn
(Y ư mộng du ư mê)

Nói đến "từ ngữ lạc lầm" là nói đến sự bất lực của người sử dụng ngôn ngữ chứ không phải là sự bất lực của chính bản thân ngôn ngữ. Đó là sự thất vọng rất thực tế chứ không còn là một sự thất vọng mang tính siêu hình.

Người điên ngôn ngữ điệp trùng
Dở chừng như mộng dở chừng như mê
Thưa em ngôn ngữ quặt què
Làm sao nói được nghiệp nghề người điên
(Người điên)

Bùi Giáng, sau 1975, rõ ràng là một nhà thơ "ngậm ngùi dấn thân". Ông sống ngoài đường phố nhiều hơn trong nhà; thơ của ông cũng nhuốm nhiều chất bụi của nhân sinh. Rời bỏ những trang sách triết học hiểm hóc của Nietszche, của Heidegger, ông lắng nghe những tiếng nói âm thầm của đời sống chung quanh:

Anh đi đứng phố ngồi hè
Thiu thiu nằm ngủ lắng nghe chuyện gì.
(Cảm ơn)

Cũng ý tương tự, ông có một câu thơ khác không chừng ý vị hơn, mênh mang hơn:

Chiêm bao đứng phố ngồi hè
Nghìn phương mây gió còn nghe ví dù
(Ví dù)

Nhà thơ đường phố ấy viết về mình một cách rất đỗi hiền hoà:

Đường quanh ngõ quẹo lang thang
Niềm vui tao ngộ muôn vàn lạ thay
Trái tim mỗi mới mỗi ngày
Mỗi giờ phút động mây trời rung rinh
Đường đi mất hút thình lình
Những khuôn mặt lạ những hình ảnh quen

Tạm nhờ men rượu nguôi quên
Niềm vui nỗi nhớ chênh vênh lạ lùng
(Đường quanh ngõ quẹo)

Có thể nói, sau 1975, thơ của Bùi Giáng giảm chất siêu hình và tăng rất nhiều chất cảm xúc. Thơ ông không còn là những cuộc tra vấn, "lời nghi vấn lời", mà chủ yếu là một sự bộc bạch tâm sự, "lời lời vô tận tự lòng mà ra". Ông viết nhiều về những buồn vui trong đời thường.

Tôi ngồi chép mãi bài thơ
Quẩn quanh vần điệu bao giờ cho xong
Đôi phen lệ chảy ròng ròng
Tâm tình kín đáo giòng giòng tuôn ra
Tiếng cười tiếng khóc tiếng ca
Tưởng chừng khép mở màu hoa mấy mùa
(Chuyện bữa trước bữa sau)

Hình như chính Bùi Giáng cũng ngạc nhiên về điều ấy:
Rong chơi râu tóc bạc phơ
Còn nghe đắm đuối vần thơ yêu người
(Râu tóc bạc phơ)

Ngạc nhiên, nhưng chưa chắc ông đã hài lòng khi ông tự biết:
Mỗi ngày thân thể mỗi gầy
Mỗi năm tim máu mỗi nhầy nhụa ra
(Mỗi ngày)

Có lẽ Bùi Giáng xem những bài thơ xuất phát từ tim máu "nhầy nhụa" ấy là những bài thơ "tèm nhem tâm hồn" chăng?

Điều rất thú vị là sau 1975, không phải chỉ có mỗi Bùi Giáng là trở thành nhà thơ lãng mạn chủ nghĩa theo nghĩa là kẻ xem thơ chủ yếu như một sự bộc lộ cảm xúc và nhắm tới, trước hết, mục đích giao cảm với tha nhân. Một sự "đổi giòng" tương tự cũng diễn ra trong sáng tác của rất nhiều người khác, kể cả Mai Thảo lẫn Thanh Tâm Tuyền và Tô Thuỳ Yên, tuy ở mỗi người, mức độ và thời điểm "đổi giòng" khác nhau. Hình như khi bị đẩy xuống tận cùng thảm hoạ, không còn lại gì cả, người ta bắt đầu nghiêng xuống lắng nghe tâm tình của mình một cách chăm chú và thành khẩn hơn, từ đó, người ta cũng đâm ra thèm

khát được thông cảm, được chia xẻ hơn chăng? Nếu đúng thế thì hiện tượng ít nhiều chuyển sang xu hướng lãng mạn chủ nghĩa là một trong những đặc điểm lớn của văn học miền Nam thời kỳ hậu 1975.

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Chú thích:

1. Trích trong tập Thơ điên... *thứ thiệt do Thái Bình Điên Quốc xuất bản tại Sài Gòn năm 1970.*
2. Quan điểm về ngôn ngữ và văn học của Jacques Derrida chủ yếu được trình bày trong hai cuốn: De la grammatologie (Minuit, Paris, 1967), Gayatri Chakravorty Spivak dịch ra tiếng Anh, Of Grammatology, Johns Hopkins University Press xuất bản năm 1976; và cuốn L'écriture et la différence (Seuil, Paris, 1967), Alan Bass dịch sang tiếng Anh, Writing and Difference, Routledge xuất bản tại London năm 1978. Cuốn sách giới thiệu Derrida một cách vắn tắt và dễ đọc nhất có lẽ là cuốn Derrida của Christopher Johnson, Phoenix xuất bản tại London năm 1997.
3. Bùi Giáng (1969), Mùa thu trong thi ca, Sống Mới in lại tại Hoa Kỳ, không ghi năm, tr. 223.
4. Bài thơ này in trong tập Ngàn thu rớt hột; (tôi bị mất tập thơ này và không nhớ số trang.)
5. Về vấn đề ngôn ngữ trong thơ Bùi Giáng, xin xem thêm chương "Cuộc hoà giải vô tận: trường hợp Bùi Giáng" trong cuốn Thơ, v.v.. và v.v... của Nguyễn Hưng Quốc, Văn Nghệ xuất bản, 1996, tr. 181-216.
6. Tất cả những câu thơ của Bùi Giáng dẫn trong bài này nếu không có chú thích riêng đều trích từ các tập Thơ Bùi Giáng do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990; Thế Kỷ 21 xuất bản tại California năm 1994 và Bùi Văn Vịnh xuất bản tại California năm 1995.
7. Ghi theo trí nhớ, không nhớ trong bài nào và tập nào.



CUNG TÍCH BIỀN

Bùi Giáng, nhà thơ của ngày tháng ngao du



Thi sĩ Bùi Giáng đã ra đi. Cuộc rong chơi rất đổi tài tình của ông rồi cũng tạm ngưng. Ngưng phần hình. Phần hồn hãy tiếp tục tồn sinh cùng sử lịch qua tác phẩm của ông và chính cái sống rất mực bùi giáng nơi ông. Bùi Giáng giờ đây đã thong dong bỏ chân xuống tháng ngày một cuộc Lữ tao nhã khác, cho riêng một đời thiêng Hoàng hạc.

Bùi Giáng đã trải một cánh bay dài mênh mông chiếc bóng trong bầu trời Thi ca Việt Nam nửa thế kỷ qua. Có thể mai kia, khi thần thái xã hội bình an hơn, việc thẩm định những giá trị được công bằng, trường hợp Bùi Giáng sẽ lại được lật qua lộn về tự do, nghiêm túc hơn.

Tôi viết bài này như một tri ân đối với những gì Bùi Giáng lưu dấu nơi tôi.

*** Đôi điều phân vân thưa trước**

Hiểu về Bùi Giáng là khó; viết về ông, thật vô cùng khó; nhất là Cõi Thơ riêng ông. *"Làm thơ chỉ là một cách dìu* ***ba đào*** *về* ***chân trời***

khác." Bùi Giáng từng nói như thế. Nhưng tùy nghi vào thể điệu rong chơi ngôn ngữ của Bùi Giáng thì nó không hẳn thế. Ba đào, chân trời? hay Ba chân trào đời? Ba đời trào chân? hay chân, trời, ba, đào? Hay chân - trời - ba- đào? Dìu **ba đào** về **chân trời**? hay làm thơ là dìu **chân trời** về **ba đào**? Một trôi giạt đến mênh mông, ngay từ thế sự ngữ ngôn. Thật khó cho cách thở và cách nghĩ của người viết về ông - dù thở đủ kiểu và nghĩ ngợi ngay trong lúc chiêm bao.

Em về giũ áo mù sa / trút quần phong nhụy cho tà huy bay(1). Đây là một câu thơ đẹp ở nhiều góc độ, nhưng nó rất có... vấn đề. Với một số não trạng thì nó rất mông lung, người đọc sẽ không nắm rõ chủ đích của tác giả như khi đọc câu : "Nếu anh sản xuất tăng gia, là em thu hoạch bò gà sắn khoai". Cái gì là áo mù sa? Và ta vào supermarket nào để tìm cho ra cái phong nhụy quần? Do vậy viết về Bùi Giáng không phải cho quan nào cũng đọc.

Trong Lễ Hội Tháng Ba Bùi Giáng chỉ ra một con đường không có bốn bên mép rìa : "Đó là tiếng nói Tinh Thể Uyên Nguyên của Thơ. Thy sỹ đã bước vào Vòng Tay Rộng Rãi của Thiên Nhiên, và cuộc tiến nhập đó đã đặt người Thy sỹ trong Cỗi Nguồn Tinh Thể của mình". Đây là một đoạn viết hoa gấm nhưng dễ hiểu về mặt trực nhận. Nó hãy còn xôn xao dưới lớp từ ngữ kia những ẩn nghĩa rất cần thiết tìm ra để lý giải cho tận ngọn nguồn. Nó lại đòi hỏi một song trùng tĩnh luận về Thiên Nhiên - Nhà thơ, Tinh thể - Tạp ngoại, Uyên nguyên - Thực tại, Biến và Dịch... sau cùng là mối "liên hệ, phân hủy, lập dựng", giữa Những - Cái - Tôi trong một Vũ Trụ Riêng Tôi.

Quả thật, viết về Bùi Giáng là tôi làm cái việc chỉ vào cục gạch mà bảo rằng đây là Như Lai phu nhân.

I. BÙI GIÁNG - VÀI NÉT CHÂN DUNG

Bùi Giáng sinh thời có một khuôn mặt kỳ dị với một cặp mắt của rắn. Nó tròn vành vạnh, sắc sảo; khi Bùi Giáng nhìn tự nhiên là rất thông minh hiền từ ; khi trừng trừng chú mục nó biểu lộ một tinh lực rực lửa, kỳ bí; nó có hai màu đen trắng quận nhau, như cái hình vẽ biểu tượng cho thái cực; đôi mắt ấy luôn rực sáng, như hai vì sao; nó là cái lò luyện đan để tất cả lời thơ phi phàm bốc khói mây.

Ông có nụ cười khá bẵng lảng, tha thứ ; một giọng nói hiền hòa, không phân tranh. Hai đặt trưng này họa ra một Bùi Giáng trọn một đời phiêu bồng, ngoài Cõi, không tơ hào đến mảy may danh vọng quyền lực, không vợ con, không mái nhà; ông sống tha thiết với cuộc đời

nhưng thường trực ngay ngã ba ngã tư những con đường lem luốt bụi giang hồ; dù thơ ông rất trang trọng, trí huệ.

Lý Bạch xưa đã từng uống rượu của triều đình, Đào Tiềm đã lỡ ra làm quan sau mới Qui khứ lai từ . Bùi Giáng không hẳn đã hơn Đào Tiềm Lý Bạch nhưng ông không thế. Khuất Nguyên giải quyết bế tắc bằng thủy huyệt Mịch La, Bùi Giáng thời nay có nghìn nghìn bế tắc nhưng ông thanh thản rong chơi, kịch liệt đùa rỡn, luôn thông thái đổi mới cách chơi ngày ngày, nguy nga lập dựng một nhân sinh quan rộng tỏa trên mọi nẻo đường tư tưởng; mãi tràn lan cuộc vui cùng nhân gian tháng rộng năm dài.

Như chúng ta, ông vẫn có nỗi buồn, vẫn nghe trong hương thời gian hiu hắt nỗi đau, vẫn sống vào một thời đạn bom - đạn bom tiếng nổ và đạn bom của Lời; đạn bom thảm họa hiểm nghèo và đạn bom thương nhớ - nhưng ông đã gửi cuộc đời mình vào cái thế giới huyền nhiệm của Thi ca, đã tàn dưới nguyệt cho trò chơi riêng mình. Ông cũng đã, như chúng ta, được ân sủng và cùng lúc chịu tác hại từ thánh nhân, sách vở, tư tưởng, đạo lý, nhưng ông đã minh triết hóa giải nó vào một cuộc Điên. Một thế giới điên của nung nấu lửa tam muội, của bên kia bĩ ngạn. Một lẽ Trung Dung trác tuyệt , trong cái Điên. Bỏ nhầm cuộc đời xuống một nhân loại buổi ấy chỉ có tả và hữu, ta và thù, chiến tranh là thường trực, hòa bình chỉ là một nhịp thở ngắn ngủi, Bùi Giáng đã có một thần thái đỉnh đạt để ngắm về nó, xem như bóng mây.

Sống giữa đời, ông có khả năng lấy mật đắng ớt cay làm ngọt. Ăn cơm để thiu nguội rất nhiều ngày. Ông ăn chè ngọt nấu cả với tương chao, nêm vài con mắm. Ông nổi tam bành lúc người đời lẽ ra nên cười, được phúc đắc lợi. Ông rất vui với những ngày chói lòa ánh dương trong một thị thành mà nhìn xe cộ tưởng hưu nai: *Buồn phố thị cũng xa bay như gió / Cộ xe nhiều cũng nhảy bỗng như hươu/ Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó / Bến đào nguyên anh khoát áo khinh cừu.* Ông lạ sinh hoạt đời thường, lạ trong thi ca, tư tưởng. Ông rất đỗi cô đơn tự đọa đày; vầy cuộc chơi múa hát chỗ vô thanh, đùa dỡn quỷ thần, tương đắc kẻ ở mộ, nhớ nhung người sẽ tới. Ông trào lộng tuyệt cùng giữa bi đát, siêu thoát ngay giữa một tồn sinh tinh mật. Nói chung cuộc sống của ông khá bí ẩn và kỳ dị.

II. BÙI GIÁNG - NHỮNG GIAI THOẠI TIÊU BIỂU

Đã có rất nhiều giai thoại, huyền thoại về ông; vô số được thế

gian tô bồi sau này, khó minh xác thực hư. Xin lai rai vài chuyện tiêu biểu.

Chuyện thứ nhất. Xưa kia, ở Quảng Nam, quê chúng tôi, người ta kể rằng khi còn trẻ Bùi Giáng đã có vợ. Vợ sớm qua đời. Hôm tẩm liệm, ông nhờ người hàng xóm làm thịt 21 con gà. Ông thành tâm bỏ gà còn thịt sống vào quan tài tẩm liệm người vợ thân yêu. Họ hàng thấy quái. Bèn can ngăn. Ông bảo: "Vợ tôi ưa ăn thịt gà, nay có thể lên thiên đường hoặc xuống địa phủ chi đó, thịt gà đâu ăn". Câu chuyện trên là hoàn toàn khó tin. Bịa đặt, phao tin đồn nhảm, gia đình người ta kiện cho. Nhưng cái tuyệt hảo ở đây là người đời rất đỗi yêu ông, giai thoại trên như phóng họa phần nào những quái ảnh kỳ tâm nơi một Bùi Giáng lắm điều xem ra bất khả tư nghị. *Bà đi thể điệu bước ra/ tay khăn tay áo là hoa thêu thùa/ bà về cỏ rậm dậu thưa/ đêm tàn cấm nguyệt chiều trưa lâm tuyền.*

Chuyện thứ hai. Vào đầu thập niên sáu mươi có lúc ông đi dạy Việt văn ở một trường trung học tỉnh lỵ. Một hôm giảng truyện Kiều, đến chỗ nàng Kiều phải hồng trần lưu lạc, thầy Giáng khóc òa. Khóc vỡ tan. Nhảy phóc qua cửa sổ lớp học, băng bộ ra bến xe, về Sài gòn. Học trò nam nữ ngồi chờ mãi, tưởng thầy đi đâu đó sẽ trở lại. Trên bàn sách vở, bao thuốc lá hãy còn. Hóa ra thầy bay luôn, bỏ lớp bỏ trường, bỏ cả tỉnh lỵ nhiều năm sau. Hỏi hà cớ. Thầy ngậm ngùi nói mần răng trở lại nơi Em Kiều đã một lần hy sinh cho cái trò chơi nhân gian kỳ ảo chỗ liên tồn.

Nguyễn Du xưa đã hơn một lần than thở "Địa địa xứ xứ giai Mịch la"[2]. Bùi Giáng hôm nay có thể.

Sau này, đọc Mùa Thu Thi Ca, đoạn nói về Đoạn trường tân thanh, ta thấy ông viết :

"Nguyễn Du không kinh hoàng nhảy lui. Cũng không bị tẩu hỏa nhập ma rú lên một tiếng như Zarathustra also sprach. Ông đạm nhiên làm Nam Hải Điếu Đồ. Kẻ câu ấy câu cái gì tại Nam Hải?

Đáp vào câu hỏi ấy, ta xin viết một câu thơ phùng khánh :

Con làm Nam Hải Điếu Đồ
Ngồi câu con Cá Hư Vô Tâm Hồn.

Tựu trung mỗi phen sờ mó vào kiều nhi, vừa chạm tới những tuyệt diệu từ lãng đãng phù động kia, chớm gặp Xuân đã ngộ phải Thu, vừa ướm hỏi ra thu đã vấp phải Đông Phong Thanh Hạ, vừa tân thanh ngâm bãi đã trường đoạn thê nhiên, chợt mới bội thương tình đã hốt bách cảm sinh, mới vừa mơ màng nhìn Hồng Lĩnh vân phong đã giật mình nghe ra Tiền Đường triều tiêu, chưa kịp qui ẩn kinh, đã bàng hoàng với phiến oan thanh... Bỏ ra Nam Hải buông câu chỉ bắt được

Hư Vô Con Cá..."

Chuyện thứ ba. 1975. Thời của thu vàng một loáng hóa rừng phong hoang hồng, xao xác đến muôn trùng số mệnh con người hoa cỏ. Tôi có dịp lai rai sống với Bùi Trung Niên Thi sỹ. Thuở ấy đói kinh. Người người tăng gia, nhà nhà sản xuất. Cuốc đào cả lề đường hè phố, vườn biệt thự , trồng luống khoai hàng sắn. Cày xới nát bộ não vì cái ăn, cái Đi - Ở. Tâm linh màu chì. Một hôm, chúng tôi đang đi long nhong gần nhà thờ Ba Chuông kiếm vài chung quốc lũi, Bùi Giáng bỗng nói cho ta về nhà chút đã. Tôi hỏi về mần chi. Ông bảo về cho heo gà ăn chớ không tụi nó chết. Hoá ra thi sĩ cũng tăng gia sản xuất. Về nhà- trong hẻm, gần cổng xe lửa số 6 - đã thấy ngay trước hàng hiên có mấy con... heo đất, mấy con vịt nhựa - loại được khoét một đường rảnh trên lưng, để bỏ tiền tiết kiệm. Chúng được đặt trong rọ, hoặc úp bằng những cái rỗ đàng hoàng, như heo gà thật. Bên con heo đất hãy còn mấy cọng rau tươi, nơi gà vịt nhựa có dăm hạt gạo vung vãi. Một người bà con nói nhỏ với tôi: "Phải chăm sóc cẩn thận, ảnh về thấy heo gà không có thức ăn ảnh khóc".

Trên đây, ba giai thoại tiêu biểu về mỗi Bùi Giáng.

Giai đoạn đầu, thưở liệm vợ bằng gà sống đã phôi pha hoang đường, định mệnh chỉ ra ông sẽ là một hiện tượng kỳ vĩ, khác người. Một cái Điên đang hăm he cái Tỉnh. Một Muôn Điệu Tài Hoa sẽ vùi chôn người bùi giáng thường tình. Cuộc điêu linh sẽ gạn lọc, phiên dịch, phơi bày ông ra giữa trận đồ hoang vu nồng cháy của Phố Thị Đìu Hiu của Mù Sa cố Quận. *Sông ơi em bỏ sa mù/ đi thiêm thiếp cõi quân thù gọi nhau/... Một đời lận đận đo rồi đếm/ mỏi gối người đi đứng lại ngồi.*

Giai thoại thứ hai nhằm vào thời ông rời quê nhà - xứ Trung Việt đã hằng chăn dê; đã lùa bò vào đồi sim trái chín - để vào Sài gòn; là khởi nguyên nơi ông mùa tinh hoa tụ hội: Thi tập **Mưa Nguồn** chào đời. *Xin chào nhau giữa con đường /mùa xuân phía trước miên trường phía sau.* Sau đó là những tuyệt phẩm: Lá Hoa Cồn, Ngàn Thu Rớt Hột, Mùa Thu Thi Ca, Đường Đi Trong Rừng , Sương Tì Hải, Sa Mạc Phát Tiết, Sa Mạc Trường Ca, Trăng Châu Thổ, Lễ Hội Tháng Ba, Sương Bình Nguyên, Biển Đông Xe Cát, Lời Cố Quận, Ngày Tháng Ngao Du v..v...ông dịch vô số tác giả từ đông chí tây, cổ kim; dịch rất tài hoa thông suốt, như Hoàng Tử Bé, Ngộ Nhận, Khung cửa hẹp, Kim kiếm Điêu Linh, Hòa Âm Điền Dã v..v...

Sức điên, sức rong chơi, sức đọc, sức làm việc của Bùi Giáng là vô cùng tận. Ông là tượng trưng cho sự nhạy cảm, sự thông minh thoáng đạt, và sự bất định, bay bổng. Đây là tai họa chính ông, đọa đày

trực diện. Lúc này ông đã là một hấp lực kỳ vĩ với người đọc. Đọc ông là si mê mơ màng, là lơ đãng tìm ra thuốc chữa cho một cần thiết thoát ly, đối kháng, chối từ , tái thẩm định. Là dìu dặt vào hương vị đắng cay mật ngọt thời hoang hóa hòn đạn làm nổ trái bom, điêu linh giữa tồn sinh phân hủy, giữa gươm đao đang thừa mà hụt hao nhân ái. Là chiến đấu thoát vượt cuộc khổn vây công bằng tự do; một xô bồ rừng rú tư tưởng; một trần gian xanh đen đến tiêu hao, phân ly chính mình. Bờ lúa của Bùi Giáng :

Em chết bên bờ lúa
Để lại trên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con

Anh qua miền cao nguyên
Nhìn mây trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió

Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn rỗng
Xương trong mình rã riêng

Anh đi về đô hội
Ngó phố thị mơ màng
Anh vùi thân trong tội lỗi
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang.

Giai thoại thứ ba là hiển thị cuộc hí lộng đã dắt díu thi sĩ chơi với đất nhựa vô tri, ký gởi sự sống trên những "con-vật-không-có-sống-không-cái-chết", là lúc ông xấn tới tột đỉnh đất trời đổ lộn nguyên khê. Ông tỉnh táo trong một trạng thái đặt biệt của người điên. Ông sắp xếp cái Điên theo cách người tỉnh. Cái Điên phần nào giúp ông siêu thoát. Nhưng cũng đặc biệt đọa đày cho ông là chính ông ý thức về cái điên của mình. *Xuống sông xuống biển hãi hùng/ mà không thể giết được linh hồn mình/ Trải bao nhiêu trận bất bình/ cuồng điên tôi tự giết mình tôi chơi. Là: Tôi từ khởi sự cuồng điên/ tôi từ uống rượu triền miên tháng ngày/ hét la tháng rộng năm dài / tình yêu tiêu diệt từ ngoài tử sinh.*

Khoản đầu thập niên 70 có lần người ta đưa ông vào nhà thương điên Biên hòa chữa cái bệnh đứng ngả ba nhìn ra ngả bảy. Từ nhà thương điên trở ra, bữa gặp nhau thấy ông rất tỉnh. Bèn hỏi một câu thường tình: "Nhà thương Biên hòa trị cái tẩu hỏa hay hỉ !". Ông trả lời tỉnh queo: "Chữa trị quái gì đâu. Chẳng là ở ngoài mình thấy mình điên số một, khi vô nhà thương điên mới hiểu ra mình là đồ bỏ, điên nhí, điên tiểu thủ công nghiệp; trong nhà thương điên nhiều cha điên thượng thừa, điên vĩ đại hơn mình nhiều. Do vậy mà mình tự động thôi điên."

Có thể Bùi Giáng chẳng điên. Thiên địa nó tẩu hỏa nhập ma; chính thái cực lưỡng nghi nó lôi ông vào trận địa gay cấn tà huy. Hãy đọc một đoạn nhỏ trong Mùa Thu Thi Ca, sau khi nhà thơ đứt phèo phổi được tin Marilyn Monroe đang lộng-lẫy-một-tòa lại tự-động-chuyển-sang-từ-trần bên trời Tây:

Mọi Nhỏ - Tại sao chị tự tử ?
Monroe - Tại vì chị là người da trắng. Huống nữa là...
Mọi Nhỏ - Là sao huống nữa ?
Monroe - Huống nữa là màu da trắng của chị còn trắng hơn tất cả màu da của mọi người da trắng là khác.
Mọi- Thế nghĩa là màu da trắng của chị đã đạt quai nhai cảnh giới của lô hỏa thuần thanh thánh thần thiên tiên liên tồn tố bạch?
Monroe - Nhiên.
Mọi nhỏ - Sao gọi là liên tồn tố bạch ?
Monroe - Tố bạch là tách bộ.
Mọi nhỏ - Còn liên tồn? Cũng đồng nghĩa với tồn liên chăng?
Monroe - Nhiên."

Sau, chết rồi mà em Monroe lại gặp tình cờ em Mọi Nhỏ. Mọi nhỏ lúc này đã dấn mình một cách nhiệt huyết vào trung tâm điểm lửa đạn chiến tranh Việt Nam. Monroe ngậm ngùi hỏi:

"Monroe - Chị tự tử đã đành. Sao em cũng tự tử? Em ở trong rừng mát mẻ, em tự tử làm gì cho phí mất màu da bồ quân bánh mật của em như thế?
Mọi Nhỏ - Em đâu có tự tử. Chính là thật ra cái hòn đạn nó tự tử em.
Monroe - Hòn đạn nào như thế?
Mọi Nhỏ- Hòn đạn hoặc trái bom gì đấy. Nó nổ một trận tam

bành. Nó tự tử mất em, đồng thời với cái truông đèo thơ mộng chiều hôm qua.

Monroe - Sao em không dời đi nơi nào ẩn trú, lại ở yên một chỗ mà chờ đợi đạn bom làm gì như thế?

Mọi Nhỏ - Dời đi nơi khác thì đồng thời phải dời cái truông đèo đi nơi khác. Em sức mấy mà làm cho xuể sự đó. Kể ra lúc bấy giờ em cũng định lặn xuống ở dưới đáy nước cái khe kia thì thật là bảo đảm nhưng không kịp. Cái bom nó nổ còn chớp nhoáng hơn cái ý định nảy ra trong đầu óc em."

Đâu phải con người không chuẩn bị kịp cho một trái bom nổ chớp nhoáng. Trong kiếp người chúng ta có những cái đã vô cùng không kịp. Đã vô cùng từ bỏ vườn cũ truông đèo không mang theo, trong hun hút máu xương. Đã một phương trời gom nhặt phút sống, mà vắng mất nắm đất bên đàng chỗ cổng làng khe nước rẫy nương. *Bây giờ ta hỏi lại thu/ Khu vườn lá mọc sao thu phiêu bồng.* Nơi hải giác thiên nhai anh hay tôi, em Mọi hay Đêm Nguyệt Cầm Ca - ly, đã thức giấc nỗi lòng nhật mộ hương quan hà xứ thị [3]. Và đâu phải anh tự do hân hạnh được quyền có hay không cái tẩu hỏa nhập ma. Trái bom nó-tự-tử-em kia mà.

III. BÙI GIÁNG - TỀ THIÊN NGÔN NGỮ

Thơ Bùi Giáng còn với người đọc bây giờ hay không? Với thời gian, hiện thực luôn bị xé rách, cày xới, đào thải. Lỗi thời ngay khi còn là bây - giờ. Mỗi sát na, nghệ thuật mỗi chuyển dịch, thay áo, vì cái kỳ cùng tốc độ thế kỷ. Nhưng ngay hôm nay vẫn có một số đông người thưởng ngoạn say mê Bùi Giáng. Vẫn thấy lạ ý tưởng .Vẫn thấy mới ngôn ngữ. Vẫn nhận ra ở đó một thế giới giàu mộng tưởng, đôi khi sầm uất những linh cảm xuất thần. Người đọc rất đỗi hoang mang bay bổng, kỳ thú chỗ khó thể hiểu thấu đạt thơ Bùi Giáng, nhưng cảm được. Đọc qua mắt, bằng đầu, với trái tim, từ hồn. Một hồn rất nhẹ, rất bơ vơ, rất rộng xanh của biển trời, và rất khắc nghiệt trí tuệ của thời đại. Từ đó, tiếp cận thơ Bùi Giáng người ta nghiêm chỉnh bâng khuâng, và được dịp rong chơi trong một não trạng bấy lâu khô hơn nhựa, cần thiết phải thích ứng bon chen .

Bùi Giáng không hề cực nhọc hô hào nhiệm vụ *giáo dục quần chúng, văn dĩ tải đạo* mà là những phóng mình đỉnh điểm tự do cho

riêng người thưởng ngoạn. Nhưng rõ ràng Cái Đẹp cần nó, và Đạo không thể thiếu nó: tự do viết, tự do đọc, tự do tư tưởng. Với Bùi Giáng, tuy Đau, nhưng tất cả là Rỡn là Rong chơi, trò chơi, cuộc chơi. Hí trường này bãng lãng mà không thiếu xót đau một quá trình khổn bách kiếp người. Nếu Ông Trời Xanh và Bà Trời Trắng nói được, nếu Như Lai và Như Lai Phu Nhân hạ cố, nếu Phó Như Lai và Phó Như Lai Ái nữ mà trả lời được, sẽ trả lời mệt nghỉ, với những Điều Rỡn mà Bùi Giáng lót đường huyền ẩn như Kinh. Khi còn nói xử thế nhược đại mộng/ hồ vi lao kỳ sinh[4] là còn so bì, chẳng là chơi. *Điên chơi cho bớt điên đầu/ điên đầu cho bớt điên rầu rĩ chơi/... Buồn vui ai biết đâu ngờ/ nằm trong tử diệt nhớ giờ tái sinh/...* Rỡn, Chơi, có thể là hình thái sinh động nhất, rất mực nghiêm chỉnh cho một săn đuổi thực tế, làm chủ những trò ảo hóa mà tự nhiên xã hội cùng thiên nhiên kim cổ hãy còn tàn nhẫn dấu mặt.

Đầu tiên là Bùi Giáng chơi ngôn ngữ thiên tài.Ông xài chữ một cách hào phóng, phung phí. Ông tự thân thoát khỏi ý nghĩa ngôn tự, ngữ cảnh nhào lộn, đu bay, không gốc rễ, như cảnh ráp nối người giữa không trung cuộc nhảy dù biểu diễn. Như cái pháo hoa xoè cánh trong đêm Hội, thể hiện cái rực rỡ rất đỗi đánh thức, lại rất đỗi phù du. Do bản thân sự ngao du rong ruổi trong sa mạc chữ nghĩa, trong thế giới ảo hóa này, thơ Bùi Giáng tạo cho người đọc một giá trị cảm thức sâu sắc, bàng hoàng, đẩy tới những hoài cảm, tưởng vọng mênh mông hơn chính ý lực của bài thơ mà tự đầu tác giả muốn hàm gởi.

Bùi Giáng giàu ngôn ngữ như cát bãi biển. Mỗi chữ lại ẩn tàng nhiều mặt biểu hiện, đa dung mạo, đa nội lực. Nó có khả năng biểu thị rộng lớn cái Tận Cùng Ý Nghĩa, không phải Đã-Nói, mà là Sẽ-Nói. *Đầu khe lá cỏ phai rồi/ đã vang tiếng ngựa bên lời ước mong/...Em nhìn nhé giờ đây ta trở lại/ nghe giậy hồng một mùa cũ tái sinh.* Ông dùng từ Hán Nôm đến mức tuyệt hảo và đảo lộn, nói lái, trá hình , ngẩu hứng, ẩn dụ lại rất mực tài tình. Đôi khi chữ dùng của ông tuồng vô nghĩa nhưng là một mật ngữ, mật mã. Ông phóng khoáng rất coi thường hạng người mà ông cho rằng hương nho, nho nguyện, mọt sách, bỏ câu chữ lên bàn cân xem bao lạng mới dùng ; ông khinh bỉ bọn viết lách cứ tả núi phải có đỉnh, tả con bò phải có hai lỗ tai. Vì chỗ tế nhị này mà rất nhiều người - hàm cả người làm thơ viết văn - đã dị ứng, đố kỵ, không hiểu, rồi không chịu được Bùi Giáng. Họ không muốn đọc, hoặc có đọc mà thiếu khả năng thẩm thấu thứ chữ nghĩa nhảy múa, bay lượn như gió, biến hóa của mây. Họ từ khước ông khi ông còn đi trên mặt đất. Họ cư xử với ông bằng thái độ trong "nội ô của nhà thương điên Biên hòa". Chỉ hôm ông qua đời , đột nhiên -

nhưng không đáng ngạc nhiên - tất cả môn phái "ngũ nhạc", không kể chính tà, hữu chiêu vô chiêu, nhà văn thượng thư cùng nhà thơ vỉa hè, đều tề tựu trước quan tài Bùi Giáng đầy đủ. Phàm nhân của hai chân lý đối nghịch bên này và bên kia Pyréneés đã may mắn có một dịp nhịp nhàng, thầm lặng nghiêng mình dưới chân Núi .

Toàn bộ thơ Bùi Giáng không có cái cách làm dáng trí thức, gây nhiêu khê đến rắc rối hoặc làm loãng cuộc chữ nghĩa đẹp đẽ trong tiếng Việt nghìn xưa vốn có. Ông là một nhà thơ triết nhân nhưng không hàm nghĩa thơ phải nêu chí cao trí cả như quan niệm cổ điển hằng mong đợi ở thi nhân. Trừ những thiên văn xuôi triết luận- và những bài thơ ông dịch tam bành qua một trận thấu triệt đến ngọn nguồn, mà khó nói ra cặn kẻ khi đương đầu cùng Heidegger, Rikle, Holderlin, Shakespeare, Neitzche... thơ Bùi Giáng hầu hết hình thành qua ngôn ngữ thông thường, xã hội hằng ngày ngày dùng đủ, rặt nôm, lại lắm khi những ngữ từ rất lem luốc bụi giang hồ. Nó đã nhẹ tênh, gần gũi, tự nhiên như nói chuyện, giản dị đầm ấm như ca dao. Nó rất kỳ cục, thường hằng, nhưng tinh tế. Nó rất đơn sơ nhưng là một chứng minh cho kỷ thuật thượng thừa của Bùi Giáng. Trong lịch sử văn học nước nhà ít thấy thi nhân nào - kể cả những thi nhân ta rất mực mến yêu thờ phụng như Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Tản Đà - bày cuộc vui chơi chữ nghĩa đó đây một cách đơn giản nhưng thâm thúy, trù phú, và thiết tha ngộ nghĩnh như Bùi Giáng. *Ghì môi cơn mộng la đà/ tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng/ nửa vời trăng rộng mông lung/ đường xa nghi hoặc tháp tùng ni cô/...Tôi chấp nhận trăm lần trong thổn thức/ tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm/ tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt/ tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em/*

Bùi Giáng có một não trạng khá đặt biệt; giật mình mơ hoang có thể mỗi cánh chuồn chuồn bay chiều; mỗi dặm hài hôm nay không còn động vang của Thúy Kiều; bắt gặp màu xanh trong sắc tím; nghe ra hơi thở Lão Trang từ nghìn dặm tháo lui; *con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô?* đã là một quá ư nặng nề , dày xéo đối với ông. Phải nhẹ hơn nữa kia. Nhẹ hơn cả hư không rỗng trống. Vì cái não trạng vọng viễn phi biên giới kia mà khi tiếp cận với những Khổng Tử, Hoelderlin, Heiddeger, Homère, Empédocle, Nerval, Whitman, Lão Tử, Nguyễn Du, Khuất Nguyên, Vương Bột... là cùng lúc Bùi Giáng phải chịu đựng một sự công phá chính tâm hồn mình. Ông băng băng dong rủi trong mông lung tri thức rất mực uyên bác, sầm uất tưởng tượng, chói lọi cái bãi hoang vô thức từ im lìm bấy lâu giấc ngủ. Ông bất trắc dẫm lên một mặt đất rạn vỡ, bất nhẫn và vô tình trùng phùng một định mệnh tùy ngẫu, trói buộc. Lại bất trắc bị trùng vây bởi một

trận đồ ngôn ngữ của Thơ, của Hồn thơ. Của Điên .Và của Ý Thức Về Cái Điên. Sự thể ấy làm ông rất đỗi sáng suốt trong điên đảo, chưa nói một đã lộ lồ mười, đi trên đường độc đã thấy muôn nghìn ngả ba ngả bảy, chưa kịp nhớ Mẫu thân Phùng Khánh đã hoài Nam Phương Hoàng hậu, vừa sớm mai tươi sáng bình sinh đã chợt tồn vọng cơn thảm đạm đêm Xiêm La Hy Lạp ; thế rồi ông viết tràng giang, bằng cả vô thức, ông cuồng ngây tẩu hỏa dịch bừa sang thơ Việt cả những đoạn triết luận chằng chịt ; dịch cả thơ ra thơ ; ông củng cố Nguyễn Du bằng cách hợp lực làm thơ ký chung Nguyễn-Du-Bùi-Trung-Niên-Thy-Sỹ. Ông ổn định, ông dịch, ông chuyển tải tư tưởng bằng cách triệt hạ chính bản, khuynh đảo chữ nghĩa một cách lạ thường ; biến những chữ cụ thể, những nghĩa đã chết trong cố định trở thành một hiện trình khác hơn, lại rất thơ, tinh diệu, biến hóa hơn. Ông làm giàu nghìn lần tiếng Việt. Một số nhà nhơ, nhà sáng tác phương Nam trong nhiều năm, không chối bỏ rằng mình đã xài, đã từ lâu tự nhiên sâu thẩm bị ảnh hưởng cách dùng chữ nghĩa từ thiên tài Bùi Giáng.

Những địa danh quê hương - Trung Việt, Vĩnh Trinh, Quế sơn, Bình Thạnh, Gò Vấp, Cửu Long, Cà Mau, Huế, Hà Tĩnh, Sài Gòn, Bạc Liêu,v..v... - đã hiện ra trong thơ Bùi Giáng rực rỡ gấm hoa, êm đềm màu núi, thổn thức như suối nguồn. *Đêm thưa Vĩ dạ về gần/ đã từ lâu lắm thiên thần nhớ em/...Ngồi đây tưởng nhớ xa xăm/ nhớ nhung lục tỉnh trăng rằm Long xuyên/ ba mươi năm trước hiện tiền/ hình về hiện tại bóng nghiêng nghiêng đầu/* Có lúc ông tiên tri giỡn chơi một cách lạ lùng - mà sau này lúc đời sống cô đơn ngột ngạt - ta đọc lại đến ứa nước mắt:

Tôi gọi Bình dương là bình dưỡng
Dượng dì ôi thương nhớ cháu nhiều không
Tôi gọi Cần thơ là Cần thở
Cần thơ ơi ... cần thở tới bao giờ?

Bình? Dưỡng? Thơ'. Không hề là chơi chữ. Mà là tiếng kêu thống thiết của tâm linh trước một thế giới người đã kiệt cạn nhân tính, đánh trào bình đẳng tự do ; đã phơi phới những lừa mị, tàn nhẫn cùng nhau; đã tinh vi biến những đòi hỏi nhân sinh cần thiết thật sự trở thành trừu tượng trêu ngươi trên khẩu hiệu giấy tờ.

Khác với tất cả thi nhân đông tây kim cổ, Bùi Giáng động đậy bay lượn với đủ sinh vật côn trùng. Chuồn chuồn châu chấu , con nai rừng chú dê nội, bươm bướm bò gà, cả... vi trùng sâu bọ cũng trùng trùng yêu thương mộng ảo. *Ấy, mộng đời đi với mộng rồi/ trời ơi trăng*

rớt ngó trăng rơi/ con ruồi con kiến con châu chấu/ bươm bướm chuồn chuồn cũng thế thôi/... Còn yêu mãi và yêu nhau mãi/ trần gian ôi cánh bướm với chuồn chuồn/ con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại/ con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn.

Bùi Giáng dùng cả những loại chữ nghĩa "thép-đã-tôi" như hạ quyết tâm, chỉ tiêu, gia tăng, bổ sung, khu vực,... Hãy xem ông bùa phép vung vải, lấm xót xa mà đậm hài hước: *Ngày nay hạ quyết tâm rồi/ về trần thế bóc lột người thế gian/ tình yêu đã lỗi muôn vàng/ chỉ còn bóc lột vạn ngàn máu tim/... mỗi năm mồng một ra giêng/ con dẫn ông dạo suốt miền vực khu/ khu này bình thạnh quận khu/ khu trên gò vấp tuyệt trù lưu phong/ dưới kia bà chiểu lăng ông/ lên xe buýt thẳng dông chơi sàigòn.*

Chính thế giới ngôn ngữ Bùi Giáng bày cuộc lập nhiên như thế nên khi đọc thơ ông ta không nên vô ích cưỡng lại, cho đẳng cấp suy nghĩ, cho trí tuệ làm việc, mà hãy thong dong trôi theo, tà tà thơ thẩn, rất mực vô tình như nhìn con tàu chiều không có bóng hình ai trên ấy. Ta sẽ bắt gặp một thần thái thanh tao hơn, một tổng thể bát ngát hơn, bởi vì đó chính là Thơ. Nó rộng rãi và thơ thới hình thành từ một thiên tài chung quy chỉ vì Thơ mà Điên, và Sống để Điên cùng Thơ.

IV. BÙI GIÁNG - NGAO DU TƯ TƯỞNG

Nói đến nhà thơ là nói tới rượu và mỹ nhân. Lý Bạch một đời sống chết cùng rượu. ông làm thơ tặng vợ thú nhận một năm ba trăm sáu mươi ngày mình túy lúy như con nê hóa bùn: T*am bách lục thập nhật, nhật nhật túy như nê (tặng Nội).* Apollinaire một đời ngắn ngủi, nhưng đã rất nhiều nàng, cô Linda, nàng Annie Playden, Marie Laurencin, Nàng Louise de Coligny Châtillon, Madeleine Pagès... Các nàng của thi nhân này duy chung một mẫu số: **Tình Yêu.** Nhưng ở Bùi Giáng là khác thể điệu, rất nhiều mẫu số. Ông có Mẫu thân Phùng Khánh, Mẹ Trí Hải (tuy hai mà một), *Mẹ về đứng giữa đầu sân/ Cuối cùng mẹ bước vô ngần Mẹ đi/*, Kim Cương kỳ nữ, Nường Monroe, Gái Xiêm La, Gái Tô Châu, Hà Thanh Ca sĩ */Đi về phố rộng mà ra/ đi tu giản dị cô hà thanh ôi/*, mấy em Da đen Phi châu, Em Mọi, Nàng Đạm Tiên, Thúy Vân Thúy Kiều, Bé con Bình Thạnh, những chị miệt quê, *Thím Năm Sáo xã Tân phong /Thím về chín suối long đong thế nào/...Ôi người thục nữ Long xuyên/ Tìm đâu thấy lại thuyền quyên một* lần. Những con người hữu hình, những em vô hình, những nàng sương

bóng, *bây giờ em ở nơi đâu/ cỏ trong mình mẫy em sầu ra sao*, đã man mác thị trùng trong một Bùi Giáng tha thiết đến tê điếng, điên ngây. Một Bùi Giáng ngoại thế bằng hồn mà lòng đau kiếp người truyền động đến nguyên sơ. Bàng hoàng đuổi bắt một bản lai diện mục ẩn huyền . Mỗi Phùng Khánh Trí Hải, mỗi Kiều nhi,mỗi em Mọi là mỗi trận địa cuồng mê đến đầm đìa phủ chụp người thơ trong bàng hoàng nương náu. Bàng hoàng thể phách, mộng hoài đêm Da Đen tới Rú Rừng Da Trắng. Apollinaire tìm người yêu có thật, dấn mình trong một diểm ảo nhu cầu. Bùi Giáng hư vô hoá tất cả trong miên trường, *vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương.*

Mỹ nhân? Cái Đẹp? Lý tưởng? Một phương? Hãy tìm giùm chỗ mù sa cố quận? Đảo lên nguyên khê, lộn về phố thị, chỗ sân ga bến tàu, trên chiếc giường làm tình, giữa bàn hội nghị, lúc ngâm vịnh khi nhảy disco, ở đâu? nơi nào? trong Cõi Tồn Sinh rất nhiều Đánh Mất này một đúng nghĩa Lý tưởng? Cái Đẹp? Vã, trong tuyệt trù ngóng vọng còn chăng một thiên nhất phương để ký gởi ? *Em còn ở với sơn hà/ Anh còn mất hút gần xa mất hoài/...Hỏi rằng người ở quê đâu/ thưa rằng tôi ở rất lâu quê nhà.*

Tuy nhiên, với những người con yêu dấu, cuộc bám trụ mang nặng tổn thất này xem ra vẫn là một giềng mối đạo lý mãi mãi tươi xanh đạo lý. Nó hoài hoài thơ mộng khi quê nhà đã là một hiện trường có thật - trần trụi từ khi tôi ở truồng chào đời đến lúc tôi không còn khả năng bận mỗi bộ áo quần để chui vào quan tài - là thế , không nên giải thích nữa, tuy chưa hóa đá nhưng quanh tôi vốn vậy; diễn dịch nó bằng cách nói đương nhiên cạn cợt mà tất nhiên sâu thẳm, như nói về một cục gạch, mỗi bếp lò: *Dạ thưa xứ Huế bây giờ / vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương.*

Một câu hỏi cần thiết tôi muốn hỏi:"Quê nhà Bùi Giáng nơi đâu?". Đã hẳn là quê nhà ông "thưa rằng" đó không? Bùi Giáng chưa hề định nghĩa một quê nhà rộng hẹp, ghét yêu, kiểu Quốc văn giáo khoa thư ; mặc dù ông từng tha thiết yêu, và khẩn thiết, kêu gọi vi trùng, chuồn chuồn châu chấu, tập-thể-bò-dê trong đồi sim trái chín, hãy rộng lòng để cùng ông hòa mình cuộc thương yêu. Đã không hề giam mình trong định nghĩa, lại càng không giam mình trên một mặt đất dù nó khá mênh mông, vậy Bùi Giáng có một Quê Nhà nào trong cái vũ trụ mà ông đọa đày khắc khoải gọi tên?

Có thể, hiển nhiên là có thể thôi, Bùi Giáng có một mái nhà trong một Quê hương rộng dài : Cõi Thơ. Trên quê hương không chiều kích không gian và thời gian đó Bùi Giáng là đứa con trung thành rất mực dưới mái nhà Thơ, và là một tay kịch liệt tung hoành, mặc tình

dâng hiến, thỏa dạ cuồng si trong quê hương Thơ. Ở đó ông trùng phùng những công dân thế giới, những con người ưu tú từ nhân loại cổ kim.

Hãy đọc một trong những bài thơ sau cùng của ông:

Uống xong ly rượu cuối cùng
Bỗng nhiên chợt nhớ đã từng đầu tiên
Uống như uống nước ngọc tuyền
Từ đầu tiên mộng tới phiền muộn sau
Uống xong ly rượu cùng nhau
Hẹn rằng mai sẽ quên nhau muôn đời
Em còn ở lại vui chơi
Suốt năm suốt tháng suốt nơi lan tràn
Riêng Anh về suốt suối vàng
Trùng phùng Lý Bạch nghênh ngang Tản Đà
Em còn ở với sơn hà
Anh còn mất hút gần xa mất hoài
(Uống rượu)

Thường tình thì hẹn là để gặp lại, nhưng Bùi Giáng hẹn là để "quên nhau muôn đời". Lời di chúc cho Em trước một Ra Đi. Nó buồn tênh nhưng sáng ngời cái khí phách thanh sạch, ngời sáng của một Thi sĩ. Giã từ phương này trùng phùng được Lý Bạch Tản Đà đầu kia. Uống ly rượu cuối cùng trong thần thái Đầu tiên. Không hề là Vĩnh biệt, chỉ có Ra Đi, là Được về. Đặc biệt ở đây mọi hình tượng hiện tồn vọng viễn chỉ tinh mật góp lại một từ, đó là Em. Không phải Bùi Giáng hôm nay mệt mỏi, hóa ra hiền từ, không còn bay phá trong thế giới chữ nghĩa muôn điệu của ông, mà Em là chỉ Một Tiếng Kêu. Là *nhất phiến hàn thanh tống cổ kim* [5]. Em là Ai? Người ta đã từng gọi Tự do là Mi kia mà. *Tay cầm cung bậc xô ngang/ nửa chừng dâu biển lấp ngàn ước mong.Tuy nhiên Anh suốt suối vàng, vẫn mong Em còn suốt cõi tràn lan vui chơi.* Một chia biệt buồn bã vẫn tràn đầy tự nhiên, hò hẹn, hy vọng ; một cuộc đùa vui trong sáng, tự tại. *Mây rừng tháng chạp bổ sung/ Mộng đi theo mộng cuối cùng cho mai.*

Sau cùng, một điều nên đề cập tới - không thể tách rời khi viết về một Bùi Giáng Thơ - đó là phong cách đặc biệt của ông trong khảo luận, dịch thuật và những bài tạp luận. Vì đây cũng chính là thơ.

Bùi Giáng đề cập đến tất thảy các nguồn triết học Đông Tây cổ kim (hàng trăm thi sĩ triết nhân nhà tư tưởng đã được đề cập), ông ca ngợ cùng lúc cũng phê phán tất thảy từ Khổng, Trang, Lão đến Socrate,

Platon, Heidegger, Kant, Sartre...Nhưng cái nhìn của ông - qua văn xuôi - rất thơ, lẫn thơ mộng, lẫn mộng mị, do vậy ta nên đọc theo cách chịu chơi, như một thưởng ngoạn lấy cái thi vị. Trong bài **Đạo Đức kinh** ông đề cập tới Đạo như vầy :*"Không tin tưởng vào bất cứ gì mà vẫn yêu đời, ấy là đạo vậy. Tin tưởng tất cả mà vẫn chán đời, ấy là đạo vậy... Không đi lính mà mặc áo nhà binh , ấy là đạo vậy. Đi tu mà cứ ăn mặn hoài, ấy là đạo vậy..."* Trong **Đi Vào Cõi Thơ** là thế này :*"Thế nghĩa là gì? Có một cõi và một cuộc đi. Cuộc đi có nhiều thể thái. Có thể đi theo lối chu du của ông Khổng Tử. Có thể đi theo lối ngồi im không rục rịch suốt bao nhiêu diên trường tuế nguyệt dưới gốc cây bồ đề theo lối Như Lai. Cũng có thể đi theo lối anh lùa bò vào đồi sim trái chín..."* Trong **Đường Đi Trong Rừng**, Bùi Giáng làm thơ lý luận về học thuật một thôi rồi quay ra "tả cảnh" các triết gia thi sĩ thế này : *"Ôi đìu hiu con chim nhạn Hoelderlin ! Ôi con ngỗng trời bất tuyệt Nguyễn Du ! Con hạc vàng huyền ảo Nerval ! Con sư tử hống thời phương thảo lục Nietzsche ! Con tượng vương hồi xứ lạc hoa hồng Heidegger ! Con du hí thần thông tam muội tận Shakespeare ! Con phiêu bồng hồng nhạn tuyết trung khan Homer Sopholes ! Ôi con gà rừng con nai rú !..."*.

Những phạm trù tư tưởng được ông đùa chơi đề cập, thường là thông qua chiều kích của ngôn ngữ hình tượng, biểu trưng, hơn là Đáp - Giải bằng Lý. Ông bày ra trên bàn tiệc hình nhi thượng là những cô em phương trời, ông Phó Như Lai, bà Trời Trắng ; bằng một kỹ thuật dựng hình lổm ngổm, lý luận không biết đâu là Hỏi ra Đáp vào. Bởi, bày ra câu hỏi cũng chính là một Trả lời. Trả lời chính là một nan vấn, khẩn thiết một khởi đầu cho một tra vấn mới. Giải mã được "Vì sao hôm nay đã đánh mất Nguyên sơ" có nghĩa là "Vì sao Sơ nguyên không là Hôm nay", như thế là ta đã đẩy đưa một sự vụ thật ra đơn giản trở thành ảm đạm rối rắm; ngay lúc ấy ta đắm chìm trong một tưởng mộng sơ nguyên khi đang sống trên một mặt đất trầm trọng với đạn bom thương nhớ. *Tại ni hằng thể là ta tự tình.* Dưới mái lợp ngàn ngàn tinh tú này luôn hồi vọng những tiếng kêu xanh đen, lạc loài. Và bao nhiêu lời giải đáp là ngần ấy nhân lên những nan vấn kế thừa. Vậy thì và nghe bằng vô ngôn thông vậy.

Vì sao có sự thể vừa tinh mật vừa phồn tạp trong một Bùi Giáng. Chúng ta nên hiểu thêm một con người khác trong ông. Đó là một Bùi Giáng thông tuệ hãy còn lưu dấu sâu xa cái gốc gác thánh thiện một trẻ thơ lớn lên từ luống cày nương rẫy. Cái thật thà hài thơ ấy đã trở thành bản chất, đã nằm trong bịt bùng tầng tầng vùi lấp của cỏ thời gian đời người. Nó được nén chặt, đè kín, được lay - out kỹ càng nơi vô thức nhưng nó có sức bật dậy và phóng bủa mông lung khi được thực

tại click vào nó. Nó đã giúp ông bao năm lang thang giữa phố thị mà vẫn vô tình gắn chặt với hương đồng cỏ nội, với nương rẫy vườn rau lối ngỏ quê mùa - cả thơ văn lẫn con người. Phát biểu của ông lắm khi dân giả thật thà, thể hiện một cái Đẹp trần trụi, khật khùng, thô, không hào nhoáng son phết. Ngôn ngữ Bù Giáng là mặt bằng của tranh lụa, của tranh sơn dầu, cả cả hốc hang một tượng điêu khắc.

Bùi Giáng cũng là người rất mực tình cảm, rất mực thiết tha với bất cứ cái đẹp nào. Sống ở đâu ông cũng lưu lại một nỗi nhớ, một kỷ niệm, nhiều nhắc nhở. Nhưng cái nhớ ấy không cạn kiệt mà đã hoá thân là mơ màng, tưởng vọng, bay bổng tiếng kêu chung của phận người. Ông điên giữa phố thị nhưng Mỹ Tho Sài Gòn vẫn là nơi thuận tiện ngắm trời mây, dễ dàng hà tiện, dễ dàng bê bối, không cần thiết nhân danh tháng ngày để tiết kiệm thời gian. *Ở đời sáng uống cà phê/ quán trong hẻm nhỏ như quê quán nhà/ ngoại ô thành phố phồn hoa/ ấy Sài Gòn ấy thiết tha bấy chầy.*

Tóm lại, cuộc phiêu bạt của Bùi Giáng qua cuộc đời này là hình ảnh của một thiên thần trên chốn lưu đày. Nơi đây ông đã tự thân bày cuộc ngao du, minh triết hí lộng. Để chi vậy? để làm viên mãn "Cuộc-đời-ở-nơi-tạm-cư" ; và đánh trả cái nhân danh thiên đàng, lãnh địa của mọi nguồn gốc lưu đày.

Bùi Giáng đã có một đời thơ năm mươi năm sáng tác; hơn hai mươi năm ông đã cùng các nhà thơ lỗi lạc Phương Nam mở ra một Vận Hội Muôn Màu cho Văn Hoá Phương Nam. Nhưng nhìn ở bất cứ góc cạnh nào ông mãi mãi là một thi hào riêng Cõi, độc lập, một bát ngát tượng đài. Do đó, tôi thấy không nên - không thể quy kết, định đặt Bùi Giáng vào một trường phái, khuynh hướng, một tổ chức nào cả. Mọi nhãn hiệu có lẽ chỉ vô tình khoanh tròn, thu hẹp, công thức hoá cái thế giới Thi Ca dài rộng mênh mông của Bùi Giáng.

LỜI TẠM BIỆT

Anh Bùi Giáng! Hôm nay anh đã thật sự có ngày tháng ngao du. Anh để lại đây một tượng đài trong lòng người đọc, giữa bè bạn anh em; một tượng đài không cần thiết phải xây bằng bê-tông cốt thép mới đời đời bền vững. Hôm kia tôi ghé Bình Thạnh để thắp anh một nén nhang. Con đường mưa, đầy vườn lá rụng. Tôi nhớ cùng anh Những Ngày. Ngày ở Đại Học Vạn Hạnh. Ngày ngồi cà phê Nắng Mới. Ngày

của những Đêm-Đen-Giữa-Ban-Ngày. Mỗi chúng ta bị thời đại nghiền nát mỗi cách, nhưng anh luôn là một khuôn mẫu tự nghiền nát đặc biệt. Tôi rất khoái cuộc tự hủy mang tính nhiệm màu toả bóng của anh.

Tương lai sẽ nói gì? đó là quyền của tương lai. Nhưng tương lai sẽ có một thái độ rất trung thực, thanh sạch, và tích cực lưu giữ những gì là tốt đẹp của Hôm nay. Chúng ta không ích kỷ kỳ vọng tương lai nhớ mình, nhưng Ngày Mai sẽ có trách nhiệm lưu giữ anh, soi sáng những gì anh để lại. Chúng ta chưa hề đi vào những con đường hầm chưa không có đầu kia.

Sau cùng, tôi nghiêng mình xin lỗi anh vì đã khá ngớ ngẩn bàn luận về thơ anh, điều mà anh rất ghét kỵ. Anh chẳng bảo :"thơ chẳng có gì để bàn ra tán vào. Muốn, hãy cứ làm một bài thơ tương phùng nọ để đáp vào trận địa một bài thơ kia". Nếu anh trách giận, tôi sẽ cười như niềm vui nhắc bảo và đầm ấm thưa rằng: *"Cõi bờ con mắt Hoa nghiêm/ tường vôi lá cỏ lim dim vô cùng"*.

Mong thượng giới hãy dành một suất tự do để Con Người Chịu Chơi được tiếp tục cuộc tràn lan phiêu bồng.

CUNG TÍCH BIỀN

---

(1). Thơ văn Bùi Giáng được trích từ Mưa Nguồn, Đường Đi Trong Rừng, Mùa Thu Thi Ca, Lễ Hội Tháng Ba, Sa Mạc Trường Ca, Biển Đông Xe Cát, Trăng Châu Thổ, Ngày Tháng Ngao Du, Rong Rêu, Đêm Ngắm Trăng, và những bài thơ sau cùng chưa in thành thi tập.

(2). Trên mặt đất này đâu đâu cũng là dòng Mịch La.

(3). Lúc trời chiều đứng ngắm cảnh, tự hỏi đâu là quê nhà - Hoàng Hạc Lâu -Thôi Hiệu.

(4). Sống ở trên đời như giấc mộng lớn, làm chi cho vất vả thân mình - Xuân Nhật Túy Khởi Ngôn Chí - Lý Bạch.

(5) Một tiếng sóng lạnh tiễn đưa kim cổ - Nguyễn Du



THẬN NHIÊN

Đọc lại mưa nguồn

Mắt

Lỡ xưa xuống núi với người
Ăn thua phố chợ ngậm ngùi buông nhau
Đã đành xanh ngát bể dâu
Một con mắt khóc đủ sầu rã riêng

Ngó

Mai ngày manh chiếu mái hiên
Bát cơm quả trứng quan tiền đò đưa
Ngó chân ngón thiếu ngón thừa
Còn bao nhiêu bước - duỗi - vừa cuộc đi

Lạc

Mốt mai rớt hột xuân thì
Áo trăm mảnh mộng còn ghi cuối dòng
Gió cuồng lạc phố đào bông
Lạc em dê bé cười chồng dê non

Nguồn

Lỡ xưa kinh chép lời còn
Lên đôi cánh mỏng màu son chuồn chuồn
Vẫy tay chào núi mưa tuôn
Lay cồn rêu bám lạnh buồn ngày đông

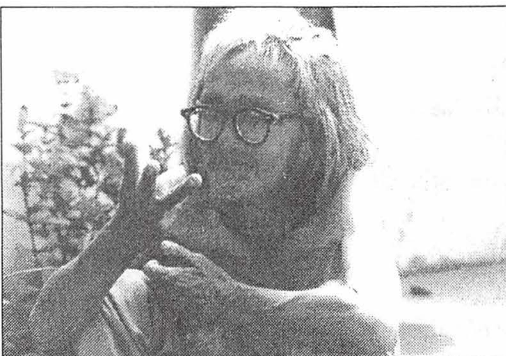
Thì thôi vuốt mặt giữa đồng
Cũng đành cuối dấu mưa sông là nguồn

THẬN NHIÊN



BÙI VĨNH PHÚC

Bùi Giáng, bước chân đi tìm hồn nguyên tiêu và một màu hoa trên ngàn



Người đã bỏ đường kia ở lại
Để đi vào đối diện hư không
Bờ thánh thót thu sau về vạn đại
Lời chào kia nức nở lạnh vân mồng
(Lá Hoa Cồn)

.1.

Người thi sĩ ấy đã ra đi. Cho dù người đã yêu thương thắm thiết trần gian và cuộc tồn sinh này. Nhưng giờ hẹn đã đến, và người phải rời bỏ cuộc lữ hiện tại để lên đường đi về một biên giới khác. Cho dù cuộc lữ người vừa rời bỏ có thể vẫn còn lắm chuyện thiết tha, người đã bỏ con đường kia ở lại. Trước khi đi vào đối diện hư không, giữa những đêm thâu lục nhạt của cuộc đời, người đã nằm suy nghĩ và mơ ước những gì? Có phải người mơ được trở lại "một miền quê hẻo lánh, xung quanh có ruộng đồng sông núi trùng điệp, những đám cỏ chạy dài suốt cả tuổi thơ" [1]. Người muốn trở về đó để tìm kiếm lại một màu xanh không còn nữa của những ngày tuổi nhỏ, hay để tìm lại một ánh trăng châu thổ, một giọt sương tỳ hải, những cánh châu chấu chuồn chuồn mà ai đó đã thả đầy trong mấy vạt nắng mong manh sầu úa một chốn quê nhà? Chốn quê nhà kia, nơi có những bóng tre, một màu rạ, một bờ ruộng, một con

đường, một khúc sông... mà lúc nào người cũng mãi gìn giữ trong chính thịt xương thân thể mình:

Con đường, bờ ruộng, khúc sông...
Bóng tre, màu rạ như trong ruột rà
(Martin Heidegger và Tư tưởng Hiện Đại II)

Hay là người vẫn còn mãi nhớ về bờ lúa cũ, nơi người vẫn còn nhìn thấy in đậm một dấu chân em:

Em chết trên bờ lúa
Để lại trên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con

Anh qua miền cao nguyên
Nhìn mây trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió

Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruỗng
Xương trong mình rã riêng

Anh đi về đô hội
Ngó phố thị mơ màng
Anh vùi thân trong tội lỗi
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang.
(Bờ Lúa, trích nguyên bài)

Hay là người muốn trở lại những ngày xưa để lùa bò vào đồi sim trái chín:

Anh lùa bò vào đồi sim trái chín
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín
Anh ngó bốn bề cây lá gió rung rinh
(....)
Cây lá bốn bên song song từng lứa
Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn ngàn

Hạnh phúc trời với đất mang mang
Với bò giữa rừng hoang đương gặm cỏ
Với người ngó ngất ngây đương nằm đó
Không biết trời đất có ngó mình không
(Anh lùa bò vào đồi sim trái chín)

Hay người muốn tìm lại những ngày tháng ngao du cũ, những sương bình nguyên, một màu hoa trên ngàn, và những đêm sâu đầy màu sử lịch của một khúc sa mạc trường ca? Người đã sống điên dại giữa đời, hay đúng hơn, người đã chọn một cuộc chơi vĩ đại, trầm thống với tất cả "thân thể máu me và da xương" của chính mình mà mẹ cha cũng như trời đất đã ban cho. Chẳng mấy kẻ trên đời này đã dám xông vào trận như thế. Người làm ta nghĩ đến Paul Gauguin, kẻ đã dám từ bỏ thế giới văn minh của con người để đi tìm một sắc màu thơ mộng mới cho chính cuộc tồn sinh mình. Gauguin, cũng như người, đã suốt đời lang thang để đi tìm một màu hoa sơ thủy. Người cũng đã làm ta nghĩ đến Van Gogh, kẻ đã tự ý đánh mất cái khôn ngoan của những con người sống giữa đời thường, để có thể đi sâu vào trong ánh sáng điên cuồng chói lọi của những *starry nights*, của những đêm sao lồng lộng, và nhìn ra ở đó những chính bản của cuộc đời. Cuộc đời như chúng ta đang sống chỉ là những phó bản với thật lắm điều sai chệch. Bùi Giáng đã van xin:

"... Hãy để yên cho tôi điên tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có bàn đến thơ tôi. Tôi không dám si mê, cũng không dám hoài vọng. Một mai tôi chết. Nghĩa là tôi không còn sống. Tôi sống trong cơn dại cơn điên. Tôi làm thơ trong cơn điên cơn dại. Nghĩa là tôi chết hai ba lần trong trận sống..."

Hãy nghe lời kinh *Cầu Nguyện Ca* mà người thi sĩ đã viết:

Hãy mang tôi đến giữa đời
Giết tôi chết giữa cõi đời mốc meo
Hãy mang tôi tới nắng chiều
Giết tôi chết giữa một triều khe nương
Hãy mang tôi tới dặm trường
Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ
Hãy mang tôi tới bất ngờ
Giết tôi ngẫu nhĩ trong giờ ngẫu nhiên
Hãy mang tôi tới diện tiền

Giết tôi chết giữa người thuyền quyên kia....
(Sa Mạc Trường Ca)

.2.

Nhắc đến Bùi Giáng, người ta hay nói về thơ của ông. Đó cũng là điều tất nhiên. Ông là một thi sĩ bát ngát, ngây thơ và cỏ hoa điên đảo. Cỏ hoa điên đảo trong cõi đời cũng như trong những cõi phi-đời và pha-đời. Còn ngây thơ, bát ngát là ở trong cõi bờ tịch lặng của triết lý uyên nguyên mà ông vẫn hằng lui tới. Thơ Bùi Giáng tràn đầy thiên nhiên hoa cỏ của một thế giới sơ đầu vẫn còn giữ mãi một hồn nguyên tiêu ẩn mật. Thơ ông đựng đầy ẩn ngữ, mật ngữ, nhưng không trì nặng mà vẫn bay lượn phiêu diêu như những cánh châu chấu chuồn chuồn ở ngoài đồng nội. Ông làm thơ, nhưng không cần biết thơ là gì:

Bắt chước ông Khổng Tử
Con chim thì ta biết nó bay
Con cá thì ta biết nó lội
Thằng thi sĩ thì ta biết nó làm thơ
Nhưng thơ là gì
Thì đó là điều
Ta không biết
(Sa Mạc Trường Ca)

Kẻ thi sĩ không biết thơ là gì, nhưng ông biết rõ tại sao ông lại làm thơ:

"Thơ tôi làm (...) chỉ là một cách dìu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão động một lúc thì lập tức xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi. (...) [T]ôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ dại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao thơ về lãng đãng thì từ đó vần bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao..."

Có những người đã thử bàn về thơ của Bùi Giáng. Tôi cũng đã thử có lần "vạch hai lá cỏ ra nhìn" để rủ một lũ chuồn chuồn châu chấu trở về bay liệng trong thơ ông (2). Tôi yêu cái hình ảnh của Bùi Giáng trong một màu trăng châu thổ và trong đìu hiu của hoang vu những lá hoa cồn, hay trong những bài ca quần đảo; nhưng tôi cũng rất thích cái nét thơ mộng đầy nhiệt tình, nhiệt thú, nhiệt huyết của ông trên cả

hơn một ngàn trang sách trong ba tập *Tư Tưởng Hiện Đại* (in khổ lớn). Để thấy được những nét tài hoa và cái đọc, cái biết rộng rãi và phơi phới của Bùi Giáng về văn học, tư tưởng và triết lý Tây phương cũng như Đông phương, tôi nghĩ người ta phải tìm vào những trang sách này. Những trang sách mà Bùi Giáng đã viết trong những năm ngoài ba mươi tuổi của mình, những năm đầu thập niên sáu mươi. Con người này tài hoa rất mực, chu du trong thế giới tư tưởng và ngôn ngữ Tây phương nhưng lúc nào cũng yêu thương thắm thiết một màu hoa bên ngàn của ngôn ngữ Việt.

Có lần ông nói với Trần Tuấn Kiệt là ông viết về triết học, bàn về tư tưởng hiện đại là để cuối cùng nêu lên mấy câu về Kiều hay của Huy Cận chơi. Quả thật là có thế. Nhưng không phải chỉ là như thế. Bùi Giáng nói chơi đấy thôi. Trong những quyển này, ông bàn về một số những khuôn mặt lớn của tư tưởng hiện đại như Karl Jaspers, Jean-Paul Sartre, André Malraux, Saint-Exupéry, Gabriel Marcel, Albert Camus, Paul Claudel, Simone Weil, Martin Heidegger, William Faulkner, Nietzsche, Kierkegaard... Từ những khuôn mặt này, và đặc biệt là từ Heidegger, Bùi Giáng đã bàn rộng ra về những vấn đề của triết lý và tư tưởng hiện đại. Đọc mấy cuốn này để hiểu Bùi-Giáng-trẻ là như thế nào. Ông vẫn luôn là một nhà thơ, một con người hết sức thơ mộng. Nhưng ông lại là một con người của lý luận và mang đầy tính "vượt biên" trong cung cách dắt dìu ngôn ngữ, tư tưởng của mình. Ông gạt bỏ mọi rào cản trong sự diễn tả và trong mạch lý luận. Ông sẵn sàng đưa Khổng, Lão, Trang cũng như cả Thúy Kiều, Kim Cương, Phùng Khánh, Brigitte Bardot, Marilyn Monroe, Dương Quí Phi, Ariane, Diane, Nausica, Juliet, Desdemona... vào trong cuộc thảo luận mà ông bày ra với Heidegger , Nietzsche, Sartre, cũng như với những nhà tư tưởng lớn khác của thế giới. Bùi Giáng cho rằng những người con gái đó "phải trở về bủa rộng chiêm bao để thiết lập mộng luân lưu giữa thời gian bay múa", và có như thế thì "cuộc tồn hoạt của tồn sinh [mới] được tiếp xúc trở lại với hương màu vạn cổ..."

Bùi Giáng không thích Sartre vì, trong cái nhìn của ông, Sartre đã quá bất công với Camus, không hiểu Faulkner cũng như kỹ thuật thời gian đồng hiện của nhà văn này trong *The Sound and the Fury,* và không ngay thẳng với Heidegger. Sartre đã tìm cách giết chết Camus trong việc "giải thích" *L'Étranger* một cách không đúng tinh thần mã thượng trong bài *Explication de l'Étranger* của mình. Và Sartre đã bóp méo, xuyên tạc, rồi sau đó tấn công Heidegger, tung hỏa mù về tư

tưởng của Heidegger vào thế giới trí thức Tây phương. Trong quyển đầu, *Tư Tưởng Hiện Đại*, Bùi Giáng còn khá nghiêm túc, tính chất "vượt biên" trong ngôn ngữ, tư tưởng của ông, phần lớn, còn nằm đằng sau những con chữ, những mặt chữ, chứ chưa lộ hẳn ra ngoài. Những nhận định của ông về Sartre, trong khi bàn về Camus, còn sự quý mến và nể trọng. Qua đến quyển hai, *Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại I*, vì giận Jean Wahl, giáo sư đại học Sorbonne, qua quyển *Vers la fin de l'Ontologie* của ông này nhằm phê bình quyển *Introduction à la Métaphysique* (Einfuhrung in die Metaphysik) của Heidegger, và giận Sartre trong việc ông cho rằng Sartre đã xuyên tạc triết gia này, có những chỗ Bùi Giáng đã "mày tao chi tớ" với họ. Ông cho rằng Jean Wahl đã *"bám vào những chi tiết mấp mô mà bỏ quên nguồn thác chảy. Cái phần sâu thẳm trong chiêm niệm viễn tượng siêu hình "dư dục vô ngôn" Heidegger gọi là cái phần Im-pensé [...] hoàn toàn bị Jean Wahl và Sartre hững hờ không dọ tới. Jean Wahl là hình ảnh biểu trưng trọn vẹn cái sa đọa của duy lý thô thiển mài miệt trong cái học công truyền đo đếm quanh năm [...] Cái gì gì Jean Wahl cũng nằng nặc đòi cho được "tout à fait". Đức Khổng Tử thấy vậy, Ngài bèn lắc đầu: Nếu đòi hỏi mãi cho được cái "tout à fait" thì than ôi! còn chi là cái cõi lòng của ta nữa [...] Cái phần vô-suy tư là cái phần quý báu ta trao gửi êm đềm cho mỗi mỗi tinh anh. Hãy mở tâm thức mình ra mà đón lấy..."*

Bàn về việc Sartre, trong cái nhìn của Bùi Giáng, bóp méo và xuyên tạc rồi tấn công Heidegger trong khái niệm "In-der-Welt-sein" của triết gia này trong cuốn *l'Être et le Néant* (Hữu Thể và Hư Vô) của mình, Bùi Giáng viết:

" Ở đây, rõ ràng ý Sartre muốn triệt để công kích Heidegger cho tả tơi tan tành trong-hào-ngoài-lũy-bằng cái toán quan quân kỳ dị truy sát đuổi dài. Bởi đâu ta dám bảo như vậy. Bởi rằng: cái tiếng l'être-au-milieu-du-monde *là tiếng của Heidegger. Vật-thể-trong-đời hay tại-thể-trong-thế-gian chính là In-der-Welt-sein-một khái niệm cốt yếu trong tư tưởng Heidegger. Và sở dĩ ta bảo rằng đám loạn quân truy sát của Sartre quả thật là kỳ dị, ấy bởi rằng: Sartre xuyên tạc trước, rồi tra tấn sau. Sartre bóp méo tư tưởng của người ta rồi lên án người ta.*

Cái khái niệm "trong đời" của Heidegger không có nghĩa ù lì, trơ trơ gỗ mục như Sartre bảo. Tại-thể-trong-đời, *là xuất võng ngoại tồn phát tiết tinh hoa ra ngoài cõi đời để mở-phô-đời-cõi, thiết lập lại bên dòng cái cuộc đời rời rã cho kết-tụ-tròn-đầy lài liễu soi gương,*

khâm phụng lên đường theo thiết tha phóng hoạt-là thiên chức con người trước tiếng gọi Vô Ngôn.

Sartre đã đẩy Logos Hình Nhi Thượng của Heidegger cho té xuống bình diện Hình Nhi Hạ. Phusis bị dập hết hương màu. Thế còn chi là hồng nhan em Thúy? Tha hồ mà đo đếm đuổi xô. Đem bụi lầy bết vào thân tiên tử, đem bùn-đen trát vào mình mẩy mềm mại của giai nhân, rồi la to:—Con đĩ kia ơi! Mày hãy đưa tứ chi cho ông xiềng xích lại, rồi vào ngục tối mà nằm. Ông là nhân viên kiểm tục.

Duy có điều: Sartre vẫn đáng được ta mến là ở chỗ: Cái điệu tài-tình-ba-gai của Sartre nghe ra lắm chiều ngộ nghĩnh. Dường như Sartre thử đùa một cuộc chơi-để xem thử thiên hạ sẽ nghĩ như thế nào. Nếu ta nói chơi, mà đời lại nghe theo làm thật, lại ngây thơ hơn con trẻ, cứ lượm đá mà ném mãi vào thân thể giai nhân để tự-biến-mình-làm-quỷ-thì cũng là đáng cho cái kiếp các ngươi lắm đó. Giai nhân chết đi, thì rồi các người sẽ cưới ma-cuồng về mà ôm ấp (...)" [3]

Phong cách diễn tả của Bùi Giáng cho thấy ông có sở học rộng, mặc dù ông cũng rất chủ quan. Ở đây, ông là một nhà phê bình; nhưng cái chất nghệ sĩ trong con người ông còn mãnh liệt hơn cái chất phê bình kia. Và nghệ sĩ nào mà lại không chủ quan. Ông có cái tài hoa trong ngôn ngữ, cái nhiệt tình trong việc bênh vực cho lẽ phải trong quan điểm của mình, và cái cao ngạo, "pha" đời của một người coi thường cái học từ chương, trường ốc, khinh thường cái nhóm "trường trại lao xao". Tự nói về ngôn ngữ của chính mình, ông bảo: *"Lời mông-lung-cỏ-lá là xem thường hệ-thống-lý-luận-phỉnh-gạt của những phường giá áo túi cơm là cá chậu chim lồng"* (M.H. và TTHĐ II) *và "Đã là người Việt Nam thì chẳng lẽ lại viết triết học bằng chữ. Phải viết bằng lời. Mà lời của biển dâu không thể là lời văn xuôi. Phải là lời thơ "tái tân thanh" tái tạo. Văn xuôi cũng phải buộc là thơ. Và mở cửa cho thơ rúc vào nằm trong một vòng tròn trịa méo mó ôm nhau."* (M.H. và TTHĐ I).

Bởi vậy, cho dù ngoài thơ ra, Bùi Giáng có dịch một số tác phẩm của văn chương thế giới, có bình luận chú thích về tư tưởng hiện đại, thật sự, tất cả những gì ông viết ra đều nằm trong một bài thơ lớn. Một bài thơ lớn theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Bài thơ đó chính là đời sống của ông, là cuộc tồn lưu kỳ thú mà ông đã chọn lựa để sống trọn vẹn sinh mệnh mình trong cuộc lữ trần gian này:

Tôi đã nguyện yêu trần gian trọn vẹn

Hết tâm hồn và hết cả da xương
(Mưa Nguồn)

Bùi Giáng viết mấy quyển *Tư Tưởng Hiện Đại* chỉ là để, cuối cùng, nêu lên mấy câu của Tố Như trong Kiều hay mấy câu thơ của Huy Cận. Thì thực là như thế đó. Nhưng ông cũng viết những quyển sách ấy để nói lên những vấn đề trầm trọng của sử lịch Việt Nam, của con người Việt Nam giữa mấy trời lửa khói:

Bóng mây trời cũ hao mòn
Chiêm bao náo động riêng còn hai tay
Tấm thân với mảnh hình hài
Tấm thân thể với canh dài bão dông
Cá khe nước cõng lên đồng
Ruộng hoang mang khóc đêm mồng một giêng
Tạ từ tháng chạp quay nghiêng
Ầm trang sử lịch thu triền miên trôi

*

Bỏ trăng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngửa sóng giữa lời hẹn hoa
Bỏ người yêu bỏ bóng ma
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời
Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con
(Mắt Buồn / trích nguyên bài trong tập Mưa Nguồn)

Ầm trang sử lịch. *Sử lịch.* Hình như đây là chữ đặc biệt của Bùi Giáng. Trước ông, hình như chưa có ai dùng từ *sử lịch.* Và kể từ Bùi Giáng, mỗi khi viết về ông, hoặc mỗi khi viết theo thể điệu của ông, người ta thường dùng từ này để nói lên cái tính lịch sử của đời sống , của con người, của một cuộc lữ, hay của một dòng quay, một dòng vận động. Có thể nhiều người trong chúng ta thấy từ ấy lạ, đầy nét Bùi Giáng, và đã tưởng là người thi sĩ cho "nét chữ lên đàng quẩn quanh". Và chúng ta cũng cho nét chữ của mình quanh quẩn lên đàng đuổi theo nét chữ của người. Điều đó cũng là hợp lý khi đi tìm hay khi nói về phong cách của nhà thơ. Có lẽ ít người biết rằng, dù là có một phong cách dùng từ độc đáo, trong việc dùng từ "sử lịch" này, Bùi Giáng có quan niệm rõ ràng của ông. Ông sáng tạo ra từ "Sử Lịch"-hoặc nếu nó đã có trước đó, trong văn mạch của ông nó đã được dùng theo một nghĩa đặc biệt-để diễn một khái niệm triết lý của Heidegger. Ở đây

không phải chỉ là chuyện "hóa ra nét chữ lên đàng quẩn quanh" mà thôi. *Sử lịch* là lịch sử nhuốm đẫm màu thời gian pha phôi thiên cổ. Ở phần phụ lục cuối sách trong quyển *Martin Heidegger và Tư Tưởng hiện Đại II*, trong phần chú giải về những ngôn từ cốt yếu của Heidegger (vài chục từ) mà Bùi Giáng có nhắn gửi với người đọc là: "Nắm lấy chừng này Ngôn từ, bạn sẽ có cái Chìa Khóa mở một Cửa Mộng", ông chú giải về từ *Geschichte* theo thể điệu Bùi Giáng:

Geschichte: *Sử Lịch, Sử Mệnh, Sử Kiếp, Hồng Sử, Thanh Sử...*

Trên trang sách Heidegger, tiếng Geschichte có âm vang kỳ bí não nùng như những tiếng Cổ Lục Sử Xanh của Nguyễn Du. Trong Đức Ngữ cũng có tiếng Historie như History (*Anh*), Histoire (*Pháp*).

Theo nghĩa thông dụng thì trong Đức Ngữ hai tiếng Historie *và* Geschichte *vẫn không khác gì nhau. Nhưng trong sách Heidegger thì triết gia phân biệt hẳn hai nghĩa.* ***Historie*** *được dùng theo nghĩa sử là sử ký, sử sự, sử kiện, sử chi li biến cố. Tĩnh tự là* historisch. *Còn* ***Geschichte*** *thì có nghĩa man mác mênh mông của Thời Gian hòa vào Vĩnh Thể trong tâm thức con người là Tại Thể hoài vọng luân lưu. Âm hưởng Sử Lịch phiêu bồng trong chiều hướng quá vãng theo về bờ cõi mai sau.*

Những tiếng Geschichte, geschichtlich, Geschichtlichkeit *đều mang đủ những gì trầm trọng của* Sein und Zeit[4] *của* Zeitlichkeit *chan gội tồn lưu tố chất... Dịch giả Anh, Pháp đã bối rối rất nhiều trước những tiếng này. Việt Nam nhờ có Nguyễn Du nên đỡ sợ.*

Tạm đưa một vài thí dụ để dễ nhận nghĩa hơn: khi bàn tới tiếng philosophia *của Cổ Hy Lạp, Heidegger bảo: vì tiếng kia là của Hy Lạp ngàn xưa mênh mông, nên lời của philosophia là lời của nghĩa Con Đường, lời của Đạo. Đến bây giờ, theo dấu cỏ, ta đi. Bước trên đường, và ta hiểu đạo* philosophia. *Nhưng thật ra cái con đường của yêu thương cái sophon đã mất nhiều cỏ hoa vì bàn chân ta thô bạo. Ta bứt trụi lá cây. Và từ đó ta tưởng mình quen biết con đường, nhưng thật ra cũng hầu như không biết. Biết rất mù mờ, dù có nhớ rõ vanh vách những hòn sỏi, những cồn lau. Dù có thuộc làu làu những gì trong Cổ Sử: chuyện trước, chuyện sau, câu đầu, hàng cuối, sử ký, sử ghi, sử sự tràn lan đùn đẩy. Vẫn chưa rõ đạo của đường. Bởi đâu?*

[Bỏ một đoạn trích tiếng Đức của Bùi Giáng để làm bật nghĩa **historische Kenntnisse**.]

Ấy bởi rằng những Sở Tri Sử Ký chồng chất kia (viele historische Kenntnisse) nó nằm trong trí óc lao xao, nó xui ta bận trí đếm đo hoài, nên ta không còn tâm linh mà mặc niệm. Ta bỏ lạc tồn lưu và mất trụi

cái cốt thiết của Căn Cơ ẩn kín (innerst Grundzug) của Sử Lịch là Geschichte *nằm trong Sử-tố-chất của Tại Thể*-die Geschichtlichkeit des Daseins.

Cầu thệ thủy ngồi trơ cổ độ
Quán thu phong đứng rũ tà huy

Lời cổ độ gây rung động dị thường. Vì Dasein đã nhìn vạn vật trong vẻ kỳ ảo Sơ Khai. U huyền trong cổ độ, huyền mộng trong tà huy, mộng tình trong thệ thủy, tình tự trong thu phong... Đứng rũ vì nhớ nhung, ngồi trơ vì thê thiết. Quán và Cầu là hình ảnh của hoài niệm về Sơ Thủy không nguôi....

Đoạn trích dẫn vừa rồi khá dài. Nhưng, ở đây, tôi chỉ muốn cho người đọc thấy rằng nhiều khi chúng ta cứ tưởng rằng Bùi Giáng chỉ thích đùa cợt gùn ghè giỡn chơi với chữ nghĩa, nhưng thật sự thì chẳng phải vậy. Ông đùa giỡn, điên đảo, quẩn quanh hoa cỏ thật, nhưng ông cũng là một người thật hết lòng nghiêm cẩn với chữ nghĩa của mình. Ta hãy thử đọc vài ba định nghĩa nữa của ông về mấy từ thiết yếu trong sách của Heidegger, người mà Bùi Giáng rất mực tâm đắc và yêu mến.

Sein: Hữu Thể, Tồn Thể, Vĩnh Thể.

Seiende: Hiện sinh, Hiện Thể, Vật Thể

Gefrage: Điệu hỏi ò e, lao xao, theo lối trường trại ồn ào, làm tan nát màu hương của chiêm niệm u uyên.

Hai từ đầu nghiêm cẩn. Từ thứ ba rất "mông lung cỏ lá", diễn được cái ý xem thường "lối trường trại" ồn ào của Bùi Giáng.

.3.

Con người của Bùi Giáng không chỉ để lộ nét tài hoa trong thơ của mình. Hay trong hằng ngàn trang sách của *Tư Tưởng Hiện Đại*, và trong hằng mấy ngàn trang sách khác nữa của những quyển khảo luận về văn chương, tư tưởng Việt Nam cũng như về văn chương, tư tưởng thế giới. Nét tài hoa ẩn mật mở phơi hào hứng của ông còn được thể hiện rất rõ trong những dịch phẩm mà ông đã để lại cho đời. Tùy vào cái tạng của mỗi người mà chúng ta có thể cảm hay không cảm, thích hay không thích cái phong cách dìu ba đào về những chân trời viễn mộng trong những bản dịch của Bùi Giáng. Dù sao, ai cũng phải công nhận đó là những bản dịch đặc biệt, những bản dịch có một không hai

trong văn dịch của chúng ta.

Có một lần, Bùi Giáng đã thổ lộ về quan niệm dịch văn của mình trong lời Tựa quyển *Cõi Người Ta*[5] mà ông dịch từ *Terre des Hommes* của Saint-Exupéry như sau:

(...) Theo dõi giấc mộng dài của Saint-Exupéry, lại gọi ngôn ngữ Việt Nam về hạ tứ, nhiều phen phải bàng hoàng: Chúng ta đứng trước mấy lần hiểm họa của màu sắc lục hồng cứ trùng điệp rủ nhau bay, tung lên phủ xuống (...)

Dịch văn-sao cứ gọi là dịch?-dịch văn biến thành câu chuyện; vừa bay lên, vừa lặn xuống, vừa lẽo đẽo nối liền hai bờ ngôn ngữ quá xa nhau. Thật vừa vui, vừa mệt mỏi.

Ngôn ngữ đa âm đòi hỏi lối phiên dịch như thế nào qua ngôn ngữ đơn âm? Đó là điều đáng xui chúng ta tư lự đăm chiêu.

Vì lẽ: tiết điệu đa âm có một phong thái dồi dào đương yêu cầu được tái hiện. Đây là trường hợp: ở bên kia từ ngữ, tiết điệu của ngôn ngữ đương nói rất nhiều.

May sao, Việt ngữ đơn âm lại giàu sang âm vận. Nhưng không phải ở mọi cơ hội đều giản dị giàu sang. Do đó cần thêm một chút chuyển hóa thỏa đáng thì lời dịch sẽ tái lập được "cung bậc" gieo vàng của nguyên ngôn. Mà nguyên ngôn Saint-Exupéry lại chứa chan những thơ mộng khi u trầm, ngậm ngùi lúc lộng lẫy. Cái điệu nói la cà diệu vợi, vừa chát chát vừa hắt hiu, lúc nhắc tình bạn hữu, lúc gợi tiếng U già, lúc chuyện trò với gái trên nhịp cầu hai cõi hoang vu. "Tả nhi nữ tư tình, đãng khí hồi trường. Tả anh hùng sự tích, nghĩa bạc vân tiêu." (...)

Trong bản dịch, có mấy chỗ thêm vài lời, ấy là gắng đưa ngôn ngữ đơn âm đuổi theo tiết điệu ngôn ngữ đa âm. Thỉnh thoảng lại bớt vài lời, ấy là bởi: Việt ngữ mang nhiều tính chất parataxique *trong khi Pháp ngữ lại triệt để là một ngôn ngữ* syntaxique.

Sau đây, ta hãy thử đọc một đoạn trong *Terre des Hommes* của Saint-Exupéry, rồi thử tìm xem cái giọng điệu lãng đãng thơ mộng ấy của Saint-Exupéry ngân vang bồi hồi trong bản dịch *Cõi Người Ta* của Bùi Giáng ra sao:

J'ai atterri dans la douceur du soir. Punta Arenas! Je m'adosse contre une fontaine et regarde les jeunes filles. A deux pas de leur grâce, *je sens mieux encore le mystère humain. Dans un monde où la vie* rejoint

si bien la vie, où les fleurs dans le lit même du vent se mêlent aux fleurs, où le cygne connait tous les cygnes, les hommes seuls bâtissent leur solitude.

Quel espace réserve entre eux leur part spirituelle! Un songe de jeune fille l'isole de moi, comment l'y joindre? Que connaitre d'une jeune fille qui rentre chez elle à pas lents, les yeux baissés et se souriante à elle-même, et déjà pleine d'inventions et de mensonges adorables? Elle a pu, des pensées, de la voix et des silences d'un amant, se former un Royaume, et dès lors il n'est plus pour elle, en dehors de lui, que des barbares. Mieux que dans une autre planète, je la sens enfermée dans son secret, dans ses coutumes, dans les échos chantants de sa mémoire. Née hier de volcans, de pelouses ou de la saumure des mers, la voici déjà à demi divine.

Punta Arenas! Je m'adosse contre une fontaine. Des vieilles viennent y puiser; de leur drame je ne connaitrait que ce mouvement de servants. Un enfant, la nuque au mur, pleure en silence; il ne subsistera de lui, dans mon souvenir, qu'un bel enfant à jamais inconsolable. Je suis un étranger. Je ne sais rien. Je n'entre pas dans leurs Empires. (6)

Lời văn của Saint-Exupéry mang tiết điệu trầm buồn, u hoài, đầy nét vợi xa lãng đãng. Và, từ đó, Bùi Giáng dịch là:

Tôi hạ cánh giữa tịch mịch chiều vàng. Punta Arenas! Hãy nhìn ta tựa lưng vào bờ giếng mà ngó gái giữa thanh xuân. Cách nhau hai bước, tôi càng cảm thấy rõ cái lẽ huyền nhiệm kiếp người... Trong một thế giới mà sự sống giao tiếp dễ dàng với sự sống, mà những cành hoa giữa lòng gió hồn nhiên hôn phối với những cành hoa, một thế giới mà con thiên nga nào cũng quen biết mọi con thiên nga, trong thế giới đó, chỉ riêng con người là xây dựng căn lầu mộng cô đơn.

Phần tinh anh còn cách biệt nhau nghìn trùng. Một giấc mộng "đầu hoa ngang ngửa thắm" của gái xuân càng chia nường biệt lập tôi, biết làm sao mà tìm cái lối vào trong nẻo đó ở trong kia? Làm sao hạnh ngộ, làm sao nghe ra, làm sao ngóng thấy, làm sao biết rõ những cơn man mác trong nhịp bước gái tơ đi lững thững chiều hôm về căn nhà cha mẹ, mắt lim dim khép mở hai hàng, hai đôi má núng đồng tiền mở nụ, một mình mỉm cười với gió ẩy tà xiêm một mình em hay, một mình em biết, một mình rộn lên những trận viễn du khai phá, những mộng tưởng phát minh, những u hương rập rình quân nhạc dối nhau xiêu đình đổ quán... Nàng đã tự thiết lập một điện đài ẩn bí trong một

vương quốc rẽ riêng, bằng những gì của riêng ai đem lại, bằng những gì của gã tình nhân đăm chiêu tơ tưởng? bằng điệu nói của chàng? bằng lặng lẽ của anh? Từ đó về sau, đối với em, chỉ riêng chàng là hoàng tử chí tôn, ngoài chàng ra, người người trong thiên hạ thảy thảy là bọn lưu manh man dại côn đồ? Em khép thân ngà trong một cõi, kín đáo hơn lối vào một viễn cách hành tinh, em che lấp đời riêng trong những lối đi về kiều diễm, trong những thói nhà băng tuyết, trong những âm thanh dìu dặt của ký ức não nàng lờ lững phỉ phong. Sinh ra từ giữa lòng núi lửa, từ giữa lòng thảo hoa, từ chất muối trùng khơi thổi mặn, mới đó hôm qua, nay em đã hầu thành Tiên Nữ.

Punta Arenas! Tôi tựa lưng vào bờ giếng. Những đàn bà già nua tới đây lấy nước. Trong tấn bi kịch đời họ, ngày mai tôi sẽ biết riêng chỉ một cử động tôi đòi ấy thôi. Một bé con ngửa cổ vào tường, khóc lặng lẽ. Ngày mai trong kỷ niệm của tôi, sẽ chỉ còn ghi riêng hình ảnh một đứa bé lạc loài, sầu khổ không nguôi. Tôi là kẻ lạ tới đây. Tôi không biết, không biết gì hết cả. Thế giới họ, tôi không thể bước vào. Làm sao tôi dám nói.

Ngày còn trẻ, những năm mười tám, mười chín, hai mươi, đọc *Terre des Hommes*, rồi đọc bản dịch *Cõi Người Ta* của Bùi Giáng, thú thật, tôi chịu không nổi. Trong những tháng năm tuổi trẻ ấy, cái gì mình cũng muốn đâu vào đấy, cái gì mình cũng muốn thẳng lối ngay hàng. Mình thích sự nghiêm cẩn, thích sự gọn gàng chính xác. Câu văn của Bùi Giáng thêm thắt lòng vòng, ngõ trước vườn sau, mông lung lá cỏ. Làm sao tuổi hai mươi ngày ấy chấp nhận được. Nhưng rồi thời gian trôi qua lãng đãng. Bây giờ, đọc lại câu văn dịch của Bùi Giáng, tôi thấy bập bềnh cái hơi thở u hoài của trần gian thênh thang mà miên man lồng lộng. Trên những câu văn của Bùi Giáng, tôi vẫn thấy còn sót lại một vạt nắng vàng trong man mác chiều tà. Người con gái đầy ắp xuân thì, cúi đầu, tự mỉm cười với chính mình, bước đi lững thững về nhà, trong lòng chất đầy mơ mộng. Những bà già ra giếng kín nước. Một cậu bé con ngửa cổ vào tường, khóc lặng lẽ. Câu văn dịch của Bùi Giáng lòng vòng diệu vợi. Thế mà bây giờ, đọc lại, sao tôi lại thấy nó để lại trong lòng mình những ấn tượng thật mạnh và buồn [7]

Một bản dịch khác của Bùi Giáng, cũng là một tác phẩm của Saint-Exupéry, mà tôi rất thích là quyển *Le Petit Prince*. Bản dịch của Bùi Giáng là *Hoàng Tử Bé* [8]. Đây là một cuốn sách tuyệt vời. Và bản dịch của Bùi Giáng cũng đạt được độ tuyệt vời của nguyên tác. Cuốn

sách kể lại câu chuyện của một chú hoàng tử bé, sống trên một tinh cầu xa xăm. Chàng có một đóa hoa và chàng đã ngày ngày tận tâm tưới nước, chăm sóc cho đóa hoa ấy. Đó là một đóa hoa đặc biệt của một chủng tử đặc biệt trên tinh cầu chàng. Đó là đóa hoa duy nhất của chủng tử nọ, và chính là vì đóa hoa yêu kiều diễm lệ này mà hoàng tử bé đã lên đường phiêu lưu. Chàng đi qua nhiều tinh cầu khác nhau và thấy được nhiều sự lạ lùng trong tính chất của "con người": một ông vua, một người hay khoe khoang, một chàng thích ăn nhậu, một người làm áp-phe, một người chuyên đi thắp đèn, một nhà địa lý. Tới trái đất, sau khi gặp một con rắn, sau khi gặp những đóa hoa hồng, hoàng tử bé kia gặp một con chồn. Và, trong nguyên tác cũng như trong bản dịch của Bùi Giáng, con chồn này quả là phiêu hốt và thơ mộng đáng yêu quá thể.

Sau khi gặp gỡ, chào hỏi nhau, hoàng tử bé nói chàng muốn con chồn đến ở chơi với chàng, vì chàng buồn quá. Con chồn trả lời là nó không thể chơi đùa với chàng được vì nó chưa được "tuần dưỡng", bởi thế tính khí chưa thuần. Hoàng tử bé hỏi con chồn "tuần dưỡng" là gì. Nhưng con chồn nói sang chuyện khác. Sau hai, ba lần như thế, hoàng tử bé vẫn không quên câu hỏi của mình. Chàng lại hỏi con chồn: Tuần dưỡng có nghĩa là gì?

— Đó là một điều bị quên lãng quá nhiều, con chồn đáp: đó có nghĩa là "tạo nên những mối liên lạc..."

— Tạo nên những mối liên lạc?

— Hẳn thế, con chồn nói. Đối với tôi, chú hiện giờ chỉ là một đứa trẻ giống y như trăm nghìn đứa trẻ bé khác. Và ta không cần thiết gì tới chú. Và chú cũng chẳng cần gì tới ta. Đối với chú, ta chỉ là một con chồn lũi lang thang như trăm nghìn con chồn lũi phất phơ phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ thế thôi. Nhưng nếu chú tuần tuần thiện dưỡng ta, thì chúng ta sẽ cần tới nhau. Chú sẽ trở nên duy nhất trong cõi đời, đối với ta. Ta sẽ trở nên duy nhất trong cõi đời, đối với chú...

— Ta bắt đầu hiểu rồi đó, hoàng tử bé nói. Có một đóa hoa... ta tưởng nàng đã tuần dưỡng ta... (...)

Thế rồi con chồn tâm sự:

— Đời ta tẻ nhạt. Ta đuổi bắt những con gà mái, loài người đuổi bắt ta. Mọi con gà mái đều giống nhau, và mọi mọi con người đều giống nhau (dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị đìu hiu...) Vậy nên ta có u sầu chán ngán đôi chút. Nhưng nếu chú tuần

dưỡng ta, cuộc sống của ta sẽ sáng sủa ra, kể như có bóng mặt trời chiếu vào vậy (...) Và này coi kìa! chú thấy ở đằng xa kia kìa những cánh đồng lúa mì đó chớ? Ta không ăn bánh mì. Lúa mì đối với ta vô dụng. Những cánh đồng lúa mì chả có nhắc nhở ta cái gì ráo. Và cái điều đó, thật đáng buồn! Nhưng chú có những sợi tóc màu vàng óng. Vậy nên sự vụ sẽ trở thành huyền diệu, một khi chú đã tuần dưỡng ta xong! Lúa mì, màu vàng óng, từ đó về sau sẽ nhắc nhở ta nhớ tới chú. Và từ đó ta sẽ yêu tiếng gió thổi thánh thót trong lúa mì hiu hiu... (...)

Rồi con chồn thủ thỉ hẹn hò. Cho nhu cầu "tuần dưỡng", nó yêu cầu hoàng tử bé đến đúng giờ, mỗi ngày. Và nó giải thích rõ lý do vì sao chàng phải đúng giờ như thế:

— *(...) Nếu chú đến, chẳng hạn, vào lúc bốn giờ chiều, thì khởi từ lúc ba giờ chiều, cõi lòng ta đã bắt đầu sung sướng. Tới bốn giờ chiều thì, ha! ta loay hoay, e ngại, ta ngồi đứng không an; ta sẽ khám phá được ý nghĩa vô ngần hắt hiu của phù du mênh mông hạnh phúc! Nhưng nếu chú tới bất kể lúc nào, thì ta sẽ chẳng biết đâu vào đâu mà mò ra cho đúng cái giờ phải chuẩn bị cho cái trái tim, cái phút phải vận y phục vào cho cái cõi lòng đón chào tươm tất... Cần phải có những nghi thức thơ mộng, những điển lễ phôi pha. (...)*

"Tuần dưỡng", từ này nghe lạ. Bùi Giáng khéo chọn từ, nó làm cho mình nhớ mãi. Trong những dịp đi lang thang vào các nhà sách bên Âu châu, tôi đã mua được năm sáu bản dịch khác nhau của tác phẩm này. Vì là sách dành cho trẻ con (!) [(9)], ấn bản của ngôn ngữ nào cũng in thật đẹp với những hình vẽ bằng màu nước của chính Saint-Exupéry. Trở lại với "tuần dưỡng". Ở đây, xin lấy ra vài bản dịch với những ngôn ngữ thông dụng. Trong nguyên tác, Saint-Ex dùng từ "apprivoiser". Bản Anh dịch của Katherine Woods, dùng từ "tame". Bản Tây-ban-nha, dịch giả Bonaficio del Carril dùng "domesticar". Những từ này, nói chung, là những từ bình thường, quen thuộc, không đặc biệt tạo ra một ấn tượng rõ nét. Từ của Bùi Giáng dùng, đối với người Việt chúng ta, nghe thấy lạ lẫm. Và nó tạo được ấn tượng sâu sắc làm cho ta nhớ mãi.

Câu con chồn nói, *"Đối với chú, ta chỉ là một con chồn lũi lang thang giống như trăm nghìn con chồn lũi phất phơ phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ thế thôi"* là một câu đầy nét Bùi Giáng. Bản chính chỉ là *"Je ne suis pour toi qu'un renard semblable à cent millle renards."* Bản Anh dịch là, *"To you, I am nothing more than a fox like a hundred thousand other foxes."* Bản Tây-ban-nha, *"No soy para ti más que un*

zorro semejante a cien mil zorros." Cái sự vụ "lang thang (...) phất phơ phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ" hoàn toàn là do Bùi Giáng thêm vào. Nhưng sao nó lại làm cho câu văn phiêu bồng phất phơ thơ mộng làm vậy! Dịch được một câu như thế có lẽ vì chính Bùi Giáng cũng đã là một con người "lang thang phất phơ phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ" suốt cả đời mình.

Câu *"Cần phải có những nghi thức thơ mộng, những điển lễ phôi pha"*, trong chính bản, chỉ là, *"Il faut des rites."* Bản tiếng Anh, *"One must observe the propre rites..."* Bản Tây-ban-nha, *"Los ritos son necesarios."*

Câu *"Mọi con gà mái đều giống nhau, và mọi mọi con người đều giống nhau (dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị đìu hiu...). Vậy nên ta có u sầu chán ngán đôi chút"*, trong chính bản là *"Toutes les poules se ressemblent, et tous les hommes se ressemblent. Je m'ennuie donc un peu."* Bản Anh, *"All the chickens are just alike, and all the men are just alike. And, in consequence, I am a little bored."* Bản Tây-ban-nha, *"Todas las gallinas se parecen y todos los hombres se parecen. Me aburro, pues, un poco."* Cái phần thêm thắt vào, "dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị đìu hiu", của Bùi Giáng, trong cảm nhận của riêng tôi, thật là "đã". Nó làm cho con chồn lũi ấy phất phơ phiêu hốt hơn những con chồn trong chính bản và trong các bản dịch kia nhiều. Nó làm cho cuộc đối thoại của hoàng tử bé và chú chồn ấy "có da có thịt" thêm. Nó làm cho những "nhân vật" ấy có cá tính hơn nữa.

Như thế, ta thấy rõ là Bùi Giáng đã làm đúng với quan niệm dịch văn mà ông đã đề ra, *"Dịch văn biến thành câu chuyện; vừa bay lên, vừa lặn xuống, vừa lẽo đẽo nối liền hai bờ ngôn ngữ quá xa nhau. (...) Trong bản dịch, có mấy chỗ thêm vài lời, ấy là gắng đưa ngôn ngữ đơn âm đuổi theo tiết điệu ngôn ngữ đa âm.* (...)" Bùi Giáng, trên một số phương diện, quả đã thành công một cách đáng yêu trong những bản dịch của mình.

.4.

Tôi nhớ trong tập *Mưa Nguồn*, Bùi Giáng có viết:

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không
Ta đi gửi lại đôi dòng

Lá rơi có dội ở trong sương mù

Bùi Giáng đã ra đi rồi. Nhưng vầng trăng ông để lại vẫn mãi còn nguyên một màu sơ thủy. Những lá hoa cồn hay những dòng chữ mà ông để lại cho đời vẫn thấp thoáng mãi trong những bóng sương mù của thi ca, của hồn nguyên tiêu ngày cũ. Mãi mãi, chúng sẽ còn để ngân lại trong lòng những người yêu quý ông những tiếng gọi trở về. Trở về bến sơ đầu của những cơn mưa nguồn ngày cũ, của những bài ca quần đảo hoang vu, của những lời cố quận mịt mù gang tấc. Hẳn đã nhiều lần trong cuộc tồn sinh của mình, Bùi Giáng đã nhận thấy rằng quê hương của ông, cố quận của ông đã không còn như xưa. Dù quê hương hay cố quận đó có được hiểu như thế nào đi nữa thì ông cũng đã "chết nhiều lần trong trận sống", và trong cuộc đời này, hình như nhiều lúc ông đã lạc mất lối về. Bởi thế, để tìm về đường xưa lối cũ của những hồn nguyên tiêu (Ngõ ban sơ, hạnh ngân dài / Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua), có lẽ người thi sĩ ấy chỉ còn có thể tìm về và tìm vào trong những cuộc chiêm bao:

Hỗn mang về giữa hiên nhà
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao
(Rượu Uống)

Một giấc chiêm bao có mang mang thật nhiều nắng lạ:

Người nằm ngủ thấy gì
Thấy thật nhiều nắng lạ
(Mưa Nguồn)

Nắng lạ ấy có lẽ là thứ nắng đã làm cho "trời xanh đỏ chín" trong rừng sim những ngày chăn bò tuổi nhỏ của Bùi Giáng. Và chắc đó cũng là thứ nắng làm cho ông thấy "cây lá bốn bên song song từng lứa / sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn hàng" khi ông để cho bò tự do gặm cỏ trong rừng sim, còn mình thì nằm ngó ngất ngây trời đất, nghe "mùi thoang thoảng lách lau sương đượm / mùi gây gây gấy gấy của hương rừng / mùi lên men phủ ngập mông lung / không biết nữa mà cần chi biết nữa".

Bùi Giáng đã yêu trần gian, yêu cuộc sống, yêu cuộc chơi mà ông đã dấn thân vào với tất cả hồn xác, với tất cả "thân thể máu me và da xương" của mình biết bao:

(...) Xin yêu mãi yêu và yêu nhau mãi
Trần gian ơi! cánh bướm cánh chuồn chuồn
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại
Con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn

Còn ở lại một ngày còn yêu mãi
Còn một đêm còn thở với trăng sao
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại
Níu trời xanh tay với kiễng chân cao.
(Mưa Nguồn)

Đọc Bùi Giáng, biết về cuộc sống của ông sau này, thương yêu và quý mến ông làm có những khi tôi tự hỏi rằng tuổi thơ của ông đã như thế nào, và ông đã sống tuổi trẻ của mình ra sao. Ông đã nhìn thấy những gì khi ông vừa biết mở rộng cặp mắt để ngó vào đời. Những viễn tượng nào trong thuở đầu xanh mà ông nhìn thấy đã đẩy ông vào cuộc lữ:

Cũng vô lý như lần kia dưới lá
Con chim bay bỏ lại nhánh khô cành
Đời đã mất tự bao giờ giữa dạ
Khi lỡ nhìn viễn tượng lúc đầu xanh

Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh
Dòng nức nở như tia hồng đốm đỏ
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành

Lá cũng mất như một lần đã lỡ
Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh
Trời còn đó giữa tháng ngày lỡ dở
Hồn nguyên tiêu ai kiếm lại cho mình

Đường vất vả vó ngựa chồn lảo đảo
Cồn sương đi vào sương lạnh miên man
Bờ bến cũ ngậm ngùi sông nước dạo
Đêm tàn canh khắc vợi nguyệt gương ngàn

Một lần đứng lên mấy lần ngồi xuống
Ngón trên tay và tóc xõa trên đầu

Tình đếm lại muôn vàn thôi đã uổng
Để bây giờ em có biết nơi đâu

Bờ trùng ngộ một phen nầy phen nữa
Tờ cảo thơm như lệ ứa pha hồng
Hồn hoa cỏ Phượng Thành Hy Lạp úa
Nghe một lần vĩnh viễn gặp hư không
(Hư Vô và Vĩnh Viễn / trích nguyên bài trong Mưa Nguồn)

Nguyễn Đức Quỳnh có lần nói Bùi Giáng giống như là Lão Tử. Ông không dẫn giải gì thêm. Thật sự, so sánh nào cũng khập khễnh, nhất là khi ta so sánh những đối tượng sống xa nhau cả trong thời gian lẫn không gian như thế. Nhưng nếu ta chấp nhận tính tương đối của sự so sánh, hẳn nhiên nhận xét ấy có những điểm đích đáng của nó. Lão Tử chống lại và mạt sát lễ. Chương 38 sách *Lão Tử (Đạo Đức Kinh)* chép: *"Thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ. Phù lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ"*, có nghĩa là "Đạo mất rồi sau mới có Đức, Đức mất rồi sau mới có nhân, nhân mất rồi sau mới có nghĩa, nghĩa mất rồi sau mới có lễ. Lễ là biểu hiện sự suy vi của trung tín (trung hậu, thành tín), là đầu mối của sự hỗn loạn"[(10)]. Bùi Giáng cũng không thích lễ nghi phiền toái. Ông rất ghét cái thói "lễ nghĩa" của những kẻ từ chương, trường ốc mà ông gọi là "bọn trường trại lao xao". Ông không thích cái giọng mà ông gọi là "bo-bo-lễ-nhượng-hương-nguyện-lưa-thưa" của họ. Ông cũng rất ghét những màn thủ tục lễ nghi rườm rà. Thậm chí, theo Mai Thảo, có những lần Bùi Giáng ra đứng tắm ở cái máy nước trước tòa soạn báo Văn cũ ở đường Phạm Ngũ Lão, Sài gòn, thản nhiên trước bao nhiêu người qua kẻ lại, quần áo lướt thướt đi qua đường, một đám con nít tròn mắt đi theo. Ông mặc quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải trên vai, lại thêm một cây gậy chống nữa. Ông lang thang đây đó, ngủ bất cứ ở đâu, dưới trời sao, dưới một gầm cầu, hay dưới một mái hiên. Có những lúc lại thấy ông đeo một xâu chuỗi toàn giày dép và quần áo phụ nữ quanh cổ. Trẻ con và người lớn đều xem ông là một người điên. Bùi Giáng điên vì đời. Nhưng , ở một mặt nào đó, ông lại là một người rất sáng suốt. Lão Tử giấu mình, ẩn danh. Bùi Giáng sống với đời, thiết tha với cuộc chơi mà ông đã chọn với tất cả "thân thể máu me và da xương" của mình. Tôi nghĩ, trong nhiều khía cạnh, có lẽ Bùi Giáng giống Trang Tử hơn. Trang Tử chọn lối sống

tiêu dao, lại thích lý luận, tranh cãi hào hứng với mọi người, đặc biệt với bạn thân là Huệ Tử. Một cá tính nữa của Trang là vui sống, thiết tha với cuộc sống[11]. Tất cả những điều này ta đều thấy thể hiện nơi con người Bùi Giáng. Ông là con người của tiêu dao, lang thang phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ, không chấp nhận bất cứ một hình thức gò bó nào. Và ông chấp nhận trả giá cho cuộc chơi, cho cuộc tồn sinh của mình.

Nói mà chơi chứ Bùi Giáng chẳng phải Trang mà cũng chẳng phải Lão. Ông là một con người Việt Nam, yêu truyện Kiều, yêu Nguyễn Du, Huy Cận, và yêu luôn ca dao chuồn chuồn châu chấu. Ông yêu ngôn ngữ quê hương, và ông đã cả đời ăn nằm, chơi nghịch nghiêm trang với nó. Bùi Giáng là một người đã đi lang thang trong chốn tư tưởng của nhân loại, trong cõi thi ca của thế giới, nhưng lúc nào ông cũng chỉ muốn cuộn mình "tròn trịa méo mó" để nằm trong vòng nôi của ngôn ngữ dân tộc. Hôm nay, ông đã bỏ đi. Bỏ đi để tìm lại một màu hoa cũ. Một màu hoa trên ngàn. Một hồn nguyên tiêu. Một giấc mộng ban đầu đã bao năm khuất bóng. (Hỏi tên rằng biển xanh dâu / Hỏi quê rằng mộng ban đầu đã xa). Xin chúc ông lên đường phơi phới. Xin chúc ông tìm lại được một bầy nắng lạ. Và nguyên sơ một vầng trăng cũ. Một vầng trăng châu thổ. Cùng những sắc màu thiên thu cổ độ. Và xin bẻ tặng ông một nhành mai ngày cũ.

Những nhành mai sớm sương bên lá
Những nhành liễu chiều gió bên cây
Cũng lay lắt bởi đời xuân em ạ
Thế nên chi anh cũng viết dòng này

Hồng vàng tụ bữa kia em có thấy
Nước xuôi dòng là cổ độ nhìn theo
Tuổi mười sáu bây giờ lên gấp gảy
Mộng miên man là mây phủ lưng đèo

Buồn phố thị cũng xa bay như gió
Cộ xe nhiều cũng nhảy bổng như hươu
Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó
Bến đào nguyên anh khoác áo khinh cừu

Tìm theo dấu chân người xưa tư lự
Ở bên đường ngóng dõi khánh vân bay

Mờ con mắt một lần lên tiếng thử
Em ồ em, anh nói một lời này
(Những Nhành Mai / Trích nguyên bài trong Mưa Nguồn)

Bùi Giáng, có lẽ đã đến lúc ông lên đường trở về cố quận. Chúng ta phải chia tay. Lần cuối, xin tiễn ông một bài thơ cũ. Một bài thơ năm nào. Tôi vẫn tin rằng, một ngày nào đó, ông sẽ trở về. Và, ở đây, tôi xin phép được không nói lời vĩnh biệt.
Người đã bỏ đường kia ở lại
Để đi vào đối diện hư không
Bờ thánh thót thu sau về vạn đại
Lời chào kia nức nở lạnh vân mồng

Bóng trắng như sương vàng bay pha hạc
Quanh Trường Thành bờ cõi đất in rêu
Dòng trở lại ngậm ngùi khe bến cát
Gió mông lung vì mây nổi lưng đèo

Xuân đi đến đi về nằm ở giữa
Hẹn một kỳ bấn loạn mấy mùa đông
Màu tuyết bạch mơ màng trang lệ ứa
Rớt chung quanh là đú đởn cầu vồng

Từ vĩnh biệt một lần đi từ đó
Nước xuôi dòng cổ độ chẳng nhìn theo
Lòng lây lất bên trời phương hướng nọ
Mắt ngu ngơ nhìn bọt nước sa bèo
(Từ Thức / Trích nguyên bài trong tập Lá Hoa Cồn)

BÙI VĨNH PHÚC
Irvine, California.

Chú Thích:

(1) Trong *Ngày Tháng Ngao Du*, Bùi Giáng thổ lộ: "(...) Hồi nhỏ, tôi đã được sanh ra và lớn lên trong miền quê hẻo lánh, xung quanh có ruộng đồng sông núi trùng điệp, những đám cỏ chạy suốt cả tuổi thơ (làng tôi xưa kia có nhiều cỏ mọc. Cỏ mọc từ trong làng ra ngoài ruộng, tới những cồn, gò, đồi núi thật xanh. Từ đó về sau, tôi tìm kiếm mãi một màu xanh không còn nữa vì những trái bom và hòn đạn thiêu nướng khổng lồ...."

(2) Xem Bùi Vĩnh Phúc, *Vấn đề thẩm thức một tác phẩm nghệ thuật*, Văn Học số 10

(tháng 11, 1986). Đăng lại trong *Hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại, 1975-1995* (California: Đại Nam, 1995) và *Lý luận và phê bình / Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước, 1975-1995* (California: Văn Nghệ, 1996).

(3) Trong *Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại II* (Saigon: Bờ Cửu Long Nam Việt), 1963. [Đề tên nhà xuất bản như thế, nhưng tôi nghĩ đây là nhà xuất bản An Tiêm của thày Thanh Tuệ]. Ở đây, phê bình Sartre, nhưng Bùi Giáng phần nào vẫn còn lòng quý mến Sartre; bởi thế, ông áp dụng chiến thuật vừa đánh Sartre lại vừa đỡ đòn cho triết gia này. Tôi nghĩ, dù sao đi nữa, Bùi Giáng vẫn còn lòng quý mến Sartre, đặc biệt qua vở kịch *Les Mouches* .

(4) *Sein und Zeit, Hữu Thể và Thời Gian*, một tác phẩm cốt yếu của Heidegger.

(5) A. de Saint-Exupéry, *Terre des Hommes.* Bản dịch *Cõi Người Ta* của Bùi Giáng. Sài gòn: Quế Sơn Võ Tánh, 1960, trang 77-9.

(6) A. de Saint-Exupéry, *Terre des Hommes.* Paris: Gallimard, 1963 (trang 71-2) (theo bản in năm 1939)

(7) Để thấy rõ phong cách dịch văn của Bùi Giáng, có lẽ sẽ không thừa trong việc ghi lại ở đây phần dịch Anh văn của cùng một đoạn văn trên trong bản dịch *Terre des Hommes* của Lewis Galantière dưới tựa đề *Wind, Sand and Stars* (San Diego, New York, London: Harcourt Brace Jovanovich, Publishers, 1967):

I landed in the peace of evening. Punta Arenas! I leaned against a fountain and looked at the girls in the square. Standing there within a couple of feet of their grace, I felt more poignantly than ever the human mystery.
In a world in which life so perfectly responds to life, where flowers mingle with flowers in the wind's eye, where the swan is the familiar of all swans, man alone builds his own isolation. What a space betweeen men their spiritual natures create!
A girl's reverie isolates her from me, and how shall I enter into it? What can one know of a girl who passes, walking with slow steps homeward, eyes lowered, smiling to herself, filled with adorable inventions and with fables? Out of the thought, the voice, the silences of a lover, she can form an empire, and thereafter she sees in all the world but him a people of barbarians. More surely than if she were on another planet, I feel her to be locked up in her language, in her secret, in her habits, in the singing echoes of her memory. Born yesterday of the volcanoes, of greenswards, of brine of the sea, she walks here already half divine.

Punta Arenas! I lean against a fountain. Old women come up to draw water: of their drama I shall know nothing but these gestures of farm servants. A child, his head against the wall, weeps in silence: there will remain of him in my memory only a beautiful child forever inconsolable. I am a stranger. I know nothing. I do not enter into their empires. [Man in the presence of man is as solitary as in the face of a wide winter sky in which there sweeps, never to be tamed, a flight of trumpeting geese.]

Phần trong dấu ngoặc đứng là phần được Saint-Exupéry thêm vào trong những ấn bản sau. Phần này không có trong nguyên bản tiếng Pháp xuất bản năm 1939 và tái bản trong tủ sách *Le Livre de Poche* năm 1963. Trong bản sửa chữa và thêm chương của những lần in sau, có những đoạn và những chương Saint-Exupéry thêm vào mà



Bùi Giáng và Điêu khắc gia Trương Đình Quế

bản đầu tiên không có. Bản tiếng Anh, dịch giả Galantière lấy lại tựa đề cũ của Saint-Ex cho *Terre des Hommes* là *Du vent, des sables et des étoiles / Wind, sand and stars*, có đủ tất cả những thay đổi, thêm thắt và sửa chữa mà Saint-Ex đã thực hiện về sau. Bản Bùi Giáng dịch là bản cũ.

(8) A. de Saint-Exupéry, *Le Petit Prince*. Bản dịch *Hoàng Tử Bé* của Bùi Giáng. Paris, California: An Tiêm (in lần ba), 1990.

(9) Quyển *Le Petit Prince* của Saint-Exupéry đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Bùi Giáng có lẽ rất thích thú khi nó được coi là sách của trẻ con. Tôi nghĩ khi dịch quyển này, Bùi Giáng cũng có được cái hạnh phúc rất là con trẻ như Saint-Exupéry khi viết nó vậy. Cuốn sách thật thích hợp với con người Bùi Giáng. Nó là sách kể chuyện cho trẻ con, nhưng người lớn xem vào lại còn thích thú hơn là con trẻ nữa. Cái tuyệt vời và đáng yêu của Saint-Exupéry là ở đây. Viết truyện trẻ con để nêu ra mấy câu hỏi triết lý vừa trầm trọng vừa thơ ngây về con người, về đời sống chơi. Trẻ con tha hồ đọc mà không hề hấn gì. Người lớn cũng tha hồ đọc để sung sướng tìm lại một đứa bé con trong tâm hồn mình.

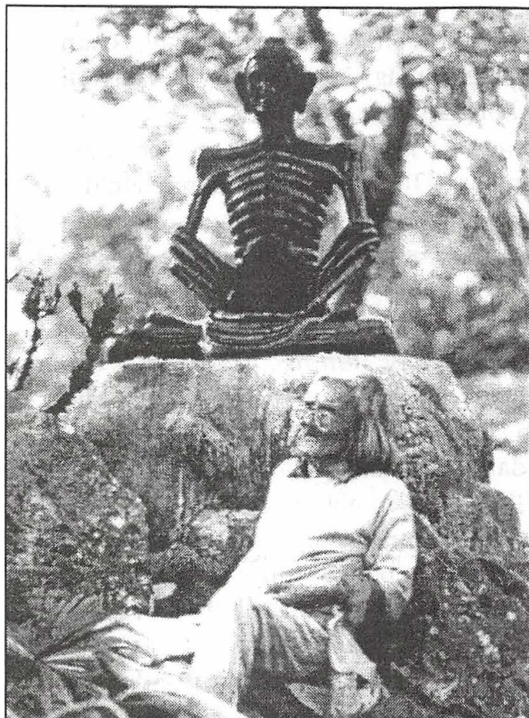
(10) Xem Nguyễn Hiến Lê, *Lão Tử Đạo Đức Kinh*. Hà Nội: Văn Hóa, 1994, trang 17.

(11) Xem Nguyễn Hiến Lê, *Trang Tử*. Hà Nội: Văn Hóa, 1994.



HOÀNG NGUYÊN NHUẬN

Công án tử sinh



Với tôi, đời anh là một công án. Tôi không ngừng tra hỏi về anh, càng hỏi tôi càng xa những câu trả lời. Những điều tôi sắp nói chỉ là viên đá dò đường ném vào hư không hoặc chỉ như người chạy bắt bóng... Thôi thì tới đâu hay đó, như một lời lắp bắp tạ từ thần tượng.

Những Ẩn Số Linh Động

Tôi có tật ưa ca na cúp núp một vài ẩn số, một vài công án tôi cho là hấp dẫn linh động để khi buồn hay rảnh rỗi tôi lại lôi ra chơi như hồi còn bé những ngày nghỉ học vắng bạn thì đem đồ chơi ra chơi một mình.

Hồi bốn, năm tuổi tôi quý những viên bi chai hay bi thủy tinh còn hơn sinh mạng. Lên sáu lên bảy, tôi mê thổi sáo. Hết thời mê bi, mê sáo đến mê những tờ programme hay chương trình giới thiệu các tuồng hát bóng, nhất là các tờ chương trình in ở ngoại quốc. Đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn còn mơ thấy tờ programme của phim Singing

in the Rain hay Les Trois Mousquetaires do Gene Kelly thủ vai chính tôi đã phải chịu mất số tiền gần bằng cả tháng tiền học để tậu cho được! Hết mê các tờ chương trình thì mê thơ chép tay, rồi sách...

Không biết đến tuổi nào thì tôi phụ những báu vật ấy và đến tuổi nào thì những báu vật ấy được thế bằng Lê Long Đĩnh, Diogène, Trang Tử, Cao Bá Quát, Socrate, Quang Trung, Sartre, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Jean Baptiste, Mishima, Phật Thích Ca, Empedocle, Jesus, Hồ chí Minh, Huệ Năng, Thầy Thiện Minh, Mao Trạch Đông, Pol Pot... Và anh. Mặc dù anh nhập kho công án của tôi hơi chậm.

Công Án Tử Sinh

Đời anh là một công án tử sinh, một bí ẩn về sống chết. Tôi được nhiều dịp sợ chết và thấy người khác sợ chết, tôi có dịp chán sống và thấy người khác chán sống, nhưng tôi chưa thấy một người nào không ham sống mà cũng không sợ chết như anh.

Đấng Tạo Hóa có hay không, và nếu có thì Tạo Hóa có khôn ngoan thật không, tôi không dám chắc. Tôi cũng không dám chắc đời người là một một sản phẩm Tạo Hóa khôn ngoan bày thêm vào triệu triệu thứ khác trong vũ trụ, hay là một ân sủng Tạo Hóa tặng cho cặp đàn ông đàn bà yêu nhau.

Saint Exupéry bảo tình yêu đích thực không phải là nhìn nhau mà nhìn về một hướng. Về hướng nào đây, tiền bạc, danh vọng, con cái? Nếu như thế thì người yêu chỉ là phương tiện! Trái lại, yêu là để mà yêu -nghĩa là nhìn nhau, nhìn vào người yêu chứ không nhìn về cái gì khác cả, thì con cái, tiền bạc, danh vọng không phải là mục tiêu của yêu. Con cái chỉ là kết quả làm tình tương tự như trúng lotto. Có vé số là có người trúng. Nhưng không phải khi nào mua cũng trúng cả. Đời mỗi người bắt đầu từ sự gặp gỡ giữa một con tinh trùng hay một tí tẹo tế bào và một cái trứng. Sự gặp gỡ đó là khởi điểm hóa thân của một sinh thể đang "lang thang từ độ luân hồi". Trừ những vị cha mẹ nuôi, chỉ có vua quan ngày xưa mới đòi làm cha mẹ mà không cần đẻ con, cha mẹ dân! Hoặc chỉ có mấy tu sĩ quyết giữ lời khấn hứa đồng chơn mới đòi làm cha mà không cần đẻ con, cha thiên hạ! Chứ người thường cha mẹ phải có con và con phải có cha mẹ. Cha mẹ "sinh" con, mà con cũng "sinh" cha mẹ, vì không có con thì làm gì có cha mẹ. Gọi đó là một sáng tạo, một ân sủng của Tạo Hóa thì có oan Tạo Hóa quá không?! Ôn Như Nguyễn Gia Thiều gọi Tạo Hóa là trẻ tạo hẳn cũng có lý do nào đó. Ân sủng hay tai nạn, muốn hay không muốn thì, cho đến ngày

chết, mỗi người cũng chỉ có một đời để sống. Thế nhưng, cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay, có thể có người chẳng biết mình đã xài cạn lán đời mình như xe dùng hết bình xăng hay chưa. Vũ Hoàng Chương đã chẳng từng hỏi:

Ta đã làm gì đời ta chưa
Ta đã làm gì đời ta xưa?

Hình như anh không hề thắc mắc như Vũ Hoàng Chương vì anh không có đời xưa mà cũng chẳng có đời nay.

Quái Tượng Thứ Nhì

Trong ngày 30.4.1975 ở Sài Gòn, nếu hình ảnh lá cờ Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam phấp phới trên Dinh Độc Lập là hiện tượng lạ thứ nhất thì anh chính là quái tượng thứ nhì vậy.

Lạ vì trong ngày đó anh là người duy nhất mặc đồ trận của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa với áo quần treillis và nón nhựa, tức lớp trong của nón trận. Anh nhởn nhơ trong nhung phục ấy với một bầy chó năm bảy con cột dính chùm quanh lưng, đi đâu kéo chúng ăng ẳng theo đó thấy mà phát thương! Đồ trận và nón nhựa anh nhặt ngoài đường, bầy chó anh mua ngoài chợ chó Hàm Nghi. Trước ngày đổi đời anh nhận được một số tiền nhuận bút. Anh ra phố rủ đám trẻ đánh giày, đám trẻ cầu bơ cầu bất trôi sông lạc chợ cùng anh ăn nhậu, còn bao nhiêu anh mua chó để...phóng sanh!? Nhưng thay vì thả chúng tự do, anh lại cầm tù chúng theo cách của anh như thế. Mới đầu, bầy chó đông đến mấy chục con nhưng lúc tôi gặp anh trên đường Trương Minh Giảng xế Đại Học Vạn Hạnh thì chỉ còn năm bảy con, có lẽ vì một số đã thoát khỏi xiềng xích, hoặc có người lén giải thoát... Tôi kẹt đi học tập cải tạo từ ngày Phật Đản năm đó nên không biết đến lúc nào anh mới lạc mất con chó thân yêu cuối cùng? Thời buổi một đồng còn quý huống nữa là mấy chục ngàn, nói chi là mấy trăm ngàn, thế mà anh tiêu như vậy đó. Anh tự gọi anh là kẻ chịu chơi, kể cũng còn khiêm tốn lắm!

Chiếc Lá Vàng Rơi Bên Trời Cố Quận

Vật đổi sao dời, lịch sử sang trang mới hay còn trang cũ, thời cuộc queo mặt quẹo trái hay còn trên đường thẳng... anh không quan

tâm, anh chẳng cần biết. Anh không lo, không sợ vì anh không có gì để mất, ngay cả sinh mạng của anh. Chính anh không sợ chết thì sao tôi phải đau khổ vì cái chết của anh? Chính anh không ham sống thì sao tôi phải tiếc thương cho số kiếp của anh? Anh chẳng cần ai cả và có để ai cần anh đâu mà phải thương hại cho người còn sống! Thế nên, dù mến phục anh, khi hay tin anh qua đời, tôi thản nhiên như nghe ai kể vừa thấy chiếc lá vàng rơi, hay quả sầu riêng chín rụng đâu đó bên trời cố quận.

Có người hiểu chết là một kết thúc khủng khiếp, một hoàn tất tuyệt đối. Sống chưa biết sống, nói chi chết. Và chưa chết thì biết gì về chết mà nói nên đó có thể chỉ là những giả định của người sống để khủng bố hay ru ngủ người sống. Cứ đọc mấy cáo phó là thấy. Chết là về chầu Thượng Đế, là được Trời gọi về, là vãng sanh lạc quốc, là về đất Phật thế mà cả người báo tin lẫn người nhận tin đều... đau buồn, đau đớn, xin chia buồn! Không buồn, không khóc được thì phải mướn người khóc, thuê ban nhạc thổi điệu bi ai. Người khác hiểu chết một cách nhẹ nhàng hơn. Khóc Lưu Kim Cương, Trịnh Công Sơn đã tự vỗ về mình rằng chết là tàn cuộc chơi phương xa:

Anh nằm xuống sau một lần đã đến đây,
Đã rong chơi trong cuộc đời này...

Nhưng với anh, chết là bắt đầu một cuộc chơi phương xa mới, chết chỉ là một lần đổi sân ga, một lần thay bến để tiếp tục hành trình bao la vô định. Ra đi anh buồn, vấn vương vì phải bỏ lại đàng sau nụ cười và nước mắt:

Ngày sẽ hết tôi sẽ không ở lại
Tôi sẽ đi và chưa biết đi đâu
Tôi sẽ tiếc thương trần gian mãi mãi
Vì nơi đây tôi sống đủ vui sầu
(Phụng Hiến)

Buồn nhưng chẳng có gì là khủng khiếp vì chết chỉ là từ tạ một nhịp đời, chỉ là đổi màn chuyển cảnh, chỉ là quay lại với chính mình để sống một cách khác:

Bỏ trăng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngửa sóng giữa lời hẹn hoa
Bỏ người yêu bỏ bóng ma

Bỏ hình hài của tiên nga trên trời
Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con
(Mắt Buồn)

Có Sống Đâu Mà Chết

Như thế đó, với anh chết không phải là hết. Mà quả thật, anh có sống bao giờ đâu mà phải chết! Nếu hiểu sống không phải chỉ là những hoạt động của cái bị thịt hít thở, ăn uống vào bài tiết ra, nếu hiểu sống là sống với, với địa vị, hoài bảo, hận thù, lo sợ, với tiền bạc, danh vọng, vợ con, cha mẹ v.v. và v.v. thì hình như anh không hề sống. Tôi không thấy anh bận tâm với những thứ ấy, và cũng chẳng nghe ai xác quyết anh từng bận tâm với những thứ ẩy. Đời với tất cả "của nợ" từng gây mưa bão cuốn trôi dìm ngập bao nhiêu người chết lên chết xuống thì anh lại chỉ như tàu lá môn, như cái đầu vịt, mưa bão trút xuống bao nhiêu cũng trơ trơ. Không bận tâm với cái sống nên anh cũng chẳng bao giờ bận tâm với cái chết nên anh sống thiên thu, anh sống vĩnh viễn. Và nói cho cùng, thiên thu vĩnh viễn cũng không là gì cả vì với anh thời gian chỉ là vô thường sắc không:

Trong vĩnh viễn không có thiên thu
(Em Quên)

Vì anh tốp được thời gian đi đường thẳng, và ép được thời gian đi vòng vòng như thế nên anh mới có thể hỏi người yêu:

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không
(Mai Sau Em Về)

Một trăm, hai trăm hay ngàn năm sau thì trăng vẫn là trăng hôm nay, anh vẫn là anh hôm nay nên anh có thể quả quyết mối tình phù du mà thiên thu của anh với người yêu như Vũ Hoàng Chương:

Anh vẫn còn thơ về giáng bút
Em còn hoa đủ kết hoa đăng.

Có người bảo Bùi Giáng chịu ảnh hưởng nặng nề của Nguyễn

Du. Tôi không biết nặng nề về điểm nào, nhưng chắc chắn không phải là điểm "Ba trăm năm sau ai là người khóc Tố Như". Bởi với kẻ đã hiểu được "trong vĩnh viễn không có thiên thu" thì ba giây còn chưa biết có không, nói gì ba trăm năm? Và nếu có ai bám vào ảo tưởng đó thì bị chính Nguyễn Du quại đau điếng ngay là "Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa" cho mà coi! Chẳng lẽ anh không thấy cái mâu thuẫn đó?

Ai Tỉnh Ai Điên

Có người bảo anh điên, nhưng thế nầy là điên hay tỉnh? Giữa chợ trời đông như hội cuối đường Trương Minh Ký Sài Gòn sau ngày lịch sử 30.4.1975, đến trước một hàng bán phụ tùng xe đạp cũ, anh nhẩn nha vớ lấy một cái guidon - hay cái cần lái, rồi tỉnh bơ bỏ đi. Bà chủ quán chạy theo la oai oái nhờ thiên hạ bắt dùm thằng ăn cắp. Chẳng đợi ai bắt, anh quay lại trả cái guidon vào chỗ cũ và từ tốn phân bua đại để rằng bà con thấy ngụy chưa, mất cả nước chẳng ai than một tiếng, mất cái guidon thì la ầm lên như bị thọc huyết vậy. Kỳ khôi chưa?

Câu nói ấy là điên hay tỉnh? Hay khi nói câu đó thì không, nhưng trước đó và sau đó thì anh điên? Có phải anh tỉnh trong lúc điên, và điên trong lúc tỉnh? Nói sao cũng được, nhưng với tôi, câu nói của anh hôm ấy không phải là điên, tiếng cười của anh hôm ấy là thiên tài.

Lò Vạn Hạnh

Hồi đầu thập niên 70 ở Đại Học Vạn Hạnh, thỉnh thoảng ghé thư viện mượn sách hay thăm anh em, tôi có duyên may dự những buổi đấu láo hay tọa đàm bất chợt của các bậc đàn anh về cả tuổi đời lẫn tâm tư.

Vạn Hạnh là một trung tâm trí thức tân lập nhưng sinh động quy tụ nhiều chiều hướng tư tưởng dị biệt phản ánh cơn khủng hoảng chung diễn ra lâu nay ở miền Nam. Một số khoa bảng bảo cựu như Nguyễn Ngọc Huy, Tôn Thất Thiện, Bùi Tường Huân, Trần Ngọc Ninh và có lẽ cả Nguyễn Long, Đoàn Viết Hoạt đang tấp tễnh nhập cuộc. Bùi Tường Huân và Nguyễn Long cũng từng là người suy nghĩ bằng tay chân như chúng tôi. Nhưng Bùi Tường Huân đã kẹt vào canh bạc quyền lực mà Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn là tay hồ lì. Nguyễn Long mới ở

Mỹ về đang ngầy ngật choáng váng với những thần chú ý thức hệ của Đại Học Berkeley. Nguyễn Long có thể liều trở lại nếu có cơ duyên nhưng Đoàn Viết Hoạt thì chỉ là một thư lại học chánh. Anh em sinh viên Sài Gòn hồi 1963-1964 ai cũng biết nếu nói về liều thì Trần Thị Thức, người bạn đời của Hoạt, mới là nòi liều. Vạn Hạnh cũng là nơi chứa những trái mìn nổ chậm hiệu Lê Tôn Nghiêm, Phạm Công Thiện, Nguyễn Đăng Thục, Tuệ Sĩ, Ngô Trọng Anh. Với chúng tôi, họ là những "cái đầu" và chúng tôi tự xem mình là tay chân. Họ tư tưởng để mà tư tưởng, chúng tôi tư tưởng để dấn thân, để xếp bút nghiên xuống đường giải nghiệp.

Anh thỉnh thoảng cũng tham dự những buổi mạn đàm bất chợt nầy nhưng không tranh cãi, không bốc mà thường chỉ cười vu vơ theo nghĩa "Yên chí, không sao, đâu lại vào đấy cả mà!" Anh sâu sắc, tài hoa, đọc nhiều, nhớ nhiều và cà khịa dí dõm nhưng không "nổi loạn" như Lê Tôn Nghiêm, không "đập phá" như Phạm Công Thiện, không "dân tộc quá khích" như Nguyễn Đăng Thục, không trào lộng như Ngô Trọng Anh, không là "trái bom nổ chậm" như Tuệ Sỹ. Anh với đám nầy có một điểm chung là thấy rõ những thoái hóa của gia tài tư tưởng Tây phương đang tác hại tâm tư và xã hội Việt Nam, nhưng lối thoát của anh không phải là triết lý, thần học, tín ngưỡng, văn hóa như đám kia, lối thoát của anh là văn học, là thơ văn. Và với thơ văn, anh cũng không đi sâu vào thơ văn triết lý kiểu như Phạm Công Thiện với Holderlin, Rilke hay Tuệ Sĩ với Tô Đông Pha chẳng hạn. Anh theo con đường riêng của anh...

Tự Tại Quay Cuồng

Thời nầy thiên hạ nói nhiều đến ngộ và tẩu hỏa nhập ma. Ngộ là đã nhảy qua bờ bên kia. Bờ giác. Nhưng ngộ không đi liền với lánh đời tị thế, ngộ đi liền với dấn thân nhập cuộc, nghĩa là đến bờ bên kia rồi thì phải nhảy về. Có người nhảy về an toàn và tiếp tục sống với một tâm tư mới. Có người "nhảy hụt" và loay hoay lần thần giữa ngộ và mê. Có một từ ngữ kiếm hiệp đã được mượn tạm để diễn tả tình trạng lợn cợn tâm linh đó: tẩu hỏa nhập ma.

Anh em chúng tôi có người nghĩ đôi lúc anh cũng hơi tẩu hỏa nhập ma. Thảng hoặc nghĩ đến Tam Ích đã tự tử, chúng tôi cũng ái ngại cho anh và lưu ý nhau trông chừng anh. Nếu hiểu tự tử là tự chấm dứt hiện hữu vì chán hay không chịu đựng nổi cuộc sống thì chết không phải là tự tử và tôi không tin vào lập luận của tự tử. Chết như Trần

Bình Trọng, Nguyễn Thái Học, Phan Thanh Giản hay cảm tử như Phạm Hồng Thái "một lần đi là không trở về" không phải là tự tử. Đã làm thì phải để-làm-gì, ngay cả chẳng để làm gì cả như chơi chẳng hạn. Tự tử thì không thể để-làm-gì, không thể chẳng-để-làm-gì-cả, và cũng không thể để-chơi-thôi! Thế thì tự tử làm gì cho vô ích?! Sau nầy tôi mới thấy nỗi lo của anh em chúng tôi là lo con bò trắng răng, vì anh có sống đâu và có ham sống đâu mà phải chán sống. Anh sống như không sống, anh sống như đã chết. Anh như như tự tại rồi.

Anh tự họa chân dung bằng những tiếng dễ thương:

Những người bạn xem tôi là cà gật
(Phụng Hiến)

hay

Nửa đời bê bối thân anh
(Thiếu Phụ Trở Về)

Cũng có khi anh tự gọi mình là kẻ chịu chơi nữa. Anh đã tự gọi anh như thế thì ma nào cãi nổi. Nhưng tôi thấy chẳng có chữ nào đúng với anh cả, có lẽ vì anh khiêm cung, có lẽ vì anh không muốn tỏ ra hơn ai. Tôi chỉ thấy anh là người đã có được câu trả lời về ý nghĩa cuộc đời nầy và hiện hữu của riêng anh:

Ngày tháng ám vong hồn về đô hội
Nhịp thay vần là mộng giữa chiêm bao
(Thưa)

Đời chỉ là mộng giữa chiêm bao nên hiện hữu của anh rốt cuộc là gì, anh không thắc mắc. Là người cũng được, bằng không:

Con ruồi con kiến con chấu chấu
Bươm bướm chuồn chuồn cũng thế thôi
(Nhe Răng)

Anh không cần thắc mắc con người hay con gì? Con nào cũng là con, con nào cũng thế thôi nên anh chẳng hơi đâu băn khoăn. Tâm linh anh đã đạt đến mức không cần phải có một băn khoăn, một suy tư nào về bất cứ một chuyện gì:

Không biết nữa mà cần chi biết nữa
(Anh Lùa Bò Vào Đồi Sim Trái Chín)

Bẫy Yêu

Thế đó mà anh vẫn không thoát được bẫy sập của yêu thương. Không những không né mà anh còn ngây thơ hăm hở nhảy vào:

Đời dại khờ như một giấc chiêm bao
-Ừ thế sao? em hãy rủ ta vào
(Và Màu Xuân Đó)

Vì nghĩ mộng là thực nên anh tự nguyện làm người yêu ngu ngơ nhảy từ đỉnh mơ nẩy sang chóp mộng khác:

Thưa em từ bữa xa nào
Nhìn nhau mộng đã bước vào trong mơ
(Thưa Em Saigòn)

Hay long nhong từ mê đắm nọ đến cuồng si kia:

Và luyến ái như tơ vàng bốn ngả
Bủa vi vu như thoáng mộng la đà
(Ly Tao)

Tình yêu là một hóa thân vì hạnh phúc, chẳng còn ngã-tha, chẳng còn thời gian và không gian, chẳng còn bây giờ và thiên thu:

Em sẽ thành con kiến
Tôi thành con chuồn chuồn
. . . .
Ta sẽ tạo lại mối tình sâu bọ
Về hư vô vĩnh viễn bóng buông màn
(Trò Chuyện)

Tình yêu biến thực thành mộng, và biến mộng thành thực. Anh đã một lần tính chuyện sống với sự thực như mộng ấy:

Giã từ cõi mộng điêu linh
Tôi về buôn bán với mình phôi pha
(Về Buôn Bán)

Anh nghĩ mình có thể đầu hàng cuộc đời để thực hiện giấc mộng

lớn:

Dựng càn khôn giữa loạn cuồng si mê
(Tượng Số Thiên Nhiên)

Nhưng lúc mộng thành sự thật thì sự thật đó lại không hồng như mộng vì tình yêu có thể vô hạn nhưng sức người yêu thì có hạn:

Em quốc sắc em thiên hương đã uổng
Làm sao khuây khỏa hận của thiên tài
(Hận)

Hay nói như Huy Cận:

Đời nghèo thế không dành cho chút lạ
Đến ái ân cũng hết cả đợi chờ
Và những ngày sau giấc ngủ trưa
Mùng buông xuống không che sầu vũ trụ.

Quanh quẩn trong trùng vây đó, anh hết biết đường ra vì trong mộng hay ngoài mộng cũng chỉ là thực, nghĩa là mộng mà thôi:

Anh nằm im nhắm con mắt mơ màng
Mở con mắt cũng mơ màng cỏ lá
(Không Đủ Gọi)

Yêu thương mộng ước chỉ còn là bi đát, nỗi bi đát do chính con người tạo ra cho mình và cho người mình yêu:

Bàn chân bước lệ buồn em có nhỏ
Xuống điêu tàn em khóc mộng tiêu ma
(Màu Trời Đó)

Ước mộng cũng chỉ là ảo mộng nên tình yêu chỉ là lầu đài trên cát, chia ly ray rứt thật nhưng cũng chỉ là chuyện đương nhiên:

- ly biệt tơi bời lảo đảo
Em ra đi - đời bưng mặt khóc òa
(Chiêm Bao)

Đau đớn hay không thì cũng là ly biệt, và người yêu lại lên

đường với con tim tan nát:

Thuyền ngao ngán bến lại bồng bềnh trôi
(Người Hải Nội)

Hai tiếng "ngao ngán" nhắc tôi nhớ đến mấy chữ "thôi thì thôi" của Phạm Thiên Thư. Khởi điểm cũng cũng chính là kết điểm. Cho nên Hồ Dzếnh mới cầu mong đừng bắt đầu để không bao giờ chấm dứt, đừng hy vọng để không thất vọng:

Thư viết đừng xong, thuyền trôi chớ đỗ
Cho nghìn sau lơ lửng với nghìn xưa...

Trong biển tình, thuyền chỉ trôi bồng bềnh và người chỉ bơi vòng vòng, nhiều khi là cho đến tận... mai sau! Nên khi gặp nhau anh có thể nói mà không sợ mang tiếng cà khịa cà gật:

Anh đã đợi chờ em từ lâu lắm
(Ly Tao)

Hí Lộng Ngôn Từ

Có người bảo những đau khổ vì tình đã làm anh hẫng hụt, tẩu hỏa nhập ma, tàn tạ... Anh như người võ sĩ bị đòn nằm mọp, trọng tài đếm chín, đếm mười cũng mặc. Có chết vì tình thì có điên vì tình, đã hẳn. Nhưng tôi không nghĩ tình đau tình hận làm cho anh hụt bước tâm linh.

Câu hỏi quay cuồng bám lấy tôi là anh làm thơ như một người điên hay thơ anh điên vì đã diễn đạt được trạng thái tỉnh táo tâm linh của anh? Thơ dẫn anh vào đường tẩu hỏa nhập ma hay thơ là rào cản ngăn anh hụt bước rơi vào vực thẳm? Vũ Hoàng Chương từng muốn "lấy thơ làm Đạo. Có ngộ Đạo mới có cơ duyên tiếp nhận 'Hồn Thơ' (vì) Thơ mới là chỗ nương tựa vững vàng nhất..." (Ta Đã Làm Chi Đời Ta, tr. 114.) Nhưng thơ là gì?

Câu trả lời xin để cho những nhà lý luận và phê bình văn học, chỉ xin tạm hiểu Thơ là trò chơi vô cầu với ngôn từ và vần điệu. Thơ chỉ là một trò chơi, có thể giết người, có thể cứu người nhưng cũng chỉ là một trò chơi.

Có những truyền thống văn minh, văn hóa xem ngôn từ là chân

lý. Ngôn từ là Ngôi Lời tối thượng, là chân lý vĩnh hằng. Thượng Đế hiện đến và ở lại với trần gian bằng ngôn từ. Thánh Kinh Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. Nhưng cũng có những truyền thống văn hóa xem ngôn từ chỉ là dấu hiệu chỉ đường, là chiếc thuyền đưa người sang sông, đến bờ thì phải "bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng sông". Ý nghĩa của ngôn từ chỉ có giá trị cho những người chấp nhận trước ý nghĩa của giá trị đó. Nghĩa là chỉ có ý nghĩa và giá trị giữa những người đồng thuận. Lão giáo nói đến những cái không thể nói, Khổng giáo cảnh cáo chớ mê muội bám vào sách vở. Phật bảo gần nửa thế kỷ lang thang giảng đạo, Phật "chẳng nói" lời nào.

Nhân loại nhiều khi hết trò chơi nên bày trò giết nhau vì ngôn từ và bằng ngôn từ như tuyên ngôn, thông điệp, giáo lệnh, nghị quyết, chiếu chỉ, ... cho ai đúng là kẻ ấy đúng, bảo ai sai là kẻ ấy sai, cho sống là được sống, bảo chết là phải chết. Nhưng nếu tôi viết hay nói rằng: "Tôi nói dối" thì đúng chỗ nào sai chỗ nào? Thử trả lời câu hỏi đó rồi sẽ thấy rằng bám vào chân lý của ngôn từ nhiều khi cũng chẳng khác gì con mèo đùa giỡn với cái đuôi của chính nó.

Thiền của Phật giáo là khuynh hướng đánh đổ chủ trương chấp vào ý nghĩa của ngôn từ đến triệt để. Thơ thiền, thơ Ba Tiêu, những công án của Vô Môn Quan, Bích Nham Lục là thành quả của những đập phá ngôn từ nầy. Anh không thừa nhận là đi theo khuynh hướng nầy nhưng quả thực anh đã vờn chữ nghĩa như con chó vờn trái banh hay con mèo vờn con chuột khi chúng đùa nghịch. Vì anh không tin ngôn từ có thể giải bày hết tâm tư và thực tại. Ngôn từ bất lực là một ám ảnh không nguôi đối với anh. Không viết, không nói không được nhưng nói viết rồi cũng chẳng đến đâu:

Thưa rằng: nói nữa là sai
Mùa xuân đương đợi bước ai đi vào
(Chào Nguyên Xuân)

Xin lời nói ở trên môi
Là lời ở lại bên đời quên nhau
(Lời Xuân)

Lời sai trên miệng sẽ không là lời
(Lời Xuân)

Nói nữa là thôi, lời là lỡ dở
(Thưa)

Để thấy mãi rằng thơ không đủ gọi
(Không Đủ Gọi)

Lời chưa nói cũng như lời đã trao
(Nausicaa)

Anh đùa với thơ và anh đùa bằng thơ. Tôi không nhớ ai đã gọi Jacques Prévert là le jongleur spirituel . Tôi mong ước được mượn tiếng đó để tạm gọi anh. Kẻ hí lộng với chữ nghĩa.

Đọc thơ anh có khi phải trồng chuối như một đạo sĩ yoga, bởi vì anh cũng đã lộn đầu xuống đất chổng chân lên trời khi làm thơ. Anh có những bài thơ không biết kết chỗ nào, bởi vì câu kết có thể là câu mở đầu cho bài thơ vừa đọc hay một bài thơ khác. Câu kết của mấy bài thơ sau đây là ví dụ:

Em nghiêng tai ta nói nhỏ chuyện này
(Bữa Hôm Nay)
Biết răng chừ đây nói nữa
(Kim Trọng Tại Sao)
Vòng ma nghiệt mấy lần ta rất sợ
Giờ xin em đếm lại một hai và
(Không Nói Nữa)
Phút trùng lai là ngó vội nhau và...
(Thưa)
Mai sau dù có đi về
Xin nhìn gió rụng ngành tre thưa rằng
(Em Về)
Ta người viễn khách đưa tin
Bỗng đờ đẫn đứng chợt nhìn nhận ra
(Xuân Thôn Nữ)

Thơ của anh giống như một điệu nhạc cổ của Ấn Độ, Trung Hoa hay Việt Nam. Chơi liền tù tì cả ngày cả tháng cũng được hay dừng lại một "bài" cũng xong. Đọc thơ anh mà nghĩ rằng mình biết rõ anh muốn nói gì thì cũng liều như là nghĩ rằng mình chẳng hiểu anh nói gì cả. Bỏ thương vương nặng, thơ của anh là một chén thuốc đắng dịu dàng chỉ dành cho những kẻ liều ham thắc mắc vấn nạn.

Và liều nhất có lẽ là câu hỏi: "Anh là ai, thưa anh Bùi Giáng?" Bởi vì người hỏi có thể nghe câu trả lời đồng vọng từ vô biên: "Bùi Giáng là ai, thưa anh?"

HOÀNG NGUYÊN NHUẬN



Em về giữ áo mùa sa
Trút quần phượng hồng cho tà huy bay
(Ta Về. B.G.)





NGUYỄN HOÀNG VÂN

Bùi Giáng: một vùng đất hẹp và một thế giới lớn



Nhớ lại cái lần ngược dòng sông Thu năm ấy. Cái lần *lạc về đầu rú khe truông* mà lòng cứ vẩn vơ mơ về những thị thành thấp thoáng trời xa. Thuyền qua Trung Phước; một bên là Đại Bình với những vườn cam đỏ ối, một bên là chợ quê một sớm mai náo nhiệt. Rồi núi Cà Tang sừng sững trước mặt. Dòng sông đã xanh mà hai bờ cũng xanh. Xanh với những bãi ngô, dâu và những rặng tre già lặng lẽ soi mình. Thuyền ngược nữa, ngược nữa. Mỏ than Nông Sơn thấp thoáng bờ xa với những mái ngói nhấp nhô sườn đồi, chói chang dưới ánh tà huy. Và cậu thanh niên mới lớn nhưng lắm mơ mộng phải nhíu mày để hình dung cho ra những phố xá kinh kỳ dọc theo Danube đôi bờ, con sông xanh mơ mộng với những điệu luân vũ rập rờn sóng nước mây chiều...

Rồi cái đêm hôm ấy cùng người bà con trên chiếc ghe neo dọc triền sông. Ngược lên phía trên, về phiá Mưa Nguồn , là Dùi Chiêng, Trà Linh, là Hòn Kẽm, Đá Dừng; những cái tên đã đi vào ca dao: Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng/ Thương cha nhớ mẹ quá chừng bạn ơi. Không gian trầm lại, thoang thoảng mùi rượu nếp chua chua. Tiếng cá quẩy nước. Làn gió vi vu trên những giọt trăng lấp loáng đùa sóng. Khung cảnh êm đềm quá, êm đềm như thể lạc lối thiên thai. Nhưng lòng Lưu Nguyễn vẫn còn vướng nợ trần, không chút tha thiết với cảnh trăng nước bồng lai, cứ mơ tưởng về phía ánh sáng kinh kỳ chốn trời xa; những đại lộ tân kỳ náo nhiệt hay những mái ngói rêu phong già hàng thế kỷ, những tháp chuông cổ kính dọc theo hai bờ con sông xanh chảy qua bảy nước...

Đã mười mấy năm rồi kể từ ngày ấy. Cái ngày mà mái đầu hãy còn xanh ngắt và tâm hồn luôn ấp ủ giấc mơ về đôi cánh bay lên và những phương trời thật xa... Nhưng lúc đó, và cả trước đó cũng như bao nhiêu năm sau đó nữa, có một đôi mắt hun hút chiều sâu, một tâm hồn si dại những hoài niệm luôn hướng về mảnh đất có con sông mang tên Thu Bồn chảy qua ấy. Thân xác đã phiêu bạt ở một góc trời cách xa. Tâm thức còn phiêu bồng xa hơn nữa. Người ấy đã cùng cậu hoàng con của Exupéry la đà bay qua những tinh tú chi chít trên giải ngân hà. Đã chấp cánh sang tận vòm trời tư tưởng Âu Châu để băn khoăn cùng những Heidegger, Holdeline hay Camus vv... Trong cõi thơ, người ấy đã lui về hai trăm năm trước để thổn thức cùng Tố Như, đã lấn bước về phía trước, vượt lên những bước chân của thời đại khi giờ đây người ta cố công đào xới với những cái nhìn vượt qua khuôn khổ của ý thức hiện đại.

Người đó là Bùi Giáng. Con người với đôi mắt và nguyên khối tâm hồn đăm đăm về nơi *đầu rú khe truông*; nơi đêm nào cậu trai mới lớn cảm thấy tù túng mà mơ tưởng về những chân trời góc bể xa xăm:

Những bận nào Trà Linh qua Đá Dừng Hòn Dựng
Dùi Chiêng về Phường Rạnh ngược Khe Rinh
Bao lần anh cùng chúng em lận đận
Bôn ba băng rú rậm luống rùng mình

Những bận nào Quế Sơn Rù Rì con suối ngược
Nước trôi nguồn nước lũ cuốn phăng phăng

Những bận nào mịt mùng mưa gió ướt
Đẫm thân mình co rúm lạnh như băng
(Nỗi lòng Tô Vũ)

Mảnh đất đó gắn chặt với Bùi Giáng đến nỗi nửa thế kỷ Sài Gòn không hề làm loãng đi chất giọng Quảng Nam Doáng bô nhiêu tuổi Doáng già. Nơi một Doáng trẻ đã từ giã và một Doáng già đau đáu nhớ nhung:

Nhắm mắt mơ màng thấy viển vông
Thấy tình rộng biển nghĩa dài sông
Vu vơ khắp ngã nghe chim hót
Ca khúc phì nhiêu đất ruộng đồng
(Nhắm mắt)

Đó, mảnh đất của *tình biển nghĩa sông* mà nhà thơ đã:

Non nửa thế kỷ xa quê
Mà chưa có dịp về quê một lần
Bảy mươi mốt tuổi tần ngần
Nước non Nam Việt chiếm gần trọn tim
Về Trung biết chốn nào tìm
Lại ngôi nhà cũ láng giềng đã qua?
Giật mình lúc chợt nghĩ ra
Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi...
(Tâm Sự)

Non nửa thế kỷ với biết bao là phù du dâu bể, biết bao là tử biệt sinh ly? Nhưng quê nhà vẫn chờ đợi đứa con lưu lạc *Sài Gòn quyến rũ tôi chưa chịu về:*

Gió trăng sông núi đợi ta
Chờ sương nhị nguyệt màu hoa dâng mùa
Một mình vào núi đợi mưa
Đợi nghe chớp biển xế trưa mưa nguồn
Phồn hoa có nhớ đèo truông?

(Nhớ Mông Lung)

Đèo truông vẫn còn đó, trong lòng người phồn hoa. Và cả gió

trăng, gió trăng vẫn đợi; nhưng sao người đi cứ mãi chần chờ:

....Trút đi bất tuyệt triền miên cõi bờ
Thị thành thiên cổ thành thơ
Thôn làng thiên lý chần chờ chiều hôm
Một hôm bất chợt một lần
Rụng rời ký ức bạch tần rong rêu.
(Rong Rêu)

Chần chờ bởi cứ mãi nâng niu niềm vui hạnh ngộ, như thể nâng niu như một thứ gì quý giá. Bởi sợ nó sẽ tan biến, sẽ mất đi:

- *Ủa! Anh Sáu Giáng! Anh về lúc nào?*
- *Mới vừa về một phút*
- *Ở Sài Gòn về chơi, anh đi bằng phương tiện gì? Xe đò? Tàu bay?*
- *Anh đi bộ. Đi bằng hai chân.*
- *Đi trong bao lâu mới tới?*
- *Ròng rã suốt hai tháng trời.*

....

- *Sao anh không đi xe đò cho chóng tới nơi?*
- *Anh muốn từ từ thong thả. Vừa đi vừa ngắm phong cảnh dọc đường. Và cũng cố ý kéo dài để dành?*
- *Để dành cái chi?*
- *Cái gì quý trọng. Tỷ như đứa bé để dành cái bánh, viên kẹo của người ta cho mình.*
- *Còn anh để dành cái chi?*
- *Để dành cuộc gặp gỡ sau nhiều năm xa nhau. Đừng gặp vội....*

(Thôn nữ - Chuyện chiêm bao)

Và thế, ngày về với Bùi Giáng cũng chỉ là những hẹn hò, những đính ước cùng biển nước mây trời:

Ngày nào có nắng gió mưa
Anh về trở lại làng xưa tỉnh nhà
Gặp em như mới hôm qua...
(Anh Sẽ Về Thăm)

Bao giờ mới có *gió nắng mưa* ? Khác nào Hồ Dzếnh với những hẹn hò lần lữa em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé? Khác nào khúc

nhạc dạo cho bản romance một đời người mà những tiểu thư đài các ngồi mơ màng chờ đợi bên cửa sổ? Cái ngày về *để dành* lần lữa ấy cũng chờn vờn và siêu thực khác nào mộng mị chiêm bao? Khác chăng, là đoạn prelude mở đầu cho khúc romance một đời người của các tiểu thư bao giờ cũng ướt đẫm những hương hoa và loạt soạt những xiêm váy lụa là; với Bùi Giáng, giấc chiêm bao ấy trở nên cụ thể, mộc mạc và chân tình. Mộc mạc và chân tình như chính những đứa con của mảnh đất Quảng Nam:

Đi về làng xóm năm xưa
Viếng thăm quê cũ người chưa quên người
Người hỏi tôi: Từ đâu ông đến đây?
- Thưa cô thôn nữ từ đây tôi về!
- Ủa phải anh Sáu Giáng đó không?
- Và cô có phải cô Bông năm nào?
- Anh còn nhớ rõ! Ôi chao!
Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh
Anh điên mà dzui-dzẻ thập thành
Chúng tôi tỉnh táo mà đành buồn hiu.
(Đi về làng xóm)

Trong Bùi Giáng, quê nhà vẫn nguyên vẹn. Nguyên vẹn như ngày mới cất bước ra đi cho dù bể đời phù du đã đầy vơi mấy chặng. Nguyên vẹn như tấm lòng của vợ chồng cô Bông *cũng lúc nào nhớ anh*. Nguyên vẹn với những điạ danh gắn chặt với tình yêu ban đầu:

Điện Bàn Đại Lộc Duy Xuyên
Xiết bao tình nghĩa thần tiên mộng đầu
Vĩnh trinh Lệ Trạch Thanh Châu
Thi Lai Hà Mật nhìn đâu dáng người
Người đầu tiên đã mỉm cười
Nhìn tôi tưởng thấy niềm vui vô cùng...
(Ký Ức)

Vọng về nẻo quê xưa, ấy cũng là vọng về cái thời trẻ dại đã đánh mất:

Xuân xanh về khóc giữa giòng
Tuổi già quá cỡ, tấm lòng quá vui
Chần chờ tôi bước thụt lùi

Tới bao giờ gặp lại thằng tuổi thơ...
(Bé già nua khóc)

Và quê hương đâu chỉ có hình ảnh bến nước cây đa hay tuổi thơ đánh mất? Quê hương còn gợi nhớ cái thuở ban đầu lưu luyến. Một Bùi Giáng thanh niên hay một Bùi Giáng trung niên có thể cười cợt hoang tàng với một Bardot chênh vênh đồi núi, một Monroe ẩn khuất khe mương. Nhưng ở chốn sâu thẳm nhất của tâm hồn đó hẳn phải là hình ảnh người thôn nữ *...chết bên bờ luá/ Để lại một dấu mòn/ Một dấu chân bước của/ Một bàn chân bé con.* Cái chết của người vợ trẻ hẳn đã để lại một vết hằn không thể nào xoá nhoà để rồi ở một Bùi Giáng lão niên, những ký ức dồn nén từ trong sâu thẳm tâm hồn ấy có dịp thăng hoa. Thăng hoa thành những day dứt triền miên bất tận trong lứa tuổi xế chiều [1]:

Mỗi giây phút mỗi bất ngờ
Mỗi đêm tưởng tượng thẹn thò tình em
Tình em bao xiết êm đềm
Tình tôi như thể chênh vênh lạ thường...
(Thôn Nữ)

Đó, là người thôn nữ yểu mệnh đã đi thiêm thiếp trong cõi sa mù. Đi biền biệt. Gặp lại chăng, chỉ là những thoáng chiêm bao *suốt cứ sơn khuê lâm tuyền* . Nhưng khác nào những mộng mị *trông vời quê cũ*, hình ảnh hư ảo dồn nén trong ký ức ấy cũng là những gì dể vỡ, dễ đánh mất:

Bất ngờ gặp lại người quen
Từ muôn năm đã từng quen biết rồi
Giật mình tỉnh giấc than ôi
Trùng phùng trong mộng muôn đời tiếc thương...
(Chiêm Bao)

Khi đã đánh mất, khi đã *tỉnh giấc than ôi*; còn biết làm gì hơn? Thôi thì lặng lẽ một mình:

....Nàng đi vô tận thời gian
Nàng đi mất hút cuối miền thời gian
Tôi ngồi khóc lóc hoang mang
Một mình cô độc muôn ngàn tương tư....
(Một nàng tiên)

Nếu đã chắt chiu *dành dụm* ngày về đến cả nửa thế kỷ thì cái cảnh tử biệt sinh ly lúc tuổi chỉ mới chớm đôi mươi ấy còn gắn chặt vào tâm hồn kia si dại kia đến nhường nào? Năm mươi năm trời đằng đẵng với bao chuyện chớp biển mưa nguồn, bao cảnh phù du dâu bể; nhà thơ vẫn lẽo đẽo bên mình một hình bóng. Âm thầm. Lặng lẽ. Và chung thủy:

Gặp em từ ấy tới giờ
Năm mươi năm chẳn như tờ lặng im
Biết bao dâu biển nổi chìm
Đôi lần con mắt lim dim nhớ gì

Bảy mươi tuổi quá nặng nề
Còn em đã sáu tám rồi em ơi
Ngày mai vĩnh biệt cõi đời
Trùng lai có lẽ cuối trời biệt ly
(Tặng Gái Quê)

Như thế, giờ đây Bùi Giáng hẳn đã thực sự ra đi để *trùng lai* trong cảnh *cuối trời sinh ly.* Còn sống, người ta đã nói nhiều về ông. Ra đi, người ta càng nói nhiều hơn nữa. Người ta thi nhau tô vẽ những giai thoại mà không ai có thể đoan chắc tính chất xác thực. Họ thi nhau kể những kỷ niệm gặp gỡ. Chỉ có một số ít e dè về cách cảm thụ thơ Bùi Giáng. Và ít hơn nữa với những người ra công khai phá để tìm kiếm từ khối ngôn-ngữ-thơ Bùi Giáng những hạt kim cương loé nên ánh mới.

Dẫu vậy, Bùi Giáng mà chúng ta được biết, dầu còn mơ hồ, đâu chỉ là một chú hoàng con bay la đà trên những tinh tú? Đâu chỉ là một tâm hồn vượt qua những biên giới quốc gia? Tâm hồn ấy, khối tri thức ấy còn bước hẳn lên trên những nhịp chân thời gian so với cùng thế hệ.

Như thế, phong cách sáng tạo của Bùi Giáng vẫn có chút gì đó mang dáng dấp thế giới đó chứ! Nhưng dáng dấp ấy không loại bỏ những ám ảnh về nơi chốn cuối cùng quê của nửa thế kỷ ngóng trông mong đợi. Không loại bỏ ám ảnh về cô thôn nữ để lại dấu của năm mươi năm trước.

Tôi nhớ lại những tranh cãi văn chương mới đây, những tranh cãi

xoay quanh gốc và thế giới. Cái thiếu và cái thừa. Những tranh cãi mà người ta cứ cố tình lẫn lộn thế giới và phong cách thế giới. Như thể thế giới luôn luôn ngụ ý sự đoạn tuyệt và vong bản. Nhưng một Bùi Giáng lang thang trên những vỉa hè Sài Gòn, đau đáu những nhớ nhung về mảnh đãt hẹp Quảng Nam mà vẫn có thể đem triết học Đông Tây về với ca dao lục bát; vẫn có thể quàng vào thân thể của Bardot hay Monroe những xiêm y của Xuân Hương; vẫn thản nhiên đưa thơ vượt qua những rào cản của thứ ngôn ngữ mà chưa một quy phạm chuẩn mực nào hình thành là gì? Người đó chẳng đã đường đường tự tại một phong cách rất là thế giới nhưng vẫn không xa rời gốc đó ư? Với mảnh đất chật hẹp *cuối cùng quê* ấy, Bùi Giáng có cả một vũ trụ dệt nên từ những hoài niệm về thuở ban đầu. Trong một thế giới rộng lớn để thả hồn rong chơi, Bùi Giáng có một mảnh đãt đầy kỷ niệm gắn bó để chiêm bao mộng mị.

Và nhớ về cái đêm trăng sông nước bồng lai trên thượng nguồn của dòng sông Thu năm ấy, dòng sông chảy qua mảnh đãt trong chiêm bao mộng mị của Bùi Giáng; tôi cứ hình dung nhà thơ trong phút giây *Trùng lai có lẽ cuối cùng biệt ly* với người thôn nữ độ nào. Mà không hẳn chỉ là mảnh đãt ấy. Nhà thơ sẽ nắm tay cô thôn nữ năm xưa, thung thăng rong chơi cùng những Heidegger, Holderlin, Exupéry... ; la đà bay qua những tháp chuông cổ kính rêu phong hai bên dòng sông Danube hay những vì sao rực rỡ trên dải Ngân Hà:

Mai sau còn dự hội nào
Ngó nhau từ kỷ niệm đầu bão giông...

Chắc là vậy...

NGUYỄN HOÀNG VÂN
Melbourne 6.11.98

---

[1] Riêng tập *Đêm ngắm trăng* do NXB Trẻ phát hành tại Sài Gòn, bao gồm 227 bài thơ mới nhất của ông trong nêm 1997, đã có đến 9 bài thơ thực cảm động với tựa đề Thôn Nữ; chưa kể những bài thơ khác tựa đề nhưng cùng phảng phất một hình bóng.



HUY CẬN

Thân tình gửi anh Bùi Giáng

Đôi lời thăm bạn thơ
Thăm tấm lòng tri kỷ
Bao giờ đến bây giờ
Tình thơ không hoen rỉ

HUY CẬN



NGÔ CANG

Ở chùa

(Kính gửi Đại lão thi sĩ Bùi Giáng)

Con về mượn áo chùa quê
Kính thưa Sư tổ Bồ Đề Đạt Ma
Ngồi thiền suốt chín năm qua
Cứ đêm tâm tỉnh, sáng ra... động lòng

Cỏ lau thầy vượt biển Đông
Con bơi bơi mãi vẫn không thấu bờ
Gạo tiền cơm áo vật vờ
Thưa thầy, nghỉ, đã tới giờ thọ trai

Ngước lên mắt sáng Phật đài
Xem trong thiên hạ chẳng ai giống mình
Thõng tay vào túi u minh
Con tiêu đến hết đồng chinh cuối cùng

Giấc mơ hóa cội cây tùng
Mở ra công án một vùng cỏ hoa
Con về mượn áo thiền gia
Kính thưa Sư tổ Đạt Ma Bồ Đề

NGÔ CANG



PHẠM THIÊN THƯ

Bùi Giáng bốn mùa

Ta thấy anh là - con dế điên
Cả mùa Xuân - hát giữa thanh thiên
Mùa Xuân hoa cỏ vương đầy sách
Anh ném thơ ca - xuống võng thiền.

Ta thấy anh - là con dế què
Suốt mùa hạ thẫm - hát im nghe
Anh chưa nhảy khỏi bờ nhân ngã
Lại ném tồn sinh tím vỉa hè.

Ta thấy anh - là dế sương mù
Hát ca ẩm ỉ suốt mùa Thu
Anh mơ hồ cả đêm xòe nguyệt
Vàng cả Kim Cương mở lối tu.

Ta thấy anh là dế nội đồng
Lẫn vào hương cỏ hát mùa Đông
Anh sai ngôn ngữ như phù thủy
Ngôn ngữ đè anh xuống cõi không

Ta với anh - cùng Dế Đá trời
Thượng đế cầm râu ngoáy ngoáy chơi
Chọi với hư vô đầu trụi tóc
Tìm trong đá tảng - cái chơi vơi

PHẠM THIÊN THƯ



Trích "Sổ tang"



LTS: *Những trang sau đây được trích từ* Sổ Tang *viết bởi văn thi hữu, nghệ sĩ các ngành, đại diện cơ sở báo chí, tôn giáo và quần chúng ái mộ đến vĩnh biệt thi sĩ Bùi Giáng tại chùa Vĩnh Nghiêm (SàiGòn)*

Bùi Giang Bàng Dúi Bùi Giáng
Ô hay trăm ngõ bàng hoàng lỗ không
Lỗ không trời đất ngỡ ngàng
Hóa ra thì thể là ngàn hư vô

Nhớ thương vô cùng là từ
Là từ vô tận ứ ừ viễn vông

TRỊNH CÔNG SƠN / 1998

Hành trình của hạt cát

Tặng Bùi Giáng

Ban sơ là hạt cát vùi
Dưới lòng biển cả muôn đời ngủ yên

Rồi một hôm bỗng trồi lên
Bay bay bay mãi tới miền Bộ châu

Thõng tay đánh cược bể dâu

Hoà tan thành lệ nhỏ vào thiên thu
Chảy qua sa mạc thâm u
Qua vùng gió xoáy mịt mù tử sinh
Xác trai hồn khách biên đình
Hóa thân làm gã ăn xin cõi trời

Ngàn năm say ngủ bên đời
Coi như chưa đã một thời viễn du

Báo *GIÁC NGỘ* số 181

Tạm biệt Bùi Giáng

Ra đi từ vô thỉ
Điểm hẹn là vô chung
Ôi! Mệt nhoài cuộc lữ
Này đây, phút tạm dừng

BÍCH NHÃN HỒ
Chùa Vĩnh Nghiêm .09.10.1998

Bạn từ trên ấy xuống đây
Bay theo có một nét mây ngang trời
Nay về nắng chẳng còn tươi
Người đi kim cổ sáng hoài dáng ai

NGŨ HÀ MIÊN
NGUYỄN VĂN HÀM

Ngõ ban sơ hạnh ngân dài
Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua
B.G.

Tôi nghĩ cái hình ảnh bầm dập của một trang tài tử đời nay là anh, quả thật khiến người ta phải cẩn thận coi lại công lực của mình trước

khi quyết định dan díu với Cái Đẹp.

Thành kính tưởng niệm
LÊ NGUYÊN ĐẠI

Bái biệt Bùi Giàng Giáng Tiên Sinh

Tôi nghe danh rồi quen biết Bùi tiên sinh từ những năm tôi còn ngồi trên ghế nhà trường. Lúc bấy giờ ông đã rền tiếng trên thi đàn nửa nước Việt.

Về con người văn nghệ Bùi tiên sinh, ai đã hơn một lần đọc thơ ông ắt biết về "thi sĩ trung niên" kiêm họa sĩ chuyên vẽ tranh, làm thơ tặng những nàng thiếu nữ bên bờ cỏ Phi châu và châu chấu, chuồn chuồn ..... này.

Bẵng đi một thời gian dài với bao hưng phế. Rồi những năm 80 tôi gặp lại "trung niên thi sĩ" - bây giờ đã là lão thành thi nhân - dưới mái chùa Già Lam cạnh Xóm Gà, Gia Định, nơi thi sĩ đang ẩn am. Trong lần tái ngộ ấy, bậc thi sĩ đàn anh hân hoan viết vào sổ tay tặng tôi mấy câu thơ chữ Hán và đoạn lục bát:

"Bỗng nhiên tao ngộ bao giờ?
Quãng Nam cố quận bây giờ là đây
Nghiêng vai chúc tụng thiên tài
Trăm năm dâu bể một ngày phục sinh!"

Viết xong câu thơ thứ tư trên, 'trung niên thi sĩ" giựt mình nói nhỏ:

"phục sinh"! thôi thì "tái sinh" vậy!

Rồi thế đấy! Với bao dòng nước chảy qua cầu ..... và sau giờ này đây "trung niên thi sĩ" của chúng ta sẽ nằm yên trong lòng đất lạnh, nằm an nghỉ để đợi ngày tái sinh (phục sinh) cho chính mình và trong kí ức của những người mến mộ cuộc đời và sự nghiệp văn chương trác tuyệt có một không hai của thi đàn nước Việt. Người có một cái tên bất tuyệt "Bùi Giàng Búi là người ngụ xóm gà Gia Định" như thi sĩ đã tự khai sinh.

Với "trung niên thi sĩ", ai cũng nghĩ rằng nhà thơ đã đi đúng

nghiệp văn chương, nên ông chẳng bao giờ màng tiếng thị phi. Lúc nào "trung niên thi sĩ" cũng là người trượng phu, vẫn lạc quan yêu đời như phong cách của một thiền sư thi sĩ luôn thấy được bản lai diện mục mình. Với ông, dù lúc đáng bi lụy mà chẳng bao giờ vướng lụy ngay cả khi nhà thơ đang nghĩ về thế giới ..... bên kia, như ông viết:

"Và mai sau tôi xuống suối vàng vẫn mong rằng các vị .... sẽ ban ân huệ mưa móc xum xuê trên nấm mồ mọc cỏ những giọt sương trần gian sẽ giỏ hằng ngày xuống đáy huyệt cô đơn."

Chẳng phải như ông, chúng tôi vốn là những người mang nhiều hệ lụy của một kiếp nhân sinh trần tục nên chân thành khóc thi sĩ:

"Đời như hiu quạnh nghĩa trang không,
Sự thể vùi trong nấm cỏ đồng .
Tro giấy bay thành hồ điệp trắng
Lệ rơi máu đỏ đỗ quyên hồng."

Trước khi bái tiễn Bùi tiên sinh về cõi thọ, xin mượn câu thơ ông huơ bút năm nào tặng tôi mà tôi mường tượng rằng đây là lời Bùi Giàng Búi đại ca tự tặng mình thì có lẽ đúng hơn :

"Phương cảo phù du vân cẩm đoạn,
Tòng giao sất luyện tả thu quang"

như văn chương tuyệt thế của ông.

Xin bái biệt "trung niên thi sĩ".

Ngã Ba Ông Tạ - tiết mưa dầm
(Gia Định 11-10-1998)
NGUYỄN Q. THẮNG

Nhớ người Phụng Hiến

Ngày sẽ hết tôi sẽ không trở lại
Tôi sẽ đi và chưa biết đi đâu

Sẽ đi từ chốn quay về
Hồn du mục, cỏ Nhà Quê ngậm ngùi
Lời sương ý tuyết chia đôi

Đất ngâm ngấm lạnh bên trời mây bay

Sẽ đi từ cuối chân ngày
Từ đêm vô lượng ngón tay vô ngần
Mưa Nguồn, Chớp Bể hòa âm
Ngàn Thu Rớt Hột nẫy nầm chiêm bao

Sẽ đi từ một điệu chào
Khóc cười náo nhiệt , nháo nhào tử sinh
Bài thơ muối mặn rùng mình
Gừng cay úp mặt tận tình tri âm

Sẽ đi từ một chỗ nằm
Đá vang tiếng ngựa, gió cầm tin loa
Rưng rưng vũ trụ sáng loà
Hài nhi khép mặt mưa qua ngàn trùng

7/10/1998
NGUYỄN LƯƠNG VỴ
Kính viếng

Những dòng thư ngắn trong kỷ niệm với bùi quân

Một ngày lập đông, năm Đinh Mão (1987), thi sĩ Bùi Giáng đến quán cà phê đường Bà Lê Chân, Tân Định, để gặp và "khoe" với Huy Tưởng một "lá thư" bằng phiên âm chữ Hán của một tiên sinh tự xưng là đang ở tận một nơi xa gọi là "viễn phố", xa hơn cả nửa vòng trái đất, và gọi Bùi trung niên thi sĩ là cháu. Bức thư vỏn vẹn có mấy dòng nhưng đã bày tỏ được mối tương hệ rất sâu đậm cùng sự thấu cảm nhau một cách tinh tế đầy ẩn mật đối với một thiên tài không sao định nghĩa được (génie indéfinissable) bằng thứ ngôn ngữ tưởng như là "vu vơ". Nói năng bông lơn mà lại hàm dưỡng một công phu bề thế, bận bịu vô song giữa các vạn vật nhất thể ở khởi nguyên chưa phân

ly thì còn hàm hổn nhưng tràn đầy sức sống, như có kẻ luôn tự vấn: làm sao nối lại non xanh và biển rộng, giữa cát và bờ? Làm sao chuẩn bị cho một cuộc đối thoại tái hợp nhất thiết phải có giữa Đông và Tây? Làm sao bắc lại nhịp cầu tương giao giữa Thi Ca và Tư Tưởng, hai lãnh vực hoạt động theo theo quy luật riêng, cách nhau cả vực thẳm, mà lại có mối quan hệ tàng ẩn thấm thiết ở cội nguồn?

Nay bất chợt tìm thấy trong mớ kỷ niệm hỗn mang mà đầy hứng khởi, những dòng khơi mở ngấm ngủi vô cùng thi vị ấy, không ngăn nỗi phải nhắm mắt "liều lĩnh một phen" chuyển và phóng dịch cho thỏa cơn mộ chữ.

Xin rất biết ơn những ai - đó, như trúc có lòng, nở cho nụ cười hoan hỉ. (HUY TƯỞNG)

Viễn phố , 27/11/87

Bùi Tần Thân lão điệt nhã giám!

Nhĩ ký ngã vô lượng thi + thơ, tổng thị tiếu đề diệc vận, nùng đạm tương nghi ....

Độc thậm khoái hoạt, như du du tại Hoạn hỉ địa chi gian.

Ngô viên tự hữu, vô tâm chi trúc, tự nhĩ lai thời, kiêm hữu trường lữ chi nhân, khả phát nhất tiếu, nhiên nhi vu vơ chi vũ mạc đình phóng túng hình hài, ngang tàng tính mệnh, phất vi dã!

Ngã kim tại Viễn phố, sa mạc hồi khan, trùng trùng tâm cảnh. Triêu chỉ kiến thiền vu, mộ hồ sơn ứng mộng.

Hàm tình vô phiến, ký nhĩ Hô-đơ-gây* phiêu bồng di ảnh cộng sổ hàng ẩn ngữ ninh vi phỉ thuý lục ngạn hành từ .

(Nguyên tác bằng chữ Hán - bút tự của BG - Rất tiếc những đoạn trích trong Sổ Tang này được chuyển từ trong nước qua đường email, người gửi không có máy scan, nên buộc phải âm ra chữ Việt)

DỊCH:

Viễn Phố, 27-11-1987

Gửi Bùi lão diệt vô cùng thân thiết !

Cháu gửi ta thi thơ vô lượng, khóc cười ứng hợp, đậm nhạt hài

hoà. Đọc rất hứng thú, như lãng đãng trong vùng hoan hỉ.

Vườn ta như trúc có lòng, từ khi cháu đến, nay có người dặm dà rong ruổi, nở được một đóa cười. Nhưng mưa vu vơ chẳng tạnh, phóng túng hình hài, ngang tàng tính mệnh không làm đâu!

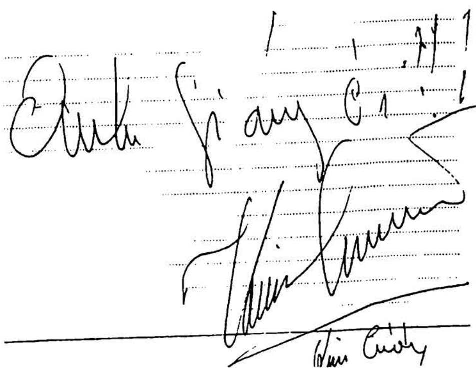
Nay ta đang ở bến xa, trông về sa mạc, tâm cảnh chất chồng. Sáng chỉ thấy Thiền Vu, chiều chiêm bao bờ núi. Tình chan chứa lặng thinh không nói một lời!

Gởi cháu di ảnh "Heidegei"* phiêu bồng, cùng bao la ẩn ngữ thà làm phim phỉ thúy thơ thẩn bờ xanh.

---

* Hơ-đơ-gây (nói lái của Martin Heidegger)

Nghệ sĩ Kim Cương vĩnh biệt Bùi Giáng





Vĩnh biệt anh Bùi Giáng

Bùi huynh! Trung Phước đợi anh về
Đồi cũ mong người thuở "giữ dê"
Giọt giọt "mưa nguồn" rơi chẳng ngớt
Sài Gòn xa vọng tiếng mưa quê!

TƯỜNG LINH
(Trung Phước)

Thấp cao nào thuộc về chân cẳng
Có trèo lên mấy chục tầng lầu
Và nằm phục xuống như con rắn
Núi đồi thành thị vẫn nương dâu

Thấp cao vậy chắc là trồi sụt
Trồi quỉ ma và sụt thánh hiền
Cái gì ở giữa ranh cao thấp?
Một ÔNG BÙI giáng giữa thanh thiên!

BÙI CHÍ VINH

"Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy"
Đã chơi thì mặc xác luân hồi

PHẠM THIÊN THƯ

Hơn bảy mươi năm lạc cõi đời
Chỉ là chớp mắt một trò chơi
Có không không có ông hằng rõ
Sinh tử hề chi chuyện nhỏ thôi

NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH

Thoắt nhanh một trận say dài
Tóc bay trắng thác đổ ngoài hư không

Vĩnh biệt anh
NGUYỄN THỤY KHA

Con kính viếng hương hồn của thầy!
"Cổ kim hậu sự thiên nan vấn
Nghe một lần vĩnh viễn gặp hư không" (BG)
Con, người học trò thơ của thầy

TRẦN TUẤN KIỆT



KHIÊM LÊ TRUNG

Nguyên khởi về cõi tinh mật Bùi Giáng



Bùi Giáng là một hiện tượng thơ khá phức tạp của miền Nam trước năm 1975. Khối lượng sáng tác của ông khá lớn, ngoài những tập thơ được phổ biến rộng rãi, còn có những bản dịch về khảo luận văn chương rải rác đăng trên các sách báo. Có thể nói cả đời ông là sự tận hiến cho thơ và vì thơ.

Sự phức tạp trong thơ Bùi Giáng một mặt là do bởi thế giới quan của ông, một thế giới quan chịu nhiều ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng triết học mà hệ quả là sự bế tắc trước ngưỡng cửa bí nhiệm, siêu hình. Mặt khác, cảm xúc thơ ca của ông được biểu hiện bằng một ngôn ngữ đa tạp, nhiều từ Hán Việt với những ẩn ngữ mà hàm nghĩa có sức khái quát rộng lớn, trong một phong cách ngữ nghĩa không đồng nhất: khi nghiêm túc, khi bỡn cợt. Chính thái độ bỡn cợt với ngôn ngữ của ông đã tạo ra những ngộ nhận, cũng như những khó khăn nhất định cho việc tiếp cận và cảm thụ thơ ông.

Trong nhận định chung của nhiều người, cho đến thời điểm này, có lẽ tập thơ *Mưa Nguồn* (xuất bản năm 1962) là tác phẩm quan trọng và chính yếu nhất trong quá trình sáng tác của ông. Muốn tìm hiểu một cách chân xác về cuộc đời và thơ của ông, điều cần thiết trước tiên có

lẽ là phải đi sâu vào nội dung chính của tác phẩm này.

Với *Mưa Nguồn*, Bùi Giáng dẫn ta lang thang sâu vào cõi miền tâm thức của ông, qua mọi ngõ ngách của mộng, của tình, của lẽ tử sinh, của nỗi xao xuyến bàng hoàng trong một hữu thể tại thế hầu ý thức được nỗi trầm luân bèo bọt của kiếp người mênh mông vô thường của cuộc đời.

Tâm thức của Bùi Giáng mang đầy những khắc khoải hiện sinh, khai mở trên một thực tại luôn luôn chuyển dịch và biến đổi. Nó phản ánh những khoảnh khắc, những trạng thái, những hệ lụy cuộc đời mà ông đi qua, đã chiêm niệm với nỗi lo sợ hoang mang rằng tất cả rồi sẽ tan chìm trong hư vô dâu biển:

Một phút nữa thôi
Và màu sẽ mất
Suối sẽ xa xôi
Như mây xa đất

Thực tại trong *Mưa Nguồn* là một thực tại đầy ắp nhiên giới, hay nói cách khác, nhiên giới là điểm tựa của tâm hồn, là cái đáy tâm sự, nơi họ Bùi *"nghiêng mình gửi mộng mây trời lang thang"*, khơi mở nguồn mạch tâm thức của mình, trên những nhịp điệu bát ngát của tâm hồn ông. Nhịp điệu của tâm hồn ông là nhịp điệu của sóng: *"Sóng phơi trường mộng từ trong dậy nguồn"*, đầy xót xa: *"Xót xa thân sầu chảy máu bên xương"*, trong những khoảnh khắc trống rỗng: *"Ngày trống rỗng không gian trôi vào cõi"*. Sự lựa chọn nhiên giới làm nơi cư trú của tâm hồn phản ánh thái độ thụ động của Bùi Giáng đối với nền văn minh cơ giới hiện đại. Ông là mẫu người của nền văn minh nông nghiệp, khó thích nghi với cuộc sống đô thị với nhịp sống công nghiệp.

Những biển dâu cuộc đời là nỗi ám ảnh hằn sâu trong tâm thức Bùi Giáng. Sống trong một hoàn cảnh lịch sử đày biến động, chiến tranh tàn phá thảm khốc, cơ cấu xã hội bị đảo lộn, lung lay tận gốc rễ, bản thân ông phải gánh chịu những mất mát đua thương thời trước 75. Đó là nỗi niềm tâm sự sâu kín của riêng ông mà trong cuộc sống thường nhật, do trạng thái tinh thần đặc biệc của ông, ít có dịp ông bày tỏ. Hầu như ít có người biết chính xác chi tiết thuộc đời tư của ông. Ông điên đảo với đời nhưng tỉnh táo trong nhận thức, kín đáo trong cuộc sống tình cảm tiêng tư.

Dù không được bày tỏ một cách trực tiếp, nhưng biến cố quan trọng trong cuộc sống riêng tư của Bùi Giáng được phản ánh khá tập

trung và đậm nét trong *Mưa Nguồn*. Ngôn ngữ trong *Mưa Nguồn* là ngôn ngữ mà *"kỷ niệm đuổi theo lời"* - kỷ niệm lan tỏa trong nguồn mạch cảm xúc của Bùi Giáng. Từ hình ảnh quê nhà, từ miền đất Trung Việt với rừng núi hoang sơ, sương ngàn cỏ nội đến miền đất phương Nam trời mây sông nước, dưới ngòi bút của ông, hiện ra những vẻ đẹp tự nhiên, mộc mạc và thuần khiết nhưng không kém phần nồng nàn và quyến rũ. Trong *"Nỗi Lòng Tô Vũ"*. *"Anh lùa bò vào đồi sim trái chín"*, ông ghi lại đoạn đời chăn dê, lùa bò nơi núi rừng Trung Việt với những cảm xúc chân thành đầy nhân ái. Tâm thức ông nơi đây như hòa nhập, tan hút vào trong vẻ đẹp hoang dại của thiên nhiên:

Anh lùa bò vào đồi sim trái chín
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín
Anh ngó bốn bề cây lá rung rinh
Anh nằm xuống để nhìn lên cho thỏa
Anh thấy lòng mở rộng đón trời xanh
Chìm ngây ngất vào trong đôi mắt lá
Anh lim dim cho chết lịm hồn mình
(Anh lùa bò vào đồi sim trái chín - MN tr. 153)

Nhưng trên tất cả vẫn là kỷ niệm của tình yêu đầu đời. Với bản chất đa cảm, cái đẹp của tình yêu như một thứ ánh sáng kỳ ảo tỏa chiếu trong tâm hồn ông những xao xuyến mãnh liệt. Thứ ánh sáng ấy như vĩnh viễn tồn tại trong ông, dù giờ đây, tất cả đã tàn vùi trong lớp bụi thời gian, trong hư vô thăm thẳm:

Nhìn em nhé bên kia bờ gió thổi
Lá xanh vườn theo cỏ mượt ngân nga
Tơ vi vút một đời thương nhớ tuổi
Của trăng rằm xuống dọ dẫm bên hoa

Khung cảnh ấy nằm sâu trong đáy mắt
Có lệ buồn khóc với lệ hòa vui
Để tràn ngập hương mùa lên ngan ngát
Rồi tan đi trong hố thẳm chôn vùi
(Bờ nước cũ - MN tr 49)

Cái chết của người bạn đời là một biến cố quan trọng tác động mạnh đến đời sống tinh thần của ông. Đối diện với cái chết ấy, ông trở

thành nạn nhân của bi kịch định mệnh khắc nghiệt. Nó là vết thương đục khoét trong tâm hồn ông, biến ông thành kẻ lưu đày trong chính số kiếp của mình. Tình trạng này khiến ông trở nên bi quan khắc khoải với cái nhìn đầy bi đát về ý nghĩa cuộc đời và kiếp người. Thơ ông, vì vậy, là những giai điệu buồn thương u hoài đầy ngậm ngùi cay đắng:

Ai người đau nữa để xẻ chia
Trời đất hoang mang buổi mộng lìa
Anh ngó, anh nhìn, anh cúi xuống
Ngước đầu anh hỏi có trăng khuya
(Anh đi về giữa. MN tr 75)

Cái chết của người bạn đời cũng chính là lý do để họ Bùi *"nghiêng mình giữa mộng mây trời lang thang"*. Ông lên đường phiêu du rong chơi điên đảo giữa đời với những hoài niệm không giây phút nguôi ngoai:

Xin mừng sông biển triều dâu
Đoạn trường đẩy nhịp lên cầu hạo du
Từ đây sống với sa mù
Với cô bác lịm sầu ru hao mòn
Với người mẹ chết bên con
Với chàng ngã gục nhìn non sông chào
(Hẹn ước. MN tr. 18)

Bùi Giáng sống trong cuộc đời nhưng là ở một thế giới khác: Thế giới của hoài niệm, chiêm bao. Đó là những thực tại ảo chìm sâu trong tâm thức ông. Trong cõi chiêm bao ấy, người tình vẫn như còn sống trong ông, vẫn hiện hữu trong nguồn mạch cảm xúc của thơ ông, vẫn cùng ông trò chuyện. Thơ của ông, vì vậy, không phải chỉ là nỗi niềm tâm sự dành cho đời và người đời, mà còn là lời tâm sự trò chuyện với một bóng ma vẫn lẽo đẽo đi về theo chiếc bóng ông. Rất nhiều bài thơ trong *Mưa Nguồn* là lời trò chuyện, tâm sự cùng bóng ma ấy với một không khí rờn rợn liêu trai:

Xin ngó lại bàn chân em bước
Vì em đi vào lúc gió đương bay
Năm ngón nhỏ như sương đầm lá ướt
Em đưa tay anh bắt với chừng này
(Mà xuân. MN tr. 38)

Và khi tỉnh thức, đối diện với thực tại, họ Bùi là hiện thân của khổ đau:

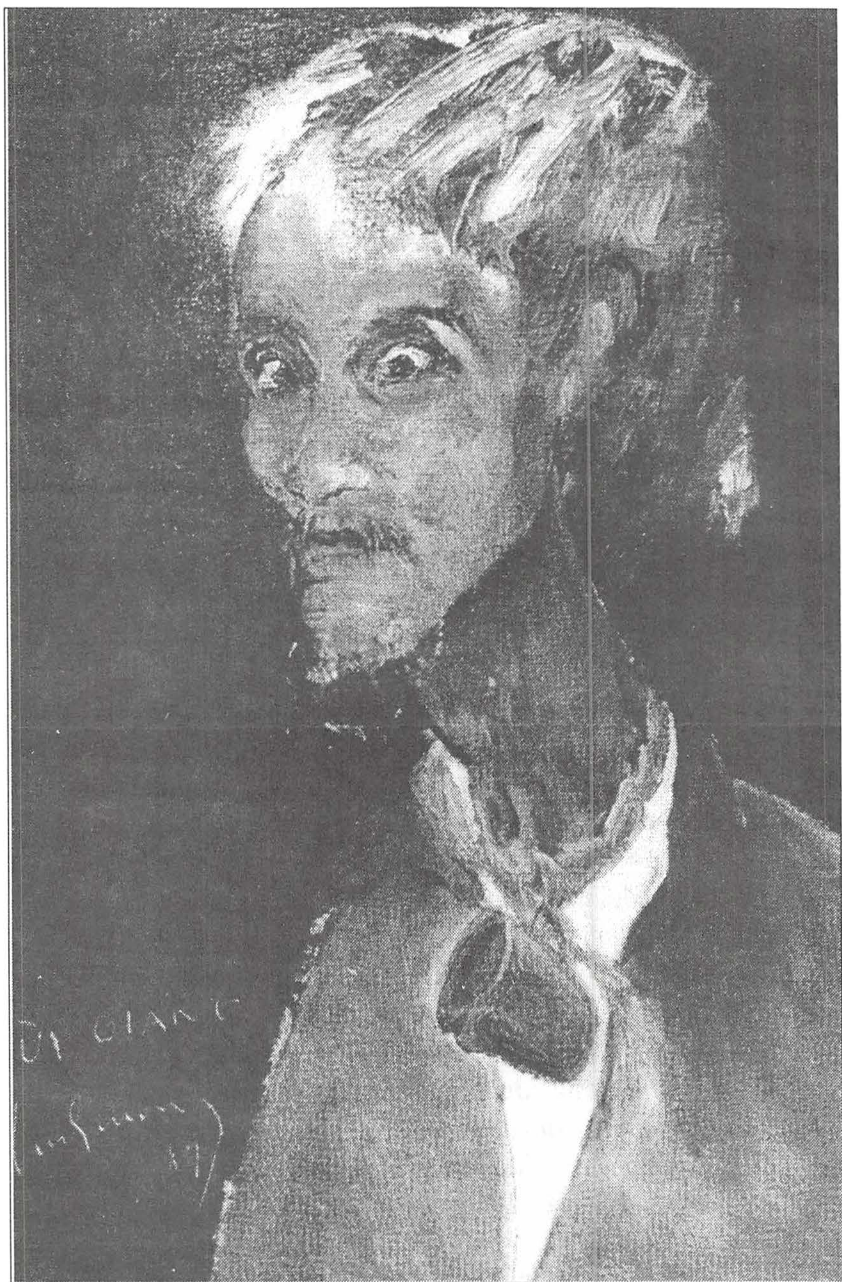
Bỏ trăng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngữa sóng giữa lời hẹn hoa
Bỏ người yêu, bỏ bóng ma
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời
Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con
(Mưa buồn. MN tr. 156)

Từ hiện thực khổ đau của bản thân, Bùi Giáng tìm thấy nơi Nguyễn Du niềm đồng cảm sâu xa về ý nghĩa bi đát của kiếp người, với những con người mà số phận bị vùi dập trong dâu biển cuộc đời. Nguồn cảm của Nguyễn Du chảy song hành cùng với nguồn cảm của Bùi Giáng trong Mưa Nguồn. Nhưng tín hiệu ngôn ngữ trong truyện Kiều đã được *Bùi Giáng* "trung dung" và khai thác triệt để về ngữ nghĩa trên cả hai mặt biểu tượng và biểu niệm, biến thành những ẩn ngữ trong thi pháp của ông. Nhưng, khác với Nguyễn Du, ông không cho rằng nguyên nhân của nỗi khổ đau kiếp người là do bởi "thiên mệnh" hay "nghiệp báo" nào đó. Ông ý thức rất rõ cội nguồn của nỗi khổ đau nằm ngay trong bản chất của con người, trong hiện hữu của chính nó, một hiện hữu mà theo cách nhìn của Sartre, đầy ngẫu nhiên và phi lý. Cuộc đời vừa là nơi độ thân, vừa là "bến trầm luân" của con người. Cách nhìn đời của Bùi Giáng phần nào chịu ảnh hưởng của trào lưu triết học hiện sinh, nhất là của Heidegger, mang nặng tích chất bi quan nhưng không thuyệt vọng. Trong giai đoạn sáng tác sau này của ông, chất trào lộng ùa vào thơ ông rất thoải mái và rất hồn nhiên:

Bài thơ viết hôm nay dường dở quá
Vì bỗng nhiên ông cảm thấy thua gà
Gà gáy đẹp như vườn cây thắm lá
Mà lời thơ ông mỗi lúc mỗi già
(Gà gáy. Rong rêu tr. 79)

Phải chăng, thời gian đã thanh lọc tâm hồn ông, đưa ông "siêu vượt qua khỏi những hạn giới kiếp người, những hệ lụy nhân sinh, sống với hóa thân mới là tâm hồn hài nhi trong màu nguyên xuân của cuộc đời như ông đã từng hẹn ước? *"Mai sau hẹn với ban đầu. Chờ nhau ngõ khác ngả màu nguyên xuân"*. (Hẹn ước. MN tr 18)

KHIÊM LÊ TRUNG



Bùi Giáng *qua* Đinh Cường
sơn dầu



HUỲNH NGỌC CHIẾN

Bùi Giáng - thi sĩ kỳ dị



Một buổi sáng nào đó, nếu tình cờ bạn gặp trên đường phố Sài Gòn một người đàn ông đứng tuổi quần áo xộc xệxh, với cặp mắt kiếng dày cộm, trên vai mang đủ thứ lỉnh kỉnh, thỉnh thoảng hươ chân múa tay, miệng nói lảm nhảm, thì bạn cứ tin rằng bạn đã gặp một bậc kỳ tài rồi đó. Đó chính là Trung Niên Thi Sĩ Bùi Giáng.

Tại một quán cà phê vỉa hè, chúng tôi từng nghe ông "thuyết" về cái thế giới của người điên. Té ra cái thế giới ấy lại kỳ diệu biết bao.

Càng nghe ông nói chúng tôi càng ngẩn ngơ tự hỏi giữa ông và chúng tôi, ai mới là người điên thực sự? Thế thì cõi đời này dưới mắt ông và cái cõi đời theo cách nhìn của chúng ta, cõi nào là cõi thực? Thế giới của ông là Thực hay là Mộng? Là Ảo hay là Chân? Câu chuyện Trang Châu hóa bướm(1) hay chuyện tiêu lộc (lá chuối và con hươu)(2) trong Xung Hư Chân Kinh của Liệt Tử, nào phải chỉ với người xưa? Chính ông cũng tự nói về mình:

---

(1) Trang Châu nằm mơ thấy mình hóa thân thành bướm, tỉnh dậy không biết mình hóa ra bướm hay bướm hóa ra mình (*Nam Hoa Kinh* - Tề vật luận)

(2) Người nước Trịnh nằm mơ thấy mình săn được một con hưu, bèn bỏ vào hố rồi lấy lá chuối che lại. Tỉnh dậy kể cho vợ nghe. Người hàng xóm nghe lén được, bèn theo lời kể mà tìm được hươu. Song rồi lại cho rằng mình nằm mơ.

Kể từ khởi sự mọc răng
Đến bây giờ vẫn thường hằng chiêm bao
(Biển Đông xe cát)

Hay:
Tiêu lộc mộng trường tâm bất cạnh
Cuộc đời như giấc mộng tiêu lộc dài, không còn để tâm đua chen theo nữa.

(Sa Mạc Trường Ca)

Theo thuyết nhà Phật nếu tâm ta tịnh thì cõi thế sẽ thanh tịnh (Tùy kỷ tâm thanh tịnh tức quốc độ tịnh - *Duy Ma Cật* kinh) thế thì cái Thái Bình Điên Quốc của ông có phải là một Quốc Độ Thanh Tịnh hay không? Một vị đại đức uyên thâm có lần nói với chúng tôi: "Có lẽ Bùi Giáng đã đạt đến mức 'tâm như hư không, vô sổ chướng ngại'[(3)] rồi chăng? Mà giữ được tâm hồn như tấm gương sáng cứ tùy vật đến mà cảm ứng, đó là sự tu học theo truyền thống Đông phương. Chúng ta có nên đem tâm hồn hạn hẹp của mình để tìm hiểu tâm hồn của ông?"

Bùi Giáng quê ở Quế Sơn, Quảng Nam. Từng theo học trường Quốc học ở Huế với các ông Hoài Thanh, Trần Đình Đàn, Đào Duy Anh, là những vị thầy mà ông vô cùng kính mến về nhân cách lẫn sở học. Ông mê truyện Kiều, mê thơ Huy Cận, và đột nhiên bỏ học mà lý do , theo lời ông, là "bị chấn động dị thường" bởi tập thơ *Lửa Thiêng* của Huy Cận (*Đi Vào Cõi Thơ*) để rồi đi về quê chăn dê và đọc sách. Người ta kể ông thường gánh sách vô núi để đọc. Ông cũng tự giới thiệu mình:

Ngã tích tại Trung Việt địa phương
Quảng Nam châu quận biến am tường
Sơ khai du mục tầm phương thảo...

Tôi vốn là người ở vùng địa phương Trung Việt
Đã biết thấu rõ khắp vùng Quảng Nam
Ban đầu sống đời du mục, đi tìm cỏ thơm...
(Lời cố quận)

Có lẽ trong giai đoạn này, hình ảnh châu chấu, chuồn chuồn bay trên những cánh đồng mùa thu miền trung du xứ Quảng đã để lại trong tâm hồn ông những ấn tượng đặc biệt không thể phai nhòa nên nó cứ thường xuất hiện trong thơ ông, đến nỗi ông phải nói:

"Thơ tôi làm ra là để tặng chuồn chuồn châu chấu, xin các ngài học giả hãy xa lánh thơ tôi"

(Thi Ca Tư Tưởng)

Tâm hồn kẻ tài hoa mở ra đón nhận mọi viễn tượng kỳ diệu của thiên nhiên để nó trở thành lẽ sống và lẽ chết của mình. Khi được hỏi về tiểu sử, ông chỉ nói:

"Thi sĩ sinh ra giữa cỏ cây và sẽ chết đi giữa cỏ cây li kỳ gay cấn"
(Tư Tưởng Hiện Đại)

Bùi Giáng là bậc thượng trí, hầu như "vô sở ngộ". Ở miền Trung du hẻo lánh xứ Quảng đó ông chỉ do đọc sách mà "phát minh tâm địa", như trường hợp thiền sư Huyền Giác đọc kinh Duy Ma Cật. Từ đó ông suốt đời cứ âm thầm đi theo con đường tư tưởng riêng biệt của mình.

Sau giai đoạn "du mục", ông vào Sài Gòn dạy học và viết sách giáo khoa văn học như: *Một Vài Nhận Xét Về Truyện Kiều*, về *Lục Vân Tiên*, về *Chinh Phụ Ngâm*, về *Tản Đà*, về *Chu Mạnh Trinh* v.v... Song cũng chẳng được bao lâu. Điều đó cũng dễ hiểu vì sách giáo khoa làm thế nào dung hợp được tư tưởng ngông cuồng của ông? Từ đó ông chỉ làm thơ, dịch thuật và biên khảo. Từ các tác phẩn đầu tiên như *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn v.v...* cho đến các tác phẩm về sau như *Sương Bình Nguyên, Trăng Châu Thổ, Đường Đi Trong Rừng* v.v.... hầu như ông đã không ngừng nỗ lực sáng tạo nên một phong cách ngôn ngữ riêng biệt mà ta có thể tạm gọi là "ngôn ngữ Bùi Giáng". Ông đã khai mở một con đường kỳ lạ đi vào các tác phẩm của thi hào Nguyễn Du mà theo ông là một thiên tài quán tuyệt cổ kim chỉ đứng sau đức Như Lai về phương diện lập ngôn! Ông thường dùng Kiều để "chú giải" Heidegger, Shakespeare v.v... Song giống như trường hợp Quách Tượng chú giải Trang Tử, dùng tư tưởng cổ nhân để giải thích tư tưởng của mình, nên đọc Trang cũng là để hiểu Quách. Cũng thế, đọc các lời giải thích của Bùi Giáng về Nguễn Du, về Heidegger, Shakespeare cũng là cách để tìm hiểu tư tưởng của chính ông.

Đọc sách của ông khó phân biệt được biên giới giữa thi ca và triết học. Ông bàn về triết học như là làm thơ và làm thơ như chuyện đùa rỡn. Ông đưa vào ngôn ngữ của mình cái lối trào lộng của người dân xứ Quảng Nam, đặc biệt cách nói lái tinh quái của quê hương ông. Người đọc thường gặp trong sách ông các từ như: tồn lưu, lưu tồn, tồn liên, liên tồn, tồn lí tí ngọ, tồn lập tập trung, tôn lập tập họp... Trong các cụm từ nói lái đó, ngay chỗ oái oăm nhất ông ưa đặt một chữ hợp nghĩa khác (ngọ, trung, họp). Ông cũng ưa đùa rỡn như thế trong thơ mình:

Lọt cồn trận gió đi hoang

Tồn liên ở lại xin làn dồn ra
(Mưa nguồn)

Người đọc "đứng đắn" ắt cảm thấy khó chịu, song dường như ông cố tình đem cái tài hoa của mình trộn lẫn vào cái thô tục - cái thô tục cụ thể chứ không bóng bẩy kiểu Hồ Xuân Hương. Âu đó cũng là nét ương bướng cửa kẻ tài hoa. Ông đùa rỡn với triết học, với thi ca, ông đừa rỡn với cuộc đời, với chính bản thân ông. Khoảng đầu năm 1975, người ta thường thấy ông lang thang trên vỉa hè Sài Gòn, khi thì với khỉ trên vai, khi thì với chó trên tay. Ông chơi với thú vật có phải vì ông không có được một người bạn tư tưởng như ông từng than thở trong lá thư gửi F. Nietzsche? *(Lễ Hội Tháng Ba).*

Trước 1975, ông thường sống trong lô cốt trước Đại Học Vạn Hạnh với các lon cơm bẩn thỉu. Lối sống kì dị đó cũng không ảnh hưởng gì dến sự sáng tạo phi thường của ông. Ngay vào giai đoạn người ta xem như ông đã bị điên nặng thì ông cho ra đời tập thơ *Bài Ca Quần Đảo* mà theo nhà xuất bản thì đây là một "đại dương thi ca". Ông làm thơ dễ dàng như công việc ăn uống đời thường. Nhiều thi sĩ xem ông là "hóa thân của thi ca". Chínhg ông cũng tự nhận mình là Trung Niên Thi Sĩ (Đến bây giờ có lẽ ông đã là Lão Niên Thi Sĩ rồi!) Ông làm thơ bằng tiếng Việt, tiếng Hán, thỉnh thoảng bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Ngôn ngữ đã nhập diệu trong ông như cây đàn trong tay người nghệ sĩ kiệt xuất. Chỉ ấn tay là thành giai điệu. Tự nhiên như nước chảy, mây bay mà chẳng có chút dụng công nào.

Một lần khác chúng tôi cùng ngồi uống cà phê với ông, một ông bạn người Quảng Nam hỏi: "*Thầy* thường làm thơ như thế nào?" Ông mỉm cười: "Qua làm thơ cũng giống như em là kỹ sư mà làm toán lớp ba rứa thôi." Chúng tôi thấy ông nói câu đó rất tự nhiên, rất thành thật, chẳng có vẻ gì tự mãn, bởi vì tự thân các tác phẩm cũng đã ấn chứng được cho cái thi tài của ông rồi. Đôi lúc chúng tôi có cảm tưởng rằng ông có thể đọc ngẩu hứng thơ lục bát từ sáng đến chiều mà vẫn không vấp.

Ông rất mê sách kiếm hiệp mà không biết có bao giờ ông tự so sánh mình với Hồng Thất Công chưa? (Mà chắc ông cóc cần làm cái chuyện tào lao ấy đâu). Ông ăn mặc tồi tàn đến độ có lần vào trong một tiệm sách lớn để nhìn tác phẩm của mình bày trong tủ kính thì ông bị người bán sách đuổi ra ngoài. Có lẽ họ không ngờ ông là tác giả. Ông mê đọc sách đến mức độ kỳ lạ, điều đó cũng giải thích vì sao ông có một kiến thức phi thường về thi ca và triết học. Khi chợ sách ở đường Đặng Thị Nhu chưa giải thể, ông cũng hay lang thang ở đó để

xem sách và uống cà phê. Một hôm, vào khoảng 1980, ông ngồi uống cà phê, mơ màng nhìn sang bên kia đường, đột nhiên đôi mắt ông sáng rỡ lên. Té ra ông nhìn thấy một cuốn sách, dường như bằng tiếng Hy Lạp, bị chủ quầy đem lót dưới kệ sách thay cho gạch bởi vì đã từ lâu không có ai hỏi mua. Ông cuống quít móc những đồng bạc cuối cùng nài nỉ mua - vì không đủ tiền - rồi ông ngồi đọc say mê như người bị thôi miên, hoàn toàn không biết gì về mọi chuyện chung quanh.

Xin bạn đọc đừng xem các mẩu chuyện trên đây là những giai thoại về ông. Ông đã từng gọi các "giai thoại văn học" là "những miếng ghẻ rách" (*Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại* tập 1). Viết về ông quả là điều mạo muội nếu không muốn nói là liều lĩnh. Trước 1975 đã có nhiều tác giả viết về ông, song theo tôi ông chẳng mấy quan tâm. Nếu bài viết này đến tay ông có lẽ ông sẽ rất giận (?)

Tôi xin kính tặng ông hai bài thơ thay cho lời cáo lỗi:

Bước ra từ cảnh giới Như Lai
Làm người điên giữa cõi trần ai
Ẩn ngữ ngàn năm ai hiểu thấu
Trọn đời bạn với cỏ hoa bay.

Và:
Bút hữu phong lôi, thiệt hữu thân
Tâm như lưu thủy, ý hành vân
Thần ni lòng tự qui sơn khứ
Hà xứ đê đầu tư cố nhân?

HUỲNG NGỌC CHIẾN

ĐỌC TRONG SỐ TỚI:

Biên khảo, thơ, truyện, phỏng vấn, hội họa... của

Hoàng Ngọc Hiến, Phạm Trọng Việt, Đoàn Xuân Kiên, Thạch Cát, Nguyễn Xuân Quang, Võ Xuân Trang, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Phạm Việt Cường, Mai Ninh, Khánh Trường, Huy Tưởng, Hoàng Xuân Sơn, Ngô Nhựt Tân, Hồ Phổ Lại, Nam Dao, ...



Ý NHI

Bùi Giáng trong "cõi người ta"



Bùi Giáng & Vũ Hoàng Chương

Buồn vui như thể thân mình
Ai chia nửa máu, ai giành nửa xương

Đó là những buồn vui của Bùi Giáng - nỗi buồn của khốc liệt, bi thảm của một thân phận khác thường, của một người *"chịu cuồng si để sáng suốt"*, *"chịu đui mù mà thỏa dạ yêu em"*.

Người ta biết đến Bùi Giáng bởi những khảo luận văn học như những cuốn viết về *Truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Lục Vân Tiên...* Những cuốn khảo luận triết học như *Tư Tưởng Hiện Đại, Tư Tưởng Hiện Đại & Heidegger*, những tác phẩm chuyển ngữ tuyệt vời như *Cõi Người ta, Hoàng Tử Bé, Khung Cửa Hẹp, Mùi Hương Xuân Sắc...*

Nhưng người ta yêu thơ ông hơn cả.

Mỗi khi đọc những câu thơ hay của Bùi Giáng tôi lại nhớ đến tiếng đàn *"bốn dây rõ máu năm đầu ngón tay"* của Thúy Kiều, bởi những câu thơ được chắt ra từ máu của con người khắc khoải khôn nguôi về thân phận con người, về thế gian này.

Ít ai trong số các nhà thơ Việt Nam hiện đại lại viết nhiều về cõi trần gian như ông. Lúc thì nguyện *"yêu trần gian nguyên vẹn"*, lúc thì

"sẽ tiếc thương trần gian mãi mãi", lúc khác là:

> Ta *đếm lại từng ngón tay lẩy bẩy*
> *Đời chúng ta là mấy trăng tròn*

Yêu thiết tha cõi trần gian, nhiều khi ông nhìn trời đất như đứa bé. Ông hỏi sông: *"Ngàn mây về cuối mãi trời xa. Nước có bằng lòng đứng đợi ta"*. Ông bập bẹ: *"Trần gian do cánh bướm cánh chuồn chuồn. Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại. Con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn"*. Ông kêu lên thảng thốt: *Ồ gót chân, anh đứng ngó như ngây"*. Ông òa khóc không gìn giữ: *"Em ra đi đời bưng mặt khóc òa"*.

Nhưng Bùi Giáng là đứa trẻ biết rằng *"Diều đứt dây trẻ cũng cầm bằng"*. Thơ ông từ bài này sang bài khác, từ trang này sang tang khác thấm đượm mối lo âu cho *"những nỗi đau về chẳng hẹn giờ"*, *"những thân xương máu đã đàng là ủy mị"*.

Ông là con người:

> *Người kia đứng lại*
> *Nghe trời đầy xuống hai vai*

Gánh nặng dó ông gánh chịu suốt cả cuộc dời đơn độc của mình. Nhiều khi ông đã thốt lên *"Đòi dại khờ như một giấc chiêm bao"*, nhiều khi ông lắng nge *"Mấy đời ky biệt rẻ đau một mình."* Nhiều khi ông van nài *" Em ở lại với đời ta em nhé. Em đừng đi cho ta nắm tay em"*...

Ý thức sâu xa về sự hữu hạn của kiếp người, của lẻ hợp tan, ông luôn phấp phỏng lo lắng:

> *Nhưng em hởi trần gian ôi ta biết*
> *Sẽ rời xa vĩnh viễn với người thôi*

Và:

> *Đài vũ trụ hồn chiêm bao rạng tỏ*
> *Một nụ cười thế giới sẽ chia đôi*

Mỗi cảnh, mỗi vật đếu in dấu nỗi phấp phỏng, lo lắng ấy. Nào là *"Đường vất vã vó ngựa chồn lải đảo"*, nào là *"Tờ cảo thơm như lệ úa pha hồng"*, nào là *"Mình cát lạnh chân lạc đà bé bỏng. Bóng hình em tơi tả dưới trăng rằm"*, nào là *"Ngày đi đổ bóng sau người / Mộng hờ biết có buồn vui em về"*, nào là *"Bước ngại ngùng nẻo mộng mấy lần*

sai"...

Giờ thì con người yêu thương, lo lắng cho cõi người ta ấy đã ra đi. Có lẽ trước lúc an nghỉ ông vẫn còn băn khoăn:

Còn không một bận quay về
Vườn xưa ngó bóng trăng thề vàng gieo

Vẫn giữ nguyên lời nhắn gửi hay là niềm mong ước của ông:

Em sẽ khóc khi nhìn trong khóe mắt
Thấy một mình người đi lại lang thang
Còn ghi giữ ân tình trong cỏ nhặt
Múa vi vu vì hẹn với răng ngàn.

Ý NHI
SG 9.10.1998



NGUYỄN HUY THIỆP

Con gái thủy thần

(Truyện thứ III)



LTS: *Hầu hết các truyện ngắn của N.H.T. xuất hiện trong nước đều bị cắt xén. Truyện ngắn này là nguyên bản, chưa bị lưỡi kéo của giới chức thẩm quyền can thiệp.*

HỢP LƯU

"Giang hồ còn lại mình tôi
Quê người đắng khói, quê người cay men..."
(Nguyễn Bính)

Kể từ ngày tôi rời xóm đạo bên sông ra đi, thoắt cái thế mà đã mấy năm ròng. Không biết bao nhiêu sự việc qua đi, không biết bao nhiêu người tôi gặp gỡ, gặp gỡ rồi lại chia tay..., không biết bao nhiêu vui buồn, đắng cay cũng có, ngọt bùi... — ồ, mà sao vị ngọt bùi cũng nhạt vậy à? — mà ngọt bùi cũng có...

Tôi đã yêu, đã được yêu. Tôi cũng đã chạy trốn nhiều lần.

"Chương này! Không phải thế, vẫn không phải thế!"

Tôi đã sống nhiều nơi, làm nhiều việc. Tôi cũng đã vứt bỏ nhiều lần. "Chương này! Không phải thế, vẫn không phải thế!"

Tôi nhớ khi tôi lên 10 tuổi, lúc ấy chuyện về Mẹ Cả đang ồn cả lên, sáng sớm tôi hay đi dọc bãi cát bên sông, thầm ao ước trông thấy hình ảnh siêu phàm. Sương mù giăng giăng trên mặt sông. Khi nắng

lên, sương tan ra, sương tan ra rồi bay lên như khói, như mây. Mặt sông lộ rõ, ngái ngủ và thẹn thùng. Sóng vỗ bờ; đẩy xác những con phù du, những con vờ đến tận chân tôi. Ấy là cảm giác về lẽ thường, lẽ vô thường lần đầu tìm đến rón rén thăm dò tâm hồn tôi. Tôi không biết, tôi không hề để ý đến chúng. Tôi còn quá trẻ! Lúc ấy, sự mất mát, sự vô nghĩa, lẫn ý thức về thời gian biến dịch không khiến tôi phải bận lòng.

Tôi đi dọc bãi cát bên sông. Tôi nhìn thấy một cái hố cát lõm ngay bên mép nước. Tôi hình dung đêm qua con gái thủy thần đã nghỉ ở đây. Nàng nằm nghiêng, co người lại, đầu gối sát cằm. Nàng nói chuyện với sóng. Sóng khỏa lấp thân nàng. Nàng thủ thỉ với sóng. Nàng nói: "Này sóng! Thôi đừng đùa, đừng ngốc nữa..."

Tôi đi... Thời tôi đang sống là thời khó khăn gian khổ. Chiến tranh đã qua, mọi người bắt đầu xây dựng lại cuộc sống mới. Những vết thương cũ khép dần miệng lại, lên da non. Người ta rối rít kiếm tìm việc làm, kiếm tìm hy vọng. Làn sóng người từ nông thôn tràn ra thành phố nhiều vô kể, hợp thành một tầng lớp "*dân phiêu tán.*" Tôi đi lẫn trong đám người này, lòng thắc thỏm lo âu cho số phận mình, cũng là số phận của một số ít nông dân hoặc cùng quẫn nhất hoặc nhiều khao khát và ảo tưởng nhất. Những gì để lại đằng sau lưng kia liệu có giá trị gì không? Con sông quê hương lặng lẽ, rặng tre đầu xóm, bức tường đá ong rêu phủ, bóng mẹ liêu xiêu in trong nắng chiều. Mẹ khỉ! Tôi nôn mửa vào kỷ niệm. Nó không sinh ra tiền bạc, nó chẳng mảy may mang lại cho tôi một nụ cười nào. Ở đấy không có hy vọng.

Tôi đi... Tôi muốn xem phía trước có gì.

Tôi đi... Tôi đã khao thát tình yêu đến như thế nào, như thể người đi trong sa mạc khao khát nước! Ở đó lẫn lộn rất nhiều mơ ước xen vào: đấy là hạnh phúc, giọt nước mắt, sự ấm êm, những chân trời, chân trời và mặt biển rộng xa vời, một góc nhỏ trong vườn, một ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng... Ồ, rất nhiều thứ đấy! Mẹ Cả của tôi, ảnh hình của một điều gì đó hơn cả người con gái, hơn cả người đàn bà. Nó là ảnh hình của một nửa thế giới bên trên hoặc bên dưới tôi, của thượng giới và trần gian. Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng bận việc gì? Sao nàng không đến cùng tôi mà nàng chỉ gửi những tín sứ của nàng đến như cơn mưa kia bất chợt, như đêm trăng kia bất chợt, như tiếng sáo véo von kia bất chợt, như chiếc hôn vội vàng kia bất chợt xót xa tê tái tận đáy lòng...

Thôi thôi... Tôi đã nhục nhã, đê hèn đến như thế nào. Ở đâu

chứ? Từ đâu chứ? Vì cái gì? Mà Chương ơi, nỗi cô đơn và sự bất lực của mi nào ai thấu được ngoài mi? Ai đã làm chi? Mà mi đã làm chi? Bởi cái tình chi?

Nào! Tôi đã nhận rằng trong khát vọng tìm kiếm cuộc sống của tôi hẳn có ẩn chứa một con quỷ dữ đã thiếp ngủ có lẽ hàng thế kỷ. Nó ích kỷ, cô đơn, bị làm nhục, nó hoài nghi đủ thứ, dè chừng đủ thứ, vụ lợi và đê hèn. Nó ngẫm nghĩ đôi chút về tôn giáo, về bản chất con người chẳng qua cũng chỉ nhằm để đối chiếu và làm sắc nhọn thêm bản lĩnh quỷ dữ của nó mà thôi. Nó vừa ngô nghê, vừa khôn ngoan, vừa nhanh nhẹn. Nó đa nghi như Tào Tháo. Nó hiểu thời cuộc... A... Nó hiểu những cơ hội ít ỏi của mình. Nó sục sạo, tìm kiếm. Nó phản bội trái tim tôi. Nó giết chết những khát vọng mong muốn cao thượng tử tế trong tôi để duy trì cuộc sống chính nó, trong xác thân phàm tục này. Tôi đã nhiều lần bắt gặp nó trong tiềm thức mơ hồ của tôi. Khi tôi phải che mặt, phải ê chề, khi tôi chạy trốn, nhục nhã, tủi hổ... nó ngồi trong góc tâm hồn và khe khẽ hát bài ca của mình, lạnh lùng, giễu cợt... nó nhổ toẹt vào trật tự — đã đành rồi — thậm chí tình yêu, đạo đức, tình bạn, sự tín nghĩa, lòng trung thực, cả tôn giáo nữa. Nó biết tất cả điều ấy chỉ là ước lệ, không chính xác bao nhiêu, độ bền vững thấp, do ai đó đặt ra trong những tình thế bắt buộc, khi không hiểu gì lắm về đời. Kẻ đặt ra nó sẽ rối trí, sẽ xấu hổ khi y chán đời, khi y thất bại, nghĩa là khi ấy y đã không còn nhiều cơ hội nữa trong đời. Chúa Trời mà con quỷ dữ dè chừng, sợ hãi chính là Thần Chết cứ không phải Thượng Đế. Tôi biết chắc chắn là thế. Tôi biết chắc chắn thế...

Tôi đi... Hôm qua mưa. Hôm nay nắng đẹp. Ngày mai nắng. Tôi là Chương. Tôi đi... tôi muốn văng tục! Tôi đi, tôi đang đi... Tôi muốn văng tục!

Cách đây không lâu, tôi đến làm thuê cho một gia đình người ở thành phố. Chủ nhà là một người giàu. Ngôi biệt thự đã xây xong, bây giờ xây thêm một bức tường chắn bên ngoài. Tôi đến nhận việc cùng với năm người khác nữa, trong đó có một cô gái tên là Mây, người Mường Hòa Bình.

Làm được ba ngày, đến buổi trưa thì Mây đến gần bảo tôi: "Anh Chương này, bà chủ bảo tôi mời anh lên nhà."

Tôi bước vào phòng khách. Căn phòng rộng, trải thảm, đồ đạc cầu kỳ. Trên tường treo bức tranh thảm dệt hai con ngựa đang âu yếm nhau. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường sốt ruột và mờ ám. Tôi nghĩ... Nếu là nơi ở của tôi thì sẽ làm cửa ra vào nhỏ và cửa sổ rộng, không trang trí gì và ngoài kia là bãi cỏ xanh với cánh rừng.

Tôi chờ một lúc lâu thì có tiếng gọi mời tôi lên gác. Cô chủ trạc 32 tuổi, xinh đẹp, nằm ở trên giường.

Cô chủ bảo tôi: "Anh vào đây..." Tôi bước vào phòng. Cô chủ bảo tôi: "Anh ngồi xuống đi... Tôi tên là Phượng. Còn anh, anh tên là gì?" Tôi bảo: "Tôi là Chương, con ông Hùng." Cô Phượng cười: "Anh ngồi xuống đi. Tên anh không có ý nghĩa gì với tôi. Anh hãy nhìn xem Tôi có đẹp không?" Tôi bảo: "Đẹp." Cô Phượng cười: "Anh vội vàng quá. Anh chưa biết thế nào là đẹp hay xấu nơi người đàn bà. Anh thấy tôi giàu, anh tưởng tôi đẹp. Anh thấy tôi học thức, anh tưởng tôi đẹp. Không phải thế! Nếu tôi đẹp, tôi phải nhìn thấy trong ánh mắt anh dứt khoát có những khao khát dục vọng." Tôi cười buồn bã, không biết trả lời ra sao. Cô Phượng bảo: "Anh là người làm thuê, là dân đen. Phải không nào?" Tôi bảo: "Phải." Cô Phượng bảo: "Như thế nghĩa là anh không có gì cả. Anh là kẻ yếu!" Tôi bảo: "Xin cô đừng sỉ nhục tôi." Cô Phượng bảo: "Tôi không sỉ nhục anh. Tôi chỉ nói ra một sự thật. Anh không có của cải, không có sở hữu cá nhân, anh không có quyền sĩ diện, không nên tự ái, không nên phản kháng."

Tôi im lặng, tôi không hiểu lắm về những người giàu tiền và có học thức. Tôi thấy họ bí hiểm, họ giỏi giang, họ nguy hiểm. Thế thôi! Cô chủ của tôi muốn sức lao động của tôi? Muốn gì? Muốn tâm hồn tôi? Mãi đến sau này tôi mới biết rằng trong tôi cũng có đôi điều giá trị và cũng không ít rác rưởi thối tha. Tôi phải trả giá cho bài học ấy của mình. Nhưng đấy là về sau, về sau này...

Rồi cô Phượng và tôi cũng hiểu ý nhau. Tôi lên giường nằm. Cô Phượng bảo: "Anh hấp tấp và vội vàng! Chẳng qua anh là một con thú yếu. Những con thú yếu hiểu tình yêu như công việc, như đi cày. Thái độ của họ đối với cuộc sống cũng đều như vậy. Hoàn toàn không phải thế! Cuộc sống là một quá trình suy đồi, là một quá trình hưởng thụ. Có thế thôi!" Tôi gầm gừ như sư tử. Cô Phượng bảo: "Anh im đi... đừng có gầm gừ. Sư tử cũng chỉ là một con thú đáng thương, nó sợ những con sư tử khác... Anh yên tâm đi, bố chồng tôi chết rồi, chồng tôi không có ở nhà!" Tôi cười như mếu. Tôi tiếc là mình ít học vấn quá, không tranh cãi được, không hiểu tý gì. Tôi không xúc động.

"Tất cả bí mật của vũ trụ, xã hội, công danh, tiền bạc, nghệ thuật..." - Cô Phượng bảo tôi "là ở chuyện này. Ám ảnh cao nhất, rộng lớn nhất - trên cao và rộng lớn hơn các ám ảnh khác, kể cả tôn giáo, chính trị - là tình dục. Bọn đàn ông các anh loanh quanh vì các anh sợ hãi. Các anh không dám đam mê. Trật tự phụ quyền được đặt ra là một thứ trật tự tục tĩu, ở đấy đầy rẫy bạo lực, dối trá, chủ yếu không phải phục vụ con người mà là dùng để ngăn chặn thú tính trong bọn đàn

ông với nhau. Anh có hiểu không?" Tôi bảo: "Không." Tôi nói: "Có thể bởi tôi một mình." Cô Phượng bảo: "Anh bỉ ổi. Anh biết rõ dù anh một mình... vì bố anh biết rõ. Anh bỉ ổi hệt như bố anh, như ông Hùng. Rồi ông Hùng cũng bỉ ổi hệt như ông Gấu, ông Sói, ông Dê, ông Lợn tằng tổ ông ta. Anh đừng giả vờ, anh hiểu thứ trật tự ấy từ trong huyết thống. Giấu giếm trong anh là một thứ quyền lực phụ quyền phản dân chủ. Anh bỉ ổi hệt như 30 triệu tên đàn ông cùng thời với anh. Anh mặc quần vào rồi cút đi."

Tôi xấu hổ bỏ ra ngoài. Tôi không thích lắm việc này. Tôi về chỗ ở của tôi trong khu nhà tạm góc vườn. Tôi ngủ. Trong mơ tôi thấy tôi đi lạc vào một lòng suối khô cạn. Tôi đi ngược lên mãi. Hai bên đường đi là vách đá dựng đứng như đường lên trời. Tôi mơ thấy con gái thủy thần. Nàng hiện ra trong ánh sáng mờ mờ huyền ảo. Nàng không hùng biện. Nàng chỉ buồn rầu. Nàng bảo: "Này Chương, không phải đường đi ra biển..."

Tôi ở nhà cô Phượng mấy tháng ròng. Chồng cô Phượng vắng nhà, đang ở nước ngoài, mấy đứa con đi học suốt ngày. Cô Phượng có cách nghĩ về tình yêu khá lạ lùng: "Tôi thưởng thức anh, tôi nhấm anh" - cô Phượng bảo tôi "như thể người ta nhấm một món ăn. Tôi và ba mươi triệu người phụ nữ đang rên xiết... Tôi là nhà cách mạng nữ quyền..."

Cô Phượng bảo tôi: "Đàn ông các anh tùy tiện đặt ra luật pháp. Cả chồng tôi nữa. Họ có bà Cả, bà hai. Họ hưởng lạc giấu giếm... Anh là *ông Hai* của tôi, anh có thích không?" Tôi bảo: "Cũng thích." Cô Phượng bảo: "Tôi thích bản chất hồn nhiên man rợ của anh. Nó vô học, vô đạo nhưng lành mạnh."

Cô Phượng giới thiệu tôi cho các bạn gái của cô. Họ đều xinh đẹp, sồn sồn, có học thức, giàu có. Những điều họ nói trong phòng ngủ khác hẳn những điều tôi vẫn được nghe khi tôi còn ở quê nhà, khi tôi đi học hoặc kiếm sống ngoài đời. Tôi lờ mờ hiểu ra trên đời có rất nhiều thứ láo khoét được trang sức rực rỡ bề ngoài.

Cô Phượng bảo tôi: "Khi ngủ với anh, những người phụ nữ khác có kêu lên không?" Tôi bảo: "Có đôi người." Cô Phượng cười: "Những tiếng kêu ấy chính là ngôn ngữ nguyên thủy, tinh khiết. Nó trong sáng hơn mọi thứ tiếng ru, thơ phú và nhã nhạc. Tôi luôn cảm thấy những tiếng kêu ấy tựa như tiếng kêu của người tiền sử ở trong hang động..." Tôi ngẫm nghĩ, tôi thấy có lý nhưng tôi không kêu.

Tôi kể cho cô Phượng và những người bạn gái của cô nghe về quang cảnh làng tôi bên sông. Nhà tôi nghèo, trông ra làng nước cũng nghèo. Mùa lũ về, tôi hay bơi ra bãi Nổi trên sông vớt củi. Dòng sông

đỏ quạch phù sa. Những cành củi mục trôi phăng phăng. Những xoáy nước hút chóng mặt. Những con cung quăng chạy nhảy điên cuồng, vô số xác những đàn phù du, xác những đàn vờ chết rất thản nhiên, trắng xóa trên bờ. Chúng không băn khoăn gì về đạo đức. Chúng không hùng biện.

Cô Phượng hỏi: "Anh thích thế à?" Tôi bảo: "Cũng thích." Cô Phượng bảo: "Tôi thấy không ý nghĩa gì. Anh phải biết rằng cuộc sống rất là rộng lớn."

Tôi không trả lời. Tôi thấy cuộc sống của tôi và những người dân quê tôi đơn giản bình thường, không phải đặt ra quá nhiều câu hỏi. Chúng tôi sống, lớn lên, hàng trăm hàng vạn thế hệ nối tiếp, quanh quẩn chuyện làm ăn, gia đình, tôn giáo, nhà cửa, dục vọng... Chúng tôi cần gì nhiều tiền, nhiều nhà, nhiều đạo đức, nhiều anh hùng? Thoắt buổi sáng, đã trưa, đã chiều. Thoắt mùa xuân, đã thu, đã đông... Chỉ có nỗi buồn là vĩnh cửu.

Tôi bảo: "Chỉ có nỗi buồn là vĩnh cửu." Cô Phượng bảo: "Có thể... nhưng anh đừng khẳng định..." Tôi hình dung ra xác những con phù du, những con vờ bị sóng đánh tạt vào bờ. Tôi chợt nhận ra con người phải lùi rất xa mới gạn lọc được đôi chút dấu vết giá trị văn minh, giống như hôm nay ta xúc động bởi một câu Kiều, bởi một pho tượng Chàm, bởi một dấu vân tay trên bình gốm cổ... Hàng tỉ những con phù du, những con vờ chết đi không để lại một dấu vết gì.

"Cảm giác thôi" - cô Phượng bảo tôi "đàn bà chúng tôi chỉ tin ở cảm giác, mà cảm giác nghĩa là nhầm lẫn và tạm bợ. Anh vào ngôi nhà này, anh có cảm giác nó giàu, nó hạnh phúc. Năm mươi năm nữa người ta sẽ đập nó đi. Nó không phải văn hóa! Tôi không biết cách truyền cảm giác vào lịch sử, còn nếu biết cách thì tôi sẽ làm cho nó lúc nào cũng đê mê, ít nhất như vậy nó sẽ đỡ tàn bạo và dung tục hơn như thực tế."

Tôi có rất ít thì giờ để nghĩ ngợi những điều khó hiểu như thế. So với mọi người thì tôi chẳng có gì cả. Tôi không có tiền bạc, công danh, không có gia đình để yêu thương lo nghĩ, không có bạn bè... Ngay cả giấy tờ tùy thân cũng không có nốt. Tôi là con số không. Tôi vui một mình, buồn bã một mình, mơ mộng một mình... Tôi chỉ có con gái thủy thần chờ đợi...

"Thế là anh sướng" - cô Phượng bảo tôi "khi người ta sở hữu gượng ép, người ta sẽ bị trói buộc. Đấy là thứ gông cùm vô hình, mặt đất hóa thành địa ngục. Tôi đang sống trong địa ngục, đấy là văn hóa, pháp luật, gia đình, trường học. Còn anh, chính anh đang ở thiên đường."

Tôi cười thầm... Tôi nhớ lại những gì mình đã trải qua trong đời.

Đám trẻ trần truồng ngồi ở bên sông, nấp trong rặng mía. Chúng tôi nói chuyện cao siêu về người Nga, người Mỹ làm bom nguyên tử, chuyện bà Mạnh Tử dạy con, chuyện người ta câu được một con cá voi nhưng khi lôi được vào bờ chỉ còn có mỗi bộ xương... Thế đấy, những chuyện trẻ con, những chuyện động trời...

Cô Phượng bảo tôi: "Này Chương! Anh đang nghĩ gì?" Tôi bảo: "Trên nền nhà gạch đá hoa thì rất khó đi..." Cô Phượng bảo: "Chồng tôi cũng nói như thế. Anh ta trách tôi *không biết đi lại trong nhà, không có cử chỉ linh hoạt và chỉ biết đi từng bước một như đếm...*"

Cô Phượng nói năng như trên sân khấu. Tôi nhớ chiếc chòi canh mía khi tôi còn làm bảo vệ ở quê. Đêm trăng suông, tôi ngồi chống cằm, mắt nhìn lên những ngôi sao xa xăm. Một ánh mắt vô hình từ trong khoảng không sâu thẳm ở giữa bầu trời bao la đang dõi theo tôi. Tôi biết chắc chắn có ánh mắt ấy. Điều ấy khiến tôi xúc động. Sau này tôi gán cho nàng, cho Mẹ Cả, cho con gái thủy thần, cho người đàn bà vẫn chờ đợi tôi ở nơi xa xăm, mãi tận bên kia một nửa địa cầu. Tôi biết, nàng vẫn hy vọng ở đấy chính là chỗ dựa cuối cùng cho sự cô đơn hoang vắng ở trong lòng tôi. Tôi đã sống qua rất nhiều lẽ thường: những lần đánh nhau với bọn phàm phu, làm việc không công cho người nghèo khó, nhả nhớt cợt đùa với lũ du côn. Ánh mắt vô hình vẫn dõi theo tôi hoài hoài. Nàng vẫn thủ thỉ trong đêm. Nàng nói: "Này Chương, vẫn không phải đường ra biển."

Cô Phượng bảo tôi: "Có lẽ ở thế hệ trước cha anh tôi cũng giống như anh bây giờ. Họ mang lại đủ thứ cho chúng tôi, trước hết là vật chất, trừ mỗi một thứ là văn hóa sống." Tôi hỏi: "Văn hóa sống là gì?" Cô Phượng nói: "Tôi cũng nghĩ rất nhiều nhưng kết luận có lẽ chỉ một chữ thôi: *sướng!*"

Tôi nằm im. Tôi không hiểu rõ những điều mà cô Phượng nói. Điều gì làm cho người ta khao khát ham sống? Tôi hỏi cô Phượng điều này. Cô Phượng trả lời: "*Ăn ngon, lời tâng bốc* và *sex*. Anh xem có thêm gì nữa thì tùy."

Những ngày ở nhà cô Phượng khiến tôi suy sụp. Tôi kiệt sức. Tôi phải tiếp từ một đến ba quý bà, quý cô một ngày. Tôi hoa mắt, chóng mặt. Ngày xưa tôi đi đào đất cũng không vất vả thế này. Điều kinh khủng nhất là những chuyện mà những người đàn bà ấy rót vào tâm hồn tôi. Tất cả đều là mật đắng. Tại sao cuộc sống lại nhiều xích xiềng, gông cùm như thế?

Khi chồng cô Phượng về nhà được mấy hôm thì lập tức tôi bị đuổi việc. Tối hôm đó, tôi nằm trong xó ở khu nhà tạm. Thân thể tôi đau nhừ, lưng đau tưởng như gãy gập, cổ họng khát khô. Nửa đêm, có

tiếng kẹt cửa rồi Mây mang vào cho tôi một bát cháo nóng.

Mây hỏi tôi: "Anh Chương! Anh bị sốt à?" Tôi bảo: "Không." Mây bảo: "Anh Chương này, tối nay tôi phải lên hầu ông chủ. Tôi không thể từ chối vì món tiền ông ta cho tôi lớn quá... Tôi không muốn dành sự trong trắng của tôi cho người khác... Tôi muốn anh... Anh giúp tôi đi..." Mây đưa tay cởi cúc áo ngực của tôi. Trong bóng tối mờ mờ. Mây quay người lại, tôi thoảng thấy tấm lưng trần quẫy ở trước mặt, ánh sáng trắng bên ngoài chiếu vào trông thật kinh dị nhưng đẹp lắm. Tôi chợt nhớ đến Mẹ Cả, đến con gái thủy thần. Lòng tôi như nhói lên cảm giác đau đớn xót xa.

Mây kêu lên những tiếng khe khẽ. Tôi nghe như có tiếng khóc từ nơi xa xăm vọng lại, như từ nơi hoang mạc đưa tới. Nước mắt của tôi và Mây hòa quện vào nhau, ướt đầm trên hai khuôn mặt.

Mây giằng ra khỏi tôi thất vọng: "Này Chương! Anh bất lực à?" Tôi úp mặt khóc thầm, xấu hổ ê chề. Mây đứng dậy bảo tôi: "Em hiểu... cái số của em nó thế... Anh đừng buồn, đừng khóc nữa... Những người ở trên nhà kia họ được tất cả... Anh Chương, xin anh nương nhẹ thân mình, dẫu chỉ để cho em đỡ khổ..."

Mây luồn chạy ra ngoài sân. Tôi thấy mái nhà sập xuống đầu tôi, bầu trời sập xuống đầu tôi. Tất cả là đổ vỡ và tan nát.

Sớm hôm sau, tôi bỏ đi rời khỏi thành phố. Tôi không có ai để chào từ biệt.

Tôi cứ đi, đi mãi... Trước mặt tôi là dòng sông thao thiết. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Tôi chưa biết biển... Mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Chỉ vài năm nữa đến năm 2000.

Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng ở chỗ nào? Vì cái gì? Bởi cái gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

NGUYỄN HUY THIỆP
Hà Nội, tháng 4/1998

NGUYỄN HƯƠNG

Bãi đất của Phan Chánh Tâm Lisa



Tôi ở đất nhà cô Phan chánh Tâm Lisa. Cô hay ra thăm tôi lúc người ta ngủ trưa. Tôi hay đòi: Cô kể chuyện nghe cô Phan chánh Tâm Lisa.

Tôi ở Bãi Hoang. Tôi ở đồng không mông quạnh.

Bữa nào cô không ra, trưa trưa tới chập tối, tôi ngồi chồm hổm giữa Bãi Hoang. Tôi ngóng xuyên qua Bãi Rẫy có hàng dương chắn gió. Đất lài xuống tới ngoài kia. Ngoài Bãi Nghênh Phong.

Mắt tôi không thấy được chiều sâu. Thành biển cứ chồm tới, khi xanh khi xám. Nhìn từ chỗ tôi ngồi, Bãi Hoang, Bãi Rẫy, Bãi Nghênh Phong chồng lên nhau, như hình chụp.

BÃI NGHÊNH PHONG

Nằm áp tai xuống đất, tôi nghe tiếng biển xô tới, trôi ra. Cứ đều đều trong lòng. Chồm tới, dạt ra. Cô Phan chánh Tâm Lisa tới nãy giờ. Cô ngồi trên khúc cây mục, mười ngón chân chấm đất. Tám móng chân cô sơn tím. Hai móng út nhỏ xíu như mài ốc, không sơn.

Cô Phan chánh Tâm Lisa nói bãi đất mênh mông của nhà cô đã ba đời. Nhà cô ba đời bán thuốc tây. Hiệu Catinat. Hiệu Việt Sáng. Và

Nhà Thuốc Gác. Nhà giàu là nhờ bà nội cô đầu tiên mở tiệm Catinat ở phố Chợ Cũ.

Bãi đất nhà cô mênh mông.

Cô Phan chánh Tâm Lisa đứng dậy, hai ngón móng mài ốc vảnh lên, không chấm đất. Cô ra biển. Tôi chồm dậy theo sau.

Gió thổi tiếng cô Phan chánh Tâm Lisa dạt về phía sau, đứt quảng. Cô nói: Nội nay bảy...lăm. Hồi trẻ uống rượu tây. Bây giờ bả uống rượu ta. Rượu nếp than... Say, bả ngâm nga: Paul-Michel Bernard/ Tàu Catinat thuốc Catinat/Hảo em chờ....

Phan chánh Tâm Lisa cười ngất: Paul-Michel/Paul-Michel Bernard. Gió ù tai.

Bãi Nghênh Phong trắng xóa. Tôi đưa tay che nắng. Tôi đói bụng. Tôi ngồi bệt xuống cát. Nóng cháy đít. Phan chánh Tâm Lisa quay lại nhìn tôi. Cô cúi xuống. Tóc cô lọn dài gió tốc lên uốn éo như bầy rắn. Cô nhe răng sát mặt tôi: Ngồi đây. Phan chánh Tâm Lisa ngồi phía trước tôi vài bước. Chúng tôi nheo mắt dòm xuống biển.

Trời mênh mông, xanh lơ.

Áo Phan chánh Tâm Lisa đỏ chóe. Cô nói lớn:

Paul-Michel để râu bó hàm, tóc chải ngược, mắt nhìn thẳng vào máy hình.

Paul-Michel vẽ bản đồ cho Hội Địa Dư Thương Mãi. Paul-Michel đo ghi tỉ mỉ sông ngòi, kinh lạch, ruộng nương, cao độ, cấu chất của đất, và sự liên đới giữa đất với người. Paul- Michel đi khắp nơi, bằng tàu. Những chiếc tàu châu Âu háo hức đánh hơi đất lạ mãi từ thế kỷ mười lăm, kẻ lằn vĩ tuyến và qui định kinh tuyến từ thế kỷ mười bảy. Những nhà địa dư châu Âu nhốt trọn trái đất trong tầm nhìn của họ. Paul-Michel đã chuẩn bị cho chuyến hải hành của mình từ năm thế kỷ.

Phan thị Phụng Hảo thì lại không đợi Paul-Michel từ năm trăm năm. Nội vẫn khăng khăng mối tình của bà năm mươi chín tuổi là một cuộc phục kích không sòng phẳng.

Mà Nội vẫn uống rượu nếp than, ngâm nga Paul-Michel Bernard/Paul-Michel Catinat với năm trăm năm hải lý. Tất cả mọi tàu chiến đều mang tên Catinat. Phan thị Phụng Hảo sanh năm 1900. Đời Doumer. Chiếc Catinat đã bắn vào cửa biển Đà Nẳng từ năm 1856.

Paul-Michel đi Cochin bên Ấn. Paul Michel đi tô giới bên Tàu. Paul-Michel đến Cochinchine. Cochinchine nhiệt đới, giống Vịnh Cochin. Người Cochinchine giống người Tàu. Cochinchine nằm giữa Ấn và Hoa.

Nhưng Phan thị Phụng Hảo thì bán tín bán nghi. Hảo không nhận ra địa danh mình ở trong tầm nhìn thế giới: địa dư, khí hậu, nhân

chủng, hải hành, hàng hóa. Hảo thấy lạ lẫm đất đai, lạ lẫm chính mình: Hảo trong tầm với của Paul-Michel, Hảo trên đất của Paul-Michel, Hảo trong thế giới của Paul-Michel.

Thế giới của Paul-Michel đầy khám phá.

Thế giới của Paul-Michel mênh mông.

Chúng tôi dương mắt dòm xuống biển.

Bà già ra biển lúc trời còn nắng. Chúng tôi nghe tiếng lè nhè, ngâm nga. Bà mặc áo đầm trắng, tóc thắt hai bính, chân bước xiêu. Tôi cười ré. Phan chánh Tâm Lisa quay lại trừng mắt. Tôi im. Cô nói: Mùi rượu nếp than.

Bà chạy phăng xuống bãi.

Phan chánh Tâm Lisa nói:

Phan Thị Phụng Hảo chạy băng qua cánh đồng ễnh ương. Cha Hảo hét: Làm hổ cha, đồ con bất hiếu. Tiếng cha Hảo át tiếng ễnh ương. Hảo chạy. Chó sủa theo bén gót. Bầy chó của cha Hảo nuôi giữ ruộng. Bầy chó đã lạ hơi Hảo. Lúa đang lúc trổ đòng đòng. Lá lúa cuốn chân Hảo. Hảo té. Lá lúa cắt mặt Hảo.

Hảo chạy giữa Cochinchine, giữa địa danh trên bản đồ của Paul-Michel. Hảo chạy giữa thế giới đã thuộc về Paul-Michel.

Paul-Michel mắt xanh lơ. Paul-Michel nhìn từng đường xước quanh cổ chân Hảo, trên mặt Hảo. Mỗi sáng, Paul-Michel thoa thuốc tây cho Hảo. Paul-Michel di di ngón tay dọc theo những vết đứt trên da Hảo. Thuốc tây mát lạnh. Mỗi tối, Paul-Michel đè Hảo xuống liếm sạch thuốc trên vết xước, rát bỏng. Hảo vùng vẫy. Paul-Michel áp tai trên bụng Hảo, tả cho Hảo nghe đường xước xuôi nhau và những đường chồng chéo. Paul-Michel thuộc nằm lòng. Hảo lơ mơ ngủ thấy kinh lạch xuôi nhau và chồng chéo trên bản đồ của Paul-Michel treo đầu giường. Dưới thánh giá.

Có khi nửa đêm Paul-Michel vùng dậy dò tìm từng đường xước trên người Hảo. Dưới trăng.

Có khi Hảo vùng mở mắt lúc Paul-Michel đang kể lể. Hảo muốn thấy Paul-Michel. Mà mắt Paul-Michel lại trong suốt, xanh lơ. Hảo nhại giọng Paul-Michel từ đó. Hảo nói bằng âm điệu của ngôn ngữ Paul-Michel. Hảo nói như hát. Say sưa. Hảo nói như hét. Tiếng Hảo át tiếng ếch nhái ngoài đồng. Những cánh đồng ngược xuôi kinh lạch. Hảo nghe Paul-Michel rùng mình trên bụng Hảo. Hảo bắt đầu thấy những tia mỏng màu vàng cam run rẩy dưới đáy mắt xanh lơ của Paul-Michel.

Nắng vàng cam chênh chếch. Bà già rướn người nhấp nhô trên

cọc neo thuyền. Nước lấp sấp. Tôi cười. Gió chiều thổi đều đều. Cô Phan chánh Tâm Lisa nói nhỏ: Nội ngóng chiếc Catinat. Tôi cười. Cô cao giọng: Nội hóng gió.

Một năm sau Hảo sanh con. Năm Canh Thân, 1920. Paul-Michel đặt tên con là Henri Bernard. Henri chưa dứt sữa là Hảo bỏ đi học thuốc. Hảo đi trên tàu Catinat. Mọi chiếc tàu vượt biển đều mang tên Catinat.

Biển mênh mông. Xanh lơ. Từ trên boong tàu, Hảo đã bắt đầu nhìn thấy thế giới của Paul-Michel. Hảo thấy những đường kinh tuyến và vĩ tuyến. Song song và cắt nhau. Trên biển, trên ruộng, trên đất, trên sông ngòi kinh lạch. Hảo bỏ lại đất, bỏ sông ngòi kinh lạch. Hảo bỏ Cochinchine. Gần mười năm Hảo nhại giọng Paul-Michel đi học biến chế thuốc tây. Hiệu thuốc Catinat Hảo về mở ở Chợ Cũ bày bán nhiều loại pommade, mát lạnh. Cách dùng: thoa ngày hai lần tối sáng vào vết xước trên da.

BÃI RẪY

Phan chánh Tâm Lisa quẹt lửa. Cô xách đèn đi vụt về hướng rẫy. Tôi cắm đầu chạy theo ánh đèn măng-xông. Qua khỏi hàng dương chắn gió. Tiếng sóng chồm tới sau lưng. Tôi chạy nhanh hơn, đâm đầu vào lưng áo cô đỏ thẫm trong đêm. Phan chánh Tâm Lisa quay lại tôi. Cô nhăn mặt: Suỵt, coi kìa.

Tôi đứng im. Bắp phủ vây. Gió rào rào trên ngọn bắp. Gió như sóng chạy trên đầu. Phan chánh Tâm Lisa rít nhỏ: Người ta đi bắt trộm.

Từ phía đông, ánh đuốc đổ ụp về phía tây. Tiếng lửa lách tách, chạy dồn về phía chúng tôi. Tôi khom mình níu lấy áo cô Phan chánh Tâm Lisa. Giọng Tám Thức sang sảng:

"Đúng là con mẹ điên. Tao vả cho rớt răng, hết ăn bắp trộm."

Tôi liếm chỗ nứu trống. Bọn con trai Tám Thức cười húc vào nhau. Bóng đuốc nghiêng ngửa, lập lòe.

"Trói nó lại đêm nay."

Tôi cười, liếm chỗ nứu trống. Bọn con trai Tám Thức tru lên, húc vào nhau.

Phan chánh Tâm Lisa đứng im.

Bọn con trai Tám Thức nhìn cô chòng chọc. Bóng đuốc nghiêng ngửa, lập lòe trên mặt mũi. Hình như tụi nó có cười.

"Cháu đi về. Lần này Chú để trộm chạy mất rồi."

Tôi níu áo cô, chạy theo lúp xúp. Không có tiếng ai cười. Lửa nhỏ đi, lách tách. Tôi ngoái lại lúc bọn con trai Tám Thức đang nhìn riết theo Phan chánh Tâm Lisa.

Tôi nghe tiếng lục xục cuối rẫy. Bọn con trai Tám Thức rần rần ôm đuốc đổ dồn về đó. Tôi dợm chạy theo coi. Cô Phan chánh Tâm Lisa kéo tay tôi lại: Chú Thức vẫn đi bắt người như vậy, ba mươi năm nay.

Tôi nghe tiếng chân, tiếng la, tiếng vật nhau, tiếng bắp gãy. Ánh đuốc giạt ra thành vòng tròn. Giọng Tám Thức sang sảng: Bữa nay mới bắt được mày, thằng gian.

Phan chánh Tâm Lisa vẫn cầm chiếc đèn măng-xông. Cô nói bên tai tôi:

Đêm đó Chú Thức quát lên sang sảng: Bữa nay mới bắt được mày, thằng Việt Gian. Đèn măng-xông sáng rỡ, khoanh vùng tòa án. Chỗ cuối rẫy, giáp bãi cát. Hắn nằm nghiêng trên cát, trói gô. Mọi người im lặng, chờ đợi. Trời hôm gió như bây giờ. Gió hơn bây giờ. Gió không bị cản. Năm 1946 chưa có hàng dương. Gió thổi bạt tiếng chú Thức, đứt quãng: Tên Khang đi bán hàng hóa địch... vùng sâu. Hắn thừa dịp dọ thám... chỉ điểm. Hợp tác kinh tế địch. Hắn điềm chỉ San cho an ninh Tây ám sát.

Buổi sáng có máu lốm đốm trên cát. Chỗ cát trắng.

Tôi kéo tay Phan chánh Tâm đi về phía ánh đuốc. Cô trì hoãn:

Tám Thức là tên hiệu. Chú Thức thua cha 5 tuổi. Mờ sáng Chú Thức lẻn về nhà bằng cửa sau. Bầy chó bẹc-giê rên ư ử. Cha bảo: "Mày đi đi. Toại ý mày rồi." Chú Thức kêu: "Anh Hai. Anh theo phe nào? Kháng chiến nhất định thắng." Cha lầm bầm: "Chớ để tao thấy mày lảng vảng gần Vinh."

Tôi kéo Phan chánh Tâm Lisa chạy tới. Hắn nằm trói gô trên cát. Bọn con trai Tám Thức im lặng, chờ đợi. Gió chạy rào rào như sóng trên đầu. Tám Thức cất giọng sang sảng: Tên này...

Phan chánh Tâm Lisa xô tới:

"Chú thả hắn ra. Hắn..."

Tôi hét:

"Khang."

Tám Thức rùng mình:

"Vinh, không phải. Thằng ăn trộm thôi mà."

Tôi hét:

"Khang. Khang."

Tám Thức đá vô lưng hắn. Lưng của Khang. Tôi vẫn luồn tay vào

lưng Khang, rít mồ hôi. Trên bãi cát. Phải rồi. Tôi trông thấy bãi cát. Sâu thẳm vào đêm. Tôi trông thấy biển tuốt ra xa. Không như hình chụp.

Phan chánh Tâm Lisa nói nhỏ:

"Lần trước, Chú có đá vô lưng hắn không? Còn cha cháu, người ta có đá vô lưng cha không?"

Tám Thức trừng mắt nhìn Phan chánh Tâm Lisa:

"Cha mày?"

"Phan quốc Hưng."

"Henri Bernard," Tám Thức ngẩng mặt nhìn hàng dương rồi bỏ đi. Bầy con trai im lặng theo sau, mang theo ánh đuốc.

Tôi ngâm nga: Henri Bernard. Bóng đèn măng xông lập lòe. Phan chánh Tâm Lisa quì trên cát cởi trói cho thằng trộm bắp. Cô đưa tay chưa đụng lưng là hắn đã chồm dậy lủi mất. Tiếng hắn cười rút lên, dội lại. Bắp tứ phía. Tôi ngâm nga: Henri Bernard/Ăn trái cà na/Ngồi ị không ra/Henri Bernard.

Phan chánh Tâm Lisa cười: Henri Bernard là ai có biết không? Tôi lắc đầu. Gió rù rì trong hàng dương.

Phan thị Phụng Hảo bỏ đi rồi Henri bú Vú. Paul-Michel bắt bà để chén nước chín, rửa sạch, lau khô đầu vú trước khi cho bú. Bên trái trước. Bên phải sau. Vú bắt võng sau hè, ôm Henri lắc lư lắc lư. Paul-Michel đóng đinh thời khóa biểu lên cột nhà:

7 giờ sáng bú cữ sáng. 8 giờ 30 đẩy xe Henri xuống biển trở về. 11 giờ trưa bú và ngủ. 3 giờ trưa dậy. 4 giờ bú cữ trưa và chơi. 6 giờ chiều tắm. 7 giờ tối bú cữ chót. 8 giờ tối vào ngủ.

Vú không biết chữ Tây. Vú không biết chữ Quốc Ngữ. Vú bắt võng sau hè, ôm Henri lắc lư lắc lư.

Từ 5 tuổi trở đi, Henri có thêm giờ học buổi sáng. Trưa về Vú cho ăn, lắc lư trên võng. Tóc Henri hung hung. Vú kể: Thằng Hung biết hông, đường nhà Vú ra đồng có cây da. Cô Chín nhà nợ nần mất ruộng, đi làm công, chửa hoang, thắt cổ năm Canh Thân. Mùa gặt, mùa cấy năm nào Vú về quê cũng thấy cổ. Cổ đứng dựa gốc da trông ra phía ruộng. Ruộng tá điền, mút mắt. Trăng mờ trăng tỏ cổ đứng dựa gốc da. Thằng Hung ăn ngoan ngủ giỏi mai Vú kể nữa con nghe. Ậu ơ, chiều chiều ra đứng ngõ sau/Trông vời quê mẹ ruột đau chín chiều. Ậu ơ.

Có lần năm Henri 10 tuổi, Vú hỏi: Thằng Hung của Vú học có giỏi hông? Henri nói: Con học vệ sinh, thể dục, làm toán, làm văn. Vú nói: Học giỏi đi, Vú kể chuyện con nghe. Cô Chín cây da, cổ bắt con

Liên của Vú. Con Liên 11 tuổi, đem cơm cho cha nó canh lúa ngoài đồng. Nó đi ngang cây da, về nóng đầu, nói mê hai ngày là đi. Con Liên của Vú. Ậu ơ. Thằng Hung của Vú. Tóc con Liên dài mướt, đen mun.

Tối đó Henri ra hè tìm Vú. Đêm tối đục. Vú nằm võng lắc lư. Henri nghe tiếng đong đưa kẽo kẹt. Henri nói khe khẽ: Ậu ơ, chín chiều. Vú quơ tay đuổi muỗi.

Henri quay đi khe khẽ. Ra khỏi nhà, Henri chạy băng xuống biển. Đường lót đá mát lạnh dưới chân. Mấy lùm cây bên đường sà xuống, giựt lùi. Qua gốc da, Henri thấy bé Liên đứng trông ra biển. Tóc bé Liên tỉa chơm chởm như tóc bà vãi. Bé Liên giựt lùi, nhòa vào đêm tối đục.

Henri thấy Paul-Michel đứng sững trên bãi cát, trông ra khơi. Sóng chồm tới, dạt ra. Paul-Michel đứng sững, tối đen, không đổ bóng. Trăng không đủ sáng. Khoảng lưng bất động. Trông giống như lúc Paul-Michel đứng nhìn ra cửa sổ lòa nắng, chờ Henri chép phạt 20 lần đoạn thơ Lamartine. Henri vừa chép vừa lẩm nhẩm Ậu ơ. Henri không biết viết Ậu ơ bằng Quốc Ngữ.

Sáng ra lúc Henri thức dậy là Paul-Michel đã đi mất. Paul-Michel đi Cochin? Paul-Michel đi Tàu? Paul-Michel đi khỏi Cochinchine. Cha không gặp lại Ông Nội lần nào.

Tôi đứng dang tay nhìn trời. Mưa phơn phớt trên ngọn bắp. Mưa bay nhảy quanh cây măng-xông. Cô Phan chánh Tâm Lisa ngồi bệt trên đất, nhìn đèn chăm chăm. Cô nói:

Phan thị Phụng Hảo trở về là Henri đã lên 12. Henri không biết mẹ. Henri chỉ biết Vú nằm võng, lắc lư gọi: Hung con à vô ăn cơm. Hai năm ở với Vú, từ cha đi tới mẹ về, Hung chạy khắp nơi, như lực sĩ việt dã. Hung chạy chân trần, đường trường.

Giữa đêm, Hung chạy trên đường lót đá, ra biển. Cây lá sà xuống, giựt lùi. Cây da giựt lùi. Bé Liên giựt lùi. Hung chạy qua bãi cát, xuống tận mé nước. Bãi cát không có Paul-Michel. Có đêm cát còn ấm nắng trưa. Nước mát lạnh. Hung bấu chân xuống cát. Biển chồm tới, dạt ra. Trăng đêm mờ đêm tỏ. Hung chạy đụng mé nước thì quay lại. Tiếng sóng đuổi theo. Hung chạy. Cây da chồm tới. Bé Liên chồm tới, tóc chơm chởm như bà vải.

Giữa trưa, Hung chạy vòng ra sau núi, băng ngang bãi đất hoang, qua ruộng rẫy. Hung nghe tiếng chân mình nện thình thịch trên đất. Gió ù tai Hung, mát rượi.

Phan thị Phụng Hảo trở về là bắp chân Hung đã chạy thuần, như ngựa Indochinois của Paul-Michel để lại. Hảo bán tàu ngựa, bán căn

nhà của Paul-Michel, mở tiệm thuốc Catinat. Hảo mua bãi đất mênh mông chạy từ khoảng đất hoang, qua khu ruộng rẫy, xuống tới bãi Nghênh Phong.

Hảo gặp Trần văn Dương. Dương chết vợ, có con trai 7 tuổi, tên Trần quốc Thức. Chưa đầy năm, Hảo lấy Trần văn Dương làm chồng. Đám cưới rền rang. Hôm đám cưới, cô dâu Phan thị Phụng Hảo dừng lại ngoài cửa bếp hỏi Vú: Thằng Henri đâu Vú? Vú nói Hung đi chạy bộ, chắc là vòng ra sau núi, ngang bãi đất, băng qua ruộng rẫy. Hảo nhấc áo cưới quay đi.

Mưa đọng giọt trên lá bắp. Phan chánh Tâm Lisa đưa tay vuốt nước mưa trên lá. Tôi đưa tay vuốt nước mưa trên mặt. Chúng tôi ngồi ăn bắp sống, nhìn lên hàng dương bên ngoài bìa rẫy, bên ngoài ánh đèn măng-xông. Chúng tôi tưởng tượng mưa phơn phớt, bay nhảy trên ngọn dương, trong tối.

Hôm đó đầu năm 1945, Hung với Thức chạy đua từ tiệm thuốc trên chợ xuống biển. Chiều chưa tắt nắng. Hung không nhìn cây hai bên đường. Hung nhìn xuống mặt đường lát đá còn ấm nắng trưa. Hung không nhìn cây da. Lúc Hung chạy đụng mé biển, Thức không có bên cạnh. Lúc Hung quay trở lại, Thức đang đứng dưới gốc da. Hung và Thức gặp Vinh chiều hôm đó. Vinh đứng dựa gốc da, tóc dài mướt, đen mun. Vinh lớn hơn Hung 1 tuổi, lớn hơn Thức 6 tuổi. Vinh đứng chờ Khang đi biển về.

Cuối năm 1945, Hung và Thức theo Kháng Chiến. Hung thành Phan quốc Hưng. Có đêm bị Tây lùng, Hưng chạy băng qua ruộng rẫy. Hưng nghe tiếng chân mình nện thình thịch trên đất. Gió ù tai Hưng, mát rượi. Hưng chạy suốt đêm, xa tuốt. Hưng chạy theo tiếng chân mình nện thình thịch trên đất. Hưng chạy theo tiếng gió ù ù bên tai. Hưng quên Paul-Michel, quên kẻ thù, quên Thức, quên đồng đội. Hưng chạy một mình.

Thức dọa đem Hưng ra kiểm thảo. Thức đã thành Tám Thức, nồng cốt trong tổ chức. Thức được giao nhiệm vụ mới. Thức chỉ về thành ban đêm. Có lần Thức về tiệm thuốc đã đổi sang tên Việt Sáng. Trần văn Dương đang ngủ. Thức hỏi: "Má Hảo, đợt này nhà mình đóng góp bao nhiêu?" Hảo quay vào buồng trong mở tủ sắt. Lúc trở ra, Hảo hỏi: "Thằng San có phải mày cắt cổ không?" Thức nói: "Đồ lai căng, phản quốc có dòng. Sớm muộn gì nó cũng trở mặt đi khai báo Phòng Nhì."

Đêm đó từ nhà, Thức đi xuống rẫy. Thức men theo mấy lùm cây.

Gió biển thổi phần phật. Gió càng lúc càng mạnh, thổi rạp từng luống bắp non như sóng. Lúc Vinh đứng sau lưng, Thức đang ngồi chồm hổm trên đất, nhìn ruộng bắp chạy khuất vào đêm. Mưa hột nhỏ, gió tạt vào mặt Thức. Mưa đọng giọt trên đọt bắp. Vinh gọi Thức. Thức ngửa cổ ra sau ngước nhìn. Gió lồng trong áo Vinh. Tóc Vinh gió thổi tung, uốn éo. Vinh nói nhanh: "Tôi đưa anh Khang, về ngang. Anh Khang đi xuồng qua cù lao bán vải."

Bóng Vinh đứng lừng lững, quay mặt ra biển. Thức nằm ngửa ra đất. Vinh nói: "Bão ngoài khơi bạt vô." Thức với nắm tay Vinh, kéo Vinh quì xuống bên cạnh. Thức kêu: "Mai mốt tôi đi làm rẫy." Thức xoa tay trên đất. "Tôi trồng cải. Tới mùa, cải nở bông. Bông cải màu vàng, lan ra, chạy hoài chạy hoài qua mấy ngọn đồi, sâu vào núi. Buổi sáng tôi thấy bãi rẫy đầy cải. Buổi tối tôi thấy bãi rẫy đầy cải." Vinh nói: "Liệu anh Khang có mắc bão?" Thức nói nhỏ: "Tôi trồng hàng dương chắn gió. Bão ngoài khơi không thổi vô rạp cải còn non." Vinh nhìn Thức. Vinh thấy cải của Thức chạy mãi ra xa, mút mắt. Vinh thấy hàng dương còn non, nghiêng ngửa trong gió.

Đêm hôm sau Vinh hỏi Thức ngoài rẫy: "Công việc của Thức là giết người, có phải không?" Thức đặt tay trái lên bụng Vinh. Thức nói: "Bọn Tây trông người mình, người Tàu cũng giống như nhau. Mà không phải." Thức rút tay về, chìa nắm tay lật ngửa ra trước mặt Vinh. Vinh hỏi "Khác làm sao?" Thức xòe tay. Nắm bông bưởi bung nở trong tay Thức, trắng mờ trong đêm. Lâu sau, Vinh nói: "Mai anh Khang về."

Mưa ào. Phan chánh Tâm Lisa kéo tôi chạy, bỏ lại cây măng-xông. Chúng tôi ngồi đục mưa trong chòi canh của Tám Thức, dòm ngọn măng-xông lập lòe giữa rẫy. Mưa tạt bốn bên. Mưa rào rào trên mái lá.

Vài tuần sau chuyến đi bán vải, Khang mất tích. Đêm hôm có người kêu cửa nhà Vinh, báo Khang bị đem ra tòa án nhân dân ngoài bìa rẫy. Lúc Vinh chạy ra tới nơi là Thức đang kể tội Khang. Giọng Thức vang vang. Vinh hét: Khang. Thức không quay lại. Giọng Thức sang sảng. Thức đá vào lưng Khang. Vinh hét: Khang, Khang. Có người tới kéo Vinh đi.

Lúc Vinh lầm lủi về ngang gốc da, gió đã ngừng thổi. Vinh đi chân trần xuống bãi, gỡ dây, nhảy lên chiếc thúng neo ngoài cầu đá. Vinh chống thúng ra xa. Biển lặng. Vinh thả thúng quay chầm chậm. Vinh co chân nằm ngửa, tay phải thả trên mặt nước sóng sánh. Trời mênh mông, tối đục. Vinh quay chầm chậm.

Đêm đó Hưng về thăm nhà. Hưng ngủ mơ thấy đang chạy bộ xuống biển. Hưng chạy đụng mé nước thì quay lại. Đêm lặng im. Cây

da chồm tới. Vinh chồm tới. Hưng tỉnh dậy nghe tiếng súng nổ từ xa, tận ngoài bìa rẫy. Hưng ra ngoài tháo dây thả bầy chó bẹc-giê. Chúng chạy hậm hực quanh sân. Hưng ngồi chờ Thức về.

Hôm sau, trước khi đi, Hưng dặn mẹ nhớ qua nhà Vinh phúng điếu Khang. Trần văn Dương nói: "Anh cứ đi, để Vinh tôi với mẹ anh lo." Sáng sớm Dương hé cửa phòng lúc Hảo đang thay đồ qua nhà Vinh. Dương hỏi: "Đi bây giờ?" Hảo nói không quay lại: "Ông đừng đi." Dương khép nhẹ cửa, bỏ ra ngoài.

Vinh không đặt mộ bia chỗ chôn xác Khang ngoài bìa rẫy. Hảo sang tên cho Vinh rẫy bắp.

Tháng sau Thức mò về. Thức biểu: Chị Vinh, để tôi giúp chị trồng cải. Vinh không nói gì, đi mướn người vỡ đất. Buổi chiều tháng Bảy, Thức đứng ở bìa rẫy. Gió lên. Thức đếm tám bước khoảng cách giữa những gốc dương sẽ trồng. Lính kín Tây ập tới. Thức chạy. Thức lủi vào bụi. Thức trườn trên sườn động cát. Thức vòng sau bờ đá, luồn xuống nước, lội về phía cù lao. Hai tên lính kín đuổi theo từ hai phía, khép lại như gọng kìm. Thức bơi sãi. Vòng tay Thức cong lên, hạ xuống. Thức không ngoái lại. Bắp chân Thức săn lại, duỗi ra. Nước nhấp nhô, ngập ngụa, vàng cam, sẫm đỏ. Thức vùng vẫy. Thức hét. Giọng Thức đứt quãng trong gió.

Lúc Hảo và Trần văn Dương đút tiền, gặp được Thức thì Thức đã bị nhốt hai ngày. Trần văn Dương không nhận ra Thức. Mặt Thức lạ hoắc. Hảo hỏi vài câu. Trần văn Dương im lặng ngồi ước lượng khoảng cách giữa đuôi mắt, cánh mũi, và khóe miệng bên trái của Thức. Dương so sánh với bên phải gương mặt Thức. Dương so sánh với gương mặt của Thức trong trí nhớ: Thức năm 7 tuổi, Thức năm 15, Thức năm 20. Dương không thấy sự liên tục với gương mặt Thức lúc đó. Lúc Hảo và Dương đứng dậy ra về, Thức cười. Một bên mặt Thức giựt lên, gẫy gập.

Ra ngoài, Hảo nói: "An ninh treo ngược nó, nện đầu gối vô mặt, bỏ khát hơn ngày nay." Về nhà, Hảo đi thẳng vô phòng Hưng. Hưng đang ngồi đứng dậy. Hảo đấm vào giữa mặt Hưng. Hưng bưng sóng mũi, máu rỉ một vệt mỏng xuống môi. Dương đứng sau lưng Hảo, nói nhỏ: "Dòng con lai nó vậy." Hảo quay lại nhìn Dương nói: "Tháng tới anh dọn ra căn phố ngoài Ngã Năm. Chi phí ăn ở tôi lo. Muốn làm gì thì làm. Đừng để tôi thấy mặt."

Phan chánh Tâm Lisa quay lại nhìn tôi hỏi: Nội đánh cha là Nội lầm, phải không?

Tôi thấy Khang. Tôi vẫn luồn tay vào lưng Khang, rít mồ hôi.

Trên bãi cát. Phải rồi. Tôi trông thấy bãi cát. Sâu thẳm vào đêm. Tôi thấy biển tuốt ra xa. Không như hình chụp.

Phan chánh Tâm Lisa nói:

Hôm chiều tháng Bảy, Vinh cho người đi báo với an ninh. Vinh núp sau lùm cây ngoài rẫy bắp. Vinh thấy Thức nhũi chạy. Vinh thấy Thức trườn trên đá, tuột xuống nước. Vinh leo lên động cát trông ra biển. Vinh thấy Thức bơi sãi. Nước vàng cam, ngập ngụa. Vinh thấy Thức vùng vẫy. Vinh về nhà thuốc tìm Hưng.

Hưng chạy bộ đường vòng Núi Nhỏ. Vinh đạp xe tìm. Vinh thấy lưng Hưng từ xa. Hưng đứng lại chờ. Chỗ Hưng đứng cạnh khoảng cỏ cao, khô úa. Đá tảng lởm chởm nhô lên giữa cỏ. Vinh dừng xe, đứng trước mặt Hưng. Vinh chỉ lên cành cây mọc cao giữa bãi cỏ. Nắng vàng cam chóa mắt. Hưng hỏi: "Vinh có ăn trái cà na không?" Cà-na trái vàng lợt, nhọn hai đầu. Hưng leo cây, rung cành, trái rớt xuống đầu Vinh, lẫn vào cỏ khô. Vinh lượm cà-na, tung từng bụm lên trời. Trái rớt xuống lộp độp như mưa đá. Mưa đá trên Cochinchine mấy chục năm mới có một lần. Có thể năm đó trời mưa đá. Một lần. Đá rớt xuống lộp độp trên bãi cỏ khô. Đá đổ hỗn độn, đầy trời. Nắng vàng chóa, tia ra, dội lại. Đầy trời.

Phan chánh Tâm Lisa không nói gì nữa. Lâu lắm. Mưa không ngớt. Gió nổi. Hàng dương nghiêng ngửa. Tôi hỏi:

"Rồi sao nữa?"

Cô hỏi:

"Có đáng kể không? Ai cũng biết kết cục hết rồi."

Tôi không thấy được chiều sâu. Hàng dương, bãi cát, lồng vào nhau như hình chụp. Đêm tối thui, đầy gió.

Phan chánh Tâm Lisa nói:

Thức bị tuyên án hai mươi năm khổ sai ngoài Côn Đảo. Thức ra trước án nhiều năm. Nhưng đêm hôm Thức bị tuyên án, có người tới nhà thuốc lôi Hưng ra bìa rẫy. Người ta trói thúc khủy tay Hưng. Người ta đá vô lưng Hưng. Hưng bò trên cát. Hưng chỗi dậy. Hưng chạy. Cong lưng. Thẳng lưng. Hưng chạy. Hưng chạy trên triền động cát, hun hút.

Dĩ nhiên Hảo bù lỗ vào chỗ mất mát nhân sự của tổ chức. Người ta để Hưng yên. Hưng về bán thuốc với mẹ. Hưng lấy Vinh.

1954 Thức về. Có thể tổ chức không tin Thức. Có thể họ gài Thức lại. Thức không nói gì, ngày này sang ngày khác. Hảo kêu Dương lo cưới vợ cho Thức.

Vinh nhường rẫy bắp lại cho Thức. Thức không trồng cải. Thức trồng bắp, trồng dưa, trồng rau dền, rau muống. Mấy năm liền, Thức

trồng hàng dương chắn gió. Thức mua từng cây một, trồng từng cây một, cách nhau cả tháng, cả năm. Cách nhau tám bước. Cây non nghiêng ngửa trong gió. Thức mỗi chiều ra hàng cây. Thức cột. Thức chống. Thức tưới. Nước rút xuống cát, mất tăm.

Vợ Thức nhà nghèo, về Bãi Rẫy tay không. Hoa lúc nào cũng chửa. Bụng chang bang gánh dưa ra chợ bán. Hoa đi trên triền động cát, hun hút.

Năm 1957, Vinh đẻ Phan chánh Tâm. Năm đó Thức trồng xong hàng dương. Hàng dương của Thức cao thấp không đều nhau. Ngọn dương chơm chởm.

BÃI HOANG

Cô Phan chánh Tâm Lisa vô bãi đất hoang. Tôi níu tay cô lại. Cô nói: "Thì ai cũng biết kết cục hết rồi." Cô tới chỗ tôi ngủ. Căn nhà mái sụp, gốc tường cháy nám. Chung quanh cỏ khô chơm chởm. Phan chánh Tâm Lisa ngồi tựa cửa. Cô hỏi:

"Buổi trưa con ngủ trên võng ở hè sau. Kia kìa. Nhớ không?"

Tôi lắc đầu.

Phan chánh Tâm Lisa nhắm mắt, nói giọng đều đều:

Cohinchine thành cộng hòa, mắt xích ý thức hệ, con bài domino trên bản đồ chánh trị. Nhưng người ta vẫn sống, vẫn bệnh, xướt da, chảy máu. Sau năm 1960, người ta còn thêm thương tật chiến tranh. Ai cũng cần thuốc tây. Lớp uống. Lớp thoa.

Hảo giữ hiệu Việt Sáng. Hưng ra thêm nhà thuốc gác, mở cửa qua đêm. Tối Vinh ngủ ngồi trên ghế bành, coi tiệm. Giữa khuya Vinh mở mắt nhìn ra đêm rồi ngủ lại. Vinh co chân nằm ngửa. Tay phải Vinh buông thả. Vinh quay chầm chậm giữa căn phòng đốt đèn nê-ông trắng nhợt.

Lúc Vinh đi sanh, Hưng ra ngủ ngoài nhà thuốc gác. Giữa khuya, Hưng mở mắt nhìn ra đêm rồi ngủ lại. Hưng nghe tiếng chân mình nện thình thịch trên đất. Cây da giựt lùi. Bé Liên giựt lùi.

Mấy năm sau Hưng trúng cử dân biểu, giao thiệp rộng. Hưng giục Vinh đi học tiếng Anh. Hảo nhìn mặt chữ quen mà không đọc được. Hảo nói:"Nghe như tiếng ếch nhái ngoài đồng. Vinh học đi, rồi quen thôi." Lúc đầu Vinh uốn lưỡi, lắc đầu. Về sau có Tyler Blancheford ở tòa đại sứ mỗi chủ nhật xuống vùng biển nghỉ mát ở nhà Hưng. Tyler

bỏ giờ ra dạy Vinh phần đàm thoại.

Tyler dạy Vinh 2 tiếng mỗi trưa chủ nhật, trước cử tắm biển buổi chiều. Tyler người Texas, giọng đãi. Tyler kể chuyện Rio Grande đục ngầu, không lớn, không sâu, chảy ở biên giới với Mexico. Tyler nói dọc bờ sông có rào cản, có đốt đèn với có cảnh sát tuần biên. Tyler chỉ cho Vinh coi Vịnh Mexico trên bản đồ. Cuối mùa hè, bão ngoài Đại Tây Dương thổi qua vùng Vịnh nước ấm, thốc lên lụt lội. Vinh hỏi: Gió có mạnh không. Tyler mắt xanh lơ, trong suốt. Tyler nói: Thế giới tự do phải có biên phòng. Tyler kêu Phan Chánh Tâm bằng Lisa Lisa. Lisa năm đó 10 tuổi.

Tối chủ Nhật, lúc đi lội về, Tyler ngồi ăn với Hưng. Tyler hỏi nếu bây giờ đem bom thả ở biên giới, ở nước cạnh bên, có ai đây phản đối không. Hưng nói không. Tyler hỏi chừng nào Hưng phải vận động tái ứng cử.

Hưng ít về nhà. Hưng ở thủ đô. Hưng thường xuyên đi tham quan nông thôn. Có người nói Vinh là Hưng đi nông thôn đem theo cô ca sĩ hai mươi tuổi. Hôm về ăn tối ở nhà, Hưng kể: "Ở nhà quê thoải mái, tối lại có thú đi đồng." Vinh nói: "Coi chừng có ngày trúng mìn bay dái." Hảo nhìn Vinh cười cười.

Phan chánh Tâm Lisa quay sang tôi:

"Không kịp đâu, sắp hết rồi."

Tôi hỏi:

"Rồi sao nữa?"

Phan chánh Tâm Lisa nói:

Vinh ra bãi đất hoang giáp rẫy, cho xây căn phòng giữa bãi cỏ khô chơm chởm. Vinh ở đó suốt ngày. Tyler chủ nhật ra tập Vinh đàm thoại.

Hôm đó Hảo đứng ngoài cửa sổ nghe Vinh tập đọc. Tiếng Tyler lên xuống, đãi giọng ở nguyên âm. Hảo nghe tiếng Vinh lẫn vào tiếng Tyler. Hảo muốn thấy Tyler mà mắt Tyler xanh lơ, trong suốt. Hảo rùng mình. Tyler nói sau lần này sẽ không đến nữa. Vinh ngừng đọc. Lâu lắm Hảo không nghe gì. Khoảng nửa tiếng sau thì lửa cháy.

Tôi quay mặt vào vách. Chung quanh gió cuốn như cơn trốt. Gió quật gẫy gốc dương. Nghe như tiếng nổ. Phan chánh Tâm Lisa chạy ra hàng dương. Tôi theo. Cô nói:

"Cây này chú Thức trồng sau cùng."

Phan chánh Tâm Lisa cúi ôm ngọn dương, lê xuống bãi cát. Tôi la: Cây không đứt lìa, làm sao mà kéo? Cô bỏ chạy về chòi canh Bãi

Rẫy. Lúc trở ra, cô cầm trên tay lưỡi búa. Cô bổ vào gốc dương, chỗ bị gẫy. Thớ gỗ tua tủa. Cô nói: "Lẹ lên, trời gần sáng rồi." Cô búa, tôi kéo. Tôi búa, cô kéo. Trời ưng ửng sáng, tắt mưa. Tiếng búa chan chát. Cô nói: Lẹ lên.

Chúng tôi bổ lìa gốc dương. Phan chánh Tâm Lisa kéo gốc. Tôi theo sau ôm phần ngọn. Chúng tôi lôi cả thân cây qua bãi cát, xuống tới mé nước. Phan chánh Tâm lội xuống đẩy cây ra biển. Chân cô đạp gấp. Áo cô phập phồng, cản nước. Cây dương cành lá lềnh bềnh, sóng đẩy vào, dạt ra. Nước trồi lên, sụt xuống, chỗ đỏ, chỗ xám. Tôi đứng ở mé nước nhìn theo. Tôi thấy biển sâu thẳm, xa tuốt ra khơi. Tôi thấy tôi chồm tới, tóc chơm chởm như bà vãi.

Phan chánh Tâm Lisa lên bờ. Biển đỏ rực rỡ. Tôi hỏi:

"Người nào đốt nhà?"

Phan chánh Tâm Lisa quay đi:

"Có thể là Hưng? Thức? Hảo? Tyler? Hay là Vinh? Còn kết cục thì ai cũng biết rồi."

"Còn Lisa?"

"Cũng có thể là Lisa. Lửa liếm Lisa một bên mặt."

Phan chánh Tâm Lisa đi thẳng. Tôi đứng giữa Bãi Nghênh Phong nhìn theo bóng cô khuất sau Bãi Rẫy, sâu tuốt. Tôi nghe tiếng cô cười khúc khích giữa Bãi Hoang, cuối tháng 4, năm 1975.

NGUYỄN HƯƠNG

Đọc trong số tới

NGUYỄN HUY THIỆP

Thương Cả Cho Đời Bạc

NAM DAO

Vết bước



TRẦN THỊ NGH.

Kẻ đào tẩu



1. Căn nhà nằm ngay góc chồng chéo của nhiều con hẻm, bởi vậy nó ồn như cái chợ. Mới 3 giờ sáng gia đình ở góc chéo đối xứng đã thức dậy để nấu cháo sườn kịp bán điểm tâm lúc 6 giờ. Lâu lâu một lần, một nhóm đầu trộm đuôi cướp tụ tập ăn cháo sớm có khi chỉ mới 4 giờ sáng. Vừa chờ cháo chín vừa chia chác của cải cướp giật được, chúng chửi thề như bắp rang. Vậy mà cả khu phố không ai dám hó hé. Nghe nói có lần một bà cụ mở cửa sổ cự nự, hôm sau bị chúng ném đá bể nát cái tủ kính bán thuốc lá.

Từ 5 giờ sáng trở đi rải rác có khách đến ăn cháo, cao điểm là 6 giờ 30. Phụ huynh đưa con em đi học ghé cho ăn tô cháo; ngồi trên mấy cái ghế thấp họ vừa đút cháo cho trẻ con (đa số ở lứa tuổi mẫu giáo, tiểu học) vừa trao đổi kinh nghiệm các loại. Râm ran đến cỡ 7 giờ 30 thì ngớt. Tiếp liền là nhà đối diện bên hông cánh trái — sinh sống bằng nghề sửa xe gắn máy, bán sữa chua và nuôi giấm — suốt ngày kể cả giờ nghỉ trưa, tiếng nổ máy chạy thử khủng bố cả xóm, khói xe xịt ra từ ống pô xộc qua cửa sổ xông mù mịt nhà cửa. Cỡ 3, 4 giờ chiều nhà bán cháo sườn chặt thịt bôm bốp chuẩn bị cho nồi cháo nửa đêm về sáng của ngày hôm sau. Rồi nhà sát hông cánh phải bắt đầu hát Karaoke; giọng nữ nhí ré lên đứt hơi, đoạn cả lũ cười sằng sặc tranh nhau hát những bài nhạc thời trang kiểu *Trái Tim Mùa Đông*, hoặc bài gì có câu

còn một đêm nay nữa thôi người ơi, rồi *xề-du-quiu* phát âm tiếng Anh giống hệt tiếng Tàu. Dạo Công nương Diana chết đứa nào cũng hát *Ngọn Đèn Trước Gió*, đến phim tàu chìm thì rên *Tim Tôi Còn Yêu Mãi.* Công nhận bài này khó hát nên đố ai nhận ra bọn nhóc đang hát bài gì. Nhà đối diện mặt tiền làm nghề xẻ ván ép bằng cưa máy và hàn xì cửa sắt. Tia lửa chớp lóe trộn với mạt cưa bay lượn, nếu lãng mạn sẽ thấy đẹp.

Tôi ngồi thu lu trong căn phòng trên lầu, mặc dù đã đóng chặt các cửa kính vẫn nghe thấy mồn một từng nhạc cụ trong giàn giao hưởng. Có một người sau nhiều năm gắn bó với âm nhạc đã một hôm buông đàn, phán: *"Chức phận của người sáng tác, người làm đàn, người đánh đàn là dùng tâm thức của mình chuyển âm nhạc thiên nhiên đến người nghe. Tất nhiên, qua nhiều lớp chuyển dịch đó, âm nhạc thiên nhiên mất dần thiên nhiên tính vì bị giam hãm bởi quá nhiều điều kiện. Những điều kiện đó là gì, nếu không phải là kỹ thuật để bắt chước giống hệt tiếng chim hót, tiếng suối reo, tiếng thổn thức của người bị tình phụ, tiếng reo vang của kẻ đắc thắng, tiếng ảo não của người thua cuộc, vân vân và vân vân."* Theo người ấy, *"tất cả những âm thanh chung quanh ta đều là âm nhạc. Ta hãy yêu lấy nó cũng như ta yêu người tạo ra nó. Đó là sự giao cảm tuyệt đỉnh được thể hiện qua tình yêu, tình thương và tình người."*

Kẻ yêu âm thanh của đời sống qua âm nhạc, hoặc ngược lại, hiện đang sống giàu có ở San José trong một ngôi nhà nhiều phòng có vườn tược bao quanh. Cho hắn kinh nghiệm một ngày thường ở khu phố này chắc chắn hắn sẽ mất ngủ, chửi thề và thay đổi quan niệm về tình yêu âm thanh. Có lẽ hắn sẽ trở lại với âm nhạc và sẽ chơi trống.

Đây là lần thứ hai tôi dọn dẹp sạch sẽ đồ đạc ở tầng trệt, tọng hết vào phòng ngủ trên lầu. Lần nầy số đồ tế nhuyễn có vẻ nhiều hơn sau một năm dây dưa với căn nhà này. Có người cho thêm một cái tủ đứng, mặc dù hơi chướng so với các thứ bày biện xung quanh, nó chứa được hết các thứ gói ghém từ nhà bếp. Vẫn như hè năm trước tôi sẽ phải trả đủ tiền nhà trong suốt ba tháng vắng mặt. Một triệu rưỡi mỗi tháng để giữ lại chỗ ở và để chứa đồ cũ, tính ra cũng hơi uổng. Tuy nhiên chưa phải lúc để tung hê. Một người bạn sẽ lui tới ngó chừng nhà vào ban đêm, và khi cần sẽ thanh lý giùm bằng giấy ủy quyền mà tôi đã làm sẵn. Biết bao nhiêu người đi du lịch nước ngoài rồi trốn luôn. Không hiểu họ xoay sở ra sao với đời sống đất đỏ nơi xứ lạ, không có công ăn việc làm vì tình trạng cư ngụ bất hợp pháp, không có chỗ ở vì không có lương bổng để bảo đảm việc thuê mướn, không có thân bằng quyến thuộc để nhờ vả hay nương dựa ít ra là trong thời

gian đầu. Thực ra tôi cũng chưa có chương trình gì rõ rệt. Ý tưởng bỏ trốn len lỏi trong đầu do nhiều thứ áp lực của cuộc sống tình cảm. Ngoại trừ lợi tức ổn định hằng tháng, tôi cảm thấy bất trắc trong mọi sinh hoạt tinh thần.

Những người bạn cùng tuổi cùng thời đã tan tác đâu mất, cuộc hôn nhân bể nghễ của tôi với Kha, tuổi già cô đơn ngồi chờ thư con từ Nanterre, những đêm mất ngủ nằm nghe người ta nấu cháo sườn chờ sáng. Ai cũng thắc mắc tại sao không ở Nanterre với Nguyệt Cầm. Nó còn đi học mà. Rồi nó sẽ học xong, có việc làm, lấy chồng Tây không về Việt Nam đâu. Chờ thêm ba năm nữa không được sao? Ba năm nữa thì thay đổi được gì? Cũng vậy thôi mà, tôi nói, có nên lẽo đẽo theo con mình chăng? Một người mẹ tiến bộ, mọi người chế nhạo; chỉ có hai mẹ con sao lại tính chuyện đời độc lập? Những lời nghị bàn làm tôi suy nghĩ.

Trước ngày đi các lớp tổ chức ăn nhậu tiễn cô giáo. Các buổi tiệc hình như ồn ào vui nhộn quá trớn. Bọn trẻ mà, có dịp ngồi chung là cười. Ra phi trường có năm trò đưa. Cô đi vui nghe cô, nhớ về sớm dạy tụi em, chỉ còn môn của cô là thi tốt nghiệp. Một trò khác: Cô đi luôn cho rồi, thấy cô sống một mình coi bộ neo đơn quá. Tụi em không biết chúc cô sao đây. Tôi bứt đám đông vào bên trong làm thủ tục rồi lên ngồi chờ chuyến bay ở phòng đợi lên lầu. Dửng dưng hết biết. Tôi sợ níu kéo, kỷ niệm. Mười tám tiếng bay ngồi cạnh một bà đầm không biết Việt Nam ở đâu và theo chính thể gì. Ủa, bà cũng khởi hành từ Việt Nam mà. Tôi đi lộn chuyến bay qua đây. Vô lý. Ai cho bà lên máy bay, nếu không đúng thẻ lên tàu? Tôi cũng không biết.

Thấy chưa. Thế giới còn có người không biết Việt Nam ở đâu thì mình từ đâu đến nào có hề chi. Năm trước, khi trở về Việt Nam sau ba tháng nghỉ hè với Nguyệt Cầm, nhiều người kêu sao ngu thế? Về chi vậy? Vì sợ những bất trắc về vật chất. Biết bao nhiêu người vứt bỏ sự sản và cả mạng sống để ra đi, sao lại có người trở về vì dây dưa với một mớ tài sản bán tống táng hết cũng chưa đủ tiền mua vé máy bay. Tức cười thật. Ừ cứ cười đi, còn nhiều ngóc ngách cần phải lý giải. Hay là có người yêu không dứt bỏ được? Trời ơi tôi già rồi.

*

2. Đón ở Charles de Gaulle là Muriel, Long, Allison, André và Nguyệt Cầm. Sau đó là những ngày hai mẹ con đi lêu bêu khắp các quận của Paris. Nhiều bữa ngủ trưa trên bãi cỏ công viên Citroen, ăn bánh kẹp cuốn thịt chà bông ở Place d'Italie ngoài lề đường, nhai khô

bò ướp tương ớt ở một khúc sông Seine ngoại ô và ngậm xí muội trong xe điện.

- Mẹ tính sao chứ con coi bộ hơi phiêu.

- Hay là mẹ đợi con học xong, có chỗ ở ổn định rồi tính nữa.

- Ba năm nữa lâu quá, mẹ ở một mình bên đó kỳ quá.

- Kỳ gì mà kỳ. Ba năm mau lắm, chỉ lo mình sống chậm thôi.

- Mẹ tính lung tung quá, hay mình nhờ bố Miky đưa mẹ sang Mỹ?

- Sang Mỹ cũng ngồi một mình.

- Đời sống bên đó dễ dàng hơn, mẹ cũng có thể xin tị nạn vì lý do chính trị. Con học xong sẽ qua sau.

- Bây giờ mà chính trị gì. Mẹ cũng ngại nhờ vả nữa.

- Vậy chứ mẹ muốn gì?

Hồi nhỏ mình hỏi nó muốn gì, bây giờ lớn nó hỏi mình muốn gì. Hai mẹ con đứng xếp hàng trước tòa Đại Sứ Mỹ. Khỉ thật, sao nhiều người muốn đi Mỹ thế? Thôi đi con, tôi bàn lui, mẹ ngán làm lại cuộc đời quá.

- Bấy lâu nay mẹ đâu đã sống theo kiểu mẹ muốn.

- Bây giờ cũng trễ rồi.

- Trời ơi con nhức đầu quá.

- Vậy thôi đi về.

*

3. Phải đi bộ 6 cây số mới gặp láng giềng. Căn nhà tôi đang ở heo hút miền quê 200 cây số về phía Nam Paris. Dễ chừng nó đã hơn trăm tuổi. Vách đá tảng trát đất sét để trần, xà ngang là những thanh gỗ to nặng chịch không đánh vẹc ni, lò sưởi trước đây cũng là bếp nấu, một phần mái ngói bể vụn soi trong trẻo màu trời hè, vườn cây rợp bóng mát tilleul. Và đồng cỏ, đồng cỏ rồi đồng cỏ. 12,000 thước vuông râm ran tiếng chim. Thật đã đời. Interpol truy nã đến chết cũng không tìm ra tôi ngồi chồm hổm trong góc vườn bâng khuâng hoa lá.

Ngã êm trên cỏ hoang
Trời trong em
Đồi choáng váng
Rồi run lên
Cùng gió bốn miền
Cỏ không tên
Nằm thênh thang
Rồi vươn lên

Hoan lạc tuyệt đỉnh. Trong những ngày ở Meugnes này tôi nhớ căn nhà thuê nằm ngay góc chồng chéo của nhiều con hẻm đường Trần Khắc Chân; tiếng lửa nổ lách tách và mùi cháo sườn lúc 3 giờ sáng; tiếng mì gõ lúc nửa khuya; tiếng mèo ngao trên mái nhà, chuột rúc rích dưới gầm bếp, gián đập cánh xè xè ngay trong phòng ngủ. Tôi cũng nhớ Miky và những buổi trò chuyện bên bờ sông Thanh Đa tanh mùi bùn. Ở bên kia chắc ông ta cũng nhớ những cái giống như vậy. Sài Gòn là một người tình làm cho người ngán ngẩm khi chung sống nhưng bùi ngùi nhớ khi đi xa. Tôi muốn gì đây? Nguyệt Cầm hỏi, mẹ muốn gì? 50 tuổi nhưng tôi đâu đã sống cái đời mình muốn sống. Miky phanh phui... *"đã đắc đạo kinh Pháp Hoa rồi, sinh được một bông hoa quí, đào luyện được bao nhiêu sĩ tử, dương đông kích tây nuôi được bông hoa quí rồi thẩy nó vào Sorbonne cho nó theo trào lưu của văn nghệ thế giới..., bây giờ làm ơn bùng nổ đi sau khi tề gia. Hãy đứng trên đỉnh địa cầu mà nhìn xuống chữ S, đừng sợ ngã (chứng liệu khoa học một tháng nay tiết lộ quả địa cầu đang quay chậm hơn tốc độ thường và tầng ozone càng ngày càng bị xoi mỏng làm gây ra el ninõ và cháy rừng ở Nam Dương)."* Ông ta muốn trấn an tôi đừng sợ chóng mặt với vận tốc quay chậm dù ở trên cao nhìn xuống.

Thực sự tôi muốn gì? Nếu được chọn lựa tôi nên sống như thế nào cho đúng kiểu? Nghề dạy học không cao quí ư? Hãy yêu lấy những âm thanh ở quanh ta; Hãy lãng mạn chiêm ngưỡng bụi mạt cưa bay lượn trong ánh lóa của máy hàn xì; hãy nghe bọn trẻ hát nhạc thời trang; hãy thở hít bụi khói xe Sài Gòn những ngày nắng, bì bõm những chiều mưa lênh láng nước kênh Nhiêu Lộc. Hãy cô đơn một mình thay vì cộng hưởng. Thôi đừng lẻo đẻo hoài nguyệt cầm.

Nguyệt cầm nghe nấc từng câu
có hàng mây trắng về đâu...

Cứ nghĩ đến con là tôi bí. Thực ra chắc không đến nỗi nào.

Nguyệt cầm khơi mãi tình sâu...

Nó lớn rồi hơi đâu mà nghĩ ngợi. Mỗi người phải có đời riêng chứ.

Long lanh long lanh trăng chiếu một mình...

Từ chiều hôm qua đến giờ tôi cứ âm ư mấy câu Mi trưởng, Fa thăng thứ rồi Si giảm. Mi trưởng, La trưởng, Fa thăng thứ rồi Sol trưởng... Tại sao Cung Tiến chuyển cung xa như vậy? Dù sao vẫn phải kết ở chủ âm, đúng không? *Để người hát khỏi bị lạc lỏng*, Miky bình luận vậy.

Chắc phải mất nhiều thì giờ và tiền bạc André mới có thể tu bổ cái nhà nghỉ cuối tuần cho tươm tất. Cỏ dại mọc chen cứng trong đám hoa cúc hoa tường vi hoa thược dược hoa tử đinh hương. Những tàng

cây to trong vườn sà nặng sát mặt đất, dây leo bò tràn qua cửa sổ. Nhưng có lẽ cái vẻ hoang tàn của khu vườn làm cho ngôi nhà thêm đẹp ma quái nhất là dưới ráng chiều lúc 9 giờ đêm vào mùa hè với tiếng chim kêu lạc bầy vọng lại từ khu rừng phía Đông. Từ bây giờ đến cuối tháng chắc chắn không ai bén mảng bởi Nguyệt Cầm còn kẹt ở Paris lo thủ tục ghi danh cho niên học mới, còn gia đình André thì đi nghỉ hè ở Cannes. Tôi lục trong tủ lạnh và các kệ gỗ loại ra một mớ đồ hộp đã quá ngày sử dụng, chắc đã được lưu niên chồng chất nhiều lần cuối tuần kể từ hồi căn nhà mới được mua. Rượu chất cả kho. Chỉ cần cho một mồi lửa căn nhà sẽ nổ tung rơi lả tả tàn đỏ trên nền cỏ xanh ngút ngàn. Tưởng tượng thôi cũng thấy đã. Liệu có đủ lương thực cho đến cuối tháng không? Từ nhà đi bộ 6 cây số mới gặp láng giềng. Có đói lắm cũng ráng chịu, ai ngu gì đổ đường đi ná thở chỉ vì miếng ăn. Bữa nào có thằng cầu bơ cầu bấc tưởng nhà vô chủ ghé qua kiếm chỗ nghỉ đêm sẵn tiện lục lọi đồ ăn trong bếp, không biết tôi sẽ đối phó ra sao. Chuyện đó xảy ra hoài ở những căn nhà hẻo lánh vắng chủ ở miền quê. Interpol không truy ra nổi chỗ tôi ngồi chồm hổm viết thư tình cho Miky, nhưng một tên bá vơ thì rất có thể.

Tôi đọc lại cái thư mới nhận được gửi về Nanterre..."*Chân của em đã khỏi chưa. Cho phép tôi chẩn đoán nhé: Sở dĩ ngã là vì thần kinh đo lường khoảng cách không chính xác. Thần kinh không chính xác trong sự đo lường khoảng cách là do chất nicotine tác hại. Như thế thì nên bớt hút thuốc đi, cho phổi nó nghỉ hè một lúc. Thí dụ một ngày hút 3 điếu sau ba bữa ăn, yêu cầu dùng tài hư cấu hóa tưởng tượng là hút 30 điếu đi. Hoặc tốt nhất là không hút điếu nào mà hư cấu hóa làm sao như mình hút cả một đồn điền thuốc lá. Giống như cậu Lãnh Út trong Chùa Đàn của Nguyễn Tuân đốt hết tửu phần trong ấp Mê Thảo sau cái đêm nghe Bá Nhỡ đánh đàn đáy cho cơ Tơ hát cô đầu. Đấy người ta đâu có uống rượu mà say thế đấy...*"

Sáng nay tôi đã nhập đề như thế này:

Vẫn Meugnes, ngày...

Nghe lời ông tôi đã hư cấu cả một đồn điền thuốc lá trong ba tuần qua nhưng đến hôm nay thì óc tưởng tượng cạn kiệt rồi. Nằm dưới gốc cây nhìn trời xanh mà chơi nicotine với bướm hoa chung quanh, thiệt đã. Hút thuốc ở nhà quê chẳng bao giờ thấy khói đầy ngực, cảm tưởng như áp suất không khí tràn ngập trong đó đẩy bật khói ra ngoài. Ở đây thì cần gì đo lường khoảng cách chính xác. Có té thêm vài trận cũng đáng đời. Hồi xưa tôi làm thơ vầy nè:

Đậu anh như đậu cành mềm
Sẩy chân em cũng ngã niềm tiết trinh

Bây giờ nằm đất cho chắc, ai biểu leo trèo chi. Tôi vừa qua một đêm hơi gay, đố ông biết tôi đang ở tầng thứ mấy của hành trình ngũ âm?

Với những câu đầu cua tai nheo như vậy, có trời mới biết tôi muốn nói gì. Miky tha hồ giải mã, nếu muốn. Đại khái những bức thư tình tôi viết cho Miky đều như vậy. Về phía ông ta cũng thế. Đây, một kiểu thổ lộ theo tinh thần thiền sư Yamamoto:

...Có lần tôi hỏi một Thượng Tọa, ông đẹp trai khỏe mạnh thế này có bao giờ bị những bông hồng làm phiền hoặc ông làm phiền họ không? Trả lời: Có, nó chỉ xốn xáng trong giây phút, tụng kinh xong nó sẽ biến mất. Sở dĩ tôi đặt câu hỏi này với ông ta là vì có một vị cao tăng gần đắc đạo đã đốt chùa đi theo một bông hồng (chuyện tiểu thuyết Phật Giáo Trung Hoa). Ở Mỹ có một ông Thượng Tọa vẫn mặc áo tu lấy vợ công khai. Thế thì tôi đã có vợ rồi, nếu "xốn xang" thì giải quyết sao đây? Nghĩ thế mà sợ...

...Trở về Mỹ hơn 20 ngày nhưng vẫn nhớ Việt Nam dù biết rằng không thể ở nơi ấy lâu được. Nhớ là nhớ ăn ở đầu sông, cuối phố; thủ thỉ phòng trà; dấm dí Trần Khắc Chân; xôn xao cơm niêu; say sưa Thủ Đức. Nhớ là nhớ cái quá khứ, nhưng quá khứ đâu còn, không lẽ nhớ cái hiện tại? Mà tương lai thì sao nhỉ? Thế thì bỏ hết cả quá khứ, hiện đại, tương lai vào cái khoảnh khắc đang nhớ..."

Dị òm. Cả hai người đầu già khú đế, còn bày đặt đẩy đưa. Tôi tự thấy mắc cỡ hết sức. Thật tình tôi cũng xốn xang, nhưng có lẽ không nên tạo thêm điều kiện khiến nó trở thành thảm kịch cho bản thân. Trốn ở Meugnes, đeo đẳng Nguyệt Cầm ở Nanterre hay trở về Sài Gòn tiếp tục dạy học đều là những giải pháp hay; còn hơn là mò sang Mỹ dù có viện cớ gì đi chăng nữa?

*

4. Nửa đêm trời mưa. Để coi mưa đồng quê ra sao. Tôi mở cửa sổ trèo ra vườn. Ở cái nhà gỗ đóng cho trẻ con chơi trên chĩa ba của cây sồi cuối vườn có đốm đỏ thuốc lá di chuyển lên xuống theo động tác của bàn tay một người. Một tên bá vơ? Thay vì trở lui vào nhà khóa chặt cửa rồi ngồi chờ tai nạn, tôi liều mạng bước cùi sấn tới. Khi tôi cách cây sồi khoảng 4, 5 thước, hắn lên tiếng trước:

- Xin lỗi mưa quá cho tôi trú mưa một lát.

Giọng tỉnh táo, chưa xác định được tuổi. Chắc hắn thấy tôi từ lúc tôi loay hoay ở bệ cửa sổ. Trời tối đen, mưa quất rát rạt mặt mũi, gió xô tơi bời những cành rũ. Tôi vuốt nước mưa trên mặt, gào như mèo,

giọng lạc đi:

- Ông vô trong nhà mà ngồi.

Hắn men theo mấy thanh gỗ đóng làm thang, leo xuống, ném mẩu thuốc lá ra sau lưng rồi lừ lừ đi theo tôi, tay xách cái túi du lịch. Tới cửa sổ phòng ngủ, tôi khựng lại:

- Ông chờ một lát tôi trèo vô trong mở cửa trước.

Đứng trên tấm thảm chùi chân, hắn giũ giũ nước rồi bước vào nhà. Tóc màu đồng, mắt xanh, có râu mép, cao khoảng 1 m 75, vai to bè, chắc cỡ 70 kg. Vẫn chưa xác định được tuổi. Hắn lúng túng không biết ngồi đâu vì quần áo ướt và đôi giày ống bê bết cỏ dập, lẩn bùn. Tôi chỉ cái ghế đẩu không bọc đệm bên cạnh lò sưởi.

- Để tôi cho ông miếng nước trà nóng. Ông lội bộ đi đâu vậy?

Vừa nói tôi vừa đi thẳng vào bếp nhỏ phía trong. Hắn nói với theo, hơi cao giọng:

- Xe tôi bị hư phải bỏ lại Les Laurents. Tôi quá giang xe về Meugnes để dự đám tang bà ngoại nhưng nửa chừng người ta quẹo đi ngã khác.

Có xạo không đó? Coi bộ giống xi nê quá. Tên tội phạm Alain Delon trốn pháp luật tá túc nơi nhà bà góa Simone Signoret ở miền quê hẻo lánh. Hai người yêu nhau ngặt nghèo rồi một hôm chết đòi đoạn vì bị cảnh sát bao vây nả đạn như mưa. Khi tôi đặt bình trà và hai cái tách lên cái bàn thấp, hắn thình lình đứng bật dậy. Định làm bậy chắc, nhưng không, hắn chìa tay phải ra. Hơi trễ nhưng còn không không.

- Tên tôi là Michel. Cám ơn bà cho vào trú mưa.

Tôi cũng chìa tay ra:

- Không có chi.

- Bà ở đây một mình à?

- Một người bạn cho tôi mượn chỗ này để viết một truyện trinh thám. Hắn nhướng mày, làm một cử chỉ kinh ngạc:

- Bà viết văn?

- Không, tôi nói đùa cho vui. Sao ông vào được vườn nhà?

- Cửa rào thấp, thưa bà. Tôi ở đây có bất tiện gì cho bà không? Đợi ngớt mưa tôi sẽ đi.

- Không sao. Tôi cũng hay thức khuya.

Tự nhiên hắn nhe răng cười. Hàm răng hơi lõm. Tưởng tượng hai bên có nanh, rồi mắt hắn đổi màu vàng, đồng tử teo nhỏ, hắn nhào tới nhập vào cổ tôi hút máu ừng ực như ma cà rồng. Bậy bạ hết sức. Bây giờ mới thấy tác hại của phim ảnh Tây phương. Tôi cũng nhe răng cười. Hết biết chuyện gì nói. Trống ngực tôi đập thình thịch; bảo đảm

hắn không biết là tôi sợ vì tôi mời hắn vào nhà mà. Óc tôi làm việc kịch liệt: nghĩ coi, một người đàn bà châu Á đã có tuổi, nhỏ thó, ở một mình trong một căn nhà rã rệu thì có gì để hắn làm thịt? Hơn nữa, Michel, Michael, Mike, Miky, cái tên của hắn làm cho tôi có cảm tình. Đúng ra trước đây tôi đã không có thiện cảm với những cái tên lai căng kiểu Tony Bùi, Kevin Trần, Michael Nguyễn... Nhưng cái gì rồi cũng thành thói quen. Vả lại Miky có vẻ đậm đà quê hương nhờ những công trình nghiên cứu của ông ta về văn hóa trong dân nhạc Việt Nam. Những hò, xự, xang, xê, cống, líu; những đàn nhị, đàn thập lục, đàn bầu; những quan họ Bắc Ninh, vọng cổ, chèo... đã làm dịu bớt quan điểm bài ngoại hung hăng của tôi. Thấy im lặng hơi lâu, hắn nói bâng quơ:

- Trời mưa dai ghê!

- Chỗ ông muốn tới còn bao xa?

- Độ 5 cây số nữa. Với mưa này vào giờ này tôi không muốn đi tiếp chút nào.

Sắp sửa ló mòi. Bộ hắn muốn ngồi đây tới sáng, hay là chờ thuận tiện ra tay hành động trước khi mặt trời ló dạng? Tôi lấp lửng:

- Ông có muốn ngả lưng một chút thì cứ tự nhiên.

Tôi chỉ cái ghế dài kê đối diện lò sưởi, lòng lâm râm khấn: Lạy Trời... Hắn cười biết ơn:

- Bà có mệt cứ nghỉ. Người tôi ướt và bẩn không nằm đâu được. Cái gì? Chẳng lẽ tôi đi ngủ trong khi biết có một người đàn ông lạ hoắc đang ngồi ngay trong nhà? Chẳng lẽ tôi mời hắn đi tắm rồi lục tủ áo của André lấy cho hắn bộ đồ khô để thay? Tôi ngồi yên, tìm cách bắt chuyện cho qua thì giờ.

- Ông làm việc ở Paris hử?

- Tôi sống ở Poissy và làm việc gần nhà. Gia đình tôi có một cửa tiệm bán đồ gia dụng.

Có nên tin không? Ra cái điều lương thiện có công ăn việc làm và một mái ấm, rồi chờ cho tôi sơ hở hắn sẽ bụp cho một cái. Nhưng để lấy cái gì mới được chứ? Ha! Để lấy cái tủ lạnh, vật duy nhất có giá trị trong nhà. Trong tủ còn bơ, phó mát, sữa chua, một ít thịt jambon và một cái bông cải to bằng nồi cơm điện. Sẵn tiện hắn sẽ lấy luôn cái nồi cơm điện. Gần nhà kho có một cái giếng, chắc hẳn là cùng tuổi với căn nhà, lâu không được dùng tới, cần quay đã rỉ sét và dây kéo nước đã mục rã. Hắn có thể quẳng xác tôi xuống đó một trăm năm sau cũng không ai biết. Nhảm nhí quá. Đột nhiên hắn đứng dậy bước tới cửa sổ.

- Hình như bớt mưa rồi, chắc tôi phải đi.

Tưởng tượng hắn còn đi bộ 5 cây số giữa đêm tối đen, trời còn

mưa lâm râm, gió quần giật ì ào. Tôi ái ngại, lỡ lời:

- Hay là ông cứ nghỉ ở đây đến sáng rồi hẳn đi.

Hắn quay lại nhìn tôi. Đôi mắt xanh sẫm lại trong bóng che của cánh cửa sổ.

- Thật sự bà không lo ngại gì chứ?

Gần sáng có người gọi cửa. Tôi tung chăn nhào ra phòng khách thấy hắn còn nằm ngáy khò khò trên cái ghế dài đối diện lò sưởi, chân vẫn mang đôi giày ống dính cỏ và bùn. Tôi đã tưởng chẳng ai bén mảng đến đây ít ra là hai tuần nữa. Sai lầm.

Cảnh sát ập vô còng tay Michel trong khi hắn vẫn còn mắt nhắm mắt mở.

Một cuộc thẩm vấn chớp nhoáng:

- Nhà này của bà?

- Ư... Không... Của bạn tôi.

- Bà là người Hoa?

- Việt Nam. Tôi sang đây nghỉ hè.

- Xin vui lòng cho chúng tôi xem giấy tờ tùy thân.

Tôi đưa ra giấy thông hành.

- Visa của bà hết hạn từ hai tháng trước. Bà quan hệ sao với người này?

Tôi nhìn Michel. Hắn đứng, hai tay bị còng quặp sau lưng. Mái tóc màu đồng rũ xuống, cằm cấm vào ngực. Té ra hai kẻ đào tẩu cùng chung cảnh ngộ. Không biết hắn mắc tội gì. Tôi cảm thấy chóng mặt dù vẫn nhớ Miky nói rằng trái đất đang quay với vận tốc chậm lại, cứ đứng trên đỉnh địa cầu mà nhìn xuống chữ S, đừng sợ ngã.

TRẦN THỊ NGH.
Meugnes, tháng 6, 98



KHUYẾT DANH THỊ NGH.

Quỷ dữ hành trình và con lũ



LTS: *Truyện vừa "Quỷ Dữ Hành Trình Và Con Lũ" của một tác giả rất nổi tiếng trước 1975 tại miền Nam VN, vừa được chuyển đến HL từ trong nước.*

Truyện mang nhiều ẩn dụ.

Vì lý do riêng, tác giả chưa tiện công bố danh tính.

HỢP LƯU

* *Tặng vợ chồng Bửu Khải*

I.

Ở Lý Ô có dòng họ Đồng làm nghề chạm khắc nổi tiếng một vùng, nhưng có ai hỏi Đồng Cát Sỹ, người trưởng họ về nguồn gốc của nghề, ông cũng không tường tận. Ông bảo: Thoạt kỳ thủy đâu như các cụ tổ nhà chúng tôi làm nghề đẽo cày, cuốc, đóng bàn ghế. Ở nhà thờ họ hiện còn một cái hương án, một cái ngai thờ của một cụ tổ làm ra coi như gia bảo lâu đời nhất... Nghề này đâu có bí truyền hay sách vở gì, chỉ là cầm tay chỉ việc, cha truyền con nối. Trong các cụ tổ cũng có nhiều người đi học, nhưng chẳng thấy nói đỗ đạt gì, lại nữa trong số

còn có cụ đã từng đi ăn cướp vậy mà sau theo nghề cũng trở thành một tay thợ cả tiếng tăm... Cứ như thế hết đời này sang đời khác. Nhưng không phải ai trong dòng họ cũng theo nghề.

Đồng Cát Sỹ sinh được bốn người con trai. Ngay từ nhỏ ông đã cho các con đi học chữ. Ông bảo: Làm nghề gì đi nữa thì ít ra cũng phải biết viết tên mình, đọc được cái văn tự. Người con cả là Đồng Hạo Thiên được cha gửi qua học chữ bên nhà họ Danh, một dòng nọ có năm đời tiến sỹ, nổi tiếng khoa bảng một vùng. Hạo Thiên thông minh, học đâu nhớ đó, được thầy yêu. Có lần thầy đồ nói với Đồng Cát Sỹ chắc đến đời con ông thì họ Đồng có người làm quan. Năm 18 tuổi Hạo Thiên thi đỗ đầu xứ, hay chữ nức tiếng trong vùng. Nhưng đột nhiên Hạo Thiên khăn gói trở về nhà, bỏ đường khoa hoạn. Ông bố sửng sốt, thầy đồ ngạc nhiên, gặn hỏi lý do, Hạo Thiên thưa: Con chịu ơn thầy đã khai trí cho. Học chữ, hiểu được nghĩa sách để sống cho phải đạo làm người, cái học cốt là ở đó. Đi học đâu phải là để đậu Tú Tài, Cử Nhân, Tiến Sỹ... mà ra làm quan có được nhiều bổng lộc. Bon chen chốn quan trường có lẽ không hợp với người vốn sinh sống ở nơi thôn ổ... Thầy đồ mỉm cười nhìn người môn sinh hiếm có trong đời dạy học của mình. Đi học mà chỉ nghĩ đến đỗ đạt, làm quan để sống sung sướng, thực tủi cho đèn sách, chữ nghĩa. Thầy đồ nói: Thầy mong con sống được như con muốn.

Hạo Thiên trở về sống bên cha già, cởi bỏ áo dài mà làm bạn với cái cưa cái đục. Thỉnh thoảng có bạn đồng môn tới chơi, Hạo Thiên pha trà ngồi nói chuyện kinh sách với bạn một cách hào hứng, có khi cùng nhau xướng họa thơ phú. có ai nhắc đến chuyện thi cử, con đường khoa hoạn chàng chỉ lặng lẽ mỉm cười. Đồng Cát Sỹ thấy tay nghề của con tiến bộ từng ngày, cái vốn chữ nghĩa hình như cũng là cái vốn cho tay nghề của Hạo Thiên. Sau một thời gian Hạo Thiên được giao tạc những pho tượng nhỏ, như tượng thành hoàng, tượng la hán... Với những tượng này người thợ được tự do nhiều hơn, ít phải tuân thủ những qui định nghiêm ngặt. Qua tay Đồng Hạo Thiên, Di Lặc như mập mạp, hơn đôi mắt to hơn, hai tai dài hơn nhưng tươi cười và thanh thoát hiền hòa. Tượng Tuyết Sơn gầy gò xương sát da mà thần thái mạnh mẽ, trầm mặc và thoát tục. Đồng Cát Sỹ nói với con trai mình: Con đã nối được nghiệp cha, chắc chắn con sẽ hơn cha, con làm cho thân gỗ có thần sắc.

Người con thứ hai của Đồng Cát Sỹ ra đời khi gia đình đã đủ ăn, ông đặt tên con là Bái Nhật, người con thứ này chỉ nhìn gương mặt không thôi đã thấy vẻ chân chất, thực thà. Khi được đi học chữ anh rất khổ sở, học mãi mà không được bao nhiêu, chỉ mới viết được tên mình

đã lấy làm hài lòng. Bái Nhật nói với cha: Nhìn vào trang sách là con thấy chóng mặt, học chữ thực cực hơn đi cày. Người cha nhìn con với vẻ khoan dung độ lượng và cho anh thôi học ở nhà lấy nghề nông làm căn bản. Bao nhiêu việc nặng nhọc trong nhà một mình Bái Nhật vui vẻ đảm đương, chẳng ai phải mó tay vào. Mỗi lần thấy Bái Nhật cầm tới cái cưa cái đục thì Cát Sỹ vội lên tiếng bảo anh bỏ xuống vì đã có lần anh ta ngứa ngáy tay chân làm hỏng một pho tượng đã gần hoàn chỉnh: Con đụng vào cái gì thì chỉ thành củi đun thôi.

Đồng Tuệ Nhân, người con thứ ba của Đồng Cát Sỹ, rất ham học nhưng tối dạ. Ngay từ ngày đầu anh ta đã nhận ra thế, nhưng anh ta nói với cha một cách cương quyết: Người thông minh chỉ học một lần là nhớ, con tối dạ thì học ba bốn lần cũng thuộc. Những nỗ lực không ngừng của ngày đầu có kết quả phần nào, nhưng càng học lên anh ta càng nhận ra rằng: giỏi chữ không phải ai cũng có được. Thấy con cố gắng thức khuya dậy sớm đèn sách miệt mài người cha nhiệt tình khuyến khích những mong con đạt được ước nguyện. Sau bao cố gắng hao công tốn sức anh ta nhận thấy mình không thể lập thân bằng con đường khoa cử. Tuệ Nhân từ biệt thầy học trở về nói với cha: Sức người có hạn phải không cha? Chữ nghĩa không có duyên nợ với con thì đành chịu chứ biết làm sao?

Nhiều ngày buồn chán anh ta lấy rượu giải khuây. Một buổi sáng, trong tuần trà sớm mai Tuệ Nhân nói với cha: Con nghĩ kỹ rồi, người ta phần lớn đi học là để thi đỗ làm quan, để được vinh hoa phú quý, sống sung sướng, vợ đẹp con khôn. Nhưng bổng lộc triều đình thực ra đâu được bao nhiêu, cứ nhìn đời sống những vị quan thanh liêm thì rõ. Muốn giàu có, nhà cao cửa rộng, quần là áo lụa, châu báu đầy người thì phải đục khoét dân đen. Như thế thì tệ quá. Thánh hiền có chỗ nào dạy vậy đâu. Phú quý sinh lễ nghĩa, phi thương bất phú, những câu ấy người ta nói nhiều rồi, chắc không sai? Con tính: đi buôn có lẽ hợp với con hơn. Đi buôn kiếm tiền, những đồng tiền của mình kiếm được là do công khó mua tận gốc bán tận ngọn, sòng phẳng, thuận mua vừa bán, không lừa gạt, dối trá, giữ tín nhiệm, như thế đi buôn làm giàu là hơn. Người cha nghe con nói thì yên lòng. Bàn tay còn có ngón dài ngón ngắn, sinh con ra mỗi đứa có con đường của nó biết làm sao được. Cát Sỹ dồn được ít vốn cho con khởi nghiệp. Thức khuya dậy sớm, vén séo, tiết kiệm, giữ lời hứa, chẳng bao lâu Tuệ Nhân đã dần dần gây được sản nghiệp, việc buôn bán mỗi ngày một thịnh vượng. Thỉnh thoảng Tuệ Nhân cũng có lúc thong thả nhưng tuyệt nhiên không bao giờ đụng vào cái cưa cái đục, có chăng là đứng trước những khúc gỗ, những pho tượng anh thường có lời phẩm bình:

Làm sao mà trên thực tế có một vị Di Lặc mập như thế này được. Với những khúc gỗ lớn do các chùa đưa đến để làm tượng, anh ta liên tưởng tới những cánh rừng và từ đó nảy sinh ý định đi buôn gỗ, tre nứa... những thứ bán cho người ta làm nhà cửa. Anh ta nói với cha: chưa chừng còn mua được nhiều gỗ quý thì nhiều nơi sẽ làm tượng, nhà ta có có nhiều việc làm, dân gian có nhiều tượng. Sao con không nghe nói một vị la hán nào xuất thân từ đám thương lái nhỉ? Người cha nhẹ nhàng nói với con: Bố có nghe sự tích một tay đồ tể bỏ dao xuống làm việc thiện sau thành Phật. Chắc những người đi buôn kiếm tiền không chịu ngừng kiếm tiền để đi tu nên chưa ai thành Phật cả. Thế khi nào thì con định ngừng đi buôn kiếm tiền? Người con có vẻ ngượng thẹn một cách chân thật. Ông bố cười: Ham lợi, có lẽ vì thế không có vị la hán nào xuất thân từ đám con buôn. Người ta còn buôn cả thần thánh kia mà.

Mạnh Tông là con út của nhà họ Đồng, Đồng Cát Sỹ lấy tên một giống tre đặt tên cho con mình với một mong ước như thánh hiền đã từng nói về tre: tiết trực, tâm hư. Từ nhỏ Mạnh Tông đã có phong cách một tay tài tử: mắt sáng, môi đỏ, da trắng, những ngón tay búp măng thuôn thả. Bà mẹ bảo: Nó mà là con gái thì bố tha hồ uống rượu... Khi người anh cả không đi học nữa trở về nhà thì Mạnh Tông quanh quẩn bên anh, theo anh đọc sách, theo anh học nghề, nghe anh nói chuyện, nghe lỏm những buổi đàm đạo của anh với bạn học. Điều gì không rõ thì hỏi, chỉ nghe, nhìn. Bố bảo Mạnh Tông đi học, chàng lần khân và thưa: Xin cho con học anh con trước đã. Đồng Cát Sỹ cũng không ép con. Có thì giờ Mạnh Tông học thổi sáo trúc với một cụ già trong làng, chàng còn mê hát chèo, hát xẩm. Nghe đâu ở trong vùng có phường hát về là chàng rủ đám bạn cùng đi, mỗi lần như thế chàng lại thuộc một vài bài hát mới để ngâm nga khi làm việc.

Với đôi tay khéo léo, con mắt quan sát tinh tường, chẳng bao lâu Mạnh Tông đã làm một tay chạm khắc có nghề vững. Chàng đã có thể thực hiện những họa tiết sắc sảo tinh vi trên những nếp áo, chóp mũ... Nhưng khốn nỗi chính tài hoa sắc sảo của mình khiến cho nó lạc lõng khi đi với những chi tiết do người khác thực hiện. Không là một tổng thể, có những pho tượng chân tay mặt mũi đi một đường, trang phục đi một nẻo. Cái chân chất mộc mạc khó đi với cái tinh xảo tài hoa. Đồng Hạo và cha nhận ra điều đó.

Năm Mạnh Tông 17 tuổi, sư thầy chùa Mai Tụng tới mời Đồng Cát Sỹ lên chùa về việc tạc mấy pho tượng Phật. Vị sư già nói:

- Từ nhiều năm nay thiện nam tín nữ ở vùng tôi đã cùng nhau quyên góp để đúc một pho tượng đồng, phường đúc đã khởi công,

nhưng cả ba lần rót đồng vào khuôn mà không thành. Lần đầu: một nửa mặt và một bên vai bị khuyết, lần thứ hai: thiếu hẳn một tay, lần thứ ba: mũi và tai không ra hình dạng... Chúng tôi đã thiết đàn cầu kinh nhưng không linh ứng. Có người bảo: trong cúng dường có của bất chính, có người bảo tại mấy cân vàng quan tri huyện bỏ vào là mồ hôi nước mắt dân lành. Đám phường đúc sợ không làm tiếp, những phường đúc khác nghe nói lại cũng không dám nhận... Không lẽ chùa không có Phật. Tôi nhờ ông mang công đức giúp cho. Cái khối đồng mình hãy để đó sau này sẽ đúc chuông. Dân làng nay đã lên rừng đốn được gỗ quý, cho xuôi theo sông cái về. Xin ông tính cho. Đồng Cát Sỹ nhận lời đưa thợ lên chùa Mai Tụng. Cây gỗ quý lớn ngoài sức tưởng tượng của ông. Sư thầy nói:

- Mang được cây gỗ tới đây bốn người đã chết vì ngã nước độc. Công đức ấy chùa sẽ ghi ơn. Pho tượng Thích Ca là chính, còn là những tượng la hán và còn lại xẻ ra khắc bộ Thập Điện Diêm Cung. Ông thấy thế nào?

Đồng Cát thấy công trình lớn quá có vẻ lo. Sư thầy nói tiếp:

- Cả vùng này chỉ có gia đình cụ là theo nghề của tổ tiên đạt đến tinh xảo, cụ hãy hết sức giúp nhà chùa. Một tháng không xong thì một năm...

Với cái thước trên tay, Đồng Cát Sỹ tính toán, phân ra từng phần gỗ rồi cho thợ bắt tay vào việc. Từ mái chùa Mai Tụng từ đó vang lên những âm thanh đều đều của cưa của đục, suốt từ sớm mai tới khi chuông thu không hòa vào không trung bao la.

Đồng Cát Sỹ là người con cả dành hết tâm trí cho pho tượng Thích Ca, Mạnh Tông phụ giúp những việc lặt vặt. Thấy còn những tượng nhỏ khác, Mạnh Tông xin cha cho mình làm một pho tượng la hán. Mạnh Tông nói:

- Có sẵn mẫu, cho cho con thử tay nghề...

Thấy cha ngần ngại, Đồng Hạo Thiên nói vào:

- Con thấy chú út tay nghề đã khá, lại thêm có cha con mình ở đây để mắt thường xuyên cha còn lo gì...

Đồng Cát Sỹ giọng điềm đạm:

- Tay nghề của thằng út thì có chỗ còn hơn cả cha và anh, nhưng nó còn trẻ, lòng chưa tĩnh. Chỉ cần một đường nét nhỏ đủ làm cho thần sắc pho tượng thay đổi. Như nó đã thấy: chỉ cần lượn mỏng hơn, hay để dày đã làm thay đổi cái nhìn của một đôi mắt... Được, cha để út làm, nhưng trước hết con hãy tĩnh tâm, con hãy nhớ nằm lòng điều cha đã nói với các con: người ta thờ cái đẹp, cái thiện.

Mạnh Tông hớn hở với công việc mới. Trước hết chàng quan sát

pho tượng la hán đã bị hư hỏng nay làm lại, pho tượng là một vị già cởi trần, tay chống một cái gậy, thắt lưng đeo một cái giỏ tre, rõ ràng là một ông già đi bắt cá, người gầy nhưng khỏe. Mạnh Tông hỏi cha:

- Hành trạng của vị la hán này là như thế nào?

- Ở các chùa luôn luôn có những pho tượng La hán, thường là 18 vị, mỗi người mỗi nghề, và mỗi người một con đường tu tập, hành đạo để cuối cùng thành Phật. Nên chúng ta thấy trong Thập Bát La Hán có vị gầy, quần áo rách rưới như kẻ ăn xin, có người vác cần câu, có người đánh dậm, có người chăn nai... Hành trạng của vị la hán này là như thế nào cha không rõ, có lẽ phần lớn người dân quê mình đều thế, các vị sư chắc am tường. Nhưng có một điều chắc chắn là: các vị ấy trước hết là những con người thường sau đó dốc tâm làm điều thiện mà thành Phật. Ai dốc lòng tu đều đi tới đó... Nhưng người hiền dốc lòng tu đâu có nhiều... Bố nhắc lại với con: mặt các tượng thờ bao giờ cũng phải tuân thủ một điều căn bản: thượng bi hạ hỷ.

Từ một thân gỗ, Mạnh Tông đã phác xong những nét lớn cho toàn thể pho tượng, tỷ lệ cân xứng từng phần đã hình thành nhưng chỉ tới đó chàng ngừng lại. Pho tượng cũ đã hư hỏng nhiều chỗ, một giải lưng đã gẫy không biết dài ngắn thế nào, một bên tai đã sứt, một bên mặt mối ăn nham nhở không còn mũi và mắt. Chưa dám trực tiếp hình thành đường nét ngay trên thân gỗ, Mạnh Tông cẩn thận dùng bút giấy phác thảo trước. Tôn trọng giữ nguyên những nét có sẵn, nhưng với óc sáng tạo, Mạnh Tông cũng có chút thêm bớt. Nhìn ngắm phác thảo, Mạnh Tông rất hài lòng. Chàng đưa cho Đồng Hạo Thiên coi. Người anh cả hết sức ngạc nhiên thấy em mình còn có tài vẽ, đặc biệt là vẻ linh hoạt của nét bút. Hai anh em mang tấm phác thảo trình cha, Đồng Cát Sỹ mới nhìn thoáng thì vui mừng, nhưng sau khi ngắm kỹ ông hơi chau mày:

- Nét mặt, tất cả là nét mặt, sắc sảo quá, tinh ranh quá, người quá... Những điều này không nên có nơi tượng thờ. Thượng bi hạ hỷ, con nhớ lời cha không? Con nhìn những tượng thờ trong chùa xem, ngay cả tượng Ác Lai, rồi tượng ông Thiện. Ác mà không ác. Có cái dũng mãnh, nghiêm trang mà vẫn khoan hòa, có cái tươi tắn mà không ham hố, có cái gì không phải vui mà không phải buồn... Thiện nhưng đầy uy dũng.

Nhìn vào những nét phác thảo của mình, Mạnh Tông nhận ra những điều cha nói. Không biết phải mô tả thế nào nhưng chắc chắn không có được cái dáng vẻ của một vị La Hán ngồi nơi bệ thờ chốn thiền môn.

Mấy ngày liên tiếp ngồi trước pho tượng cũ với bút và giấy trên

tay chàng vẫn không sao phác họa được một vị la hán phải có. Sự gắng sức không thành khiến chàng bực dọc bụng nóng như lửa đốt, và có những gương mặt được phác thảo bỗng trở thành hung dữ, ác độc khác thường... Mạnh Tông mạnh tay vò hết, xé nhỏ không để cho cha và anh thấy. Nhiều ngày liên tiếp Mạnh Tông không thiết nhìn đến công việc còn dở dang của mình. Chàng rong chơi trong vùng cho khuây khỏa, hy vọng lòng mình được thanh thản, chiều lại ngồi trên bờ đê cao, gió lộng chàng lấy cây sáo trúc ra thổi, âm thanh dìu dặt và vẻ vắng lặng của đồng quê làm cho chàng thấy dễ chịu hơn. Một hôm Đồng Cát Sỹ nói với Mạnh Tông:

- Pho tượng la hán con hãy để đó đã. Mình bắt tay vào bộ tranh khắc Thập Điện Diêm Cung. Cái này có thể thích hợp với con. Ở đây chỉ có quỷ, kẻ ác, nhân vật nhỏ và cảnh rộng khiến con dễ làm hơn.

Hai bên tả hữu của chùa Mai Tụng cũng giống như nhiều ngôi chùa khác là cảnh Thập Điện Diêm Cung, mỗi bên vách chùa có năm cảnh, mỗi cảnh như một câu chuyện kể về sinh hoạt nơi Diêm Cung. Mô tả cảnh địa ngục không biết do ai và từ đời nào nhưng nói chung những tranh khắc, hoặc tranh vẽ, có nơi là tượng được bài trí thường gần giống nhau, dù cách diễn tả thì mỗi nơi mỗi khác, tùy theo óc tưởng tượng và tài năng thực hiện của người thợ. Thập Diện Diêm Cung là một bộ tranh khắc nổi, đã được tô sơn nhưng lâu ngày mối mọt đã làm hư hỏng gần hết.

Bắt tay vào việc mới nhưng đầu óc Mạnh Tông vẫn không quên đi pho tượng la hán còn dở dang. Chỉ qua vài ngày đầu tiên cửa địa ngục đã hiện ra: những tội nhân đang được lùa vào một cây cầu cao, dưới sông là rắn rết, ba ba thuồng luồng. Hai đầu cầu quỷ đầu trâu mặt ngựa, có người đang bị dí dao vào lưng, có người đang rớt xuống sông, có người đang bị rắn quấn, có người bị quỷ thọc giáo vào bụng đổ ruột máu me tuôn chảy... Đồng Hạo Thiên nói với em:

- Nét khắc họa của chú linh hoạt khác thường...

Người cha nói:

- Chắc quỷ thật mặt mày cũng không thể hung ác dữ tợn hơn. Trông mà khiếp quá.

Sư thầy bảo:

- Mắt cháu đã nhìn thấy địa ngục chưa?

Một cụ già chân chất gật gù cái đầu:

- Trông thấy cảnh địa ngục như thế này người ta sợ mà không làm ác... Nhìn xong có khi quên ngay.

Rồi tới cảnh leo cột lửa, người bị xé xác, moi ruột, người bị chó ngao cắp ngang cổ, đám đông chen lấn ăn cháo lú. Mạnh Tông nói với

cha:

- Làm sao người ta biết được cảnh địa ngục? Đã có ai từ địa ngục trở về?

Đồng Cát Sỹ cười ngất:

- Địa ngục ư? Nó ở ngay trần gian này. Người ta đã chẳng nói: địa ngục trần gian. Những cảnh mô tả địa ngục kia đã xẩy ra trên đời, hoặc do những kẻ ác tâm nghĩ ra, hoặc có người tưởng tượng ra, kể ra, viết ra...

Đồng Cát Sỹ giữ lấy vai người con út:

- Cha thấy con khắc mặt quỷ mỗi lúc một ác hơn, hung dữ hơn...

Động Mạnh Tông thừ người ra không biết trả lời sao. Đồng Hạo Nhiên sau khi hoàn tất tượng Thích Ca, rồi tượng la hán đã phụ với Mạnh Tông làm bộ tranh khắc. Mạnh Tông nói:

- Chắc Diêm Vương phải khác quỷ, khác những kẻ có tội, anh làm hộ em đi, em không mường tượng được con người ấy như thế nào.

- Mình dựa vào mẫu tranh cũ đó. Mặt phương phi, vẻ nghiêm trang đường bệ, trán rộng, râu dài, quần áo chỉnh tề. Phải thế không. Diêm chúa thì phải khác chứ.

- Anh muốn nói, vua thì phải khác? Nhưng vua của quỷ thì cũng là quỷ chứ khác sao được. Vua của quỷ phải tàn ác hơn chúng quỷ, có thế mới sai khiến được chúng quỷ. Không lẽ lại còn có quỷ hiền, quỷ ác. Người ta thường nói tới những minh quân, em thấy hiếm lắm. Đã là tay không mà lập nghiệp thì không thể không can vào việc giết người, không một ai tự nhiên mà lên làm vua, ngay cả những tên vua ai cũng biết là ác nhưng lúc nào nói thì tên này cũng chỉ nói nhân nghĩa, nhưng làm nhân nghĩa mới là chính chứ, nói nhân nghĩa dễ quá mà. Phải mưu mô quỷ quyệt, phải giết người mới có thể làm vua được. Để giữ ngôi vua người ta phải giết kẻ chống mình, kẻ muốn làm vua thay mình, giết bầy tôi giỏi hơn mình, có khi giết cả cha mẹ anh em để được làm vua, để giữ ngôi vua. Anh đọc sách nhiều không thấy điều đó sao? Cảnh địa ngục chẳng qua cũng chỉ là cảnh trần thế, có điều người ta làm với mục đích khuyến thiện, răn con người không nên làm ác. Đó là cảnh thực chẳng ai tưởng tượng ra được... Răn không nên làm điều ác, nhưng còn khuyến thiện. Cực lạc sao không được nói đến? Không được mô tả? Phải chăng ở trần thế người ta không có kinh nghiệm cực lạc mà chỉ có kinh nghiệm địa ngục?

Mạnh Tông hoàn thành mười cảnh địa ngục thì Hạo Thiên cũng đã xong những phần việc khác: mười vị Diêm Chúa. Mạnh Tông nhìn kỹ, so sánh từng ông thì thấy những đường nét khắc của anh khác hẳn mình, nhưng có điều, Diêm Chúa chắc chỉ có một nhưng sao những

khác biệt hiện ra nơi mỗi nét mặt, không ông nào giống hẳn ông nào. Mặt nào cũng vuông vức, lông mày thanh nhã, mắt thì nghiêm khắc, dáng vẻ oai vệ. Mạnh Tông nói với anh:

- Sao Diêm Vương không giống nhau, không lẽ có tập đoàn Diêm Vương?

- Có một Diêm Vương thôi, nhưng lúc thế này lúc thế khác. Chứ Diêm Vương mà kiểu anh hùng cát cứ người ta chịu gì thấu.

Hạo Thiên cười phá lên khi đứng nhìn cảnh cuối cùng ở địa ngục: người ta đứng chờ ăn cháo lú, ở bên này sông xô đẩy chen lấn nhau, mặt mày đau khổ. Qua bên kia sao mặt mày vui sướng, khoa chân múa tay...

Mạnh Tông nói:

- Sao anh lại cười? Có kẻ thiếu chân thiếu tay?

- Cái cảnh ăn cháo lú này thú quá. Chỉ ăn có một bát cháo mà đã thay đổi thế kia, nếu húp hết cả nồi thì chắc là tuyệt diệu lắm...

- Thì xuống địa ngục lại.

- Sao chú nói thế?

- Vì mắc tội tham lam, không đúng sao?

Hai anh em ôm nhau người ngất. Bộ tranh làm xong đã được đưa qua cho đám thợ sơn làm tiếp. Những người tới lễ chùa thấy bộ tranh dù đang làm ai cũng lắc đầu lè lưỡi. Cảnh địa ngục đầu rơi máu chảy, mổ bụng phanh thây, voi dày ngựa xé, cưa người rút lưỡi... Nhiều đứa bé ôm chặt lấy người lớn khóc thét vì sợ. Hạo Thiên nói:

- Chú sinh ra là để khắc mặt quỷ.

II.

Công trình làm tượng của cha con họ Đồng coi như đã đi tới chỗ hoàn tất. Đồng Cát Sỹ chau chuốt lại toàn bộ các pho tượng rồi giao cho đám thợ lo sơn son, thếp vàng. Hạo Thiên được cha giao hoàn tất pho tượng la hán mà Mạnh Tông đã làm được một phần. Mạnh Tông không vui nói với anh:

- Thế này thì không biết tới bao giờ em mới có dịp làm một pho tượng thờ.

Hạo Thiên ái ngại nhìn em:

- Thì em cũng đã làm gần như hầu hết bộ Thập Điện Diêm Cung rồi đó thôi.

- Có ai thờ quỷ đâu...

Hạo Thiên an ủi em:

- Rồi cũng tới lúc em làm những tượng khác.

Sư thầy chùa Mai Tụng hết sức vui mừng thấy công việc tạc tượng đã viên mãn. Nhưng trong chùa còn một khúc gỗ nữa chưa dùng đến, sư thầy nói với Đồng Cát Sỹ:

- Còn một khúc gỗ, tôi muốn ông làm cho một pho nữa.

Đồng Cát nhìn sư thầy:

- Còn thiếu tượng gì ạ?

Sư thầy ngần ngại một lúc mới nói:

- Các tượng trên chùa đã đủ, còn dư lại khúc gỗ, tôi muốn làm thêm tượng vị để hậu tại chùa, ông thấy có được không?

- Tức người đã dựng lên chùa này?

- Không phải vậy, nhưng công cũng lớn lắm. Không có vị này có khi chùa đã bị phá đi rồi... Vào cái thời đói kém, khói lửa can qua và dịch bệnh cách đây mấy chục năm, nay những người lớn tuổi còn sống chắc không thể quên được. Cướp của giết người diễn ra giữa ban ngày ban mặt. Một đêm nghe tiếng người kêu rên ngoài cửa tam quan, sư thầy của chúng tôi thức dậy ra ngoài thì thấy một thanh niên máu me đầm đìa đang nằm bất tỉnh. Sư thầy sai chúng tôi mang vào chùa cứu chữa. Giữa đêm có toán người mang hung khí xông vào chùa hỏi: Có người nào bị thương chạy vào chùa không? Sư thầy bảo: Không có ai. Toán người tin lời sư thầy mà không lục soát, họ bỏ đi. Sau chúng tôi thắc mắc, sư thầy bảo: Kẻ tu hành không nói dối nhưng vì tính mạng một kẻ bị thương nặng mà ta phải nói thế, để rồi sẽ hỏi cho rõ ngọn ngành, kẻ có tội ta không che chở. Mấy ngày sau người thanh niên bình phục dần, thầy chúng tôi chưa kịp hỏi căn nguyên thì kẻ kia đã thừa đêm tối trốn đi. Chúng tôi nói với thầy: Chắc đó là kẻ xấu... Thầy chúng tôi bảo: Cứu người là luật của đạo, trừng phạt kẻ có tội là luật của đời. Câu chuyện trôi qua cùng thời gian... Loạn lạc tiếp diễn, triều đình suy tàn thêm... Vùng này xuất hiện một đám giặc lớn, đầu đảng đóng quân trên núi. Mới đầu chúng cướp của người giàu chia cho người nghèo, dân lành nức lòng qui phục... Khi hết kẻ giàu thì ai có gì chúng cướp cái đó, bắt dân phục dịch, bắt dân nộp lương thực cho chúng. Chúng cho quân ngó vào từng củ khoai lang, buồng chuối, từng con gà, con chó. Chúng phá đình, phá miếu và làm nhiều việc tàn ác... Riêng chùa Mai Tụng chúng không đụng đến. Một hôm tên đầu đảng xuất hiện: đó chính là kẻ chùa chúng tôi đã cứu sống năm xưa. Chùa chúng tôi không hề hấn gì đã đành, chúng tôi còn nhận được đủ thứ, mà thực ra là của chúng đi ăn cướp, trong đó có đồ thờ quý giá, và

cả Phật ở những chùa khác, chuông mõ cũng rất nhiều...

Nhưng sự việc cũng không được bao lâu, hình như cái xấu thì không bền. Thời gian sau tên đầu đảng chết, đám bộ hạ tranh nhau quyền, xâu xé nhau làm cho đảng cướp tan dần. Có người nói: tên đầu đảng chết rồi mà còn bị mổ bụng moi ruột. Có một tên tâm phúc, chắc là kẻ có lòng vốn chịu ơn của hắn mang một ít vàng bạc tới cúng cho chùa và xin cho chủ cũ được thờ nơi nhà hậu. Người này có để lại một bức chân dung vẽ tuyệt khéo, một xấp những thơ văn mà hắn nói là của những danh sỹ đã ca tụng ân nhân của hắn lúc thịnh thời. Sau xấp thơ văn này lạc đâu mất chỉ còn tấm chân dung, có điều sau đó cũng không thấy người này trở lại và cũng không có ai tới thờ cúng gì...

Sư thầy ngừng kể rồi dẫn cha con Đồng Cát Sỹ xuống nhà hậu ở phía sau chùa. Nhà hậu xây đâu lưng lại với chính điện ngó ra một khoảng sân rộng có trồng mấy khóm ngô đồng. Trong nhà ngoài tượng Địa Tạng còn có tượng những vị sư từng trụ trì tại đây viên tịch, cạnh đó có bàn thờ riêng trên có tấm chân dung vẽ một mặt người với đôi mắt sâu hoắm. Sư thầy nói:

- Đó là người để hậu mà tôi vừa nói tới.

Nhìn tấm chân dung ai cũng nhận ra nét vẽ sinh động, nhất là cái thần toát ra từ đôi mắt, lại thêm một gương mặt mà người ta ít thấy ở người thường. Đồng Cát Sỹ nhìn bức chân dung rồi lơ đãng nhìn chung quanh, dáng vẻ như không mặn mà với đề nghị của sư thầy:

- Cũng khó vì đây là tượng một người thường, lại chỉ có chân dung nhìn từ một mặt duy nhất...

Ý Đồng Cát Sỹ không muốn nhận làm. Nhưng sư thầy như không hiểu ý đó:

- Mình chỉ cần lấy cái tiền diện thôi, còn những mặt khác mình chế như tượng la hán chẳng hạn. Bức vẽ chân dung là đủ rồi.

Đồng Cát Sỹ nói với hai con:

- Sư thầy đã nhờ thì cha con mình nhận. Cha giao cho hai con đó. Có lẽ mình chỉ làm bán thân thôi.

- Sao lại không làm như những tượng khác?

Đồng Cát Sỹ ngập ngừng không nói. Sư thấy tiếp lời:

- Mình làm như tượng la hán, hoặc như mấy vị sư tổ...

- Thầy muốn thế... nhưng có lẽ nên theo quy cách của tượng thần, hay Thành Hoàng thì hợp lẽ hơn...

Trong thâm tâm Đồng Cát Sỹ không muốn nhận làm pho tượng vì những điều đã nghe được, một kẻ cướp dù có công với chùa thì vẫn là một kẻ cướp. Nhưng vị nể sư thầy mà Đồng Cát Sỹ không nói ra. Giao công việc cho hai con xong Đồng Cát Sỹ lên đường trở về quê.

Khúc gỗ còn lại trong chùa được mang ra, Hạo Thiên tính toán rồi khởi đầu công việc. Mạnh Tông nói với anh:

- Sao cha lại nói: làm tượng này như tượng thần hoặc như Thành Hoàng là thế nào? Em thấy làm như mấy vị la hán này hoặc như tượng mấy cao tăng đã viên tịch cũng được chứ sao? Mình không cho ông ta ngồi trên tòa sen, hoặc cưỡi rồng là phải phép rồi...

Hạo Thiên mỉm cười:

- Em còn trẻ, anh cũng còn trẻ chắc bọn mình chưa hiểu hết điều cha muốn nói. Tốt nhất là cha dặn sao thì mình làm vậy. Theo như chỗ anh biết thì mỗi loại tượng có những quy định riêng. Cứ đâu xa như chúng ta thường làm cửa võng thì rõ: đền chùa, đình miếu thì rồng đủ cả râu, vảy, móng, nhưng làm cho tư gia thì chúng ta đâu có làm như thế. Có những quy định bất thành văn mà trong mỗi nghề đều có. La Hán không thể như Phật Thích Ca. Tượng vua không thể giống tượng quan. Những quy định không phải chỉ ở áo mũ, hia, hốt mà ngay cả trong tạo hình. Một vị La Hán có thể giơ tay cao, cười miệng rộng. Nhưng Phật Tam Thế thì không như vậy được. Không phải chỉ ở nét mặt mà còn cả trong dáng ngồi, cách để tay...

Ở nước ta chỉ có Phật là được làm tượng nhiều. Các đình miếu thờ thần hoàng cũng hiếm khi có tượng mà thường chỉ có bài vị và ngai thờ như một hình thức vọng tưởng, cũng có khi người ta thờ một vật. Ở Kinh Bắc có đền thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dong ở bên hồ Dạ Trạch do ông Chu Mạnh Trinh dựng lên. Sau khi ông Chu Mạnh Trinh qua đời dân ở đó lập bàn thờ ông ngay nơi đền thờ Chử Đồng Tử với Tiên Dong, trên bàn thờ có một cây đàn đáy, vật mà lúc sinh thời ông Chu thường mang bên mình khi vui chơi với đám ả đào. Trong trường hợp này người ta gọi việc thờ ông Chu là thờ thần hộ. Thần hộ được hưởng theo sự cúng tế của dân cho thần chính. Còn các chùa đều có nhà hậu để thờ những vị sư trụ trì đã viên tịch, và thờ theo những người có công với chùa, hoặc góp công sức cho chùa về sau. Những người lập tự thường không có con cái nối dõi, phải nhờ nhà chùa hương khói sau khi qua đời.

- Kẻ ác, có nhiều tiền của cũng được thờ trong chùa sao?

Hạo Nhiên nhìn em:

- Cũng khó để định thế nào là ác, thế nào là thiện. Cửa chùa rộng mở cho mọi người, anh nghĩ thế...

Công việc đang dở dang thì Đồng Cát Sỹ lâm bệnh gọi Hạo Nhiên về, việc làm tượng một mình Mạnh Tông đảm đương. Trước khi về Hạo Thiên căn dặn em:

- Nhớ lời cha dặn, sau nữa theo sát tấm chân dung là được.

Mạnh Tông lấy làm thích thú với công việc, hoàn toàn độc lập không bị lệ thuộc vào cha và anh nữa. Mạnh Tông mải miết với những đường chạm bay bướm, những nét khắc tinh xảo. Dần dần pho tượng hình thành. Nhìn đi nhìn lại giữa tấm chân dung và khuôn mặt tượng, Mạnh Tông tự bằng lòng. Lại nữa, nét khắc họa rõ ràng dứt khoát càng làm cho tượng giống và sinh động hơn. Chàng nhủ thầm: một tên đầu đảng chứ đâu phải tay thường. Chàng có lúc quên đi những phép tắc bất thành văn cũng như lời căn cặn của cha.

Giao pho tượng cho đám thợ rồi Mạnh Tông xếp đồ nghề trở về nhà. Sư thầy vui mừng thấy pho tượng đã xong. Sư thầy nói với Mạnh Tông:

- Anh về thưa với thân sinh giúp nhà chùa: khi nào làm lễ an vị tượng sẽ cho người sang mời.

Các tượng do cha con Đồng Cát Sỹ làm đều đã được sơn son thếp vàng và để tại nhà đại bái, chính từ đây sẽ tiến hành lễ an vị nơi thượng điện. Trước khi đám thợ sơn rời chùa, sư thầy xuống coi thợ đánh bóng tượng. Tượng Thích Ca là tượng lớn nhất, tượng tạc Thích Ca ngồi trên tòa sen uy nghi, nhưng từ bi với mắt nhìn đầy trắc ẩn. Tượng La Hán mỗi tượng một kiểu nhưng đều toát ra vẻ nhân từ thoát tục ở nụ cười ánh mắt. Riêng bộ tranh chạm khắc Thập Điện Diêm Cung thì quả tình thấy cảnh địa ngục thực kinh hãi... Nhìn sang pho tượng người để hậu do Mạnh Tông hoàn tất sư thầy phải khâm phục sự tinh xảo hiện rõ từ những nếp áo tới những hoa văn trang trí. So sánh mặt tượng với chân dung vẽ không khác nhau, có thể nói giống như tạc, hơn thế, còn có vẻ sống động hơn.

Ngắm kỹ, sư thầy thấy như mặt tượng thay đổi, môi như cử động, đôi mắt như trợn lên hung dữ, trên vầng trán rộng đôi sừng mọc lên từ từ... Sư thầy vội nhắm mắt lại rồi mở ra: không có gì khác. Lúc sau nhìn lại mặt tượng lại thấy như mặt tượng rung động, môi hé ra đôi răng nanh, mắt long lanh như đổ lửa, tưởng như tượng sắp thét lên vào lao tới ôm lấy sư thầy... Sư thầy nói với một đệ tử đi bên:

- Nhìn xem giữa tấm chân dung và tượng có giống nhau không?

- Dạ quá giống, nét chạm khắc còn sinh động bội phần nữa.

Mấy người chung quanh đều tấm tắc khen pho tượng và ca ngợi người khắc có đôi tay tuyệt giỏi và mắt nhìn chính xác. Nhìn lại pho tượng, sư thầy không thấy có gì khác thường, nhưng cứ mỗi lần nhìn lâu, chăm chú thì sư thầy lại thấy khác, nét mặt bỗng nhiên chuyển đổi. Mỗi lần như thế sư thầy lại thấy một khuôn mặt khác hiện ra. Khi thì mặt đen, khi mặt đỏ, khi nhắm mắt, khi mọc sừng hai bên, khi mọc một sừng ở ngay giữa lông mày, lúc há miệng, có lúc hé hôi, có lúc

thấy tiếng cười độc ác, có khi cả tiếng gầm rú của ác thú. Mặt tượng đã không còn là một mặt người nhất định. Không lẽ người thợ đã yểm bùa thiêng vào pho tượng? Từ đó sư thầy không còn dám nhìn mặt pho tượng lâu, sư thầy sai lấy một vuông vải đỏ phủ lên mặt tượng rồi vội vã lên chính điện bắt đầu một khóa lễ ngoài thông lệ. Tiếng chuông, tiếng mõ vang lên nghe sao náo động bất an... Các đệ tử ngơ ngác nhìn nhau không hiểu nguyên cớ. Mọi người sợ hãi khi thấy chim đậu trên những ngọn cây bay lên như vỡ tổ, con bay đi, con bay lại đâm vào nhau rơi xuống như mưa với những tiếng kêu thảm não...

Vừa lành Cát Sỹ được sư thầy chùa Mai Tụng cho người tới rước lên nhân lễ an vị các tượng thì vui vẻ đi ngay. Trong khung cảnh yên tĩnh nơi cổ tự không bợn chút bụi trần Cát Sỹ thấy lòng êm ả. Nâng chén trà thanh khiết với hương sen thơm nhẹ nhàng Đồng Cát Sỹ nghe sư thầy nói về ngôi cổ tự và những lời ca tụng tay nghề đối với cha con nhà họ Đồng. Sư thầy dẫn Đồng Cát Sỹ lên coi các bệ tượng đã sẵn sàng cho lễ an vị. Sau đó hai người xuống nhà đại bái, nơi để các tượng đã hoàn thành mà từ đó được cung nghinh lên chính điện. Các pho tượng rực rỡ vàng son, mỗi tượng đầu đều phủ một tấm vải đỏ. Theo nghi lễ, sau khi tượng an vị nơi cố định tấm vải đỏ mới được lấy đi.

Đồng Cát Sỹ nhẹ nhàng vén từng tấm vải che từng pho tượng lên coi. Khi nhìn vào mặt pho tượng do Mạnh Tông làm thì Cát Sỹ sững người và bỏ ngay tấm vải che lại. Sư thầy nhìn Cát Sỹ:

- Tay nghề con út ông thực không ai bằng, ông thấy pho tượng thế nào, giống như in với tấm chân dung.

Vừa nói vị sư thầy vừa lấy hẳn tấm vải đỏ ra tay, vừa ngắm nghía vừa gật gù:

- Giống, thật giống, ai so sánh cũng thấy vậy, có cái lạ là nhìn lâu vào mặt thì...

Đồng Cát Sỹ nhìn thẳng vào mặt sư thầy:

- Sư thầy thấy sao?

Ngập ngừng rồi sư thầy mới nói:

- Tôi thấy như tượng biến đổi sắc diện, thay hình đổi dạng... Có lúc như mọc răng nanh, có lúc mọc sừng, có lúc mắt láo liên, có lúc mặt xanh, có lúc mặt vàng...

Đồng Cát Sỹ nhắm mắt lắng nghe sư thầy đều đều. Lúc sau ông mở mắt nhìn thẳng vào mặt pho tượng. Ông nhắm mắt mở mắt nhiều lần cho đến lúc ông không bình tĩnh được nữa nên chạy ra sân chùa. Sư thầy chăm chú nhìn theo. Chợt Đồng Cát Sỹ trở lên vẻ vội vã, tay cầm chiếc rìu, ông ta chẳng nói chẳng rằng tiến tới pho tượng, tay cầm rìu, đứng nghiêng một bên đưa tay lên vạt một nhát mạnh vào mặt tượng.

Mặt tượng gần như phẳng và hơi lõm vào. Đồng Cát Sỹ với tiếng nói rõ ràng từng tiếng:

- Ai thờ cái ác, cái hung dữ, cái xấu?

Sư thầy kinh hãi không thốt thành lời. Đồng Cát Sỹ vứt bỏ rìu, bước đi mạnh mẽ dứt khoát ra khỏi cửa tam quan của chùa Mai Tụng. Sư thầy nhìn chung quanh không thấy ai vội vàng phủ tấm vải đỏ lên đầu pho tượng rồi tất tả đi về trai phòng.

Chiều hôm ấy khi chuông thu không thả từng tiếng vào không trung, sư thầy không lên chánh điện với khóa lễ thường lệ, đệ tử xuống trai phòng tìm thì hoảng hốt thấy sư thầy nằm sấp vắt người nơi bậc cửa ra vào, chân ở ngoài hiên, đầu giấu trong bóng tối, thân xác đã cứng lạnh.

Trong lễ cung nghinh an vị tượng Phật được tiến hành bình thường nhưng giản dị theo như ngày giờ đã định trước. Riêng khi đặt pho tượng người để hậu ở nhà thờ phía sau chùa, vị sư chủ lễ khi cầm tấm vải đỏ phủ trên mặt mới nhất lên nửa chừng thì ngừng lại: sao tượng mất mặt? Vị sư phân vân giây phút rồi thả tay phủ lại tấm vải đỏ lên đầu tượng như lúc trước...

III.

Từ khi ở chùa Mai Tụng trở về, Đồng Cát Sỹ lòng không vui mỗi khi nhớ tới pho tượng người để hậu nơi chùa. Không lẽ bàn tay của Mạnh Tông có thể làm một pho tượng biến ảo? Không lẽ vì việc mình không phải: Sao lại làm tượng kẻ không xứng đáng? Một kẻ xấu thì không thể được làm tượng cho người ta thờ?

Mấy cây gỗ của chùa Trúc Lâm mang lại từ lâu để làm mấy pho tượng Phật vẫn chưa đụng đến. Hạo Thiên, Mạnh Tông đã mấy lần nhắc đến nhưng Đồng Cát Sỹ vẫn chưa muốn bắt tay vào. Mạnh Tông nói với cha:

- Làm mãi hoành phi với câu đối... chán quá. Kỳ này cha cho con được tạc một pho tượng Phật.

Đồng Cát Sỹ không nói gì. Quả thực là ông phân vân, có nên nói về pho tượng người để hậu ở chùa Mai Tụng không? Có phải chính vì ám ảnh bởi pho tượng Mạnh Tông tạc mà Đồng Cát Sỹ phân vân? Có nên cho Mạnh Tông tạc tượng Phật không?

Vừa lúc đó sư thầy chùa Trúc Lâm tới nói phải ngưng việc tạc

tượng. Đồng Cát Sỹ liên tưởng ngay pho tượng người để hậu:

- Thưa sư thầy sao vậy? Thầy không tin nơi nhà chúng con nữa?

Sư thầy xua tay, nụ cười dịu dàng:

- Không phải, không phải vậy. Triều đình mới có lệnh cấm đúc chuông, tạc tượng, xây chùa... Vua quan không thờ Phật thì hẳn là không muốn dân thờ...

Mấy cây gỗ được mang đi. Khi từ biệt sư thầy nói với Đồng Cát Sỹ:

- Tôi lo mang mấy cây gỗ quý về chùa bảo quản, đến một lúc nào đó, ông hãy tin tôi... tôi sẽ mời ông lên hẳn trên đó lo việc này. Tôi mong ông bảo trọng sức khỏe. Mấy ngàn năm rồi người ta vẫn thờ Phật. Phật đâu phải chỉ là tượng gỗ. Phật đâu chỉ ở chùa?

Thấy không còn cơ hội tạc tượng Phật với đôi bàn tay của mình, Mạnh Tông đi ra đi vào thơ thẩn. Phần Đồng Hạo Thiên mỗi lúc một ham đọc sách, làm thơ, đi ngao du cùng đồng bạn ít để mắt tới công việc chạm khắc. Riêng với Mạnh Tông vẫn hy vọng tới một lúc nào đó, theo như lời cha nói: người tài bao giờ cũng có lúc được dùng. Vì thế Mạnh Tông vẫn kiên trì rèn luyện tay nghề. Khúc gỗ, tấm ván sau khi qua tay Mạnh Tông trở thành những tác phẩm tuyệt mỹ. Với những mẫu mã có sẵn: long, ly, quy, phụng, mai, lan, cúc, trúc... Cá vượt vũ môn. Tất cả những ước lệ đó dần dà làm cho Mạnh Tông cảm thấy chán. Chàng dành nhiều thì giờ cho đám con cháu trong nhà là chính, chàng muốn chúng vào nghề một cách căn bản. Bao nhiêu thì giờ còn lại Mạnh Tông dành cho cây sáo trúc, tiếng sáo của chàng mỗi lúc một mượt mà, mỗi lúc một thanh thoát ngọt ngào hơn. Và thỉnh thoảng chàng cất tiếng hát... Các chàng trai, các cô gái và đám mục đồng mỗi lần thấy chàng ngồi đâu là xúm lại... Có đêm thanh vắng chợt văng vẳng tiếng trống chèo từ xa, Mạnh Tông thao thức. Có phải tiếng trống đang réo gọi chàng? Có phải tiếng trống đánh thức một phần con người Mạnh Tông vẫn giấu kín trong mình, một con người bí ẩn vẫn lẩn khuất trong một thân xác hiện hữu?

Thấy Mạnh Tông như mỗi lúc một hướng ngoại hơn, tiếng sáo, tiếng đàn, tiếng hát như cuốn lấy Mạnh Tông. Hạo Thiên nói với em:

- Người xưa bảo: ở trong sách có mỹ nhân. Không đọc sách đời người mất đi một nửa.

Những câu hỏi vẫn đến với Mạnh Tông: Tại sao anh Hạo Thiên không nghĩ tới việc ra làm quan? Tại sao anh lại không có vẻ gì mặn mòi với lời giới thiệu của thầy học mà làm rể nhà quan phủ ở Thượng Ngàn? Sao không thấy anh bén mảng tới những nơi vui chơi giải trí. Mạnh Tông nghe lời anh mà chăm đọc sách hơn, gặp chỗ nào không

hiểu thì hỏi, nhờ sáng dạ nên Mạnh Tông học rất mau giỏi. Chẳng bao lâu Hạo Thiên thấy em mình đã lầu thông kinh sử. Mạnh Tông chỉ đọc mà không học viết. Hạo Thiên bảo em:

- Chả cần học viết, đọc người xưa là đủ.

Đọc nhiều, nhớ nhiều, thơ văn xướng họa trong sách chỉ lướt qua đã thuộc. Đôi khi Mạnh Tông cũng ứng khẩu làm một vài bài, nhưng sau đó thường quên ngay, hoặc chỉ nhớ một đôi câu khi có ai hỏi đến. Bạn của Hạo Thiên ai cũng lấy làm lạ, có người để sẵn bút giấy khi Mạnh Tông đọc thơ thì ghi ngay lại. Nhưng chỉ sau đó ít ngày nếu có ai đọc cho nghe, có khi Mạnh Tông hỏi: thơ của ai thế? Trong vô số những thơ mà bạn Hạo Thiên ghi lại của Mạnh Tông, nhiều người nói tới bài Xuân tửu:

Nhấp chưa nguôi chén càn khôn tửu
Nhan sắc trần gian nhắm sạch rồi
Đưa mắt trông trời nhìn địa ngục
Thần tiên, yêu quái bỗng xôn xao[1]

Nhiều người khuyên Mạnh Tông học viết chữ nhưng một mực chàng không nghe. Mạnh Tông nói:

- Anh tôi bảo: tay chú sinh ra để chạm khắc, không phải để cầm bút. Không vượt lên được cái tầm thường mà cầm tới bút có khi phạm tội ác còn hơn cả quân giết người.

Ngày tháng trôi qua, có một mùa đông khắc nghiệt để sau đó là một mùa xuân dài, tươi vui, mùa lễ hội bắt đầu. Mạnh Tông lại nôn nao vì những tiếng trống chèo từ xa vọng về. Phường chèo Nam Hạ về diễn ở một làng bên kia sông Xưa, ngay từ đêm đầu tiên đã có mặt Mạnh Tông. Vẫn là những Lưu Bình Dương Lễ với tình bằng hữu có một không hai. Vẫn là Thị Kính nhẫn nhịn với lòng hiếu sinh. Vẫn là Xúy Vân giả dại giữa đời đen bạc. Vẫn là tiếng hát xẩm của Thị Phương trên đường lưu lạc... Ban đêm hòa mình với những vui buồn nơi chiếu chèo, ngày lại Mạnh Tông nghêu ngao hết làn chào này sang làn chèo khác. Một hôm Mạnh Tông đánh bạo nói với bố:

- Con đi hát chèo được không bố?

Một khoảnh khắc im lặng khác thường, Đồng Cát Sỹ nhìn người con út có hai bàn tay khéo léo. Hát chèo? Sao lại thế?

- Người ta ghét những người theo nghề hát chèo lắm phải không bố? Người ta nói: xướng ca vô loài, con những người hát chèo không

[1] Thơ N.Đ.Vinh

được đi thi chứ nói gì tới làm quan. Còn cha?

Đồng Cát Sỹ phân vân chưa biết trả lời con làm sao, ông nhớ tới pho tượng ở chùa Mai Tụng, cái mặt tượng mà ông đã dùng rìu vạt đi. Giọng Đồng Cát Sỹ từ tốn:

- Con thực thích hát chèo sao? Nếu con thích cha cho phép chọn... Nghề chạm khắc nhà mình...

Đồng Mạnh Tông ngắt ngang lời cha:

- Bố ơi, hát chèo đâu có cần đến tay. Anh con bảo: tay con sinh ra là để chạm khắc.

Đồng Cát Sỹ cười ngất:

- Nghĩa là con vừa dùng tay chạm khắc, miệng thì hát chèo, thế còn đôi chân thì dùng làm gi?

Mạnh Tông cũng cười theo:

- Ý con muốn nói, tới một lúc nào đó, chẳng hạn như khi hơi không còn để hát nữa.

Đồng Cát Sỹ để cho con chọn nghề theo ý muốn, lại nữa, ông cũng đợi ngày tháng sẽ tới, những trải nghiệm trong cuộc sống sẽ ảnh hưởng tới đôi tay tài hoa của con mình. Một con người sinh ra đâu phải bỗng nhiên đã có thể hoàn hảo, mỗi kẻ đều phải qua những nhọc nhằn mới trở thành người.

Thế rồi Mạnh Tông bạo dạn tới tìm ông trùm của phường chèo Nam Hạ. Sau khi nghe Mạnh Tông nói, ông trùm nhìn chàng từ đầu tớ chân rồi gật gù:

- Anh thích nghề hát chèo à?

- Dạ mê hát chèo...

- Mê chưa đủ, dòng họ nhà anh từ xưa tới nay đã có ai là kép chèo, hoặc đào chèo không?

- Sao lạ thế?

- Mấy thứ này là phải có dòng, có máu, có gia phả... Nhưng thế này: anh có biết hát không?

- Dạ có biết hát...

- Ai dạy anh hát?

- Chỉ nghe hát nhiều mà biết.

Ông trùm vẫn nhìn Mạnh Tông không rời mắt. Có một cô gái người nhỏ nhắn trong phường chèo tới ngồi bên. Ông trùm quay sang nói với cô gái:

- Tay này muốn bái tổ theo nghề, trông tướng tá cũng được đấy chứ, có chịu nhận làm đệ tử không?

Cô gái không nói đưa mắt nhìn chàng trai lạ, ông trùm quay sang nói với Mạnh Tông:

- Anh nói biết hát, vậy hát thử nghe.
- Nhưng hát bài nào?
- Anh hát bất cứ bài nào anh biết.

Mạnh Tông nhớ ngay tới giáo đầu của vở Quan Âm Thị Kính mà chàng đã thuộc như cháo, chàng hắng giọng rồi cất tiếng:

Ai ơi giữ lấy đạo hiền
Giồng cây lấy đức, xây nền lấy nhân
Đôi chữ Di đà
Gái trai khỏe mạnh, trẻ già bình an
Lòng thành thắp một nén nhang
Mô Phật, từ đường siêu khổ hải
Ngũ phúc chiếu thuyền lâm
Mở Phật kinh thấy tích Quan Âm
Nhà họ Mãng...

Ông trùm vỗ tay rồi ra dấu cho Mạnh Tông ngưng lại:

- Giáo đầu mà như vậy thì chiến lắm, từ hát vỉa, sang hát cách, tới nói chúc, nghề quá đi chứ, giọng lại ngọt nữa... Bài khác xem nào.

Mạnh Tông hắng giọng:

Nam Mô A Di Đà Phật, Phật, Phật, Phật, Phật...
Nam mô bát bộ kim cương
Gãy bốn chân giường chết ổ chó con
Nam Mô Bồ Tát Bồ Hòn
Bao nhiêu vãi trẻ có con kỳ này...

Mạnh Tông vừa xuống giọng ông trùm đã cười lớn, cô gái ngồi bên cũng cười ngặt nghẽo, mấy người đứng chung quanh vừa cười vừa vỗ tay tán thưởng khiến Mạnh Tông phấn khởi hẳn lên.

- Anh còn định làm hề nữa à, anh vào vai Thị Kính thử xem, giọng anh giả gái có khi trong và thanh hơn cả các cô không chừng.

Mạnh Tông bước đi mấy bước nhớ tới cảnh Mãng ông gọi con gái và Thị Kính cất lời:

Vẳng nghe thấy tiếng cha đòi
Nào gương soi, lược giắt, trâm cài bước ra...
Công cha mẹ càn khôn cao hậu
Chữ lan thù phú tái chi ân
Sinh con ra dưỡng dục sinh thành

Phải lo giả cù lai chi đức...
Con có hiếu đẹp lòng cha mẹ
Trình lạy cha con đã ra hầu...

Mạnh Tông ngừng lại, mọi người vỗ tay không ngớt. Ông trùm nói với cô gái ngồi bên:

- Tiểu Kính Tâm này tuyệt đấy chứ, sao Thị Mầu không hát cho chàng nghe đi... chàng như khế rụng sân đình, em như gái chửa đi rình của chua...

Cô gái đấm thùm thụp vào lưng ông trùm. Mạnh Tông đoán chừng đó là đào Soan thường đóng vai Thị Mầu trong tích Quan Âm, nhưng ở ngoài thấy cô khác hẳn với vai trên chiếu chèo. Mạnh Tông hát hết bài này sang bài khác, từ vỉa nồi niêu tới sa lệch chênh, từ điệu xuân sang điệu nam, từ ngâm thơ tới nói sử... làn điệu nào chàng cũng tường. Khi nhập vai nữ giọng ngọt ngào cao thanh, khi diễu cợt khê nồng trần tục, qua giọng nam thì mạnh mẽ, khúc triết khỏe mạnh, giọng ca lúc nào cũng đầy.

Mạnh Tông nhập phường chèo chẳng mấy ngày đã quen thuộc thân thiết với mọi người nhờ tính vui vẻ và dễ chan hòa, lời ăn tiếng nói lại dễ nghe, khi nào cũng tao nhã duyên dáng ý nhị. Trong phường chèo trên hết là ông trùm Phúc, sau đến kép Trụ, đào Hòe, đào Soan... tất cả không được mười người. Mỗi người mỗi việc, mỗi người mỗi vai. Đào Soan là người chàng gặp ngay từ buổi đầu, người nhỏ nhắn, không đẹp một cách khoa trương, mà ngược lại có duyên thầm với vẻ kín đáo khác hẳn với đào Hòe. Tiếng hát của Soan trong ngọt mà Mạnh Tông đã được nghe nhiều lần mỗi khi coi phường Nam Hạ diễn trong vùng trước đây. Đào Soan không được coi là đào chính của phường, nhưng mỗi lần cô sắm vai Thị Mầu thì ai cũng công nhận là đào lẳng có một không hai. Đặc biệt nhất là phải kể vai Thị Phương trong tích Trương Viên, đào Soan như nhập hẳn vào vai người vợ hiền, người dâu thảo dắt mẹ chồng vượt qua cảnh loạn ly, quỷ dữ, làm người hát xẩm, tiếng hát đưa nàng đến gặp chồng vẫn thủy chung một dạ để đôi ngọc lưu ly nhập vào mắt nàng mang lại ánh sáng và hạnh phúc... Vai diễn chân thật, tiếng hát có lúc uất nghẹn hờn oán, rồi chan hòa câu ca đã làm bao nhiêu người đàn bà chất phát nơi thôn dã phải nhỏ lệ thương thầm. Hôm đầu trùm Phúc bảo đào Soan nhận dạy Mạnh Tông, nàng lắc đầu quầy quậy, dù vậy nàng vẫn cùng kép Trụ, đào Hòe và những người khác giúp Mạnh Tông quen dần với từng vai diễn. Trong một buổi diễn thử, cũng là tập cho Mạnh Tông. Khi cầm

tay chỉ cho chàng cách diễn múa, đào Hòe giữa chặt lấy, đưa tay lên nhìn rồi nói với mọi người: tay đẹp hơn tay con gái trời ạ... Đào Hòe cứ giữ chặt lấy tay Mạnh Tông khiến chàng luống cuống, ngượng nghịu mãi mới dụt được tay về trong khi mặt thì đỏ lên. Đào Hòe còn trêu thêm: Kìa coi có lạ không, má đỏ như cô gái mười tám...

Trong phường chèo kép Trụ ăn ở với đào Hòe như vợ chồng, nhưng hỏi ra thì chưa phải vợ chồng. Có người nói với chàng: vợ chồng phường chèo mà, tuồng làm sao thì đời làm vậy. Có ai chỉ sắm một vai thôi đâu: khi Quan Âm, lúc Thị Hến, khi Thị Mầu... Hành trang của phường chèo chỉ vỏn vẹn có mấy đôi bồ đan bằng tre trong đó những áo mũ cân đai, chuông mõ, tràng hạt... Mỗi lần từ làng này sang làng khác kẻ gánh người gồng chẳng mấy khó khăn. Phường chèo sống với nhau như một gia đình, có tôn ti trật tự riêng của nó, nhưng cũng đầy những xô bồ bát nháo bề bộn như một đám người thất cơ lỡ vận sống nơi đầu đình góc chợ.

Một tối không diễn, ngồi chơi nơi thềm ngôi đình làng, trùm Phúc nói cho Mạnh Tông nghe về nghề chèo của mình: Xưa kia phường chèo chỉ đi hát vào mùa nông thôn vào hội khi ấy là mùa xuân, nông dân không có việc đồng áng, những người có nghề hát chèo tụ tập lại với nhau đi lưu diễn, vì thế mới gọi là phường, đến khi vụ lúa mới bắt đầu thì họ lại trở về làng ra ruộng với cái cuốc con trâu chờ tới mùa xuân năm sau. Nghề này thường là cha truyền con nối, chẳng có trường nào, lò nào dạy, mỗi phường thường là một gia đình, một dòng họ, nếu không thì cũng là người trong làng, trong tổng. Người nào giỏi, có khả năng đứng đầu điều khiển thì làm trùm, sống lâu lên lão làng, người nào giỏi vào vai chính, người nào kém giữ chân chạy cờ, lính lệ, nô tì... Một phường chèo nổi tiếng nhờ vào những kép chính có nhan sắc, có giọng hát hay, đặc thù mà những phường khác không có, nhất là những vai hề. Không tích nào diễn mà không có vai hề, có hề nam và hề nữ. Mụ Đốp vợ anh mõ trong tích Quan Âm không phải đào nào diễn cũng được. Những tiểu đồng thầy bói, thầy lang, lão say thì ở tích nào cũng có thể đưa vào để có những tràng cười. Thân trò thì đào kép chính hay phụ đều như thuộc lòng, vì số tích không nhiều, gần như chẳng có tích nào mới, lại năm nào cũng diễn, có thể hôm nay diễn mai lại diễn, có tích diễn liên tục nhiều đêm do dân làng yêu cầu. Nhưng không hẳn chèo chỉ có trong mùa hội hè đình đám, thỉnh thoảng cũng có người giàu có, hoặc các nhà quan có khao vọng, thượng thọ cha mẹ gọi phường chèo về hát chầu, ông trùm tập hợp đào kép lại đi diễn dăm ba đêm. Mãi sau này có những khu dân chúng tập trung, dân không sống bằng nghề nông mới có những gánh chèo thường trực. Từ

đó phương chèo thành gánh chèo và nảy sinh việc đào kép thay đổi gánh, chuyện đào kép ghen tuông với nhau, thay vợ đổi chồng... Các ông trùm thì tìm cách o bế những đào kép chính ăn khách để thu lợi. Thế là hát chèo thành một cái nghề hẳn hoi, đào kép không có nghề nông căn bản nữa. Mỗi gánh chèo thường có những đặc điểm để người nhớ như trước đây có phường chèo Bắc Nhị, gánh này không có đào, chỉ toàn kép đóng giả gái mà lại sắm vai rất tài tình, tích nào họ diễn cũng được. Trùm Phúc bảo Mạnh Tông:

- Tôi thấy chú giả gái chắc ăn, giọng cao thanh, người nhỏ, da trắng... để rồi coi.

Đang từ cuộc sống lặng lẽ êm đềm bước vào gánh chèo xô bồ chàng thấy một cuộc sống hoàn toàn khác nhưng cũng đầy hào hứng bất ngờ. Bây giờ chỉ có tiếng trống, tiếng đàn reo vui mỗi tối. Những y phục rực rỡ, ánh sáng bập bùng như thật như giả, những son phấn mặn mà quyến rũ, và tiếng cười đùa, tiếng reo hò, tiếng hát vang vọng...

Mạnh Tông vốn thông minh, chỉ đến đâu nhớ tới đó nên chỉ một thời gian ngắn chàng đã có thể theo tiếng trống bước ra làm anh lính chạy cờ la thét dẹp đám, rồi làm hề đồng, làm lính gác, có hôm đào Hòe hóa trang giả gái cho làm tiên nữ. Mạnh Tông trở thành một cô gái đẹp như ở chốn kinh kỳ với má phấn môi son, mặt trái soan, người mảnh dẻ, chân tay thon thả... Xuất hiện ít lần mà đã làm cho nhiều người còn tấm tắc khen gánh chèo mới có đào đẹp. Họ đâu có biết là trai giả gái. Có lần sau khi đánh phấn xong, đào Hòe ghé lại gần hôn đánh chụt vào má Mạnh Tông và nói: Người đẹp của tôi ơi... làm cho cả đám phường chèo cười rú lên.

Gánh chèo không bao giờ có thể ở một nơi nào lâu, Mạnh Tông sống như đã quen thuộc với những di chuyển thường trực. Với Mạnh Tông mỗi đêm diễn vẫn là một hấp dẫn, háo hức, chàng lẩm nhẩm hát theo những đào kép trên chiếu chèo, chàng quan sát từng cử chỉ, điệu múa, cách liếc mắt đưa tình, cách chuyển quạt từ tay này sang tay khác, cách vuốt râu sửa tóc. Đặc biệt chàng thấy đào Soan mỗi lần ra diễn là một lần khác lạ, mỗi lần như có một đào Soan mới tạo những cảnh huống mới. Càng nhìn, càng nghe, chàng càng thấy cái duyên thầm của đào Soan với sàn diễn. Ở cuộc sống thường nhật đào Soan lặng lẽ như tự ẩn khuất mình vào một thế giới riêng kín đáo, giản dị... Nàng vốn người đồng chiêm, cha mẹ chết sớm, ông trùm nhận nuôi như con cho đi theo gánh chèo. Con nhỏ đã không được đùm bọc giữa những người máu mủ ruột thịt, Soan lúc nào cũng thu nhỏ người lại với những lo sợ không rõ ràng. Với Mạnh Tông chừng như nàng có phần

tin cậy hơn. Một lần Mạnh Tông hỏi Soan:

- Em cất giấu kép ở đâu?

Soan cười rúc rúc trong cổ họng, lúc lâu nàng mới nói:

- Kép của em không biết hát chèo, chỉ biết cày ruộng thôi.

Nói xong nàng chạy đi.

Gánh chèo ở Cổ Sơn chỉ mới hai đêm đã thưa người xem, phần nào vì đào Hòe giận kép Trụ, mỗi người kiếm cớ khác nhau để không diễn, hoặc diễn thì miễn cưỡng. Tất cả có một cái gì uể oải khiến cho tích diễn không còn sinh động để lôi kéo người xem. Ông trùm quyết định đưa gánh sang Ô Lâu bên kia sông. Đêm cuối giữa những đồ đạc ngổn ngang không khí vắng lặng của chùa Cổ Sơn, Mạnh Tông thơ thẩn một mình và nhớ tới quê nhà. Chợt Mạnh Tông nghe có tiếng gọi mình. Mạnh Tông đi tới góc chùa nơi có ngọn đèn nhỏ, kép Trụ đang nằm bên bàn đèn thuốc phiện trên chiếc chiếu hoa rách bẩn. Mạnh Tông ngồi ghé xuống bên. Kép Trụ đưa độc tẩu về phía chàng.

- Làm một điếu.

Mạnh Tông lắc đầu:

- Bố em bảo: trâu cày béo mập, ruộng thẳng cánh cò bay, dinh cơ nhà ngang cửa dọc kềnh càng nhưng có thể chui qua cái lỗ nhỏ xíu của cái tẩu đấy, đừng có đụng đến.

Kép Trụ nhếch mép người khinh bạc lặng lẽ tiếp tục hút, sau mấy điếu liên tiếp mới bỏ tẩu xuống, rót nước cho mình và mời Mạnh Tông, đôi mí mắt sùm sụp, giọng nói rã rượi buồn thảm:

- Đời đào kép nó oan nghiệt lắm chú em ạ. Hãy về nhà đi.

Kép Trụ một tay chống xuống chiếu, một tay như xua chàng đi:

- Vậy sao anh không về nhà!

Kép Trụ lắc đầu nhẹ, giọng nhỏ và thấp:

- Muộn rồi, muộn rồi... chú thì còn kịp. Cái ma lực của đời xướng ca. Chúng ta như con thiêu thân tìm tới ngọn lửa mà đốt cháy mình...

Kép Trụ nằm co người lại, hình ảnh quen thuộc này chàng đã nhìn thấy nhiều lần: một xác chết. Nhưng khi đêm tới, và tiếng trống chèo gióng lên, lửa bắt đầu được đốt trên những ngọn đuốc... kép Trụ lại tỉnh như con sáo, giống như kẻ lên đồng, cái xác chết kia bỗng nhanh nhẹn thay quần áo, làm mặt, đội mũ... và bước ra với vai diễn. Đam mê, trôi nổi, tạm bợ, không ngày mai, cuộc sống lấy đêm làm ngày, lấy đình chùa làm nhà ở, lấy quán chợ làm nơi sum họp. Những cô đào, những anh kép chắc cũng có lúc nghĩ tới ngày mai, tới một mái nhà. Có phải họ bị cuốn vào một đam mê không tên gọi? Hết người này tới người khác, hết đời cha tới đời con, hết anh đến em, có ai thoát ra khỏi cơn xoáy... phường chèo, bao kẻ sống chết với nó như một

nghiệp dĩ chứ không phải là một nghiệp để mưu sinh.

Sáng hôm sau trên đường qua sông, Mạnh Tông gánh hai bồ nhỏ, ông trùm đi bên vác mấy thanh kiếm, giáo mác, gậy gộc. Trùm Phúc vừa đi vừa nói: - Tối nay qua bên toàn những người xem còn lạ, diễn tích Quan Âm Thị Kính tôi giao anh sắm vai Thị Kính, xem bộ đào Hòe không còn muốn diễn nữa rồi.

Mạnh Tông ngạc nhiên đứng lại, đặt đôi bồ xuống ven đường:

- Chết, không được đâu...

- Đừng sợ, thừa sức mà, đào Soan sắm vai Thị Mầu...

Tới đình Ô Lâu, sau khi thu xếp mọi việc xong thì cả gánh nhốn nháo lên vì kép Trụ ôm bụng lăn lộn rồi sau cùng nằm thẳng đơ ra mà thở như chờ chết, nói không ra tiếng. Kép Trụ không thể diễn được, Mạnh Tông sắm vai Thiện Sỹ đóng cặp với đào Hòe sắm vai Thị Kính. Trùm Phúc căn dặn:

- Tối nay phải diễn cho ra trò, cứ như mấy ngày trước thì chết đói cả đám.

Mạnh Tông vào vai Thiện Sỹ chững chạc rõ ra một thư sinh, giọng hát ngọt ngào, đào Hòe vào vai Thị Kính thương cảm nhưng phong thái như một vị chân tu, đào Soan lẳng lơ như chưa bao giờ lẳng lơ hơn. Tất cả đã làm cho vở chèo có một sinh khí mới. Ngay vai thằng Nô, đứa ở trong nhà phú ông đêm nay cũng diễn xuất thần. Tiếng trống, tiếng vỗ tay rộn rã, những nắm tiền ném lên sàn diễn.

Tiếng trống vừa dứt, đám người tan ra nhiều ngã như đàn kiến vỡ tổ với những tiếng cười nói mỗi lúc một xa dần, đào kép người lo dọn dẹp, kẻ thay trang phục, lau phấn chùi son... Mạnh Tông bồi hồi với vai Thiện Sỹ lần thứ nhất diễn giữa hai cô đào lâu năm của gánh không chút kém cỏi, chàng như đã nhập vào vai ấy từ lâu lắm rồi. Chàng thừ người đứng khuất vào một góc tối. Bỗng chàng giật mình khi thấy đào Hòe đứng ở bên từ lúc nào chưa thay áo, chỉ mới bỏ cái khăn ra cho mái tóc chảy dài về phía lưng, nàng hơi mỉm cười với đôi mắt long lanh, Mạnh Tông vừa định nói gì thì bàn tay của đào Hòe đã đưa ngay lên trước miệng như ngăn lại rồi nàng đưa tay ôm lấy ngang người Mạnh Tông, đầu rúc vào ngực... Mạnh Tông luống cuống gỡ tay đào Hòe rồi quay người thoát ra ngoài chỗ sáng... Qua phút bàng hoàng Mạnh Tông rảo bước về phía những đào kép đang quây quần ăn cháo khuya. Tiếng ông trùm Phúc gọi lớn:

- Thiện Sỹ lại đây, còn Tiểu Kính Tâm đâu rồi...

Mọi người nhìn quanh không thấy đào Hòe đâu, có người lên tiếng gọi, lúc sau mới thấy đào Hòe bước tới lặng lẽ không nói đưa tay nhận lấy bát cháo từ tay trùm Phúc, kép Trụ đứng ở xa không thấy

nhìn lên. Suốt đêm đó Mạnh Tông không sao chợp mắt được, sớm hôm sau từ tờ mờ chàng đi về phía sông lớn nhảy xuống dòng nước đang chảy xiết, chàng thả người cho nước đưa đi thật xa rồi mới bơi ngược trở lại. Ngâm mình cho tới lúc thấy người lạnh cóng chàng mới leo lên bờ để lấy cây sáo trúc dắt trong người ra thổi, chàng nhớ tới bờ đê quê mình, những cánh ruộng phẳng, những ngọn tre cao lắc lư trong gió. Chàng nghĩ tới những pho tượng ở chùa Mai Tụng, mái nhà mà cha anh mình đang sống với nghề chạm khắc. Rồi chàng nhớ tới những ngày đầu tiên theo gánh chèo, tới đôi mắt long lanh của đào Hòe... tiếng sáo bỗng như trầm xuống, bâng khuâng không cớ... Chàng bỏ ống sáo xuống, nhìn sang bên thấy đào Soan đang nhìn mình. Nàng mỉm cười:

- Anh thổi sáo nữa đi, sao người nhiều tài thế...

Phân phân giây phút Mạnh Tông đưa sáo lên thổi tiếp, tiếng sáo dìu dặt nhẹ nhàng như vút cao vào không trung. Chàng nhìn dòng sông nước đang xuôi chảy, nắng sớm mai chiếu xuống mặt nước óng ánh như những miếng bạc vỡ, bên kia sông lau trắng ngút ngàn chạy mãi tới chân dãy núi lam mờ mờ cuối chân trời. Đâu đây một tiếng chim sâu đơn lẻ, lạc lõng. Đào Soan ngắt một bông cỏ may thả theo hướng gió. Cả hai người ngồi im không nói. Mạnh Tông nằm dài ra sườn đê, hai tay dang ra mở mắt nhìn nền trời cao xanh, những vạt mây trắng bay chầm chậm...

Sau khi ăn cơm trưa, ngồi dưới gốc cây đa ven bờ ao sen của đình Ô Lâu, ông trùm nói với Mạnh Tông:

- Đào Hòe sáng nay đã xin phép về quê vì có tin mẹ đau nặng — ông trùm có vẻ ngán ngẩm — kiểu này chắc không xong rồi, phải tìm đường thôi. Đào Soan ngồi gần bên nói:

- Thì bố để anh Mạnh Tông sắm vai Tiểu Kính Tâm như bố đã cho tập thử đó?

Giọng ông trùm có vẻ dứt khoát:

- Phải đấy, chiều nay mình dượt thêm vài lần nữa.

Buổi chiều tập lại tích Quan Âm Thị Kính, kép Trụ nói không thành tiếng nên không thể vào vai, ông trùm vào vai Thiện Sỹ... Tối lại tích Quan Âm Thị Kính được diễn với một Thị Kính hoàn toàn mới nhưng lại được hoan hô không ngừng. Mạnh Tông nghiễm nhiên trở thành đào chèo thanh sắc làm ngẩn ngơ bao nhiêu người, trong gánh có người gọi chàng là cô Mạnh Tông.

Đào Hòe về quê không trở lại sau đó nhắn lên lời chào mọi người, kép Trụ đang diễn ở gánh khác dưới mạn xuôi. Ông trùm Phúc phải cho gánh ngừng ít ngày trong khi đi gọi thêm đào kép. Một tối không diễn, trùm Phúc nói với Mạnh Tông:

- Liệu chú có quyết đi theo gánh không? Này Soan nó có cảm tình với chú lắm đó. Có đào thì phải có kép...

Mạnh Tông không nói chỉ mỉm cười nhìn ông. Khi nhắc đến đào Hòe ông Phúc bảo:

- Tôi đã nói rồi, tay Trụ không xứng với nó, thêm nữa nghiện rồi thì đâu có tiền cho đủ hút, mà cái nàng tiên nâu ấy khi đàn ông mắc rồi thì không biết vợ con nữa, chỉ có con đường giữ vợ là làm cho vợ nghiện luôn mới xong... Đào chèo, cái nghiệp của nó nặng lắm...

Ông trùm ngửa cổ cạn hết một chén rượu lớn:

- Ngay chính bản thân tôi cũng như đã chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc đời đào kép rồi. Thuở còn thanh sắc kẻ đón người đưa, bao người chiều lụy. Nhưng khi hát không ra tiếng, nhan sắc đã tàn thì nó bi thảm lắm, có chăng thỉnh thoảng người ta nói lời thương hại: xưa kia... thanh sắc đã đưa người ta tới bao nhiêu bi kịch, mà nào chỉ với đào kép thôi đâu? Lúc tôi còn trẻ có kết với đào Hồng, lúc đó tôi hát hay, đẹp trai, khỏe mạnh, nhưng đâu phải chỉ có một mình đào Hồng đâu? Lúc tôi diễn ở phủ Lạc Châu, tên tri phủ mê đào Hồng, kêu trùm trưởng chèo phải đưa đào Hồng vào trong phủ hát gõ. Cái trò quan gọi đào vào phủ này diễn ra hoài. Tôi biết nếu đào Hồng vào thì chẳng thoát được tên quan ấy. Tôi ngăn lại. Tên quan cho lính giữ gánh chèo không cho đi. Tay trùm thuyết phục tôi và đào Hồng để cứu gánh chèo. Tôi đành buông xuôi. Vào phủ rồi không biết tên quan hăm dọa và dụ dỗ ra sao không rõ, đào Hồng không về với gánh chèo mà ở lại làm nàng hầu. Phần tôi đã đành, phần nàng sau tội nghiệp hết sức. Sắc đã tàn, hương đã rửa nên tên quan mang gả nàng cho một tên đề lại. Có nhan sắc đâu có sung sướng gì. Lúc tôi đã từng trải tôi mới lấy người vợ sau. Nàng theo gánh chèo từ nhỏ do tôi dìu dắt, nhưng đến lúc đã đủ lông cánh, lại có nhan sắc thì không cầm lòng được mà theo lời dụ dỗ của một kép trẻ đang lên. Đời đào kép là thế đó.

Phường chèo không có đào trẻ hát hay thì không ai xem, nhưng một khi đào đã nổi tiếng thì lại khổ vì kép tranh nhau đào, khổ vì gánh khác tìm cách mua chuộc rủ quyến đi, nhưng khổ nhất là với những kẻ có tiền, có quyền như mấy tên đầu tỉnh, đầu huyện, đầu làng, những lãnh chúa... Khi gánh chèo nào có đào xinh đẹp là chúng nhòm ngó. Khi tới xem diễn là đôi mắt của chúng hau háu, rồi sau đó tìm đủ cách để ít nhất cũng vuốt được má, sờ được mông, để ngủ với đào. Đâu phải những tên đó không có vợ đẹp, không có hầu non, khi chúng làm quan thì bỗng nhiên chúng trở thành dâm đãng, tàn ác. Cũng có một vài tên quan chỉ mê đào, say tiếng hát rồi thôi. Nhưng cũng có tên mê đào mà bỏ cả làm quan, trường hợp này hiếm nhưng cũng đã có. Hình như đào

chèo khi xuất hiện trên sàn diễn có thêm một sức quyến rũ ma quái nào đó. Họ liếc mắt đưa tình, diễn cảnh âu yếm đã tập luyện, rồi phấn son, trang phục, kèn trống... Làm cho người xem muốn được sống trong cảnh diễn, điều mà ở cuộc sống họ không được sống. Họ muốn sống với một cảnh mà họ từng mơ ước.

Ông trùm Phúc ngừng lại một chút, rót thêm rượu:

- Anh còn trẻ mới theo gánh chưa thấy được hết thế nào là đời sống phường chèo. Tôi hỏi thực anh: tại sao anh lại mê chèo? Hay vì một cô đào chèo nào đó hớp hồn anh? Đào Soan hả, nó đâu phải là một cô đào chim sa cá lặn gì... tôi chưa thấy ai đi theo nó cả.

Mạnh Tông cười thành tiếng. Trùm Phúc nói tiếp:

- Trong đời tôi nhớ một cô đào. Đó là đào Sen. Sen đẹp và hát hay. Trong gánh lúc đó có tới ba kép cúc cung tận tụy với cô ta. Lẳng lơ, sắc sảo ai gặp cũng tưởng cô ta có tình ý với mình. Tới làng nào bọn hương lý gọi tới hát là cô đi ngay không bao giờ để cho gánh gặp khó khăn. Có lần vào hát trong nhà tên lý trưởng, mụ vợ ghen đốt nhà luôn, đào Sen chạy được về. Có người hỏi: Có sao không? Cô ta nói tỉnh queo: Mặc tới bốn cái quần lận... Rồi lên huyện, lên tỉnh các quan đâu tha, nhưng chỉ là mèo vờn chuột với cô ta thôi. Nhưng sau này nàng lại chịu đi lại với một tên đầu tỉnh. Tôi hỏi: Định làm bà lớn thật à? Đào Sen bảo: Hắn già và hôi lắm, em muốn xây cho mẹ em cái nhà ngói và mua mấy sào ruộng. Nhớ lại tôi còn nhớ như in, thảm quá, tôi đâu có làm được gì. cô ấy ăn ở với gánh chèo rất tốt, chẳng có nay gánh này mai gánh khác, lẳng lơ hình như chỉ ở ngoài da cô, người cao số, không chồng con, cho mãi tới khi lớn tuổi mới rời gánh trở về quê sống với mẹ. Sao những người như thế mà không được sống sung sướng? Trong tất cả những cô đào mà tôi được biết chỉ có một người mà cuối đời là có hậu. Trong các phường chèo chẳng ai không nghe danh đào Út Gái. Út Gái là một đào thương khi sắm những vai bi lụy thì không ai có thể cầm được nước mắt vì tiếng hát não lòng người. Đào Út Gái không thiếu người theo đuổi si mê. Trong số đó có một anh đồ, nhà có của và nền nếp. Anh ta xem đào Út Gái diễn lần đầu đã si mê bỏ cả đường học vấn, bỏ cả gia đình vác thân đi theo gánh chèo. Mới đầu Út Gái khó chịu, có khi nặng lời nữa, rồi tìm đủ mọi cách xua đuổi, anh ta nhất định không lùi một bước, gánh đi đâu anh ta theo đó, không được tới gần thì ở xa xa. Út Gái khi trở trời trái nắng thì anh ta lại tới hầu hạ, khi Út Gái thất vọng thì anh ta an ủi vỗ về. Anh ta vui buồn theo với vui buồn của Út Gái. Cuối cùng cảm vì mối tình si, Út Gái ngả vào lòng anh ta, Út Gái bỏ gánh chèo và lập gia đình với anh ta. Họ sống sung sướng.

- Nghe rồi cháu cũng muốn lạy tổ mà đi, sao đời đào kép khổ thế mà tổ không động lòng...

- Tùy thôi, cũng có lúc tôi muốn cho gánh tan hàng, ai về nhà nấy. Nhưng cứ nghỉ ít lâu lại thấy nhớ, cổ ngứa ngáy muốn hát, chân tay buồn bực muốn múa may... Thế là thế nào nhỉ? Hay ông tổ mình đã có một lời nguyền nào chăng?

Vừa nói hết câu trùm Phúc cười khà. Mạnh Tông nói:

- Phường chèo mà cũng có tổ?

- Nghề nào mà không có tổ, ăn mày cũng có tổ nữa. Nghề chèo ở ta thì tổ cũng không rõ ai, có người nói là người Tàu tên Lý Nguyên Cát, người Tàu này sang dạy cho các cung nữ của triều đình. Nhưng ở bên Tàu cho tới ngày nay đâu có hát chèo, không lẽ không ta nghĩ ra được. Khó tin, chắc tổ chèo là một người Việt chứ không thể là Tàu. Các cụ mình ngày xưa khôn lắm. Có chữ viết mà không dùng. Tàu nó đô hộ thì dùng chữ Tàu nhưng không nói tiếng Tàu. Có nhiều điều không viết ra, chỉ truyền miệng, truyền từ đời này sang đời khác. Tích chèo của mình cũng vậy, có ai viết, chép ra đâu. Nên cũng chẳng thấy tên tuổi người viết, chẳng biết được viết từ thời nào. Cái thân trò thì ai theo nghề phải thuộc, cứ truyền miệng như thế, rồi người diễn tùy tiện thêm bớt, nhưng hẳn nhiên những cái hay thì lưu truyền, cái nào dở thì tự nhiên đào thải, cũng như ca dao của mình, bao nhiêu bài hát của vùng quan họ cũng thế, những bà mẹ ru con từ lúc lọt lòng, thế là câu hát điệu ru thấm vào đứa trẻ và lớn lên làm người Việt Nam. Cho nên các truyện diễn ca của mình, anh thấy đó, đều có thể trở thành hát ru cả, cái thể thơ sáu tám nó mới giản dị làm sao, ai cũng có thể làm rồi từ đó là biến ra những điệu hát... Tài tình thật.

Hát chèo là của dân tau
Bên Tây chẳng có, bên Tàu cũng không
Tây trắng chúng biết múa mông
Tàu vàng có đĩ đánh bồng múa đao...

Trùm Phúc vào ngay một làn chèo rồi cười khà khà nhừa nhựa chất men. Ông hát rồi ông múa tay, dần dần tiếng nói không rõ trở thành lảm nhảm tiếng rõ tiếng mất cho đến khi ngã người xuống chiếu ngủ vùi. Đêm đã khuya, Mạnh Tông nhìn lên bầu trời sâu thẳm không một vì sao, chợt chàng thấy ánh mắt long lanh của đào Hòe hiện ra. Chàng đứng lên trở về chỗ nằm của mình.

Gánh chèo Nam Hạ có thêm đào kép mới từ gánh khác sang, Mạnh Tông đóng cặp với đào Soan rất ăn ý, tiếng nổi khắp vùng đồng

chiêm. Dân mê chèo bàn tán về đào Thị Phương sắm vai Tiểu Kính Tâm, một Mạnh Tông đóng vai Kim Nham, Dương Lễ, hoặc Lưu Bình. Nhưng có người bảo: Tận mắt trông thấy Thị Phương chính là kép Mạnh Tông giả gái. Hơn thế nữa còn quả quyết Mạnh Tông là chồng đào Soan, người thường đóng vai Thị Mầu, Thị Hến và cả vai Châu Long, Xúy Vân. Người nói thế này, người nói thế khác khiến cho nên phường chèo Nam Hạ càng thêm có sức hấp dẫn đối với người mê chèo. Người ta rủ nhau đi xem chèo nhưng cũng là để đánh cược xem ai đúng, ai sai. Ban ngày còn có người rình xem mặt Mạnh Tông và đào Soan. Người ta lẫn lộn giữa đào Soan với kép Mạnh Tông một phần vì Mạnh Tông khi giả gái đóng vai nữ, rồi có khi đóng vai nam. Từ Ô Lâu gánh Nam Hạ di chuyển không ngừng, nơi nào cũng được chào đón nồng nhiệt, chẳng đêm nào vắng người xem, có người mới đêm trước coi ở đình làng, đêm sau lại theo gánh sang làng bên xem lại. Cuối cùng phường Nam Hạ lên phủ Lạc Quần với dự định sau đó sẽ nghỉ diễn một thời gian.

Ngay từ đêm đầu tiên phường Nam hạ đã lôi cuốn một số người xem kỷ lục, nhiều thanh niên trèo cả lên tường, lên ngọn cây để coi cho bằng được. Người xem đông, đào kép nức lòng khiến cho tích diễn càng hay, người xem càng nồng nhiệt cổ vũ. Gánh thành công nhờ tài diễn xuất và tiếng hát của Mạnh Tông kéo theo đào Soan lên hạng dàn chèo có giá. Trùm Phúc nghĩ tới việc cho hai đào kép này thành đôi. Một hôm ông nói:

- Hai đứa bay làm vợ chồng hờ mãi à? Thị Phương thì phải có Trương Viên, Dương Lễ thì phải có Châu Long, Kim Nham thì phải có Xúy Vân. Có đực thì phải có cái...

Cứ mỗi lần nghe trùm Phúc bắt đầu nói như thế thì Mạnh Tông chỉ cười trừ, còn Soan tìm cách đi chỗ khác. Có lần trùm Phúc lấy giọng nghiêm mà vẫn như đùa:

- Tôi hỏi thực anh, anh là trai hay gái?

Đám đào kép bu quanh cười rộ. Mạnh Tông đỏ mặt, đào Soan ngượng ngùng. Có người nói: chắc ái nam ái nữ. Hề Đá giọng bông đùa: Tôi thấy... Anh ta không nói tiếp mà diễn ngay một hồi hề câm làm mọi người cười bò lăn bò càng. Một tay chuyên vào vai chạy cờ, giọng táo tợn: Khám đi, không thì tụt quần ra là biết... Mạnh Tông cáu lên, quát lớn:

- Không đùa nữa...

Thấy mặt Mạnh Tông đỏ gay, lông mày cau lại mọi người vội lãng đi. Trùm Phúc hơi tủm tỉm cười:

- Mới đùa một chút mà cáu lên là thế nào? Vậy sao không chịu

lấy vợ?

Mạnh Tông bỏ đi, lúc ra gặp đào Soan, nàng hơi cười vẻ đùa cợt. Mạnh Tông chưa nguôi cơn bực bội:

- Cười, cười cái gì...

Đi hết một đoạn đường Mạnh Tông mới thấy người dễ chịu. Chợt chàng lại thấy những người qua đường như chú ý tới mình, chắc họ nhớ mình trong điển tích diễn. Mạnh Tông đổi hướng qua con đường vắng. Mạnh Tông nhận ra rằng: mình vẫn chưa hòa nhập được với đời sống phường chèo, một đời sống đầy buông thả và nhuốm chất phi luân. Son phấn hào nhoáng, những cuộc đời thu ngắn trong một đêm diễn, đào kép phải sống với bao nhiêu cuộc đời khác nhau, nhiều khi đối nghịch nhau về nhân cách, họ cười cợt, họ khóc than thảm thiết... Cuộc đời, tích diễn, giả và thực, mặt trái và mặt phải... Người ta sống không lẫn lộn?

Vào đêm diễn chót ở phủ Lạc Quần, ngời xem đông không có chỗ chen chân. Tiếng trống rộn rã hòa lẫn tiếng đàn, tiếng hát, những tràng vỗ tay không ngớt suốt từ màn giáo đầu cho tới tích diễn kết thúc với tiếng trống vãn chèo. Giữa lúc người xem đang ùa ra về thì một toán lính phủ ùa vào, đào kép chưa kịp theo quần áo nhốn nháo cả lên. Trùm Phúc chạy ra, tên Đề lại hỏi:

- Đào Thị Phương đâu, quan phủ gọi.

Trùm Phúc ngỡ ngàng không hiểu, sao lại đào Thị Phương, Vai Thị Phương vợ Trương Viên thì đâu phải một đào sắm vai duy nhất?

- Dạ, chắc trên phủ nhầm, chỉ có Thị Phương vai vợ Trương Viên. Ở gánh chúng tôi chỉ có đào Soan, đào Lệ, đào Túy.

Nghe đến tên mình, đào Soan rúm người lại, Mạnh Tông thì nhìn nàng lo âu. Lúc bấy giờ đào kép đang đứng chung quanh theo dõi câu chuyện, một tên lính chỉ vào Mạnh Tông giả gái sắm vai Thị Phương vợ Trương Viên:

- Nó đây này.

Trùm Phúc vội nói:

- Đó không phải đào mà là kép Mạnh Tông đóng giả gái vai Thị Phương.

- À bọn mày định lừa chúng tao phải không? Bắt nó đi.

Không nói thêm gì đám lính ùa tới kéo Mạnh Tông đi, chàng kinh sợ ngã xuống, bọn lính liền đứa giữ chân, đứa nâng đầu vác lên vai mà khiêng đi... Đào kép chung quanh cũng như mọi người không hiểu việc gì vội vàng tản đi lo tai bay vạ gió tới với mình.

Mạnh Tông tỉnh dậy thấy mình đang nằm trong phủ đường của quan đầu tỉnh. Chàng không hiểu vì sao chàng lại bị bắt dẫn tới đây, có

chăng một lầm lộn nào với kẻ tội phạm giết người nào đó. Chàng lắng nghe có tiếng người: cô đào này đẹp thiệt, sắm vai xẩm mù đi ăn xin mà vẫn ngon lành... Đẹp thế làm sao qua mắt quan được... Có nhiều tiếng lao xao lẫn lộn nghe không rõ, chợt có tiếng hỏi lớn: Nó tỉnh chưa?... Hình như chưa... Vào xem... Thấy có người bước tới, Mạnh Tông ngồi bật dậy. Tên lính nói vọng ra:

- Nó tỉnh rồi.

- Vậy dẫn nó lên, quan phủ đợi.

Tên lính giữ lấy cánh tay Mạnh Tông kéo đi. Chàng bước theo ra ngoài. Tới cửa tên Đề lại kèm một bên:

- Muốn sống thì quan bảo gì nghe nấy. Nhớ không?

Đi qua mấy tòa nhà, qua mấy khoảng sân tối họa hoằn mới thấy một ngọn đèn với ánh sáng yếu ớt, chỉ có tiếng bước dưới chân của ba người khua động sự im lặng trong khu phủ quan. Đến một dãy nhà ngang có treo một ngọn đèn lớn ánh sáng chiếu rõ một cửa vào đang mở, tên lính giữ tay Mạnh Tông lại, tên Đề lại cất tiếng:

- Bẩm quan... con đã...

- Cho nó vào...

Tên lính đẩy Mạnh Tông bước qua bậc cửa rồi lấy tay kéo hai cánh cửa đóng lại. Mạnh Tông nghe rõ tiếng chốt cửa.

Đứng giữa một gian phòng đầy ánh sáng, trước mặt là một người đàn ông đã đứng tuổi, có râu bên mép mặc quần áo lụa đang nửa nằm nửa ngồi trên tràng kỷ. Mạnh Tông nghĩ: chắc đây là quan phủ. Chàng cũng không biết phải làm sao vì lần đầu tiên bước tới một nơi như thế, lại không hề được hướng dẫn chút nào, thêm nữa là cảnh huống chàng đang gặp không biết lành dữ ra sao. Tại sao mình lại bị dẫn tới đây? Tên quan ngồi thẳng dậy, hai chân thả xuống đôi hài ở dưới nền gạch, đôi mắt hau háu nhìn Mạnh Tông từ đầu đến chân rồi tủm tỉm cười:

- Đến mà không đàn trống gì hát cho nghe à?

Ông muốn nghe mình hát? Mạnh Tông hơi ngạc nhiên:

- Dạ, lính bắt con tới, không nói gì cả, con tưởng...

Mạnh Tông nói với sự yên tâm hơn. Như vậy là không có tội gì. Bỗng giọng tên quan rành rọt:

- Tại sao tới phủ này hát mà không biết quan là ai? Đến nhà người ta mà không biết chủ là thế nào? Có biết lỗi đó không?

Mạnh Tông lúng túng, thế là thế nào, phải chăng vì lỗi gánh chèo không trình quan mà bắt mình phải chịu tội.

- Dạ, chúng con có lỗi.

- Biết lỗi vậy là được...

Giọng tên quan nhẹ hẳn đi. Mạnh Tông đứng im, tên quan rời

trường kỷ đi một vòng chung quanh Mạnh Tông ngắm nghía:

- Đẹp, đẹp thật...

Trở lại ngồi nơi trường kỷ, tên quan nói tiếp:

- Vậy bây giờ hãy hát một bài cho ta nghe.

Mạnh Tông lấy lại bình tĩnh và cất tiếng hát:

Tại sơn chi hổ báo
Chưa gặp thời còn ẩn náu rừng xanh
Tôi Lưu Bình quê ở Bắc Ninh...

Tên quan giơ tay ra dấu cho Mạnh Tông ngừng lại:

- Mày hát được cả giọng nam nữa à?

Mạnh Tông ngạc nhiên:

- Dạ con là kép.

- Mày là kép? Mày định lừa tao à?

- Dạ không, con là kép giả gái đóng vai Thị Phương và nhiều vai nữa như Thị Kính, Thị Hến và...

- Mày là kép giả gái?

- Dạ vâng...

Tên quan vùng đứng dậy khỏi trường kỷ:

- Cởi quần áo ra...

Mạnh Tông kinh hãi nhìn lên, chàng thấy mặt tên quan giống như mặt những tên quỷ chàng đã khắc trên ván ở chùa Mai Tụng. Mạnh Tông luống luống nhìn quanh như tìm đường tháo chạy:

- Mày định chạy à, có mà chạy lên trời con ạ. Cởi quần ra.

Mạnh Tông càng luống cuống và không biết làm sao chỉ có nghe theo như cái máy. Chàng bỏ bỏ quần áo giả gái của vai Thị Phương ra chỉ còn lại cái quần lót. Chàng vừa đứng ngay thì tên quan lại quát lên:

- Cởi hết ra...

Mạnh Tông như người mất hồn, cởi bỏ nốt chiếc quần rồi đứng ngay tàn tán, hai tay bụm lại che hạ bộ như một phản ứng tự nhiên. Tên quan đôi mắt mở lớn nhìn khắp thân thể chàng. Chợt tên quan ra lệnh:

- Quay đằng sau lại...

Mạnh Tông như kẻ vô hồn. Chợt chàng thấy những bước chân tiến gần từ phía sau lưng, một bàn tay ướt lạnh để trên vai rồi vuốt xuôi xuống tới lưng, thân thể chàng uốn theo và nổi gai khắp người. Một giọng nói lảm nhảm:

- Thị Phương, Thị Kính, Thị Mầu...

Mạnh Tông bị ôm chặt từ phía sau không sao cựa quậy được. Một

nỗi kinh hoàng khác thường ập đến. Chàng cố gắng vùng vẫy nhưng cuối cùng bị đè xuống nền nhà. Tên quan như con thú điên trên lưng Mạnh Tông.

Tỉnh lại Mạnh Tông thấy mình nằm ven đường cái quan, thân thể trần truồng nhớp nhúa, quần áo vứt ở bên. Trời chưa sáng, không một bóng người trên đường. Mạnh Tông vội lấy quần áo mặc vào người rồi phóng chạy.

Khi nhìn thấy ông trùm Phúc đứng nhìn chàng trân trân, Mạnh Tông hình như chưa hoàn hồn, chàng nói trong cơn mê loạn:

- Tôi bị... hiếp...

Mạnh Tông co rúm người lại và ngã xuống bất tỉnh một lần nữa. Trùm Phúc như hiểu ra cớ sự vội vã bế chàng vào chỗ kín đáo, tắm rửa thay quần áo cho Mạnh Tông. Khi tỉnh dậy Mạnh Tông định nói nhưng trùm Phúc ra dấu cho chàng im lặng và nằm yên.

Ngay buổi trưa hôm đó gánh chào Nam Hạ gồng gánh kéo nhau ra khỏi Lạc Quần. Mạnh Tông quyết định đưa đào Soan về quê mình. Trên đường Mạnh Tông nói về gia đình, về nghề chạm khắc mà trước đó chàng đã đeo đuổi. Giọng Mạnh Tông như vẫn ở trong cơn kinh hãi:

- Làm đào chèo không được đâu, đã bao nhiêu người khốn khổ vì nó rồi. Anh mê chèo, anh cũng muốn sống tới già với chèo nhưng không được, cái này nó oan nghiệt quá, mình không thể sống với nó... quỷ ở khắp trần gian...

Giữa đường đi ngang qua chùa Mai Tụng. Mạnh Tông nói với Soan:

- Hay quá, không ngờ mình lại đi ngang qua đây, anh muốn chỉ cho em thấy những bức tượng nhà họ Đồng đã làm.

Hai người bước qua cửa tam quan. Đi hết nửa sân Mạnh Tông gặp một chú tiểu, khi hỏi thăm mới rõ thầy trụ trì trước đây đã qua đời. Trước tam bảo Mạnh Tông và Soan cùng quỳ xuống, không khí tĩnh lặng, khung cảnh trang nghiêm, những tượng Phật sơn son thếp vàng rực rỡ, hương trầm phảng phất, Mạnh Tông thấy mình như đang ở một thế giới khác, thế giới của tĩnh tại và thanh thoát.

Lễ Phật xong Mạnh Tông dẫn Soan đi coi bộ tranh khắc Thập Điện Diêm Cung chạy theo bức tường quanh chính điện. Mạnh Tông nói rất nhỏ vào tai Soan:

- Anh khắc đấy, đẹp không?

Đi hết một vòng, khi bước xuống sân Soan mới nói:

- Trông khiếp quá anh ơi.

- Là địa ngục mà, toàn quỷ với kẻ có tội...

- Anh chỉ biết khắc quỷ thôi à?

Mạnh Tông không biết trả lời sao, mãi sau mới nhớ tới tượng để hậu thờ ở sau chùa:

- Anh có khắc người nữa...

Hai người đi vòng ra sau chùa để tới nhà hậu. Sau khi quan sát khắp một lượt Mạnh Tông nhận ra pho tượng mình khắc nhưng có điều khác thường: một tấm vải đỏ phủ lên đầu pho tượng khiến không thể nhìn thấy mặt. Mạnh Tông chỉ cho Soan pho tượng rồi tiến tới gần để lật tấm vải lên cho Soan nhìn rõ pho tượng mình đã khắc. Nhưng vừa lật miếng vải Mạnh Tông đã vội buông xuống: Tượng không có mặt, tượng đã bị vạt mất mặt. Mạnh Tông bàng hoàng cầm tay Soan đi vội ra ngoài. Soan hỏi:

- Sao vậy anh?

- Không biết nữa...

Bao nhiêu câu hỏi đến với Mạnh Tông. Ai đã đục bỏ mặt tượng người để hậu? Tại sao? Tượng không có mặt sao vẫn để trên bệ thờ. Suốt trên đường về nhà pho tượng mất mặt ám ảnh Mạnh Tông.

IV.

Thấy người con út trở lại nhà họ Đồng ai cũng mừng rỡ. Riêng Mạnh Tông khi thấy cha già nay đã không nói được sau một cơn bệnh ngặt nghèo. Anh Hạo Thiên thì lên núi đã lâu, có người nói hình như anh đi tu tiên. Đồng Bái Nhật mới lập gia đình ở chung với cha thay người con trưởng. Đồng Tuệ Nhân buôn bán giàu có nay đã có dinh cơ riêng. Về nhà Mạnh Tông không nói gì về những ngày theo phường chèo. Mạnh Tông dẫn Soan vào lạy cha, chào các anh các chị trong nhà và xin phép làm lễ cưới. Trong nhà không ai hỏi, nhưng Tuệ Nhân thì nói với anh Bái Nhật: chắc chú út mê cô ấy từ trước nên mới theo gánh chèo. Trong nhà dù Hạo Thiên vắng mặt nhưng những người thợ chạm vẫn làm việc như hồi Mạnh Tông chưa đi. Bái Nhật nói:

- Lúc cha còn nói được, cha bảo: thế nào rồi út nó cũng về. Sau khi cha thoát chết, anh vẫn lo việc làm cho thợ để trong nhà được vui vẻ với một sinh hoạt không thay đổi, anh nghĩ điều đó có thể giúp cho cha sớm bình phục đợi ngày em về. Quả như lời cha nói.

- Anh Hạo Thiên bảo em: tay chú cha mẹ sinh ra là để chạm khắc...

Mạnh Tông soạn lại đồ nghề của mình, ngó mắt vào công việc thường ngày của thợ, mà thợ trong nhà nào ai khác là những con cháu

không bên nội thì bên ngoại, còn thì người làng, người trong tổng cả. Khi thấy một khúc gỗ ngắn, lớn hơn cái đầu người thì Mạnh Tông nghĩ tới pho tượng mất mặt ở trên chùa Mai Tụng: Sao mình lại không thay bằng một cái đầu mới hay cái mặt mới?

Ngày hôm đầu tiên cầm cái dùi đục trên tay, sau vài nhát chạm chàng ngẩng mặt lên, nơi cửa Đồng Cát Sỹ đang nhìn con, chàng vội chạy đến, người cha run rẩy cầm lấy tay người con út, môi ông mấp máy muốn nói mà không thành lời, nước mắt chảy ràn rụa xuống hai gò má nhăn nheo. Mạnh Tông cũng khóc theo...

Từ một đào chèo với cuộc sống gần như không nhà, trôi nổi hết nơi này tới nơi khác, Soan bắt đầu một cuộc sống mới không phải không ngỡ ngàng. Mạnh Tông chỉ cho vợ từ cái nhỏ nhất trở đi, chẳng bao lâu với thiện chí nàng đã trở thành người nội trợ tháo vác, hầu cha khuya sớm tận tụy, sống với mọi người chân tình đằm thắm.

Cầm chiếc đục trong tay, trước khúc gỗ ngắn, Mạnh Tông cố nhớ tới mặt pho tượng của người để hậu ở chùa Mai Tụng nhưng chàng chẳng thể nào nhớ ra được. Những nét mặt hiện ra như lúc thế này, lúc thế khác, lúc thì ác, lúc thì hiền... bao nhiên nét mặt hiện ra nhưng chàng đều thấy như không phải.

Chàng lấy giấy bút ra phác thảo, vẽ rồi xóa, xóa rồi vẽ mà cuối cùng chẳng đi tới đâu. Tại sao mình đã quên đến như thế được. Vẽ mãi cũng chẳng ra đâu với đâu chàng quay sang vẽ phong cảnh, vẽ chó mèo trong nhà, vẽ chim và những hoa lá trong vườn... Chàng nhớ tới những ngày giả gái đóng vai Tiểu Kính Tâm, chàng cười thầm với mình đưa bút vẽ một ni cô, sau mấy nét phác thảo chàng chợt nhận thấy có nét hao của Soan. Càng vẽ tiếp, chân dung Soan càng đậm nét, chàng hứng thú và tiếp tục hoàn chỉnh. Chàng quên hẳn pho tượng ở chùa Mai Tụng.

Vẽ hết bức này tới bức khác, mỗi lúc Mạnh Tông một thấy nét bút của mình thay đổi, từ rườm ra tới tinh giản, trong lúc đó chân dung Soan mỗi lúc một đẹp hơn, sinh động hơn. Sau cùng chàng ngừng lại và gọi vợ tới coi mình vẽ với bức cuối cùng chàng còn giữ lại:

- Có giống em không?

Soan bối rối:

- Anh vẽ để chờ em chết mà thờ à?

Mạnh Tông phải giải thích nhiều lần, nhìn nét vẽ của chồng Soan thấy mình như đẹp hơn, duyên dáng hơn. Chàng cất bức tranh đi và nói;

- Anh sẽ khắc tượng em.

Thấy khúc gỗ ngắn còn lăn lóc dưới chân, chàng cầm lên ra sân

và vứt nó xuống ao. Mạnh Tông nhủ thầm: một cái đầu thôi không ư? Không? Trong đầu Mạnh Tông như một pho tượng ngồi với dáng vẻ riêng của Soan hiện ra: một Soan gần gũi, dịu hiền.

Một buổi sáng thức dậy Mạnh Tông đã thấy anh Hạo Thiên đang tươi cười từ ngoài ngõ bước qua cổng nhà. Chàng reo lên như một đứa trẻ:

- Anh đi đâu vậy?

- Anh đi tìm chú, nhưng...

Tìm em như thể tìm chim
Chim ăn bể bắc đi tìm biển đông
Tìm biển đông thấy lông chim nhạn
Anh đi tìm biển cạn thấy đàn chim bay
Tìm em...

Vừa hát Hạo Thiên vừa ôm lấy người em út rồi cất tiếng cười sảng khoái. Anh em gặp nhau mừng rỡ khôn siết, ngôi nhà họ Đồng như ấm hẳn lại với niềm vui sum họp.

Trong bữa cơm sum họp, mấy anh em nhà họ Đồng mải vui mà đều uống quá chén cho tới khi ai nấy cũng say khướt. Đồng Bái Nhật nằm ngay nơi chỗ ngồi mà ngủ không còn biết trời trăng gì. Đồng Tuệ Nhân thì được dịp để huyên thuyên về những chuyến buôn hàng của mình, nhưng lẫn lộn nơi này với nơi khác, chuyện mới mà thành chuyện xưa. Mạnh Tông chếnh choáng hỏi anh:

- Anh đã vào cõi Thiên Thai chưa? Có thấy Tiên không?

- Tiên à, chưa thấy... Thế còn chú, chú thấy tiên chưa? À, chú đã tới chốn đào tiên và khênh cả một cô tiên về nhà này rồi còn gì...

- Thế còn anh, cô tiên của anh đâu?

- Có đấy. Tôi lên núi đi mãi, đi mãi tới một nơi phong cảnh mới hữu tình làm sao, tôi có làm mấy bài thơ đấy, rồi tới một nơi tôi chắc là động tiên... Lúc ấy nghe tiếng hát nói hay làm sao... Nhưng lắng nghe tôi thấy tiếng hát đến ở sau lưng mình, tôi nghĩ chắc các nàng tiên đang ở ngoài, tôi quay lại, đi mãi chẳng thấy ai, và lúc đó tôi mới nhận ra tiếng hát đó là chú, thế có chết không. Tôi vội trở lại đường cũ, nhưng chẳng thấy có con đường nào, chẳng thấy cửa động đâu mà chỉ thấy rừng cây rậm rạp. Chưa vào thiên thai mà Từ Thức đã phải trở về trần. Chính là tại chú... Bây giờ chú phải đi tìm cho tôi một cô tiên để chuộc cái lỗi... Trần gian lạc lối sao mình ở đây.

- Em hát mà sao anh tưởng là tiên nữ được... Không phải thế.

- Đi tìm chú, người ta nói... Nhưng thôi, chú đã hát cho khắp cả bàn dân thiên hạ nghe rồi, bây giờ chú phải hát, hát cho cả nhà nghe...

- Được quá đi chứ, để em hát hầu cha và các anh...

Mạnh Tông đứng lên nhưng thấy thân mình không vững nữa, đôi chân chàng như đã biến đâu mất, chàng lảo đảo đứng mãi không được. Soan chạy đến bên cho chàng vịn. Chàng giữ chặt lấy vai vợ cho khỏi ngã. Hình ảnh trong đôi mắt long lanh khác lạ của đào Hòe, hình ảnh tên quan với đôi mắt hau háu, hình ảnh những quỷ dữ dưới Diêm Cung ở chùa Mai Tụng chợt hiện đến. Chàng khoa chân múa tay điên loạn, miệng há hốc, đôi môi run rẩy mà chẳng ai nghe thấy tiếng nói, tiếng hát nào. Rồi chàng gào lên và những chuỗi âm thanh không rõ ràng, không tiếng nào ăn với tiếng nào. Cho đến lúc tiếng hát rõ dần thì nó khê đục và không ai nghe làn điệu gì cả... Chàng cố gắng mấy lần nhưng đều vô vọng, chàng như mất hẳn vẽ bình tĩnh, chàng cố gào lên những âm thanh hỗn độn, những âm thanh giống như của tên điên đang gào thét kêu la. Mạnh Tông cứ ú ớ như thế, người thì ướt đẫm mồ hôi, lúc sau chàng đứng im như trời trồng. Soan lay gọi chàng:

- Sao vậy anh?

Nước mắt chảy ròng ròng xuống má, giọng Mạnh Tông như lạc đi:

- Tiếng hát của anh đâu?

Nói vừa hết câu Mạnh Tông ngã vào tay vợ. Men rượu làm cho chàng ngủ vùi. Hạo Nhiên cũng say khướt đang ngâm nga một bài thơ nhưng cũng chẳng ai nghe rõ tiếng nào.

Không ở lại nhà lâu, Hạo Nhiên xin phép cha đi xa, nhờ cậy các em trông nom cha già. Mạnh Tông hỏi:

- Anh đi đâu?

- Anh có hẹn với các đồng bạn, anh lên mạn ngược.

Đồng Tuệ Nhân lo lắng:

- Em nghe nói trên đó hồi sau này nhiều giặc nổi lên, anh tới đó mà làm gì...

Bái Nhật chen vào:

- Như thế thì giặc nó bắt mất tiên rồi còn đâu, nếu không tiên cũng chạy rồi anh cả ạ.

Mấy người cùng phá lên cười. Mạnh Tông không nói gì. Hạo Nhiên rời nhà khi chiều vừa tắt nắng. Mạnh Tông đưa anh cả ra sông chờ đò dọc, hai anh em đều im lặng nhìn nhau. Hạo Nhiên cầm chặt lấy tay em trước khi bước xuống thuyền. Mạnh Tông đứng nhìn theo cho tới khi con thuyền khuất hẳn mới trở về nhà.

Cuối cùng Mạnh Tông đã tìm được một khúc gỗ như mong đợi. Chàng ngắm nghía và phác họa trong đầu. Thấy em như có ý tạc tượng thì Tuệ Nhân hỏi ngay:

- Chú định tạc tượng?

- Dạ, sao vậy anh?

- Chú quên là triều đình đã ra lệnh cấm không được tạc tượng à?

- Nhưng chỉ cấm tạc tượng Phật, thần thôi...

- Thế chú định làm gì với khúc cây tốt như thế này?

- Em định... để làm xong rồi anh sẽ thấy, chắc đẹp lắm đó...

- Đẹp, nhưng liệu có bán được không?

Mạnh Tông giữ cho mình không cười lớn. Trong óc người anh kinh doanh hình như lúc nào trong đầu cũng là một phép toán, hết cộng trừ đến lời, lỗ, nhiều, ít... Mạnh Tông nói với anh:

- Trách nào chẳng bao giờ anh chịu làm thơ...

- Sao chú nói vậy?

- Thơ đâu có bán được...

Đồng Tuệ Nhân gúc gúc cái đầu không nói thêm nữa. Mạnh Tông trở lại với những phác thảo, chàng quanh quẩn bên vợ để ngắm nghía, nhìn từ nhiều góc cạnh khác nhau chàng thấy vợ mình đẹp hơn, xinh hơn khi nhìn kỹ. Khóe miệng tươi nhưng kín đáo, đôi mày thưa nhạt mà vẫn rõ nét, đôi mắt sâu nhiều tâm sự nhưng trắc ẩn và khoan dung, nước da trắng mịn, nét thanh tú của sống mũi khiến cho gương mặt lúc nào cũng đầy ánh sáng... Sau phần tạo dáng toàn thể, Mạnh Tông mang pho tượng vào gian phòng riêng của ngôi nhà vợ chồng chàng ở. Chàng không muốn ai chú ý tới việc của mình.

Trong nom ít người thợ trong nhà, khi mùa màng đến Mạnh Tông giúp một tay trong việc đồng áng. Pho tượng được gợi hứng từ bức chân dung phác thảo người vợ là một nguồn hạnh phúc vô ngần đối với một người vẫn say mê tin rằng: đôi tay mình được cha mẹ sinh ra để chạm khắc. Chàng tiến hành khắc tượng một cách chậm rãi, cẩn trọng với tất cả tâm hồn.

Có những ngày liên tiếp người trong nhà không thấy bóng Mạnh Tông, chỉ có Soan biết chồng mình ở đâu.

Soan sinh được đứa con trai đầu lòng. Cả nhà mừng rỡ, thỉnh thoảng nghe tiếng vợ ru con, Mạnh Tông thoáng nghe một điệu hát nào đó hết sức quen thuộc, mà mình đã từng nghe, từng hát. Thấy chồng ngớ ra, vẻ mặt khác thường. Soan nói:

- Anh đã quên hết những làn điệu chèo rồi sao?

Mạnh Tông giật mình như vừa ra khỏi cơn mê. Những làn điệu chèo, bài ru con của những bà mẹ sau lũy tre xanh, nhịp trống quân trong sân đình, những đêm trăng sáng, tiếng hò trên bến sông... Chàng ngồi lắng nghe tiếng Soan hát, giọng ngọt ngào chân chất, âm vang như quấn quít quanh chiếc võng đong đưa mà Soan đang đẩy qua đẩy

lại cho đứa con vào sâu giấc ngủ...

Soan nói:

- Bao nhiêu làn điệu của chèo, anh nhớ không? Nhưng với em bài nào cũng thành điệu ru con được cả...

Mạnh Tông nhìn vợ đang cúi xuống đứa con đang nằm trong võng:

- Xưa anh cũng đã được nghe mẹ hát...

Pho tượng Soan qua những đường chạm khắc của Mạnh Tông dần dần thành hình mỗi lúc một rõ hơn, hằng ngày Mạnh Tông thường tìm cách để ngắm vợ một cách kín đáo không cho Soan biết. Có những quãng thời gian dài chàng chỉ ngắm vợ rồi ngắm tượng. Chẳng có gì hối thúc khiến chàng phải vội vã. Tới lúc pho tượng phải hoàn thành, như nơi đến của một người trong cuộc hành trình. Một ngày tới đây chàng sẽ dẫn vợ vào trong gian nhà vẫn đóng kín cho nàng thấy: khúc gỗ ngày nào đã không còn là khúc gỗ xù xì tầm thường như bao khúc gỗ khác. Nó không còn là đời kiếp gỗ. Nó đã chuyển sinh qua một kiếp sống khác.

Trong những ngày đêm say mê, mải miết bên pho tượng, Mạnh Tông chẳng còn để ý tới những gì đang xẩy ra. Mùa nắng lửa vừa qua, trời đổ mưa như trút không ngừng hạt, hết ngày này sang ngày khác gần như không dứt. Trong mưa, để nói cho người khác nghe thì phải gào lên. Trời như thấp xuống trong khi nước sông hồ dâng lên tràn bờ. Có ngày mới giữa trưa mà tưởng như trời đã tối tự bao giờ. Pho tượng đã hoàn tất, Mạnh Tông ngắm nghía từ góc này sang góc khác mãi không biết chán. Mạnh Tông nóng ruột nhìn trời đất, chỉ mong cho trời quang mây tạnh, chàng mở toang tất cả các cánh cửa cho ánh sáng chan hòa gian nhà nhỏ, chàng sẽ dắt tay Soan vào để thấy được công trình của mình.

Tiếng trống hộ đê vẫn vang lên: tai họa đang chờ đợi. Trời mưa như đánh trống, nhiều người ở vùng trũng lũ lượt kéo nhau lên những vùng cao hơn... Mỗi lúc người chạy đi một đông. Rồi tin đê vỡ, mọi người bỏ hết của cải mà chạy mong sao thoát thân. Mạnh Tông theo tiếng réo gọi hốt hoảng cõng cha già lên vai, Soan bế con nhỏ rồi cùng nhau chạy theo mọi người... Ai cũng thấy con nước đang bén gót phía sau lưng, chẳng ai còn thì giờ mà ngoảnh cổ lại. Nước lên cao và nhanh có thể nhìn thấy được, những bờ ruộng biến mất, rồi tới những mái nhà thấp... qua đêm, trước mắt họ chỉ có nước đục mênh mông cuồn cuộn chảy ra biển, thỉnh thoảng nhô lên mấy ngọn tre già phơ phất...

Những người ở gần quãng đê vỡ khóc than nói về những thảm khốc ở đó, có những cụ già, những trẻ thơ, những người đàn bà chậm chân nước đã cuốn đi cùng với nhà cửa, trâu bò... Và đồng ruộng, nương bãi thì hoa màu rồi đây còn gì để thu hoạch? Người ta chỉ còn biết cầu trời khấn Phật mong cho con nước sớm qua.

Mưa ngớt dần rồi dứt hạt, trời sáng và xanh trở lại, nước rút nhanh, dân chúng đã đắp lại quãng đê vỡ. Mọi người dắt díu nhau trở về. Mạnh Tông bàng hoàng nhìn cảnh làng mạc bị nước tàn phá. Trong khu vườn rộng của nhà chàng chỉ còn lại ngôi từ đường, ngôi nhà nhỏ của vợ chồng chàng nước đã cuốn trôi, và pho tượng cũng không thấy dấu vết. Mạnh Tông lòng thắt lại, nhìn vợ không còn muốn nói năng gì.

Sau mấy ngày đêm ổn định chỗ ăn ngủ cho vợ con, Mạnh Tông quyết định men theo dòng sông với hy vọng tìm thấy pho tượng trôi dạt vào đâu đó.

Chàng đi theo hướng nước rút. Những ngày thơ thẩn tìm kiếm vô vọng chàng chỉ thêm đau lòng với cảnh tang thương bày ra trước mắt của vùng chiêm trũng vốn đã nghèo khó... Nhưng người ta không bó tay chờ chết. Những con người khốn khổ không chịu khuất phục, điều mà chắc từ ngàn xưa người đời trước cũng đã từng phải phấn đấu. Những ngôi nhà sơ sài được dựng lên, người ta dọn đất, đào mương, gieo hạt, trồng cây... Mỗi bước kiếm tìm của Mạnh Tông là bước thất vọng. Nước đã đưa pho tượng tới đâu? Nó đang chìm dưới đáy nước hay đang lênh đênh trên mặt biển mênh mông?

Khi tới ngã ba sông nỗi thất vọng đã thành tuyệt vọng, chàng ngồi bệt xuống bãi phù sa nhìn mung lung bốn phía. Chợt chàng thấy ở phía xa, trên một gò đất cao có nhiều người đang tụ tập dưới tàn cây xanh. Hình như nơi này không có nước dâng tới. Mạnh Tông quyết định lên phía gò đất. Gặp một nông dân đang từ phía trên đi xuống, chàng hỏi:

- Có chuyện gì ở trên đó thế?

- Chúng tôi dựng đền...

Chưa kịp hỏi thêm người kia đã vội vã đi mất. Khi lên được tới nơi có gốc cây xanh, Mạnh Tông ngạc nhiên sung sướng: pho tượng còn đây. Chàng định chạy tới ôm lấy pho tượng. Bỗng chàng ngừng lại. Pho tượng ở cách gốc cây khoảng mười bước chân, được để trên một tảng đá, phía trước tượng để một bát nhang còn mới khói hương nghi ngút. Chàng tự hỏi: tượng thần. Hay mình lầm. Chàng nhìn những người xung quanh, mỗi người một việc với công trình xây cất, những

người mới tới thì không ai bảo ai đều tới trước tượng thắp hương van vái hết sức cung kính. Chàng nhìn kỹ pho tượng và tin chắc đây là pho tượng mình đã làm. Nhưng tại sao tượng lại ở đây, trong khung cảnh này? Mạnh Tông đến bên một cụ già:

- Thưa cụ, đây là tượng...

Ông cụ nhìn Mạnh Tông, miệng suỵt suỵt ra dấu cho chàng đừng nói tiếp, ông cụ nói nhỏ cho chàng vừa đủ nghe:

- Phải, đây là tượng Bà Chúa... Bà Chúa Trôi đã cứu người trong trận vỡ đê vừa rồi...

Ông cụ kéo tay chàng đi lui ra phía sông như để tránh những điều sắp nói có thể thành bất kính trước pho tượng:

- Anh ở xa tới nên không rõ, chẳng là thế này: Hôm vỡ đê, nước tràn về vùng chúng tôi khiếp lắm, cái gì cũng cuốn băng, không có cái gò đất này thì chúng tôi chết sạch rồi. Những người ở phía trên chết vô kể. Làm sao mà cứu được? Chính mắt tôi thấy những cánh tay giơ lên kêu cứu, chính mắt tôi nhìn thấy hai người đang bám trên một mái lều mà nước đang cuốn đi băng băng... Chúng tôi chỉ biết lạy Trời, lạy Phật. Rồi chúng tôi thấy một pho tượng trôi dạt vào mép nước — ông cụ chỉ xuống đất ngay chỗ hai người đang đứng — Đây, chính ở chỗ này đây. Chính tay tôi và mấy người nữa, chúng tôi quăng dây thừng ra kéo vào. Nhưng sao tượng nặng quá, có người nói chắc tượng đồng, tượng đồng làm sao mà nổi, thật chẳng biết gì cả, khi kéo được đầu tượng lên thì chúng tôi hiểu vì sao tượng nặng: dưới chân tượng có một cánh tay ôm lấy, cánh tay một cháu nhỏ, chúng tôi vội kéo nhanh, một người lội xuống và bế cháu trai lên bờ, tay cháu vẫn bám chặt lấy chân tượng. Đưa cháu vào lều, thay bỏ quần áo ướt, một thanh niên vác ngược cháu lên chạy mấy vòng cho nước trong bụng ọc ra, lau khô rồi chúng tôi người bóp chân, kẻ bóp tay... đứa nhỏ thở rồi khóc, chúng tôi thì mừng chảy nước mắt. Cháu đã sống. Pho tượng cứu cháu...

Ông cụ kể một cách hối hả như sự việc vừa mới xẩy ra đây, Mạnh Tông hồi hộp lắng nghe câu chuyện. Ông cụ nói tiếp:

- Lúc cháu nhỏ tỉnh rồi, chúng tôi hỏi cháu nói: Cháu bị nước cuốn đi, bỗng thấy có vật gì trôi bên cạnh, cháu đưa tay bám lấy, từ đó cháu không biết gì nữa cho tới khi được cứu sống. Thật là chuyện lạ...

Trở lại trước pho tượng, cụ già giọng kính cẩn:

- Bà Chúa đã cứu người, Bà sẽ phù hộ chúng tôi. Chúng tôi lập đền thờ Bà...

Mạnh Tông nhìn lên: pho tượng mới uy nghi làm sao. Chàng bước tới gần nhìn từng chi tiết trên mặt, dưới chân, tới những nếp áo...

tất cả, chàng không thể lầm: chính là pho tượng chàng đã khắc. Cụ già nói:

- Khi vớt tượng lên cùng đứa bé, có người nói: Phật Bà Quan Âm. Mới thoạt nhìn chúng tôi cũng tưởng thế và cho rằng tượng đã trôi từ một ngôi chùa nào đó định rước vào chùa làng. Nhưng sau mọi người nhìn kỹ thấy không hoàn toàn đúng, có những chỗ giống nhưng không phải. Đây là tượng một Bà Chúa từ trên ngàn theo nước xuống. Chúng tôi ngay lúc đó đã quyết định lập đền thờ ở chính nơi Bà đã dừng lại. Sao Bà lại chọn nơi này? Cũng lạ lắm anh ạ, cái gò này với làng chúng tôi là một gò đất thiêng: đây là Gò Mả Trâu. Chẳng là ngày xưa vùng này còn hoang vu, thú dữ có nhiều, các cụ kể rằng một đêm cọp về làng, trong làng có một con trâu đã xông ra đánh nhau với cọp, hai con vật quần nhau suốt đêm. Sáng hôm sau, trước mắt dân làng: mấy nương ruộng một ngọn cỏ cũng không còn để trở thành một vũng bùn, con trâu nằm đè lên xác cọp mà chết có lẽ vì kiệt sức. Nhìn cảnh tượng ai cũng khiếp hãi. Xác cọp được lôi đi, xác trâu để nguyên tại chỗ và làm lễ mai táng. Nếu không có con trâu dũng mãnh kia thì bao nhiêu người đã mất mạng? Sau đó người dân cùng nhau gánh đất đắp mả trâu, khu ruộng trũng đắp mãi thành một gò cao, trên giữa gò để một phiến đá lớn, bên cạnh trồng một gốc đa. Từ đó nơi đây người dân gọi là Gò Mả Trâu. Cây đa mỗi lúc một cao, tàn lá mỗi lúc một rộng trở thành chỗ nghỉ trưa cho dân làng đi cày cấy và những ai ngang qua cánh đồng...

Giọng kể của cụ già đầy vẻ tôn kính. Mạnh Tông thắp ba nén hương cắm vào bát nhang, chàng chắp tay nhìn lên: khói hương bay quyện mờ ảo, pho tượng trước mắt chàng trở thành một pho tượng khác. Không còn là tượng của đào Soan. Không phải tượng vợ chàng. Chẳng phải tượng người con dâu nhà họ Đồng. Bây giờ là tượng Bà Chúa Trôi, Bà Chúa cứu sống người. Giữa đồng nước mênh mông, tượng đầy vẻ uy nghi mà không xa lạ, tỏa sáng một vẻ đẹp hiền hậu huyền bí...

Chẳng bao lâu cả vùng đồng chiêm ai cũng biết sự tích pho tượng cứu người. Đền thờ nơi Gò Mả Trâu lúc nào cũng khói hương nghi ngút. Nhiều dân quê nói với nhau về những điều cầu xin của mình thành sự thật... Đền thờ Bà Chúa Trôi nay vẫn còn...

KHUYẾT DANH THỊ NGH.
Gia Định 1996



DU TỬ LÊ

Thơ từ “notes" tháng 12-96 (hay những cám dỗ của nửa sự thật, bên kia)

Và, ngv.nhã,

bóng tối cám dỗ tôi
bằng ký ức hào hển nhớ nhung
(và hạnh phúc đầy nhầm lẫn của nó)
em cám dỗ tôi
bằng bí ẩn của những tháng, năm mất tích

hàng cây cám dỗ tôi
bằng bàn tay thô bạo của gió
em cám dỗ tôi
bằng những đòi hỏi thân xác
(chưa được làm đầy?)
sớm mai cám dỗ tôi
bằng những hồi chuông lẩy bẩy của nắng
em cám dỗ tôi
bằng niềm lặng thinh
nơi những sợi tóc ngày một thêm thưa, vắng

mưa, bão cám dỗ tôi
bằng nhan sắc dữ dội, trắng
em cám dỗ tôi

bằng biến mất, đen
như thể em đã di cư đến một hành tinh khác

căn phòng cám dỗ tôi
bằng lười biếng mời mọc của chiếc giường ám hơi hám, cũ
em cám dỗ tôi
bằng những khỏa thân /bất ngờ/
rì rào/ phì nhiêu/ biết bao/
của ngôn ngữ

ngọn đèn cám dỗ tôi
bằng ly nước, những viên thuốc độc và, quyết định tự tử của con
dế
em cám dỗ tôi
bằng bước trở lại
(của chính tôi)
từ bên kia cánh cửa thần chết

chân trời cám dỗ tôi
bằng những cánh chim mang theo biết bao lời giả dối (cần thiết)
em cám dỗ tôi
bằng dáng ngồi của một người bị mất cắp đời sống
ngay khi chưa sinh ra
(và)
nhiễu, rớt
những vẩy, mụn ấu thơ
tưởng tượng.

DU TỬ LÊ
(11-98)



PANOS IOANNIDES

Kẻ tử tội



Bàn tay cầm súng của tôi đẫm mồ hôi. Cái lẫy cò nghiến đau điếng trên ngón tay.

Đối mặt với tôi, Gregory run rẩy.

Cả người hắn như van lơn *Xin đừng!*.

Chỉ có điều là miệng hắn không thốt được ra lời. Môi hắn mím chặt. Nếu là tôi, chắc tôi đã la hét, chưởi rủa.

Cả đám lính đứng nhìn...

Ngày trước đó, trong một cuộc họp ngắn, tất cả họ đều nói: *Thật là việc đáng tiếc, nhưng mệnh lệnh phải được tuân hành. Chúng ta không có lựa chọn nào khác hơn.*

Mệnh lệnh từ Trung Ương rất rõ ràng: *Ngay khi tin hành quyết của tướng Rafel được ban hành, thì con tin Gregory phải bị xử bắn và đem xác hắn treo lên cột dây thép ngoài phố để làm gương.*

Trong cuộc chiến tranh này, đây không phải lần đầu tôi xử bắn một con tin. Tôi đã được tôi luyện vì Trung Ương đã tin tưởng ủy thác tôi với trách vụ này. Tới Gregory, đúng là chuyến *phi hành* thứ sáu của tôi.

Lần đầu tiên, tôi nhớ, tôi đã nôn mửa. Lần thứ hai tôi phát bịnh và nhức đầu mấy ngày liền. Lần thứ ba, tôi đã nốc cả một chai rượu rum. Lần thứ tư, chỉ hai ly bia. Lần thứ năm, tôi đã bông đùa sau đó *Cái*

thằng quắt queo, mắt lồi đó, có thành ma cũng không ra dáng!

Nhưng tại sao, quái quỉ thật, lần này khi cái ngày phải làm phận sự đến tôi lại bắt đầu nghĩ là có lẽ tôi không lì lợm đến thế. Nghĩ như thế này thật không đúng lúc, nó làm tôi không cam đảm thi hành nhiệm vụ.

Các bạn nghĩ xem, cái gã Gregory nầy thật đáng tội nghiệp, hắn thật nhỏ nhoi, tầm thường, hắn chẳng là gì cả, khốn nạn thân hắn.

Ngay buổi sáng đó, khi hắn nghe qua máy phóng thanh tin tướng Rafel đã bị hành quyết, hắn vẫn nghĩ là chúng tôi sẽ tha hắn vì hắn và chúng tôi đã sống bên nhau quá lâu.

Những người anh em đã ăn cùng mâm, uống cùng chén, hắn nói, *dù có thế nào, sẽ mãi mãi là bạn bè*

Và nhiều nữa, đại loại những điều nhảm nhí như thế.

Hắn đúng là thằng khùng - chúng tôi đã cảm nhận được điều đó ngay ngày đầu tiên Trung Ương giải hắn xuống. Gã lính canh hắn say khướt, ngủ khò. Và đám chúng tôi có giấy xuất trại đều không có mặt ở đồn. Khi chúng tôi trở về, Gregory ngồi chình ình ngay cạnh gã lính canh say ngủ, đọc báo.

Mấy ngày sau đó, chúng tôi hỏi, diễu cợt hắn: *Gregory, hôm đó sao anh không bỏ trốn?*

Và hắn trả lời *Tôi đi đâu bây giờ trong cái thời tiết cóng lạnh đó? Ở đây tôi cũng bình thường mà!*

Chúng tôi bắt đầu trêu chọc.

Đúng chết được. Tiện nghi ở đây tuyệt quá chứ...

Ở đây thật không tệ, hắn trả lời. *Những chỗ đóng quân của tôi giống như cái lược dừa. Gió luồn xuyên khắp các phía...*

Chúng tôi hỏi hắn có đào chưa. Hắn mỉm cười.

Maria là một cô gái tuyệt vời hắn kể với chúng tôi. *Trước khi tôi gặp cô ấy, Maria đụng phải một gã chẳng ra gì, một gã heo. Rồi hắn bỏ cô để chạy theo một ả đàn bà khác. Sau đó không có ai trong làng còn muốn dính líu đến Maria. Nhưng tôi, tôi không bỏ lỡ cơ hội đó. Nhằm nhò gì nếu cô ta không còn tân. Nhảm nhí. Đầu óc nông dân mới hẹp hòi thế phải không các bạn. Cô ấy đẹp và tốt bụng. Tôi còn đòi hỏi gì hơn nữa chứ? Và mỗi bận tôi đi ngang vườn, cô đều cho tôi nào dưa hấu, nào dưa chuột. Ối, rồi một ngày, tôi đi hái trộm ít dưa hấu, dưa chuột và dưa gang đem đến cho nàng:* Maria, tôi nói *từ bây giờ tôi sẽ lo lắng cho em*. Liền đó cô òa khóc, làm tôi phải khóc theo. Nhưng cũng từ đó cô làm khổ tôi với tánh ghen của mình. Cô không cho tôi đi đâu cả dù là đến thăm mẹ tôi. Cho tới ngày tôi phải đi nhập ngũ, cô không để tôi rời cô nửa bước. Tôi càng khoái chứ sao...

Hắn thường kể đi kể lại chuyện này, không thay đổi lời nào, không thay đổi cách diễn tả. Kết thúc lúc nào hắn cũng cười phá lên, và vồ bình nước tu ồng ộc.

Lưỡi của hắn ít khi nào nằm yên! Và một khi hắn đã mở miệng thì không có gì ngăn chặn hắn dừng lại. Chúng tôi thường chỉ nghe hay gục gặc đầu chứ ít khi góp lời. Chỉ những khi hắn kể lể về mẹ hắn và những vấn đề trong gia đình hắn, chúng tôi mới phải buông lời: *Ấy dà, ở xứ họ cũng có những vấn đề đau đầu hệt như ở đây*

Lạ quá, có phải không?

Trừ cái tánh bẻm mép, Gregory không phải loại tồi. Hắn nấu ăn rất khéo. Một lần hắn làm bánh táo, ngon đến độ chúng tôi liếm dĩa sạch luôn. Hắn còn biết may vá. Hắn đính cúc áo, vá quần áo, mạng vớ, ủi cà-vạt, giặt quần áo cho chúng tôi...

Làm sao ta có thể giết một người bạn như thế?

Dầu tên hắn là Gregory, dầu đồng đội của hắn đã giết đồng đội của tôi, dầu chúng tôi đã phải từ giã vợ con để ra chiến trường chống lại những người như hắn hay đồng đội của hắn - nhưng tôi biết phải giải thích làm sao đây? Hắn đã là bạn của chúng tôi. Hắn thực lòng yêu mến chúng tôi! Chỉ vài ngày trước đây thôi, không phải chính hắn đã dùng tay không vật chết con bồ cạp đang bò trên chân tôi? Hắn có thể để yên cho con bồ cạp cắn chết tôi.

Cảm ơn Gregory, tôi đã nói *Đội ơn Thượng Đế đã tạo ra anh...*

Mệnh lệnh ban xuống như tiếng sấm nổ. Phải xử bắn Gregory và treo cổ nó lên cột dây thép để làm gương.

Đám lính chúng tôi tụ vào trong đồn. Chúng tôi kiếm cớ bảo Gregory đi giặt đồ cho chúng tôi.

Như vậy là không đúng.

Chứ cái gì đúng?

Bổn Phận của chúng ta.

Khốn nạn.

Nếu mày dám, thì cãi lịnh đi! Họ sẽ lôi cổ mày ra tòa án quân sự và rồi bang-bang...

Ôi, dĩ nhiên rồi. Cái đúng ở đây là phải lo thân mình đã. Điều đó cũng hợp lý thôi. Một là mạng của hắn hai là đầu của tôi. Mạng hắn, dĩ nhiên rồi, dầu cho hắn là Gregory, người đã ăn cùng chén, đã chia nhau từng miếng ăn, và người ngay giờ phút này đây đang giặt quần áo cho ta.

Tôi làm được gì chứ? Chiến tranh mà. Còn nhiều điều tệ hại hơn thế nữa kia.

Chúng tôi định giờ hành quyết.

Chúng tôi không nói gì đến hắn khi hắn giặt đồ về. Hắn bình thản đi ngủ. Những tiếng ngáy cuối cùng. Sáng ra, hắn nghe được tin từ mấy cái loa, và nhận ra vẻ mặt trầm trọng của chúng tôi, hắn bắt đầu nghi ngờ. Hắn tìm cách hỏi han, bắt chuyện, chúng tôi lặng thinh rồi cuối cùng hắn cũng ngừng nói.

Hắn chỉ đứng đó, nhìn chúng tôi, bàng hoàng, lạc lõng...

Giờ tôi sắp bóp cò. Viên đạn nhỏ sẽ xuyên qua lồng ngực hắn. Có thể tôi mất ngủ đêm nay, nhưng sáng mai tôi còn được thức dậy, sống sót.

Gregory đọc được ý tưởng của tôi. hắn dang tay ra hỏi: *Bạn đùa? Bạn đang đùa phải không?*

Dở hơi! Hắn đáng bị băm thây lắm phải không? Hỏi những điều như thế ở những lúc thế này. Trái tim tôi đang sắp nổ tung ra còn hắn thì hỏi coi tôi có đang đùa hay không? Ngốc nghếch! Đây không phải lúc để đùa. Còn hắn, nếu là người bạn tốt, sao lại làm cho tôi phải khó xử thế? Hãy để tôi thi hành phận sự một cách nhẹ nhàng. Nếu có tức giận - hãy nguyền rủa Thượng đế - Nếu hắn bỏ chạy có phải là dễ xử hơn cho tôi và hắn không.

Bây giờ đã đến lúc.

Bây giờ, Gregory ơi, anh phải trả giá cho sự dại khờ của mình. Vì anh đã không bỏ trốn cái ngày người lính canh anh say ngủ; vì anh đã không bỏ trốn hôm qua khi chúng tôi lịnh cho anh đi giặt đồ một mình - chúng tôi cố ý làm vậy, anh ngu ơi! Sao anh không để con bò cạp cắn chết tôi đi?

Bây giờ đừng có nhiều lời. Lỗi của anh tất cả, anh khờ ạ.

Hả? Hắn lại dở trò gì đây?

Gregory khóc. Nước mắt ngập tràn mắt hắn, và rơi lả chả xuống đôi gò má nhẵn nhụi. Hắn quay mặt và dựa trán vào bức tường trước mặt. Hai vai hắn run lên. Hai tay hắn bấu víu, cứng đờ, tuyệt vọng trên mặt tường.

Bây giờ đến phiên tôi, một dịp tốt đây, hắn biết không thể cứu vãn được và đã quay lưng lại với chúng tôi.

Tôi bóp cò.

Gregory nẩy mình. Hai vai không còn run động.

Tôi nghĩ tôi đã giết hắn rồi! Thật dễ dàng... Nhưng bỗng nhiên hắn kêu gào, hai tay cào mặt tường như thể muốn phá vỡ nó ra. Hắn gào lên: *Không, không...*

Tôi quay ra đám lính. Tôi chờ đợi họ gật đầu nói: *Thôi đủ rồi.*

Họ gục gặt: *Mày còn chần chờ gì nữa?*

Tôi bóp cò lần nữa.

Đạn cày xuyên cổ hắn. Một dòng máu đậm đặc phún ra ngoài. Gregory quay lại. Hai mắt hắn đỏ ngầu. Hắn lăn xả vào tôi, đánh đấm tôi.

Tao thù hận mày, thù hận mày... hắn gào lên.

Tôi nhả hết băng đạn trong súng. Hắn ngã xuống, tay còn nắm lấy cẳng chân tôi như cố níu kéo.

Hắn đã chết một cách thảm khốc. Máu ộc ra miệng, tắm đẫm giày vớ tôi.

Chúng tôi đứng chết lặng, nhìn hắn.

Khi chợt tỉnh, chúng tôi cúi xuống khiêng xác hắn lên. Hai tay hắn nắm cứng ngắt như không muốn buông chân tôi ra.

Trên chân tôi, những dấu bám đỏ, hằn sâu như thể ai đó đã dí sắt đỏ vào.

Tối nay chúng ta sẽ treo cổ hắn, đám lính nói.

Tối nay hay ngay bây giờ? họ nói.

Tôi quay lại và nhìn từng người một.

Có phải tất cả các người đều muốn thế?, tôi hỏi.

Không ai trả lời tôi.

Đào huyệt chôn hắn đi, tôi ra lịnh.

Ngày hôm sau, và nhiều ngày sau đó nữa, Trung Ương không đòi báo cáo gì về chuyện đó. Những người đầu sỏ chắc tin là chúng tôi đã tuyên theo lịnh của họ và đã để xác tên tử tội lủng lẳng trên cột dây thép.

Họ không cần biết chuyện gì đã xảy ra cho gã Gregory đó, dầu hắn sống hay chết.

L. T. L. chuyển ngữ
(từ bản tiếng Anh *Gregory*, Sudden Fiction)

Chú thích

Cyprus là một trong ba đảo lớn nhất ở Đại Tây Dương, nằm ở phía Tây của Syria, Nam của Thổ Nhĩ Kỳ. Bao gồm hai giống dân: Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Họ thường có nhiều xung đột với nhau.

PHAN NHIÊN HẠO

Tấm hình ngược nắng

Tôi là sự trốn chạy chính tôi
ra khỏi một tấm hình ngược nắng
trước khi những con chuột đồng mắt đen vô tội
thức dậy với những hạt lúa thối trong mồm
tôi hỏi về một con chó nhỏ không trở về
sau hồi pháo giao thừa năm 1989
mới đó mà đã mười năm
tấm hình bắt đầu loang lổ
vì những lo toan tầm thường
tôi đã từng tặng cây son môi cho một người con gái
nàng vẽ một vòng tròn quanh rốn
trên bụng xanh cách đây mười năm
khi tôi hai mươi tuổi và mơ làm thợ bạc
chạm trổ những hoa văn vào một cách đồng
tôi nghe nói nàng đã hai lần sẩy thai và lần cuối
cùng sinh ra một con cá
tôi biết không phải con tôi
vì tôi là một con cá sấu
đang bò chậm lên cây

PHAN NHIÊN HẠO



NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Một ngày một bước một xa
hay là vần (vè) sáu câu cộng một

Ôi
sáng nay ở hải ngoại
không trông đợi mùa thu sao lại bỗng trở lại
trên cuộc đời ao cá hoa súng chật chội đại tây dương
lênh đênh những con tim dường như không thuyền trưởng
và el nino như dại như điên
phồng má bé bự thổi giông bão qua những xứ miền
thoảng hương đu đủ non trong tưởng tượng
liên tưởng tới bản hùng ca titanic bi thương
9 giờ 11 postino pat gọi chuông đưa cho cuốn báo
mở ra ôi buồn thấy nhà thơ của sông hương
bị tai biến mạch máu não
rồi chiều tối điện thoại chợt reo báo tin vội
pháp sắp có phòng tranh collages
phim jacques prévert tại sài gòn và hà nội
vậy như nếu tiện
xin anh gửi qua liền
về địa chỉ mới tôi
tập đồng xanh của anh đặng kiếm cách cho nó tháp tùng
về nhà lãnh vài ba cốc bia dạ hội

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG
(tặng Đỗ Kh.)



ĐỖ TRUNG QUÂN

Thỉnh thoảng

đôi khi bỗng nhớ một chốn nào
mỗi ngày mỏi cổ ngó lêu nghêu cao ốc
mỗi buổi ra đường tóe đom đóm mắt
thì ta lại nhớ một chốn nào...

thỉnh thoảng chợt nhớ chốn nào đấy
khi ngán chật chội nhà hàng, đèn karaoke xanh đỏ
ngán phòng lạnh quen ngồi
ngại nắng, sợ gió
trắng bệch người
nhợt nhạt màu da
thì ta lại nhớ chốn nào đấy
đêm dịu dàng
mong mỏng
hương ngâu...

đôi khi chợt nhớ chốn nào đấy
khi ngán mini jupe, ngán áo thun hở rốn, ngán hoa giả Thái Lan
ngán mệt ngoài bar, pub...
thì ta mang máng nhớ
hình như...
có cô áo nâu đội sen nụ lên chùa
(thời thiếu nữ mẹ ta cũng đội sen lên chùa)
nắng mật ong vàng theo gót guốc
thời xưa

thỉnh thoảng chợt nhớ chốn nào đấy
mệt mỏi văn minh chút Tây, chút Tàu
ngán ngẫm món canh chua đông lạnh siêu thị

thì ta nhớ vu vơ
nhành húng láng tím nâu...

đôi khi chợt nhớ chốn nào đấy
như mơ hồ như chẳng nhớ ai
như khi ta lên hương
xây nhà, sửa cửa
bỗng run tay màu rêu phố u hoài...

Huệ

mãi đến mười năm anh mới nhận ra
mình đã mất ngôi nhà có khung cửa tối
và ngã tư mưa bay mù trời, những chiều về muộn
em ướt như con chim sẻ lông xù
lạnh run, quấn quít nhấn chuông gọi cửa

mãi đến mười năm tất cả những chuyện khôi hài ở đó
(nhiều nắng vô số mẩu vụn thuốc lá vất trên thềm)
mới thực sự hiện ra khuôn mặt phiền muộn
của một tình yêu muộn như ngày chưa kịp hết
và ban mai chưa bắt đầu

mãi đến mười năm anh mới đi qua bao nhiêu đường phố
(Sàigòn nhỏ bằng bàn tay)
anh mới tin đại dương có thật
đường chim bay có thật
trừ nước mắt tầm tã trên vai anh ngày ấy
không thật chút nào

phải mất đến mười năm anh mới biết
một nụ hôn dễ làm sao
mà không thể

mất mười năm anh mới thực sự tin rằng
ta có một tình yêu như hoa huệ
trắng tận khi
úa tàn

Doc thu

nguoi dan ong danh chu vi tinh khong bo dau
du dam tre choi Net moi ngay
day ong cach bo dau
van hoai khong tap duoc
thinh thoang,
de nguoi nhan khong doc sai, luon phai chu thich:
co long (co: dau sac)
long: dau huyen)
nguoi dan ong su dung computer moi ngay
noi mua dong ngap tuyet
mau tu khong danh cho tieng Viet
danh chiu kho ghi chu:
buon: (dau huyen)
ngo: (dau nga)
nho: (dau hoi)
nguoi dan ong lui thui mot minh
ngay ngay lai xe trong tuyet
thinh thoang len nui ngam hoang hon
gong kinh tron mo suong
rau toc nga mau khoi nhat
thu gui ve van nhac:
que: (dau mu)
nhà: (dau huyen)

h.o.a.n.g-n.g.o.c-b.i.e.n

ĐỖ TRUNG QUÂN



ĐỖ QUÝ TOÀN

Nghiêu Đề, vẽ đẹp phù du

gửi Nghiêu Đề, chào bạn quý.



Nhìn một bức tranh đẹp có lúc muốn ôm. Không cần đó phải là hình ảnh những phụ nữ của Titian hay Modigliani, ngay cả Nhịp điệu mùa Thu của Pollock hay một tảng đá của Bạch Thạch Lão phu cũng vậy. Như một thi sĩ người Nga viết: "Khi yêu người ta ôm cả thế giới trong lòng, và cái chết không còn nữa." Ta ước ao được rung lên bàng hoàng trở lại, như thời thơ ấu đọc những lời lẽ nồng nàn đó. Ai mà không ước ao? Trong một lời khẳng định "Khi yêu ... cả thế giới ... không còn nữa" chứa đựng khát vọng đạt tới điểm vĩnh cữu, cái điểm nóng hổi và nặng trịch trước big bang, trước một trong những vụ big bang triền miên bất tận, cái điểm singular chỉ hiện hữu trong một phần triệu của một giây. Ở đó ta ôm cả thế giới ở trong lòng. Cái vòng sinh diệt không còn, không còn nữa.

Chắc hẳn cảm giác của chúng ta khi yêu và cái cảm giác ngây ngất trước một bức tranh đẹp, trước một buổi chiều tà cũng đồng loại,

cũng cùng một giống kinh nghiệm như khi nghe một arie đẹp (khi nghe bà Hoàng Đêm hát trong cuống họng đoạn Der Holle Rache kocht in meinem Herzen trong Die Zauberflote.) Nếu thưởng ngoạn nghệ thuật đã cuốn chúng ta vào cái điểm vĩnh cửu mong manh thoáng chốc đó thì sáng tạo nghệ thuật còn lôi kéo hơn biết mấy mươi lần, mạnh mẽ vũ bão biết bao nhiêu lần. Muốn thu cả thời gian và không gian vào một cơn ngây ngất. Mà người ta chỉ nẩy sinh ao ước đạt tới một cảnh giới nếu như mình có giây phút thực đã trải qua, một cảnh giới vụt ngang trong khảnh khắc; ước muốn ôm cả thế giới ở trong lòng chỉ hiện ra vì, trong một sát na nào đó, chúng ta vừa trải qua kinh nghiệm được chạm tới một điểm vĩnh cửu, chìm trong cõi lãng quên bao la xanh thẳm nào đó.

Hồi đầu 1960 tôi coi những bức tranh Nghiêu Đề tràn ngập một mầu xanh. Cây xanh. Nhà xanh. Những thiếu nữ xanh. Trong một không gian vầng trăng xanh như ngọc. Người cầm cọ và mầu muốn thu cả kinh nghiệm sống vào những khối xanh thẳm giữa bốn cạnh một miếng vải bố. Một nỗ lực bắt lấy cái vô tận trong một không gian hữu hạn, trong chốc lát gắng vươn lên chạm tới cõi vô cùng.

Cái khó của những người quen sử dụng âm thanh và ngôn ngữ khi bước vô thế giới tạo hình cũng là cái khó như khi ta cố đặt mình trong khái niệm thời gian là một mặt của không gian. Làm sao thấy khoảng không im lặng này cũng chính là tuồng ảo hóa? Hai con ngựa tỏ tình dưới trời sao của Nghiêu Đề là một tảng không gian có tham vọng thu cõi nhân sinh vào mặt phẳng một tấm vải. Treo bức tranh đó trong phòng, hay đặt nó ở giữa trời, nó chiếm ngự một mảnh không gian cố định. Nó khác một câu thơ, một giai điệu. Khi ta nói "Dìu em vào cõi phù du," thì chính hành động nói đó đã phù du. Một âm thanh phát ra, khoảnh khắc của nó đã mất. Âm thanh kế tiếp chưa phát ra thì khoảnh khắc của nó cũng biến đi rồi. Khi nói xong câu đó, cả chuỗi âm thanh đã tan biến, như thể chưa bao giờ có mặt, cả kinh nghiệm về thời gian cũng biến mất. Khi đang nói "thời gian trôi," chúng ta cũng đang sống kinh nghiệm thời gian trôi, và tự hỏi chính kinh nghiệm trôi nổi phù du đó thật sự có hay không, nó có ở phút giây nào? Cái kinh nghiệm nhân sinh gọi là thời gian trôi cũng là một tuồng ảo hóa, trò chơi của năm uẩn tạo thành.

Nhưng khoảng không gian trên mặt tờ giấy hay tấm vải thì khác. Như mầu xanh trên đầu một thiếu nữ trong tranh khác với giải mây chiều đang chín ửng sắp vụt tắt. Khi ngắm giải mây chiều là chúng ta nhìn và biết nó sắp biến mất, đang biến mất. Còn chàng họa sĩ cho

chúng ta cái cảm tưởng mầu xanh thăm thẳm trên khung vải này đã bị ngưng đọng để có mặt mãi mãi. Khi người tiền sử phác họa cái bờm con bò mộng đang phi, hắn ta đã ý thức hành động thu ba chiều không gian trên mặt một vách đá, hắn cố gắng làm ngưng đọng một cơn gió lốc khi con bò mộng chuyển mình, để người khác, đời sau có thể sống lại các giây phút kinh nghiệm sống bàng hoàng của hắn. Người làm nghệ thuật tạo hình có tham vọng cao hơn một người làm thơ hay một ca sĩ trình diễn. Hắn muốn cô đọng không gian, muốn ôm chặt, muốn hơi thở ngừng lại, có phải thế hay chăng?

Có thể là không, không chắc như vậy. Khi ngắm nhìn thật lâu những giải bờm ngựa phiêu du của Nghiêu Đề hay những nét đen, vàng quấn quít bay lượn trong Nhịp Thu của Pollock, chúng ta vẫn nổi lên một nỗi xao xuyến, như thể ánh mắt đi tới đâu thì chính tay mình cũng đang vung vẩy, quệt cọ những mầu sắc trên khung. Cái chổi sơn, những ngón tay, con mắt, các dây thần kinh, cái bộ nhớ chứa đựng trùng điệp những cảnh sống kinh qua của người nghệ sĩ và người thưởng ngoạn, ở trong đời này hay tự muôn kiếp nào khác, đời cha mẹ tổ tiên hay đời mình, tất cả đều vận động. Bất cứ một nét vẽ, một vệt mầu nào cũng là kết quả của một hành động nửa ý thức, nửa bồng bột, không chắc đâu là ý thức, đâu là tác hợp của vô tình, như sự tạo dựng vũ trụ có thể có mà cũng có thể không, ở lúc ngắn hơn một tích tắc các tác nhân bỗng dựng thành. Khi nhìn với cặp mắt và tâm trí đó, bức tranh cũng chuyển động, cũng giàn trải trước mắt ta một cuộc hý trường tràn ngập nỗi phù du. Cái lưng con ngựa phẳng phiu này, hay chùm lông phơ phất này, những nét đó tự đâu mà đến? Một trăm năm trước đó chúng đã thành hình trong một giây phút nào đó, in dấu trong một tế bào của một người nào đó, di truyền từ đời ông bà, cha mẹ đến một góc nhỏ trong não bộ của người họa sĩ này, để vào đúng giây phút anh ta đưa tay cầm cọ, những kinh nghiệm tích lũy đó hiển hiện như vầy? Ở đâu là những chùm lông bờm ngựa chạy vần vũ khắp cõi thế gian?

Nhưng chúng ta vẫn muốn ôm những mầu sắc và nét vẽ. Những mầu sắc và nét vẽ bềnh bồng nổi trôi mà vĩnh cửu. Như ôm trong lòng một giọng hát, một điệu hồ cầm, một áng mây. Chúng ta muốn ngây ngất tan trong nhau cho nỗi phù du bỗng thành bất biến. Như "khi yêu ta ôm cả thế giới trong lòng, và cái chết không còn nữa" - Ilya Erenburg.

ĐỖ QÚY TOÀN
Tháng Bẩy, Tám 1998

CHIA BUỒN

Chúng tôi nhận được hung tin

họa sĩ NGHIÊU ĐỀ

vừa từ trần vì bạo bệnh vào lúc 6:25 giờ chiều thứ Hai ngày 9 tháng 11 năm 1998 tại nhà riêng ở San Diego. USA. Tất cả văn nghệ sĩ Việt Nam trong, ngoài nước xin chia xẻ sự mất mát đau lòng này với chị Giang và các cháu.

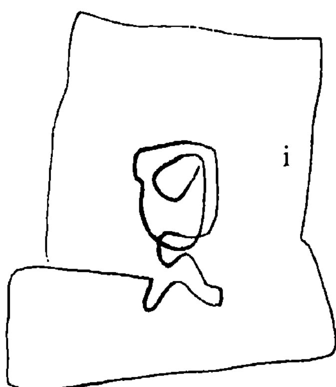
Cầu mong hương hồn người quá cố sớm về miền vĩnh phúc.

Ngô Thế Vinh, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Xuân Hoàng & Vi, Nguyễn Đức Quang, Võ Phiến, Bùi Hồng Sĩ, Phạm Quốc Bảo, Trần Duy Đức, Du Tử Lê, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Van Moch, Vi Vi Võ Hùng Kiệt, Phạm Thế Trung, Nguyên Khai, Đinh Cường, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Ann Phong, Nguyễn Việt, Nguyễn Trung, Đỗ Xuân Chính, Ngô Mạnh Thu, Viên Luông, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ri, Dương Văn Hùng, Trương Thị Thịnh, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Trọng Khôi, Trương Đình Quế, Khuất Duy Trác, Nguyễn Đình Toàn, Dũng-Lệ, Trụ Vũ, Trần Quang Lộc, Nhật Ngân, Vũ Ngọc Giao, Phan Nhật Nam, Doãn Quốc Sĩ, Ngô Bảo, Rừng, Nguyễn Phước, Huỳnh Hữu Ủy, Khánh Trường, Thạch Thu Oanh, Lê Thọ Giáo, Võ Thắng Tiết, Phạm Vũ, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Kiều Chinh, Nguyễn Đức Quang, Lâm Tường Dũ, Hoàng Mai Đạt, Lê Thánh Thư, Huy Tưởng, Nguyễn Tôn Nhan, Cao Bá Minh, Khế Iêm, Phạm Việt Cường, Cao Xuân Huy, Tường Vũ Anh Thy, Hoàng Phủ Cương, Lưu Hy Lạc, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Chính Nghĩa, Nguyễn Hương, Nguyễn Mộng Giác, Lê Đình Điểu, Lê Tất Điều, Phan Lạc Tiếp, Phạm Phú Minh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hồ Đình Nghiêm, Song Thao, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Lưu Nguyễn, Phan Ni Tấn, Nguyễn Hưng Quốc, Thường Quán, Lê Tất Luyện, Thụy Khuê, Lê Tài Điển, Lê Thọ Giáo, Thái Tuấn, Đặng Tiến, Triều Hoa Đại, Hồ Minh Dũng, Phan Tấn Hải, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Vũ Quỳnh Nh., Đỗ Kh., Thân Trọng Mẫn, Chân Phương, Trân Sa, Kiệt Tấn, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Tiến Văn, Trần Vũ, Trương Vũ, Lê Văn Tài, Phạm Hoàng...



VÕ ĐÌNH

Ngôn ngữ & nghệ thuật



Mới đây, được tờ VIỆT số 2 (chủ đề: *Sống & Viết ở hải ngoại)* có bài của một "bạn văn," đọc thật thích, tôi bèn bốc điện thoại gọi thăm. Thật ra, phải nói là gọi để cám ơn. Đi mua đồ vật, người ta thối tiền cho, mình còn biết nói "thank you," huống hồ bạn viết hay, mình đọc, mình khoái, tiếc gì một lời cám ơn. "Bạn văn" vốn nhũn nhặn, cười cười dạ dạ rồi như cầm lòng không đặng, vọt miệng nói: "Bi quan quá, anh há?" Tôi hiểu ông bạn muốn nói gì về tình trạng cầm bút ở hải ngoại.

Không bi quan sao được khi chính ông chủ bút VIỆT, người thường có những nhận xét tinh tế, sắc sảo, và lối văn gãy gọn, khúc chiết, đã viết:

"Với sinh hoạt văn học trong nước, chúng ta là những người bên lề. Với sinh hoạt văn học ở quốc gia chúng ta đang sống, chúng ta cũng lại là những người đứng bên lề, một thứ nhà văn sắc tộc khiêm tốn và buồn thảm, đứng bên lề những sinh hoạt chính mạch của thiên hạ. Do đó, có thể nói, không có ai cô đơn cho bằng nhà văn lưu vong."

(...)

"Viết văn, ngày xưa, là một danh phận; sau này vừa là một danh phận, vừa là một nghề nghiệp. Ở hải ngoại viết văn không thể là một nghề nghiệp mà trên thực tế cũng không còn là một danh phận. Viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn của những người bị bất lực."

Tôi không rõ cái "cách hành lạc đau đớn của những người bị bất lực" thật sự nó ra làm sao. Chỉ nhớ ngày xưa, thuở còn đi học, tôi từng thấy người ta dùng một từ ngữ vừa kỳ cục, vừa ngộ nghĩnh: *"masturbation intellectuelle."* Chẳng biết đó có phải là cách "hành lạc" của người viết văn ở hải ngoại không? Chắc là phải để mỗi người cầm bút trả lời câu hỏi này cho chính mình.

Bài của ông Nguyễn Hưng Quốc, *"Sống và Viết như những người lưu vong,"* bàn về thân phận người viết ở hải ngoại nói chung. Trong VIỆT số 2 đó lại còn có bài *"Vấn đề ngôn ngữ trong văn chương lưu vong"* của ông Hoàng Ngọc Tuấn đặc biệt chú tâm vào vấn đề ngôn ngữ mà người viết (Việt Nam ở hải ngoại) sử dụng.

"Đến sống trên một xứ sở xa lạ, không ai tránh khỏi trở ngại ngôn ngữ. Đối với người làm văn chương, trở ngại này còn nặng nề gấp muôn lần: Ngôn ngữ không chỉ đơn giản là công cụ thông tin, mà chính là đối tượng của văn chương." (...) "Ở một xứ sở không ai đọc và không ai cần đọc những điều mình viết, người làm văn chương dễ cảm thấy mình không còn thực sự hiện hữu nữa. Cùng lắm y chỉ tìm thấy hiện hữu mình trong một cộng đồng rất nhỏ của những người cùng tiếng nói; và ngay trong cộng đồng ấy, không phải ai cũng là người yêu văn chương." (...) "Liệu tôi có nên cố gắng làm văn chương bằng tiếng mẹ đẻ trước một nhóm độc giả thưa thớt như thế này?" "Hay tôi nên viết thẳng bằng ngoại ngữ để trực tiếp đem văn chương vào thế giới mới?" "Câu hỏi nào cũng là một thử thách đau đớn. Để tiếp tục viết tiếng mẹ đẻ và sống trong một cõi văn chương nhỏ bé thực là một khổ hình cho những ý chí sáng tạo to lớn."

Ông Hoàng không thắc mắc một mình. Cũng trong VIỆT số 2 đó, có ông Phạm Việt Cường cùng quay quắt với ông:

Ông Phạm viết: "Phải mất nhiều năm tháng để một nhà văn lưu vong có thể bắt đầu viết bằng thứ ngôn ngữ mới. Trong khi chờ đợi đến giờ hoàng đạo đó, qua hành động viết bằng tiếng mẹ đẻ, họ cố gắng thiết lập cho mình một sự phòng vệ mong manh. Viết có lẽ đó là pháo đài duy nhất vì họ không còn cách nào khác. Đó là cách phòng vệ tiêu cực trước cánh cửa tuy mở rộng như khép kín của thế giới mới mà nhà văn mới trượt chân vào. Thấp thoáng trong thế giới đó, có thể có một ngôi nhà văn chương — một thế giới khác nữa — chờ đợi họ." *(Tản mạn về chuyện Lưu vong và Viết).*

Nghĩ mà cảm thương cho những đồng bào làm văn chương ở hải ngoại.

Như mọi người, họ phải đương đầu với nợ áo cơm. Như mọi người, họ phải đối phó với những khó khăn của cuộc sống ly hương:

vật chất, tinh thần, tình cảm. Như mọi người, họ phải vật lộn với ngôn ngữ mới lạ của xứ định cư. Đã thế, viết văn làm thơ, họ lại còn phải giải quyết những vấn đề vô cùng gian nan khác. Những vấn đề có tính cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Rồi nghĩ mà mừng cho giới tạo hình (nghệ thuật hình sắc) Việt Nam ở hải ngoại. Vì đại đa số nghệ sĩ tạo hình là họa sĩ cho nên chúng ta hãy tạm thời giới hạn giới tạo hình nói chung ở những người vẽ. Những khó khăn bình thường của cuộc sống ở xứ người, người vẽ cũng phải vượt qua, như mọi người khác. Nhưng vì ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp...) không phải là "đối tượng" của hội họa, cho nên họ khỏi phải giải quyết những vấn đề có tính cách ngôn ngữ như người viết phải làm.

Chúng ta thường nghe nói rằng, may mắn thay, ngôn ngữ hội họa là một thứ ngôn ngữ quốc tế. Một đường thẳng ở Sài Gòn là một đường thẳng ở mọi nơi trên thế giới. Người họa sĩ vạch một đường thẳng ở Sài Gòn rồi đem nó qua Paris, qua New York, nó vẫn thẳng, và người dân Paris hay người dân New York đều thấy đó là một đường thẳng. Tự thân nó thẳng, và trong nhận thức của những người không thuộc về chủng tộc hay văn hóa Việt Nam, nó vẫn thẳng. Một màu xanh ở Hà Nội, đem qua Đài Bắc, vẫn là màu xanh. Trong mắt người Tàu Đài Loan, nó vẫn là màu xanh.

Chúng ta có thể nói rằng người họa sĩ — người đã vạch ra đường thẳng ấy, hay tô lên màu xanh ấy — thật là may mắn. Người họa sĩ không phải lo lắng gì đến chuyện đem cái đường thẳng qua Paris thì phải gọi nó là *une ligne droite,* rồi khi đem nó qua New York lại phải gọi nó là *a straight line*. Người họa sĩ cũng không phải để tâm đến chuyện đem cái màu xanh qua Đài Bắc thì không được gọi nó là xanh nữa mà phải gọi là *Ch'in*, hay *Qing*.

Cái đường thẳng, cái màu xanh, chúng không cần được "diễn dịch." Chúng không thèm để ý đến màu da, chủng tộc, gốc gác của người tạo ra chúng cũng như của người ngắm chúng. Chúng hiện hữu. Tự tại. Tự túc. Chẳng những người họa sĩ không phải lưu tâm đến chuyện "diễn dịch" cái đường thẳng, cái màu xanh, để cho người dân Paris, ở New York, ở Đài Bắc thấy chúng là gì, mà người họa sĩ còn tránh được tình cảnh bẽ bàng mà một sự "diễn dịch" đôi khi đem lại. Cứ nghĩ xem: nhan đề cuốn tiểu thuyết của ông Nhất Linh, *Bướm Trắng*, đẹp là thế, mà khi được dịch ra là *Papillons Blancs* hay *White Butterflies* nghe nó lại kỳ kỳ thế nào. Tào lao, ngớ ngẩn, cạn cợt. Hay cả rẻ tiền. Chẳng ra làm sao cả.

*

Đấy, cầm bút viết văn làm thơ người ta gian nan vất vả chứ đâu được như người cầm cọ vẽ tranh.

Trên, chúng ta có nói rằng người vẽ không phải đối phó với vấn đề ngôn ngữ như người viết. Thật ra, "coi dzậy chớ hổng phải dzậy." Thật ra, *vấn đề ngôn ngữ với người vẽ cũng là vấn đề sinh tử.* Một cách khác. Chúng ta hãy đọc lại bài của ông Hoàng Ngọc Tuấn:

(...) "ngôn ngữ không chỉ đơn giản là công cụ thông tin, mà chính là đối tượng của văn chương" (...) "mục đích cuối cùng của người làm văn chương cũng phải là làm sao để tiếp tục đóng góp và thúc đẩy cho sức sống của văn chương, nghĩa là phải viết được những tác phẩm mang những giá trị mới về tư tưởng, về hình thức, và về phong cách, bất cứ trong ngôn ngữ nào" (...) "mục đích của người làm văn chương không chỉ là "viết" (dù trong ngôn ngữ nào) mà là thực sự sáng tạo văn chương" (...) "người làm văn chương sử dụng ngôn ngữ theo những cách thế riêng khác với những cách thế thông thường của sự trao đổi thông tin trong đời sống xã hội."

Chúng ta chỉ cần thay đổi vài chữ trong những câu rất chí lý ở trên là thấy được vì sao vấn đề ngôn ngữ của người vẽ cũng là vấn đề hết sức trọng đại:

đổi *văn chương* thành *hội họa*
đổi *người làm văn chương* thành *người làm hội họa*
đổi *viết* thành *vẽ*
đổi *ngôn ngữ* thành *ngôn ngữ hội họa*

Như thế, chúng ta có, chẳng hạn: *mục đích của người làm hội họa không chỉ là "vẽ" mà là thực sự sáng tạo hội họa*, vân vân.

"Nghề vẽ" cũng lắm công phu: sơn dầu, sơn nước, vẽ trên bố, vẽ trên lụa, màu nóng, màu lạnh, nhìn xa nhìn gần, vẽ người vẽ vật, vẽ đất đai cây cỏ, con chim, con bọ, cái lá, cái hoa... Nhưng "nghề vẽ" chưa phải là hội họa. "Nghề vẽ" mới chỉ là, trong địa hạt chữ nghĩa, ghép các từ lại thành câu, ghép các câu lại thành bài. Cái đường thẳng, cái màu xanh chúng ta đã thấy ở trên, chúng mới chỉ là những "công cụ thông tin," chúng chưa là "đối tượng của hội họa." Cũng như các từ, các câu chưa phải là văn chương, sử dụng màu nóng màu lạnh nhìn xa nhìn gần, v.v... là mới làm "bức tranh," chưa phải là làm hội họa. Làm hội họa cần phải có một ngôn ngữ hội họa sáng tạo.

Ngôn ngữ như một "công cụ thông tin" là ngôn ngữ của một quốc gia, một dân tộc, hay quá lắm, dăm ba dân tộc. Ngôn ngữ sáng tạo bao trùm tất cả biên giới. Tiếng Pháp là ngôn ngữ mẹ đẻ của Balzac, của Maupassant. Những tiểu thuyết của Maugham, bằng tiếng Anh, lại có lối cấu trúc và cách hành văn của hai ông Pháp đi trước. Tự Lực Văn

Đoàn nói chung, gần với Balzac (Pháp), với Maupassant (Pháp), và Maugham (Anh) hơn là những nhà văn trẻ Việt Nam những năm 60 (ở miền Nam) gần với Tự Lực Văn Đoàn, tuy rằng hai thế hệ nhà văn Việt này có cùng chung tiếng mẹ đẻ. Một số những nhà văn viết tiếng Việt thời kỳ sau 1963 lại có cùng một ngôn ngữ sáng tạo với phong trào *Tiểu Thuyết Mới* ở Pháp. Những nhà văn *Tiểu Thuyết Mới,* đặc biệt Butor và Simon lại nợ nần rất nhiều về phương diện kỹ thuật / nghệ thuật với Faulkner, vị trưởng thượng của văn chương tiếng Anh ở Mississippi, Hoa Kỳ...

Trong hội họa, hiện tượng "vượt biên giới" này lại càng rõ rệt, đúng là như đập vào mắt. Picasso sinh ở Tây Ban Nha, sống ở Pháp, sử dụng tiếng Pháp như một "công cụ thông tin" nhưng lại ra công tìm được những hình tượng mới lạ từ điêu khắc Hắc Phi để khai sinh nên một ngôn ngữ tân kỳ, ngôn ngữ của hội họa lập thể. Modigliani, người Ý, cũng sang Pháp, cũng nói tiếng Pháp, được dịp gần gũi với Bancusi, nhà điêu khắc gốc Lỗ Ma Ni và các mặt nạ miền xích đạo Phi Châu, mới cấu tạo nên những đường nét đặc thù "Modi" rất được yêu chuộng bởi giới cầm cọ Việt Nam trong mấy chục năm nay.

Gần gũi với chúng ta hơn, Bùi Xuân Phái chuyên vẽ "phố cổ Hà Nội"; những ai đã làm quen với ngôn ngữ hội họa Rouault, Derain, hay cả Utrillo với những "phố cổ Paris" của ông đều dễ thấy phong cách những danh họa này ở tác phẩm của họa sĩ Việt. Gần với chúng ta hơn nữa, Đỗ Quang Em có cùng một ngôn ngữ sáng tạo với Vermeer của Hòa Lan, hay với de la Tour của Pháp quốc. Nguyễn Trung ở Sài Gòn chia sẻ quan niệm về bố cục, về chất liệu, và về màu sắc với Tapiès của Tây Ban Nha. Những họa sĩ thế hệ trẻ nhất hiện nay (như Đỗ Hoàng Tường) là con cháu của De Kooning, của Hofmann, Biểu hiện Trừu tượng New York.

Những trường hợp "vượt biên giới" từ Đông sang Tây cũng không hiếm. Ảnh hưởng của đường nét màu sắc các bộ lạc Nam Thái Bình Dương trên Gauguin. Mộc bản Hokusai, Hiroshige trên Van Gogh. Thư pháp Trung Hoa cổ điển trên rất nhiều họa sĩ Tây phương, như Hartung của Đức, như Soulage của Pháp, như Klein của Mỹ, và sâu sắc nhất, mỹ mãn nhất, như trên *"white writing"* của Tobey thuộc trường phái Tây Bắc (Hoa Kỳ).

Ngôn ngữ sáng tạo là thế. Nó "vượt biên giới." Nó không nề hà những dị biệt về nguồn gốc, chủng tộc, về tập quán, về văn hóa. Nó được ôm vào lòng vì nó đáp ứng đúng nhu cầu. Nó không là ngôn ngữ của một dân tộc, một quốc gia. Nó là tiếng nói của *con người* nghệ sĩ.

Người vẽ Việt Nam ở hải ngoại không phải nhọc nhằn về vấn đề

ngôn ngữ như ta đã thấy ở những người làm văn chương. Nhưng người vẽ lại lao tâm khổ tứ về cái ngôn ngữ sáng tạo này. Ngày nào người vẽ Việt Nam chưa làm chủ được ngôn ngữ sáng tạo này, ngày đó người vẽ ở hải ngoại, để nhại lại nhận xét về nhà văn Việt Nam ở hải ngoại của Nguyễn Hưng Quốc, còn ở trong hoàn cảnh "những người đứng bên lề, một thứ họa sĩ sắc tộc khiêm tốn và buồn thảm, đứng bên lề những sinh hoạt chính mạch của thiên hạ."

*

Như vậy, cái may mắn của người vẽ (so với nỗi vất vả của người viết) coi mòi không đáng kể như ta thường vẫn tưởng.

Người vẽ không phải đắn đo, và đau đớn, chọn lựa giữa tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ mới của xứ mình đến dung thân. Người vẽ không phải nhọc nhằn vì chuyện diễn dịch văn chương của mình (nếu chọn viết bằng tiếng mẹ đẻ) ra một ngoại ngữ có tầm vóc trên thế giới. Người vẽ không phải (nếu chọn viết bằng ngoại ngữ) vất vả học hỏi để nắm vững được ngoại ngữ ấy đến mức có thể sử dụng nó một cách nhuần nhuyễn. Nhưng, lại nhưng, người vẽ hết sức chật vật với một cái khó khác: đó là đưa ngôn ngữ hội họa thông thường ("công cụ thông tin") lên cao hơn, ở mức độ của ngôn ngữ hội họa sáng tạo. Một công việc gian nan vô cùng. Một công việc đòi hỏi "đổ mồ hôi, sôi nước mắt" không những năm năm, mười năm, mà có khi cả một đời người.

Người vẽ lại còn phải đối đầu với một thử thách khác, đặc thù của hội họa.

Đọc một đoạn, một bài văn, không phải khi nào chúng ta cũng đánh giá nó trên một bình diện hoàn toàn văn chương và chỉ văn chương mà thôi. Không phải khi nào chúng ta cũng đau đáu coi lui coi tới những giá trị về chữ nghĩa, về hình thức, về phong cách. Chúng ta còn để ý đến những "giá trị mới về tư tưởng." Có người trong chúng ta còn thẩm định cái thường được gọi là "cốt truyện."

Một tác phẩm hội họa đương đại đòi hỏi ở người thưởng ngoạn một thái độ cứng rắn, dứt khoát hơn. Tư tưởng, không quan trọng. Ý nghĩa, không quan trọng. Đề tài, không quan trọng. Chỉ có một điều quan trọng, một điều đáng kể: Bút pháp. Gọi nó là hình tượng. Gọi là là phong cách. Gọi nó là gì cũng chung qui về một mối: Bút pháp. Bởi vì đó chính là ngôn ngữ hội họa sáng tạo. Nghệ thuật ở trạng trái

nguyên chất, không son phấn, không nạm bạc nạm vàng, không hoa hòe hoa sói. Hội họa ở cuối thế kỷ 20. Một trăm năm mươi thế kỷ từ những con nai, con bò trên vách động Lascaux và Altamira.

(....)

Mọi nghề lương thiện đều đáng quí. Tuy nhiên, không phải người hành nghề nào cũng như nhau. Anh thợ mộc lành nghề, yêu nghề, đáng được nể trọng hơn anh y sĩ giàu sang hơn mà chỉ biết chẩn bệnh một cách... "đại khái," cốt để hốt bạc. Vì vậy, chữ thợ tự nó không có nghĩa thấp kém. Nó chỉ thấp kém khi chúng ta nói: Thợ vẽ. Thợ vẽ là người sử dụng ngôn ngữ hội họa khi nó lệ thuộc vào sự đòi hỏi thông tục của khách hàng. Người thợ vẽ sử dụng nghề vẽ để kiếm sống. Đó là một lý do mưu sinh chính đáng. Người thợ vẽ biết mình làm gì, làm như thế nào và mở cửa cho tất cả mọi người thấy là mình làm gì. Anh / chị thợ vẽ cầm cây bút / cây cọ như người thợ mộc cầm cái cưa, cái đục. Một nghề lương thiện như mọi nghề lương thiện khác.

Điều đáng lưu ý và đề phòng là khi người mang danh "họa sĩ" lại làm "thợ vẽ" mà cứ để cho thiên hạ tưởng là mình sáng tạo. Có sự "mập mờ đánh lận" ở đây. Nhưng vẽ như thế không phải là làm hội họa. Vẽ như thế không tạo nên được ngôn ngữ sáng tạo của người nghệ sĩ chân chính, mà cũng không có được sự thành thật của người "thợ vẽ" lương thiện.

*

Người làm văn chương đụng đầu phải vấn đề ngôn ngữ rất dễ sứt trán u đầu. Viết tiếng mẹ đẻ hay viết bằng ngoại ngữ? Đứng bên lề hay bước vào "chính mạch"? Tuy vậy, trong hành trình gian nan của người làm văn chương hình như còn có đâu đó một nơi chốn để nương náu, để đặt cho mình những câu hỏi, và rồi để băn khoăn ray rứt với những câu hỏi ấy. Người làm hội họa không có một chỗ nghỉ chân như thế.

Đứng trên bờ, nhìn trời nước mênh mông, người viết nói: Phải chi tôi có được con thuyền nhỏ, tôi ra sức tôi chèo... Người vẽ, hắn, đã đặt chân lên thuyền rồi, đã hì hục chèo đi rồi, và lúc đó mới biết rằng thì ra trước mặt chẳng thấy đất đai làng xóm đâu cả, chỉ có biển là ngút mắt, không bến không bờ...

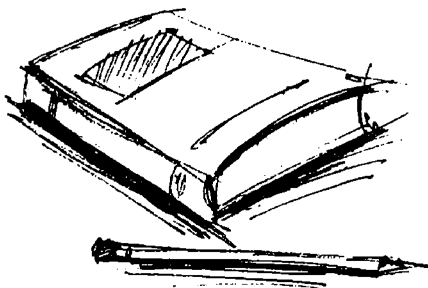
VÕ ĐÌNH

1998



KIM THI

Ngày... Tháng...



Ngày.... tháng...

20 giờ, một nhóm bạn trẻ đến chơi, mang theo chai cognac và ít thức nhắm. Thế là ly em ly anh,chai rượu vơi đi nhanh chóng, Kim Thi phải ra đầu đường khuân thêm thùng bia 24 lon. Có hơi men xúc tác, chuyện nổ dòn như pháo. Chuyện ông Clinton mặt nghiêm và buồn thú tội trước quốc dân đồng bào. "Đời tui, chỉ có ba người tui yêu quí nhứt, đó là dzợ tui, con tui và Chúa. Để bảo vệ những của quí đó, tui đã phải nói dối, rất mong được cảm thông". (Cảm thông, dĩ nhiên. Ngoại trừ những anh cả quỷnh cơm nhà quà vợ, có đấng mày râu nào không ít nhất một lần đi ngang về tắt? Đã đi ngang về tắt, có anh nào dám công khai nói thật?) Chuyện anh tỉ phú Bill Gates chỉ trong một ngày mất đứt trên 6 tỉ đô la vì thị trường chứng khoán lao đao bất ngờ.(Sáu tỉ đô la, tức sáu ngàn triệu! Hơn tuần nay cái hóa đơn điện thoại trị giá 80 đồng 72 cents của Kim Thi vẫn chưa chịu bò xuống thùng thư dưới chân cầu thang kèm tấm check thanh toán. Chả lẽ ký check không tiền bảo chứng?) Chuyện Miss Desember 1997 Karen McDougal vừa xuất hiện trên Playboy số July 1998 đẹp não nùng, đẹp mê tơi, đẹo chịu không thấu. (*Khoan khoan ngồi đó chớ ra / nàng là phận gái ta là phận trai.* Bác Đồ Chiểu ơi, liệu anh chàng Lục Vân Tiên của bác có đứng tim tắt thở không nếu lỡ nhìn thấy tòa thiên nhiên của nàng Karen Mc Dougal phơi tồng ngồng trên mặt báo?) Chuyện ngài triệu phú chết già để di chúc chia cho con chó yêu quí của ngài một triệu đô la, cộng ba trăm ngàn tiền

lương và tiền bồi dưỡng cho một chị người làm, đặc trách hầu hạ quí cẩu, cơm bưng nước rót chu đáo, đến bao giờ quí cẩu leo lên tàu suốt về nước Chúa. (Theo thống kê mới nhất, hơn một phần ba trẻ em trên thế giới suy dinh dưỡng. Nếu có phép lạ biến một đứa trong hàng tỉ thằng cu cái hĩm kia thành con chó của ngài triệu phú, chắc chắn chúng sẽ giành giựt, có khi đâm chém nhau, để được hưởng đặc ân làm... chó).

Càng uống, chuyện càng nổ. Đủ mọi chuyện, Đông Tây kim cổ, thượng thiên hạ địa.

Thế mà, lạ quá , chả có chuyện nào liên hệ gần xa với... văn chương.

Không nói chuyện văn chương. Sướng thật. Kim Thi từng được (bị) tham dự quá nhiều những buổi "hội luận" văn chương. Ngồi giữa các ông bà nhà văn, nhà báo, nhà thơ, nhà biên khảo, nhà lý luận, nhà phê bình, trong một bầu khí ăm ắp "tính văn học", chỉ có những thằng dở hơi mới dám nói năng vung mạng, cười cợt buông tuồng, và chỉ có những tên thất học mới dám coi thường những điều cao cả đại loại như chữ nghĩa, tư tưởng, sáng tạo. Khổ nỗi , nói năng vung mạng, cười cợt buông tuồng lại là bản chất của Kim Thi, thành ra, thường, trong những buổi "hội luận" kiểu này, Kim Thi phải cố gắng kiểm soát từng lời ăn tiếng nói, sao cho ý nhị, thông minh và "có chiều sâu", để đừng bị xếp vào thành phần dở hơi, thất học. Lực bất tùng tâm, sự cố gắng, xem ra ngoài khả năng của Kim Thi.

Qua bao lần tắm gội trong những bầu khí tinh lọc kia, Kim Thi lờ mờ hiểu rằng cái thế giới cao đẹp của chữ nghĩa ấy hình như không phải chốn rong chơi. và hình như mỗi người cầm bút đều vô hình trung mang trên vai một sứ mệnh cao cả nào đó (ví dụ, văn dĩ tải đạo, ví dụ, cái đẹp của văn chương sẽ cứu rỗi nhân loại!!!) Ôi chao, thảo nào mới đây, một nhà văn ghé thăm Kim Thi, trong lúc hàn huyên, Kim Thi vô tình phát biểu "quan điểm", rằng "nghĩ cho cùng, văn chương cũng chỉ là một trò chơi." Lập tức Kim Thi bị chất vấn: "Thế từ trước đến nay chú làm văn làn báo cốt chỉ để chơi thôi đấy à?" Kim Thi thật thà: "Vâng, chỉ để chơi thôi ạ." "Thế thì hỏng, chúng tôi cộng tác với chú, rút ruột moi tim khổ nhọc, hóa ra chỉ để giúp phương tiện cho chú chơi?" Đi đôi với câu nói, là nét mặt sa sầm của nhà văn. Nguy quá, chuyện trà dư tửu hậu dưng không trở thành nghiêm trọng. Kim Thi vội thanh minh thanh nga, rằng ý Kim Thi không như nhà văn nghĩ, rằng "nghề chơi cũng lắm công phu", có kẻ chơi bẩn, chơi dở, chơi lường, chơi chạy, chơi đá cá lăn dưa, chơi phàm phu tục tử, chơi ba que xỏ lá, chơi cả quỷnh bần tiện, nhưng cũng lắm người đẹp, chơi sang,

chơi phong lưu tài tử, chơi trượng phu nghĩa khí, chơi hào sảng thanh cao, chơi công phu hàm dưỡng... Vậy, Kim Thi dùng chữ "chơi văn chương" có lẽ cũng chả có chi quá đáng. Nhưng hình như những lời giải thích (có lẽ khá vụng về) của Kim Thi không làm vừa lòng nhà văn nọ. Ông ta nhất mực khẳng quyết rằng văn chương nghệ thuật phải được dùng như một loại vũ khí, để cải tạo con người, để làm đẹp xã hội, để vun bồi lẽ thiện, để khai trừ điều ác. Người làm văn chương nghệ thuật không bao giờ được xem nhẹ công việc của mình, nhất là không được xem văn chương ngang hàng với "nghề chơi", kiểu "vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề" mà chị Tú Bà nhờn nhợt màu da cất công dạy dỗ Kiều từ thuở bơ vơ mới về (lầu xanh). Tóm lại, làm văn chương là sứ mệnh cao cả, là nhiệm vụ thiêng liêng thượng đế đã sắp xếp cho người cầm bút, vân vân và vân vân... Đến thế này thì Kim Thi chỉ còn nước câm họng.

Từ hôm ấy, Kim Thi vốn đã rất sợ các buổi "hội luận" văn chương, lại càng thêm sợ.

Cho nên, lâu lâu được thù tạc với bọn "ngoại đạo" (chữ dùng của nhà văn Mai Thảo), Kim Thi có cảm tưởng như cá gặp nước, như rồng gặp mây, như anh Chí Phèo gặp chị Thị Nở. Sướng kể gì.

Ngày... Tháng...

Dù ngủ muộn, sáng nay Kim Thi vẫn thức sớm. Ngủ ít là bệnh của người già. Càng già càng ít ngủ. Đồng hồ trên tường chỉ 5 giờ 35. Chồm người nhìn qua cửa sổ, cảnh vật còn mù mờ. Hai tàng cây lớn dọc hai bên cổng dẫn vào hồ tắm đậm đặc bóng tối dưới tầng lá dày. Những ngọn đèn quanh hồ vẫn còn thắp sáng, phản chiếu lấp lánh trên mặt hồ phẳng, trong vắt. Từ trên cao, và xa, nhưng Kim Thi vẫn nhìn thấy rất rõ những viên sỏi nằm bất động dưới đáy hồ. Đó là những viên sỏi bọn trẻ con ban ngày ném xuống, đùa nghịch. Khu condo còn ngủ say trong yên bình. Sẽ còn khá lâu ngày mới thực sự đến. Sẽ còn khá lâu Kim Thi mới sẽ thấy vạt nắng vàng óng tràn qua hành lang, chiếm lĩnh một phần phòng khách. Sẽ còn khá lâu cây bonsai trên chiếc bàn thấp cạnh cửa kính mới được tắm đẫm thứ ánh nắng tinh khiết đầu ngày. “Chơi bonsai là dấu hiệu tự tố cáo sự già nua”. Đã có lần Kim Thi nói đùa với một người bạn như thế, lúc nhìn những chậu bonsai bày đầy trong phòng khách nhà bạn.

Đùa, nhưng không hẳn không đúng sự thật. Khi người ta trẻ, sức

sống cuồn cuộn, dũng mãnh, lúc nào cũng muốn vươn lên, phóng tới, vượt qua. Khi người ta trẻ, sức sống ấy không thể bị lèn ép, cắt tỉa, vặn vẹo trong một môi trường, một không gian nhỏ hẹp. Khi người trẻ, những dặm trường bao giờ cũng gần, những không gian bao giờ cũng chật. Khi người ta trẻ, ước mơ thường được ném về phía trước, xa hơn, cao hơn so với khả thể, nhưng nhờ thế, sẽ đẹp hơn, quyến rũ hơn, mời gọi hơn. Khi người ta trẻ, tuổi già còn thăm thẳm phía tương lai, thật khó lòng hình dung nó sẽ thế nào, tác động ra sao trên cân não, trí tuệ, cuộc sống một con người.

Sáng nay, nếu Kim Thi còn trẻ, hẳn sẽ tung chăn bật dậy, nhanh nhẹn lao xuống hồ nước trong vắt kia, mặc sức vẫy vùng. Điều ấy sẽ không thể nào thực hiện nổi, trong cái thời tiết tuy chưa lạnh lắm, nhưng đã gây gây, của những ngày chớm thu này, đối với một người vừa bước qua khỏi tuổi năm mươi. Đó là sự khác biệt rõ nhất, và cụ thể nhất Kim Thi vừa cảm nhận, từ chính bản thân.

Tuổi già, thật đáng ghét.

Tuổi già buộc Kim Thi phải đối diện với nhiều giới hạn không thể khắc phục.

Hôm qua Kim Thi nhận được thư của một người bạn từ trong nước gửi qua. Người bạn cũng nói đến tuổi già, và những tháng ngày rất hoang lạnh ông đang trải qua. Đó là những tháng ngày - theo ngôn ngữ của người bạn - rất tro. "Rất tro", chữ dùng thật gợi hình. Kim Thi liên tưởng ngay đến những bếp lò đã tắt rồi những ngọn lửa, không còn hừng hực những hòn than, mà chỉ là đống tàn tro lạnh lẽo, đơn điệu một màu xám buồn bã.

Màu xám của tro, màu xám Kim Thi vẫn thường dùng những năm gần đây, trên mặt tranh. Theo kinh nghiệm nhiều năm cầm cọ, Kim Thi hiểu được rằng, khi một họa sĩ có khuynh hướng dùng màu xám làm chủ sắc cho những bức tranh, là cách nào đó, tố cáo sự lười biếng của hắn, trong sáng tạo. Những ai từng cầm cọ, hẳn không lạ gì tính chất trung hòa của màu xám. Đó là một màu dễ sử dụng, dễ đẹp, sẽ gây cảm giác yên bình, và nhất là dễ kết hợp với một số màu khác, mà không sợ bức tranh bị "rợ", bị "chỏi". Sử dụng màu xám là đã khôn ngoan chọn lựa cho mình một lối đi dễ dãi, không gập ghềnh, không cheo leo, không hao tổn công sức tìm tòi. Chỉ có những người già, chỉ có những kẻ đã cạn kiệt sức sáng tạo mới phải dùng đến thứ kinh nghiệm gian dối kia để gắng gượng nuôi dưỡng nghiệp dĩ hắn đã hăm hở chọn lựa thời tuổi trẻ.

Hiểu như thế, bạch hóa điều đã hiểu, Kim Thi muốn lương thiện

với mình, với người. Trên nửa thế kỷ làm người, cuối cùng, Kim Thi thấy rõ mọi thứ rồi ra cũng bọt bèo, cát bụi. Ngoại trừ sự lương thiện. Không lương thiện, người ta không thể sống được với nhau, không lương thiện, mỗi người sẽ mãi mãi là một ốc đảo cô đơn.

Ngày... Tháng...

Vẫn quanh một bàn nhậu, nhân vụ tai tiếng tình dục của Clinton, có người hỏi, nếu phải chọn một trong các nhân vật liên quan đến scandal này để dựng thành tiểu thuyết, chúng ta sẽ chọn ai làm nhân vật chính? Người thì chọn Monica Lewinsky. Cô gái trẻ nhiều đam mê, con cừu non đáng thương giữa bầy lang sói là bọn cáo già đang "hành nghề chính trị". Có người chọn Clinton. Ông tổng thống hào hoa, đa tình và đa năng, cuối cùng cũng không thoát khỏi cái bẫy tình oan khiên người ta cố tình bày ra, bởi những mưu đồ trên chính trường. Có người chọn Kenneth Starr. Ngài "ngự sử" mẫn cán với nhiệm vụ đến không thể nào mẫn cán hơn được nữa. Sự mẫn cán ấy bắt nguồn từ khao khát muốn tiếp cận "chân lý", hay vì lý do nào khác? Riêng Kim Thi, không ngần ngại một giây, chọn ngay "mợ" Linda Tripp.

Kim Thi hình dung đến khuôn mặt rạng rỡ hài mãn, đến niềm khoái lạc cực cùng của "mợ", khi mở lén cái máy thu băng, thâu lại những lời tâm sự nóng bỏng của Lewinsky, về mối quan hệ giữa "nàng" và"chàng". Tất nhiên, khi bày tỏ tất lòng, cô bé ngây thơ (vô số tội) này tin rằng, Linda Tripp là một "bà chị" rất đỗi đáng yêu, một bằng hữu tâm giao chí cốt, một người xứng đáng cho ta trút bầu tâm sự.

Ôi chao, niềm tin mới trong trắng làm sao!

Khổ thay, chính niềm tin ấy đã đẩy cô bé vào chốn hang hùm nọc rắn.

Vì thế, dù cô bé là nguyên nhân của tội lỗi, người ta vẫn không kết tội cô nặng nề.

Chỉ có một điều làm Kim Thi hơi thất vọng. Đó là trí thông minh và óc nhận xét giới hạn của cô bé. Là một thư ký tập sự ở nhà trắng, hàng ngày tiếp xúc với những nhân vật gạo cội trong chính giới, lẽ ra cô bé đủ tinh nhạy để thấy chính trị là một trò chơi hết sức quỷ quyệt, tàn nhẫn và bẩn thỉu. Trong lĩnh vực ấy, sẽ không bao giờ tìm thấy lòng độ lượng, sự cảm thông. Tất cả mọi hành động, mọi cung cách xử kỷ tiếp vật đều được tính toán cẩn thận. Hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, "cứu cánh biện minh cho phương tiện" sẽ mãi mãi là kim chỉ nam, là thước đo của tài năng và sự thành công.

Cho nên, dù khinh bỉ cách hành sử đầy tính chất ưng khuyển của L. Tripp, Kim Thi cũng phải công nhận một điều: làm chính trị, nếu không bẩn và độc, ắt khó đạt được mục đích. Linda Tripp là điển hình tiêu biểu cho giới làm chính trị. Viết về Linda Tripp, khai thác sự phản trắc ẩn nấp dưới bộ mặt nhân nghĩa của "mợ", là cách nào đó, mô tả rõ nét cái trá nguy đê hèn của mọi thủ đoạn chính trị.

Tính chất trá nguy, đê hèn này phơi bày rất rõ qua báo cáo của ông Starr vừa được công bố hôm thứ 6 tuần qua. "Chị biết em sẽ ghét chị, nhưng nhân danh lòng thương của chị với em, chị muốn em thoát khỏi hoàn cảnh nguy khốn này. Em muốn bảo vệ ông ấy, chị hiểu. Nhưng còn em? Chắc chắn em sẽ bị vạ lây. Monica à, không riêng gì chị, bất cứ ai có chút quan tâm đến số phận của em, đều muốn em thoát khỏi vũng sình này". Những lời tỉ tê đại loại như trên đầy rẫy trong mấy cuốn tape thâu lén. Kinh nghiệm đầy mình cỡ... Thuý Kiều sau mười lăm năm giang hồ luân lạc, thuộc vach vách "vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề", cũng khó mà thoát khỏi cái thiên la địa võng "mợ" Tripp giăng ra, huống gì một "em bé" miệng còn hôi... sữa (xin hiểu chữ "sữa' trong nghĩa thật thà nhất, nghĩa là đừng liên hệ với điếu xì gà của ông Clinton)..

Nhân danh lòng tin, "mợ" L. Tripp chà đạp lên lòng tin. Nhân danh một kẻ muốn bảo vệ sự thật, "mợ" Tripp dùng sự gian dối để chứng minh sự thật.

Qua L. Tripp, chính trị lộ nguyên hình: người ta có thể nhân danh bất cứ tín đều luân lý, đạo đức nào để hành động, miễn đạt được mục đích. Theo lập luận của những người làm chính trị thì không có cái gọi là lòng tốt nhỏ. Cứu một người, không đành lòng đẩy một người vào chỗ thiệt thân, đó chỉ là lòng tốt nhỏ của hạng phàm phu. Giết nghìn người, thậm chí triệu người nhân danh hạnh phúc của tập thể lớn, đại loại như vận mệnh một dân tộc, đó mới là lòng tốt lớn của bậc chí nhân. Dựa trên lập luận này, nhân loại đã sản sinh ra những bạo chúa, những tên độc tài, những kẻ từng thản nhiên đẩy hàng triệu sinh linh vào lò hơi ngạt, hàng triệu sinh linh khác bị chặt đầu, bị đập vỡ sọ bằng cán cuốc, bị khảo tra man rợ trong các lò tra tấn mà lịch sử loài người đã minh chứng, qua mọi thời đại. Tần Thủy Hoàng, Hitler, Lénin, Stalin, Mao Trạch Đông, Pol Pot... Những "lãnh tụ anh minh" này không bao giờ nghĩ cảnh máu sông xương núi do họ tạo ra là bạo ngược, trái lại, cho đến chết, họ vẫn tin mọi hành động của họ đều bắt nguồn từ một thứ chân lý vĩnh hằng, đó làđộc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc họ.

Chính trị muôn đời là một trò chơi bất cận nhân tính nhất, nhưng lại được phủ che dưới một lớp áo nhân nghĩa nhất. Xét cho cùng, L. Tripp, Monica, kể cả Clinton, rồi ra cũng chỉ là những con cờ trên bàn cờ chính trị. Họ là đối thủ, và cũng chính là nạn nhân của nhau.

Ngày... Tháng...

Có lần trên nhật báo NV phát hành tại quận Cam, ký mục gia Bùi Bảo Trúc đã công khai xin lỗi ca sĩ Thanh Tuyền. Lý do: từ lúc còn trẻ đến nay, đã gần 60, ông vẫn luôn có thành kiến bất công với Thanh Tuyền, vì nghĩ rằng cô chỉ chuyên trị "nhạc sến". Cho đến một hôm, bất ngờ, ông bỏ lầm một đĩa CD vào máy (đĩa CD này do ai đó tặng, nhưng chưa bao giờ ông BBT nghe. Vì như đã nói, chỉ nhìn thấy hình và tên Thanh Tuyền ngoài bìa đĩa CD, ông đã bị dị ứng). Thế rồi, như một thiền sư "hoát nhiên đại ngộ", ông Bùi chợt nhận ra giọng ca cùng nội dung những bản nhạc do cô chọn hát nó không... sến chút nào. Không sến, nghĩa là hay, nghĩa là đã làm ông rung động.

Hơn nửa thế kỷ mang nặng một thành kiến , mãi đến khi tóc đã hoa râm, mới "giác ngộ", kể cũng quá muộn. Tuy nhiên, muộn còn hơn không.

Từ ông BBT, Kim Thi nhớ đến một người bạn khác, ông này hẳn không xa lạ gì với độc giả *Hợp Lưu.* Đó là luật sư Nguyễn Hữu Liêm (hiện nay ông đã thôi hành nghề luật sư, vì theo ông, muốn sống được bằng nghề này thì phải khôn lanh, giảo hoạt và... bất nhân một chút, NHL thiếu hẳn những "đức tính" ấy, thành ra bao nhiêu năm trong nghề, ông vẫn bị mang tiếng là chàng luật sư nghèo nhất nước, nghèo dưới mức nghèo của một anh công nhân hạng bét.) Bỏ nghề luật sư, NHL trở lại đại học, học... triết. Tốt nghiệp, ông được nhận làm giáo sư giảng dạy môn này tại chính nơi theo học). Khác với BBT, ông mê loại nhạc bị gọi là sến từ nhỏ, niềm say mê này không sút giảm theo thời gian. Bất cứ lúc nào, ở đâu, ông đều công khai tán dương "nhạc sến", và bằng chất giọng Quảng Trị rất... nhà quê của mình, ông sẵn sàng trình diễn "nhạc sến", nếu có ai muốn nghe. Theo NHL, ca sĩ thần tượng của ông là Chế Linh, người vẫn được mệnh danh "vua nhạc sến". Quả thế, đến chơi nhà vị cựu luật sư (kiêm tân giáo sư Triết), người ta sẽ được dịp thưởng thức giọng hát Chế Linh ở bất cứ xó góc nào, từ phòng ăn, phòng khách, đến garage, buồng vệ sinh... Mê "nhạc sến", công khai tán dương "nhạc sến", hát "nhạc sến" với tất cả sự say

đấm đến như NHL, có lẽ phải được xem là hiếm. Kim Thi nghĩ, nếu công khai bình bầu, thì NHL xứng đáng chiếm giải... vô địch.

Trong một thời gian dài, Kim Thi vẫn thường đem chuyện "chàng luật sư nhà quê mê nhạc sến" làm trò cười trong các bàn nhậu. Nhưng dần dần, nhiệt tình và lòng say mê thành thật của NHL đã "chinh phục" được Kim Thi, nói riêng, hầu hết bạn bè, nói chung.

Khá hơn họ Bùi, Kim Thi "đại ngộ" nhạc "sến" nhiều năm trước.

Từ rất lâu, người ta đã bất công với "nhạc sến", đã xem "nhạc sến" là một loại hình nghệ thuật... "hạ cấp", chỉ dành riêng cho giới "bình dân ít học". Có một chữ dùng miệt thị để chỉ loại nhạc này: "Nhạc máy nước". Ai từng sống ở các thành phố lớn của miền Nam VN vào các thập niên 50, 60, đều biết ở những khu lao động, hệ thống dẫn nước chưa được thiết kế đầy đủ cho từng căn hộ. Vì thế đã có những vòi nước công cộng. Nơi ấy là chỗ tụ tập của những "chị ở", những "con sen", những người gánh nước thuê... Nói gọn: đó là nơi qui tụ của bọn "kẻ ăn người làm", hạng cùng đinh trong thang bậc xã hội đô thị. "Nhạc máy nước", "văn chương máy nước", "lý luận máy nước"... Nói chung, cái gì bị chê, bị xem thường, bị coi khinh, đều bị xếp vào loại "máy nước".

Nhưng có bao giờ chúng ta tự hỏi tại sao loại nhạc bị xem là "máy nước",là "sến" này lại là món ăn tinh thần của tuyệt đại đa số quần chúng? Trước đây, miền Nam VN có trên nửa triệu quân nhân, ngoại trừ thiểu số "quan chức , không thích "nhạc sến" (hay ra điều không thích, để chứng tỏ ta đây có học!), còn thì hầu hết (có thể đến 90%) đều xem "nhạc sến" như chỗ dựa tinh thần, như ngọn lửa cháy đỏ giữ vững niềm tin và hy vọng, trước tương lai khét lẹt mùi thuốc súng và tanh nồng mùi tử khí. Thật vậy, ai từng sống trong quân ngũ đều biết, không một anh quân nhân "hạng bét" nào không mê "nhạc sến". Đó là ước mơ của họ, là thảm cỏ êm, là bóng mát, là chỗ ngã lưng ngơi nghỉ. "*Vùng hành quân, nắng cháy da người, buổi vui thiếu vui, nhưng vẫn thương mình, thương đời. Nhiều khi trong giấc ngủ mồ hôi kêu tên em, kêu chỉ một tên...*", "*Con biết xuân này mẹ chờ em trông, nhưng nếu còn về bạn bè thương mong, bao lớp trai hùng chào xuân chiến trường, không lẽ riêng mình êm ấm. Mẹ ơi, con xuân này vắng nhà...*". Ừ, thì cứ cho là"sến", là "máy nước", là "cải lương", là "rẻ tiền", là "ba xu", là hàng trăm cụm từ bỉ thử khác, nhưng chính nó, chính những cái bị coi khinh này chứ không phải những ám ảnh siêu hình, những băn khoăn bi đát, những khắc khoải hiện sinh... đã giúp vô số chàng lính mặt mày còn thơm mùi sữa hồ hởi phấn khởi cầm chặt báng súng. Ai tà đạo, ai

chính nghĩa, ai tay sai, ai vì quê hương dân tộc, vân vân và vân vân... Chuyện ấy thuộc về lịch sử, trắng đen hắc bạch rồi ra sẽ được công bình phê phán. Kim Thi không thích "tư duy" sâu xa, chỉ hiểu giản dị thế này: giả dụ trong trận ẩu đả, một anh luôn tìm mọi cách hạ đối thủ đo ván, một anh lúc nào cũng ngửa mặt lên trời "mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây", và ngoạc mồm gào kêu khản giọng cho nỗi "bơ vơ của thân phận con người", thì kết quả hẳn đứa trẻ lên năm cũng thừa sức thấy rõ.

Có lẽ chúng ta, trong đó dĩ nhiên có cả Kim Thi, cũng nên bắt chước ông Bùi Bảo Trúc, phải công khai xin lỗi "nhạc sến", nhạc "máy nước". Riêng Kim Thi, tối hôm qua, đã cụ thể lời xin lỗi bằng một hành động... vô tiền khoáng hậu: ra tiệm băng, khuân về hàng chục cuốn "nhạc sến", và nghe. Quả thật, đã hết biết.

Ngày... Tháng...

Gần một tháng nay, trên hầu hết các mặt báo và hệ thống truyền thanh truyền hình của người Việt Nam cả trong lẫn ngoài nước, tin thi sĩ Bùi Giáng từ trần được nhắc đến thường xuyên. Một bạn thơ từ trong nước, qua email, cho Kim Thi biết rất hiếm khi đám táng của một người làm thơ lại được công chúng quan tâm đến thế. Theo người bạn, rất nhiều người, gồm đủ mọi thành phần xã hội đã đến, đã đưa linh cữu người quá cố về nơi an nghĩ cuối cùng. Ngay trên tờ Nhân Dân, cơ quan ngôn luận chính thức của đảng CS Việt Nam, cũng đã đăng một bài viết của Ý Nhi (*Hợp Lưu* có đăng lại trong số báo này), tán dương thi sĩ họ Bùi.

Khi nhắc đến văn học Việt Nam trong vòng nửa thế kỷ qua, người ta không thể không nhắc đến Bùi Giáng. Ông là một hiện tượng lạ lùng và kỳ bí nhất của văn học miền Nam. Cuộc đời Bùi Giáng gắn liền với vô số những giai thoại thú vị, về con người, sức sáng tạo sung mãn, trí thông minh siêu tuyệt, sự quảng bác và tài ba rất mực, nhất là về những cơn điên "hí lộng ta bà" của ông. Có người cho rằng Bùi Giáng là một loại "trích tiên". Trần gian này đối với ông là chốn rong chơi, và chữ nghĩa, thơ ca là phương tiện giúp ông viên mãn cuộc rong chơi này. Trong văn học Việt Nam, Bùi Giáng có lẽ là người duy nhất xem thường chữ nghĩa, thơ ca, nhưng lạ lùng thay, chính ông cũng lại là người gắn chặt cuộc đời mình với chữ nghĩa, thơ ca một cách đắm

say đến không thể đắm say hơn được nữa.

Đã và sẽ có rất nhiều người viết về Bùi Giáng, nói đến Bùi Giáng, bây giờ và mai sau. Riêng Kim Thi, cảm thấy không thể và cũng không cần viết gì về ông nữa, ngoài một điều: Kim Thi ngưỡng mộ ông, Kim Thi mơ ước sống được một phần thật nhỏ cuộc đời kỳ diệu của ông.

KIM THI

CHIA BUỒN

Chúng tôi vừa nhận được tin buồn

bà NGUYỄN THỊ LAN

hiền nội của họa sĩ THÁI TUẤN

Đã từ trần tại Pháp
lúc 1 giờ trưa ngày 27 tháng 9 năm 1998, hưởng thọ 75 tuổi

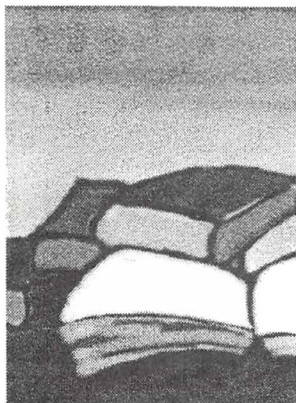


Ban biên tập HỢP LƯU
và văn nghệ sĩ khắp nơi
thành kính chia buồn cùng họa sĩ Thái Tuấn,
cầu mong hương hồn người quá cố sớm về miền vĩnh phúc.



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



VIỆT NAM, MỘT THẾ KỶ QUA, Hồi ký (phần I) của Nguyễn Tường Bách, hình bìa Nguyễn Tường Quý. Nhà xuất bản Thạch Ngữ (Không ghi địa chỉ). Giá 16MK.

Thuật lại cuộc đời tác giả qua hai giai đoạn: Hoạt động trong nước vả sống lưu vong từ 1946 đến nay.

VNMTKQ chia làm ba phần:

- Phần I, giai đoạn 1916-1946. Độc giả sẽ có được một bức tranh toàn diện về xã hội VN thời kỳ này, nói chung; về gia đình Nguyễn Tường, nói riêng; về những cao trào văn chương, cùng những nhân vật tài hoa trong văn giới VN giai đoạn 1925-1945. Đồng thời sẽ biết rõ hơn về những phong trào cách mạng dân tộc bồng bột với bao thanh niên hăng hái dấn thân không ngại khó khăn, nguy hiểm; về những đảng phái quốc gia trướcvà sau 1945; về sự xung đột giữa các phe phái quốc gia, cộng sản, kể cả chính trị hay võ trang, mà tác giả đã tham dự, đã giữ một vai trò quan trọng.

- Phần II, giai đoạn tác giả sống tại Trung Quốc, & - Phần III, tại Hoa Kỳ. sẽ được xuất bản ngày gần đây.

Nguyễn Tường Bách là con út trong gia đình 7 người: Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Thị Thế, Nguyễn Tường Lân - hay Linh (Thạch Lam), Nguyễn Tường Bách.

Ông làm thơ, viết văn, làm báo, làm nhà xuất bản. Tốt nghiệp y khoa bác sĩ năm 1944. Hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các đảng phái chống lại đảng CSVN. Sống lưu vong nhiều

năm ở Trung Quốc rồi Hoa Kỳ.

ĐẤT VÀ NGƯỜI VÀ THẦN THOẠI VIỆT NAM, thơ Hoàng Ngọc Biên, tranh bìa Hoàng Đăng Nhuận, Trình Bày xuất bản 1998. Không ghi giá bán và địa chỉ nhà xuất bản.

Như hầu hết mọi tác phẩm của nhà Trình Bày, *Thơ và Người và Thần Thoại Việt Nam* trang nhã về hình thức, chọn lọc ở nội dung. Không "gây nên sóng, không tạo ra bão" trong sinh hoạt chữ nghĩa, nhưng Hoàng Ngọc Biên đã đến với văn chương rất đều đặn, từ trong nước, trước và sau 1975, và sau năm 1993, tại Hoa Kỳ.

Thơ Hoàng Ngọc Biên trong thi tập này phong phú, trí tuệ. Bằng rung động của trái tim một thi sĩ, và bằng tư duy trầm lắng của một trí thức, Hoàng Ngọc Biên đưa thơ của ông vượt lên trên những vụn vặt dời thường, để tiếp cận với những miền xứ hoàn hão hơn, mang tên "cái đẹp". *"Tôi sẽ lội qua con sông này / dấu chân mẹ cha hãy còn để lại / con đường dài như sáng mùa đông / khi cánh cửa mở ra một trời trắng buốt / một sớm mai về với núi với sông / nghe tiếng anh em gọi mãi bên cầu."* Những câu thơ truyền cảm như thế đầy rẫy trong thi tập *Đất và Người và Thần Thoại Việt Nam.*

Thi ca hải ngoại và cả trong nước nhiều nay nay, về lượng, nhiều đến bão hòa, nhưng về phẩm thì hầu như rất ít. *Đất và Người và Thần Thoại Việt Nam* nằm trong số những thi phẩm "rất ít" đó.

VIỆT NAM, DÂN TỘC BỊ ĐỌA ĐÀY, tác giả Lý Đại Nguyên, bìa Khánh Trường , Văn Nghệ xuất bản. Giá 18MK, ngoài Mỹ thêm 3MK.

Sách chia làm 5 phần: Khởi đề, Chính đề, Hợp đề, Kết đề và Phụ đề.

Những nhận định và lý giải chính trị của cựu chủ nhiệm nhật báo Tin Sáng (1963-1964), cựu chủ bút nhật báo Dân Chủ (1968), và cựu chủ bút nhật báo Sóng Thần (1972).

ĐƯỜNG MÂY TRONG CÕI MỘNG , Đại Sư Hám Sơn (Thích Hằng Đạt và Nguyên Phong phóng tác). Bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 12MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Trong sinh hoạt xã hội ngày nay, nhất là tại các nước phương Tây, con người bị cuốn vào vòng quay vật chất, với những tranh chấp, để mưa sinh, để tồn tại, đã dần dần làm con người tha hóa, vong thân, bơ vơ mất định hướng. Sách đạo học vì thế trở nên rất cần thiết, nó giúp con người tìm thấy sự an lạc trong những hoạt động tâm linh.

YELLOW LIGHT, thơ Lê Thị Thấm Vân, Hình bìa Thái Bùi: *"Profile witt hat", Concrete & Painted Steel.* Trình bày Lê Quang Tuấn. Anh Thư xuất bản. Giá 8MK, Liên lạc: Lê Quang Tuấn, P.O.Box 360923. Milpitas, CA 95035. USA

Yellow Light gồm trên 30 bài thơ, một số đã được đăng tải trên các tạp chí văn chương hải ngoại.

Thơ Lê Thị Thấm Vân nhiều xúc cảm, chân thật, đôi lúc những ray rức của chị làm người đọc quặn lòng. Khác với số đông những làm thơ thuộc phái nữ, Thấm Vân ít đề cập đến tình yêu trai gái, những nhớ nhung, buồn thương sướt mướt. Trên hầu hết những trang chữ làm nên thi phẩm này, người đọc bắt gặp rất nhiều ray rức liên quan đến quê hương, đồng loại, những quẩn quanh tù đọng của kiếp người.

Yellow Light là tác phẩn thứ 4 của tác giả sau *Đôi Bờ* (tập truyện, *Mùa Trăng* (truyện dài) và *Việt Nam Ngày Tôi Trở Về* (tiểu luận).

VIỆT NAM, ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA TOÀN THƯ (1954-1967), Nguyễn Mạnh Quang, tác giả tự xuất bản.Giá 22MK. Ngoài Mỹ thêm cước phí hàng không.. Liên lạc: Phuc Nguyen, P.O.Box 7434, Tacoma, WA 98407.

Theo tác giả trong lời nói đầu, thì tập sách (dày hơn 500 trang) này là phần mở đầu của bộ sách khoảng chừng 6 tập sẽ lần lượt ra mắt độc giả ngày gần đây.

Nội dung tập mở đầu chúng tôi đang có trong tay được chia làm bốn phần, có tính cách tổng quan, 1) Công việc và trách nhiệm của người viết sử; 2) Những đức tính cần phải có của nhà viết sử chân chính; 3)Những khổ nạn của những người viết văn chân chính cương quyết nói lên sự thật; 4) Một nguồn gốc gây ra khổ nạn cho những người cầm bút muốn nói lên sự thật.

Cuốn sách có lẽ sẽ tạo ra nhiều phản ứng từ những tổ chức hay cá nhân muốn phục hồi chỗ đứng cho Ngô Đình Diệm - tổng thống nền Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam (1954-1963) và gia đình của ông ta", bởi những phê phán và tư liệu chứng minh cho phê phán ấy. Chưa đầy nửa thế kỷ từ khi nền đệ nhất cộng hòa miền Nam VN cáo chung, nhiều sách vở của người Việt nói riêng, thế giới nói chung, đã đề cập đến chế độ ấy, dưới nhiều nhãn quan khác nhau. Cuốn sách cũng nên được xem là một tư liệu cần thiết, góp phần soi sáng một giai đoạn lịch sử nhiều biến động.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



Với văn hữu và bạn đọc



Ông Hoàng Đình Kh. (Sàigòn): Chúng tôi dự định sẽ đưa HL lên Internet kể từ số này.

Thật ra HL đã hiện diện trên "lưới" từ rất lâu (qua công ty Ký Con), nhưng do neo người, và do sức khỏe của người chủ biên không được tốt lắm trong một thời gian dài, HL đã phải tạm ngưng phổ biến. Nay, do yêu cầu của nhiều độc giả tại nội địa nói riêng, và trên khắp thế giới nói chung, HL sẽ cố gắng "tái xuất". Chúng tôi hiểu rằng đối với độc giả trong nước, mua một tờ báo với giá 8 đô la là điều quá khó khăn. Vả, nếu có đủ phương tiện tài chánh để mua, cũng không thể nào nhận được báo chính thức qua đường bưu điện. Thành ra muốn đọc báo hải ngoại, chả còn cách nào khác hơn là đọc trên internet (nếu may mắn có được máy điện toán cá nhân). Xin ông chờ thêm một thời gian ngắn nữa, sau khi hoàn chỉnh phần kỹ thuật, HL sẽ đến với ông đều đặn hàng kỳ. Thân kính.

Ông **Nguyễn Trung D.** (Cali): Cảm ơn những lời khích lệ. Chúng tôi sẽ cố gắng duy trì phẩm chất của tờ báo, như mong muốn của ông, và tất nhiên, của chúng tôi, dù ông thừa hiểu, để làm được như thế, không phải chuyện dễ dàng trong tình hình sinh hoạt chữ nghĩa hiện nay. Người viết ít, càng ngày càng ít đi, người đọc cũng giảm dần (do tuổi tác, do sinh kế, do mối quan hệ mỗi ngày thêm thuận tiện hơn với nội địa). Thêm một trở ngại lớn nữa: động giả của những loạt bài nặng tính chất nghiên cứu, học thuật không nhiều, nếu báo in ra chỉ nhằm phục vụ cho giới độc giả chọn lọc này thì lấy gì để tiếp tục tồn tại? Đã có nhiều độc giả phàn nàn HL những số gần đây quá nặng tính chất nghiên cứu, đọc, nhức đầu. Một vài độc giả phản ứng quyết liệt hơn:

thôi đọc HL., chuyển sang mua dài hạn những tờ tạp chí - theo họ - nhẹ nhàng hơn, chỉ chủ trương đăng toàn thơ, truyện. Thành thật trình bày với ông về thực trạng của tờ báo, cũng là cách gián tiếp thưa với ông là chúng tôi đã phải cân nhắc rất nhiều khi chọn lựa biên tập nội dung mỗi số báo. Sưu tập một số truyện thơ, đủ để làm đầy một số báo, là chuyện dễ làm. Chọn cho mỗi mỗi số báo một chủ đề, tìm kiếm và mời những cây bút uy tín viết về các chủ đề ấy, là chuyện khó làm. Chọn cái khó, chối từ cái dễ (dù biết, chọn cái dễ sẽ có thêm một lợi điểm là nâng cao được sĩ số độc giả) hẳn hiên chúng tôi đã tự đặt mình vào thế hy sinh, bởi hiểu rằng trọng tâm của một tờ báo thường nằm ở phần biên khảo, nghiên cứu. Mười năm qua chúng tôi vẫn trung thành với chủ trương nêu ra từ đầu: Hợp Lưu là tờ tạp chí chuyên đề về VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO, chúng tôi tự hứa sẽ còn tiếp tiếp tục trung thành mãi mãi với chủ trương này, bao giờ chúng tôi còn đủ sức chịu đựng. Rất mong ông tích cực ủng hộ HL và giới thiệu thêm cho chúng tôi nhiều độc giả khác. Thân kính.

Ông **Lê Văn B.** (Anh): Bài viết của ông, theo chúng tôi nghĩ, sẽ hợp hơn với các tờ báo khác như Thế Kỷ 21 (Hoa Kỳ), Dân Chủ & Phát Triển (Đức). Diễn Đàn (Pháp). Kính.

Bà **Hoàng H.** (Thái Lan): Rất khó khăn, thưa bà. Để tranh tình trạng báo đến chậm và hay thất lạc (gây bực mình cũng như thiệt hại cho cả bà và chúng tôi), rất mong bà đặt mua báo dài hạn theo đường hàng không. Kính.

Ông **Lê Th.** (Cali): Ngoài ông ra, chúng tôi cũng đã nhận được không ít phàn nàn từ nhiều độc giả khác về những sơ xuất kỹ thuật trong số báo vừa rồi. Nhân đây, chúng tôi xin trân trọng xin lỗi tất cả. Chúng tôi vừa chuyển HL đến một cơ sở ấn loát mới, hy vọng từ nay phần kỹ thuật sẽ khá hơn. Thân kính.

Chị **Thùy Tr.** (Vancourver, Canada): Cách đây hai tháng chúng tôi có đến nơi cư ngụ của chị, nhân buổi ra mắt sách của nhà thơ DTL. Rất tiếc đã không đủ thì giờ đến thăm chị. Xin hẹn dịp khác vậy. Số sách chị nhờ tìm đã tìm thấy đủ, sẽ gửi đến chị cùng với số báo này. Kính mến.

HỢP LƯU

CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp báo tin

Người thơ TRỊNH Y THƯ

& nàng thơ LÊ THIỆN QUỲNH ANH

sẽ se tơ kết tóc bắt đầu từ 11 giờ sáng
thứ Sáu ngày 27 tháng 11 năm 1998
(tức ngày 9 tháng 10 năm Mậu Dần)
tại thánh đường St. Columban
thành phố Garden Grove, California, USA

Toàn ban biên tập HỢP LƯU và văn nghệ sĩ khắp nơi thân mến chúc tân lang, tân giai nhân mãi mãi hạnh phúc

CHIA VUI

Nhà văn NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC vừa gửi hồng thiệp báo tin trưởng nữ là

cháu LÊ THÁI TÂN

sẽ nên duyên vợ chồng với

cháu THOMAS NGUYỄN XUÂN VINH

thứ nam của ông bà NGUYỄN XUÂN ĐÀI.

Hôn lễ sẽ cử hành lúc 2 giờ trưa thứ 7 ngày 28 tháng 11 năm 1998
(nhằm ngày 10 tháng 10 năm Mậu Dầu)
tại thánh đường A. Alexandria, Virginia, USA.

Ban biên tập HỢP LƯU và văn nghệ sĩ khắp nơi
chúc hai cháu TÂN -VINH hạnh phúc mãi mãi



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.



TÂN THƯ

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

Hân hạnh giới thiệu

PHAN NHIÊN HẠO

Thiên Đường Chuông Giấy

Thơ

TÂN THƯ

Giá 15 MK

Liên lạc trực tiếp với tác giả
13512 Jackson St
Westminster, CA 92683. USA
Email: homeruc@aol.com

44 Giá 8MK